

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023; Luật sửa đổi Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 26/6/2024;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; số 258/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; số 261/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2045; số 996/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030; số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 phê duyệt đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”; số 1569/QĐ-TTg ngày 12/12/2024 phê duyệt Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 của Chính phủ về giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 05/2024/TT-BXD ngày 31/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật nhà ở; số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 17/10/2025 của Đảng bộ Thành phố và Chương trình hành động của Thành ủy thực hiện Nghị quyết;

Căn cứ các Nghị quyết, Chương trình hành động, Thông báo chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố về phát triển kinh tế - xã hội và đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 524/NQ-HĐND ngày 27/01/2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông báo số 423-TB/ĐU ngày 06/3/2026 của Đảng ủy UBND Thành phố về Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND Thành phố về chủ trương thông qua và ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: số 3627/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030; số 6809/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Hà Nội đến năm 2035; số 728/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 102/TTr-SXD ngày 14/02/2026, Văn bản số 4750/SXD-PTĐT ngày 07/3/2026 và số 4868/SXD-PTĐT ngày 09/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và 08 Phụ lục.

Điều 2. Đối với trường hợp các dự án chưa triển khai hoặc đang thực hiện dở dang, chậm triển khai so với tiến độ được cấp có thẩm quyền chấp thuận, phê duyệt mà chưa có trong danh mục các dự án kèm theo Kế hoạch này: Giao Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động rà soát cùng Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các Sở, ngành Thành phố, UBND các xã, phường tham mưu đề xuất báo cáo UBND Thành phố định kỳ (3 tháng/lần), trong đó chuẩn xác thông tin các dự án, xác định rõ các dự án thuộc trường hợp được tiếp tục triển khai hoặc không đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện dự án (không gia hạn tiến độ thực hiện dự án, không gia hạn thời gian sử dụng đất/ thuê đất, dự án thuộc diện chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư, hoặc trường hợp dự án thuộc diện thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai); đồng thời gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định cập nhật hoặc đưa ra khỏi danh mục dự án đính kèm Kế hoạch theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *luc*

Nơi nhận: *tc*

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND Thành phố; (để b/cáo)
- Chủ tịch UBND Thành phố; (để b/cáo)
- Các PCT UBND Thành phố;
- Bộ Xây dựng;
- Liên đoàn Lao động, Thống kê Thành phố;
- Các Sở: XD, QHKT, TC, NNMT, NV, GD&ĐT;
- CAHN; Thuế TPHN; Ngân hàng CSXH TP;
- BQL các khu CNC và KCN TPHN,
- Quỹ ĐTPT Thành phố;
- Trung tâm PVHCC Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUBTP; CVP, PCVP_(VTA); TH, ĐT, NNMT;
- Lưu: VT. *h*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *h*
PHÓ CHỦ TỊCH *h*



Dương Đức Tuấn

KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND Thành phố Hà Nội)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

Tại điểm b khoản 1 điều 29 Luật Nhà ở 2023 quy định việc xây dựng, phê duyệt chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở, quy định cụ thể: "Trên cơ sở chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh".

Tại điểm a khoản 1 điều 11 Nghị định 95/2024/NĐ-CP quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh, có quy định cụ thể: "Đối với việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm tiếp theo của kỳ chương trình phát triển nhà ở thì cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải lập đề xuất gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 của năm cuối kỳ kế hoạch trước đó;" và điểm g khoản 1 điều 11 Nghị định 95/2024/NĐ-CP quy định "Trước ngày 31 tháng 12 của năm cuối kỳ kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở cho kỳ tiếp theo".

Hiện nay, pháp luật về nhà ở (Luật Nhà ở 2023, Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở) đã quy định cụ thể về nội dung Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở. Trên cơ sở Chương trình phát triển đô thị thành phố Hà Nội giai đoạn đến năm 2035 đã được phê duyệt; chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được xác định 11% từ năm 2026; Thủ tướng Chính phủ giao bổ sung chỉ tiêu nhà ở xã hội; Quy hoạch Tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm đang được nghiên cứu, Ủy ban nhân dân Thành phố đã thực hiện các thủ tục trình Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua chủ trương điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở Thành phố theo quy trình, quy định tại Nghị quyết số 524/NQ-HĐND ngày 27/01/2026; UBND Thành phố đã phê duyệt tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 theo thẩm quyền, đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 27, 28, 29 Luật Nhà ở 2023.

Căn cứ quy định pháp luật về nhà ở như đã nêu trên, việc ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố giai đoạn 2026 – 2030 nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp phát triển nhà ở trong Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt điều chỉnh và quản lý danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trong giai đoạn 2026-2030 là cần thiết, phù hợp quy định.

II. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 03/10/2022; Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 23/02/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, đến hết năm 2025, công tác phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố đã đạt được một số kết quả như sau:

1.1. Về diện tích nhà ở bình quân đầu người

Đến năm 2025, diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn thành phố là 29,55 m²/người, đạt 100% mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2025 và đạt 61% mục tiêu đề ra trong giai đoạn 2021-2030¹.

1.2. Về chất lượng nhà ở

Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đến năm 2025 của toàn thành phố đạt 99,9% đạt mục tiêu đề ra đến năm 2025 và xấp xỉ đạt mục tiêu 100% năm 2030.

1.3. Về diện tích nhà ở

- Tổng diện tích hoàn thành của các loại nhà ở hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 là 37,2 triệu m² sàn, đạt 84,55% so với mục tiêu tăng thêm trong giai đoạn 2021-2025 là 44,0 triệu m² sàn. Trong đó:

+ Nhà ở thương mại hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 12 triệu m² sàn, đạt 61% so với mục tiêu của giai đoạn 2021-2025 là 19,73 triệu m² sàn.

+ Nhà ở xã hội hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 1,472 triệu m² sàn, đạt 121% so với mục tiêu của giai đoạn 2021-2025 là 1,215 triệu m² sàn.

+ Nhà ở tái định cư hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 225.000 m² sàn, đạt 40,6% so với mục tiêu của giai đoạn 2021-2025 là 555.000 m² sàn.

+ Nhà ở riêng lẻ hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 23,5 triệu m² sàn, đạt 104,4% so với mục tiêu của giai đoạn 2021-2025 là 22,5 triệu m² sàn.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nêu trên được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1.1. Tổng hợp kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển nhà ở của thành phố so với kế hoạch phát triển nhà ở kỳ 2021-2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định 1186/QĐ-UBND ngày 23/02/2023)	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025	Tỷ lệ hoàn thành
I	Diện tích nhà ở bình quân	m ² /người	29,5	29,55	Đạt
1	Khu vực đô thị	m ² /người	31,0	29,3	Chưa đạt

¹ Diện tích nhà ở bình quân đầu người của thành phố: Hiện trạng năm 2025 là 29,55 m²/người, tăng 2,3 m²/người so với năm 2020 là 27,25 m²/người. Mục tiêu đến năm 2030 tối thiểu 35 m²/người, tăng 7,75 m²/người so với năm 2020. Như vậy, tỷ lệ diện tích nhà ở bình quân tăng thêm của giai đoạn 2021-2025 bằng $2,3/7,75 = 29,7\%$ so với mục tiêu của giai đoạn 2021-2030.

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025 (Theo Quyết định 1186/QĐ-UBND ngày 23/02/2023)	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025	Tỷ lệ hoàn thành
2	Khu vực nông thôn	m ² /người	28,0	29,8	Đạt
II	Chất lượng nhà ở	%	Tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 90%	Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 99,9%	Đạt
III	Phát triển các loại nhà ở	triệu m ²	44,00	37,20	84,55%
1	Nhà ở thương mại	triệu m ²	19,73	12,00	60,82%
2	Nhà ở xã hội	triệu m ²	1,215	1,472	121,19%
3	Nhà ở tái định cư	triệu m ²	0,555	0,225	40,62%
4	Nhà ở riêng lẻ	triệu m ²	22,5	23,5	104,44%

2. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia, Luật Nhà ở 2014, Thành phố đã ban hành Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 03/10/2022; ban hành Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 23/02/2023. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp thành phố lãnh đạo, chỉ đạo và định hướng công tác phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố đạt 29,55 m²/người, giai đoạn 2015-2025 tăng khoảng 0,46m²/người/năm; chất lượng nhà ở được nâng lên 99,9% là kiên cố và bán kiên cố, tỷ lệ nhà ở đơn sơ không đáng kể. Công tác phát triển nhà ở xã hội đã được thúc đẩy mạnh mẽ thông qua cơ chế của Nghị quyết số 201/205/QH15 của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ số 195/2025/NĐ-CP, số 261/2025/NĐ-CP, chỉ tiêu đạt được vượt 121% so với mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, diện tích sàn nhà ở do người dân tự xây dựng đạt và vượt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác phát triển nhà ở, đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở theo quy hoạch cơ bản đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã gắn với phát triển đô thị, chỉnh trang đô thị; các công trình nhà ở cơ bản theo hướng hiện đại, đảm bảo không gian xanh, thân thiện với môi trường, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng; ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý sau đầu tư.

- Về phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị: Công tác phát triển nhà ở, đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu nhà ở theo quy hoạch cơ bản đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đã gắn với phát triển đô thị, chỉnh trang đô thị; các công trình nhà ở cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế theo hướng hiện đại, đảm bảo không gian xanh, thân thiện với môi trường, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm năng lượng; ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý sau đầu tư.

- Về phát triển nhà ở xã hội: Nhà ở xã hội có sự phát triển mạnh trong giai đoạn 2021-2025, đặc biệt trong thời gian từ năm 2024-2025 khi triển khai chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và đề án "Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030" của Chính phủ. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao và cơ chế chính sách thí điểm về phát triển nhà ở xã hội đã được ban hành, Thành phố đã tập trung, chú trọng đẩy mạnh công tác phát triển nhà ở xã hội trong giai đoạn 2021-2025.

- Về phát triển nhà ở riêng lẻ: Nhà ở riêng lẻ khu vực đô thị được xây dựng, quản lý theo quy hoạch và giấy phép xây dựng đã góp phần vào cải thiện không gian kiến trúc cảnh quan và diện mạo đô thị. Chất lượng nhà ở riêng lẻ ngày càng được nâng cao với thiết kế và công nghệ phát triển; việc phát triển nhà ở tại các khu vực làng nghề truyền thống kết hợp hài hòa giữa nhà ở dân gian và nhà ở dịch vụ du lịch, góp phần không nhỏ phát triển du lịch và kinh tế địa phương.

- Về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ:

Nhằm xây dựng cơ chế chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn Thành phố, ngày 28/6/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Thủ đô 2024. Trên cơ sở quy định trên, để triển khai thi hành Điều 20 Luật Thủ đô 2024, ngày 27/11/2025, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND quy định chi tiết một số nội dung thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị. Chính sách được xây dựng nhằm đặt người dân là trung tâm của quá trình cải tạo, chỉnh trang đô thị; đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người có đất, nhà bị thu hồi; đồng thời hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và người dân.

Bên cạnh đó, UBND Thành phố đã chỉ đạo tổ chức rà soát, cập nhật, chuẩn hóa danh mục nhà chung cư cũ để tổ chức đánh giá, kiểm định chất lượng công trình làm cơ sở xác định các nhà chung cư cũ nguy hiểm và thực hiện di dời các hộ dân ra khỏi nhà nguy hiểm. Theo Đề án cải tạo xây dựng lại chung cư cũ của Thành phố và các Kế hoạch triển khai Đề án, trên địa bàn thành phố có khoảng 11 dự án đang triển khai. Đến nay, có 03 dự án đã hoàn thành (3A Quang Trung, 93 Láng Hạ, X1-26 Liễu Giai); 02 dự án đang thi công xây dựng (Tập thể Dịch vụ vận tải Đường Sắt, số 1 phố Định Công; Tập thể 22 Liễu Giai); 01 dự án dự kiến khởi công trong Quý I/2026 (51 Huỳnh Thúc Kháng); 11 khu chung cư đã được Thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đang tổ chức lập/thẩm định/trình phê duyệt Đồ án quy hoạch.

- Về phát triển nhà ở tái định cư: Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025, UBND Thành phố đã xác định các giải pháp và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng Sở ngành, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai, hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng tạo lập quỹ nhà tái định cư, như: thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư để đôn đốc các chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn khác hoàn thành dự án, tham mưu bố trí vốn ngân sách cho các dự án đầu tư công,...

- Về phát triển khu đô thị thông minh, công trình nhà ở xanh bền vững:

Phát triển khu đô thị thông minh, công trình nhà ở xanh bền vững là xu thế tất yếu, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực của đô thị hóa, nâng cao hiệu quả sử

dụng năng lượng, tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính và cải thiện chất lượng môi trường sống đô thị.

Giai đoạn 2021–2025, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ngành triển khai thí điểm 2–3 khu đô thị thông minh trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, tại thời điểm này, hệ thống pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chí khu đô thị thông minh, tiêu chí công trình xanh; đồng thời chưa có cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích, thu hút nhà đầu tư tham gia.

Năm 2024, Bộ Xây dựng ban hành Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững (phiên bản 1.0) áp dụng cho cấp đô thị tại Văn bản số 6862/BXD-PTĐT ngày 12/12/2024, làm cơ sở triển khai phát triển đô thị thông minh ở quy mô cấp thành phố. Tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thông minh riêng lẻ, dẫn đến việc triển khai thí điểm 2-3 khu đô thị thông minh thời điểm này gặp nhiều khó khăn vướng mắc.

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, phát triển đô thị thông minh là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng dịch vụ công và chất lượng sống của người dân; đồng thời là quá trình đổi mới toàn diện từ quy hoạch, đầu tư, xây dựng đến quản trị và vận hành đô thị.

Ngày 14/10/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 269/2025/NĐ-CP về phát triển đô thị thông minh. Bộ Xây dựng đã có Văn bản số 12350/BXD KHCNMT&VLXD ngày 28/10/2025 hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn trong các hoạt động xây dựng đối với đô thị thông minh; Đồng thời đang hoàn thiện Thông tư hướng dẫn, trong đó xác định hệ thống tiêu chí khu đô thị thông minh, tòa nhà thông minh theo 04 trụ cột với 29 tiêu chí. Thành phố Hà Nội cũng đã giao Công an Thành phố chủ trì xây dựng Đề án phát triển đô thị thông minh Thành phố Hà Nội, làm cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai trong thời gian tới.

- Thành phố đã tham gia góp ý, kiến nghị trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực phát triển nhà ở như Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Thủ đô... Đặc biệt là việc triển khai thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất (theo Nghị quyết số 171/2024/QH15 của Quốc hội) và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội (theo Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội), thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô (theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 của Quốc hội).

- Triển khai nhiều Kế hoạch rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh công tác đầu tư xây dựng các dự án có sử dụng đất, trong đó có các dự án nhà ở, qua đó tháo gỡ khó khăn vướng mắc, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư,... tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm và tuân thủ pháp luật của các chủ đầu tư khi triển khai dự án.

3. Tồn tại, vướng mắc

- Công tác phát triển nhà ở chưa thực sự gắn phát triển xanh, bền vững, quản lý, bảo trì, sửa chữa; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ đã đạt chỉ tiêu từ 01-02 dự án hoàn thành nhưng chưa đạt tiến độ về công tác quy hoạch chi tiết, kiểm định nhà

chung cư; phát triển nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp chưa nhiều do công nhân, người lao động chủ yếu là người địa phương; đầu tư xây dựng, sử dụng quỹ nhà ở tái định cư chưa thực sự hiệu quả, chất lượng xây dựng chưa đạt yêu cầu; quản lý đầu tư và sau đầu tư ở một số khu đô thị mới, khu nhà ở còn bất cập, nhất là việc quản lý sử dụng nhà chung cư.

- Số lượng dự án nhà ở thương mại đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhiều nhưng số lượng dự án hoàn thành thấp, nhiều dự án chậm tiến độ, dẫn đến chưa đáp ứng chỉ tiêu chương trình phát triển nhà ở trong giai đoạn 2021-2025. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự thay đổi quy định về lựa chọn chủ đầu tư sang đấu thầu, đấu giá; vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng dự án; đồng thời, dịch bệnh Covid-19 trong các năm 2020-2022 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ triển khai các dự án xây dựng nhà ở.

- Về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư:

+ Giai đoạn 2021-2025, theo Đề án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trên địa bàn Thành phố có khoảng 1.579 nhà chung cư, hiện nay qua tổng hợp báo cáo của UBND các xã, phường là 2.160 nhà chung cư cũ; trong đó có 11 dự án đang triển khai, đã hoàn thành 03 dự án (pháp luật về nhà ở chỉ quy định bắt buộc phải thực hiện cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ thuộc trường hợp phải phá dỡ trên cơ sở kết quả kiểm định, đánh giá chất lượng nhà chung cư, thực tế số lượng nhà chung cư cũ này chiếm tỷ lệ rất ít; các chung cư cũ còn lại không bắt buộc phải cải tạo, xây dựng lại nếu không đảm bảo tỷ lệ đồng ý 100% các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư, trừ trường hợp nhà chung cư xuống cấp nằm trong khu chung cư có nhà thuộc trường hợp phải phá dỡ). Mặc dù Thành phố, Ban Chỉ đạo cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ của Thành phố đã rất quyết liệt đẩy nhanh tiến độ, tổ chức nhiều cuộc họp và có nhiều Thông báo chỉ đạo, giao nhiệm vụ, tiến độ chi tiết, tuy nhiên công tác triển khai cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ còn chậm, chưa đạt mục tiêu đã đề ra, do bất cập về cơ chế chính sách trong công tác quy hoạch, kiểm định, cơ chế lựa chọn chủ đầu tư, quy trình thực hiện dự án.

+ Ngày 11/12/2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 258/2025/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện các dự án lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô, trong đó giải quyết vướng mắc các dự án xây dựng lại nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định của pháp luật về nhà ở, theo đó rút ngắn thời gian lựa chọn chủ đầu tư, thời gian kiểm định (khi cho phép kiểm định đại diện nhà chung cư trong khu), tăng hiệu quả của Đồ án quy hoạch (khi giao Chủ đầu tư lập quy hoạch)... Đồng thời, hiện nay UBND Thành phố đã chuyển nhiệm vụ ban hành kết luận kiểm định chất lượng nhà chung cư theo quy định tại khoản 3 Điều 61 Luật Nhà ở 2023 cho UBND các xã, phường nhằm giảm khâu trung gian, tăng sự chủ động của UBND cấp xã để đẩy nhanh tiến độ công tác kiểm định.

- Về phát triển nhà ở tái định cư:

+ Việc tổ chức triển khai thi công hoàn thành các dự án nhà tái định cư là rất chậm và kéo dài (đặc biệt các dự án sử dụng vốn ngân sách); việc bố trí vốn ngân sách để quản lý, vận hành, bảo trì kém hiệu quả; việc sửa chữa các khu tái định cư hư hỏng, xuống cấp (do quá trình sử dụng phục vụ thu dung Covid-19; chậm hoàn

thành, đưa vào sử dụng) không được bố trí vốn kịp thời, chậm hoàn thành dẫn đến khó khăn trong việc tiếp nhận, bàn giao đưa vào sử dụng;

+ UBND Thành phố ban hành cơ chế cho phép người dân được lựa chọn nhận nhà ở tái định cư hoặc nhận hỗ trợ bằng tiền để tự lo tái định cư, ban đầu nhu cầu đề xuất bố trí quỹ nhà ở tái định cư cao nhưng thực tế sử dụng thấp, các hộ dân không mua nhà tái định cư mà nhận tiền tự lo chỗ ở (nguyên nhân: giá bán nhà cao, vị trí ở xa so với vị trí giải phóng mặt bằng ảnh hưởng cuộc sống sinh hoạt của người dân...) dẫn đến Thành phố bị động trong việc xây dựng, chuẩn bị quỹ nhà tái định cư.

+ Các dự án thực hiện theo thí điểm cơ chế đặt hàng mua nhà ở thương mại phục vụ tái định cư gặp các vướng mắc như chưa được bố trí vốn, thẩm định, phê duyệt Phương án để mua lại quỹ nhà tại các dự án đã hoàn thành và đang triển khai thực hiện; chưa có phương án xử đối với dự án chưa triển khai thực hiện.

- Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố còn thấp, một số chỉ tiêu không phù hợp với thực tế làm ảnh hưởng đến kết quả chung thực hiện quy hoạch sử dụng đất của Thành phố; một số dự án được giao đất, cho thuê đất còn chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng.

- Công tác phối hợp rà soát, cung cấp số liệu, thông tin tình hình triển khai dự án nhà ở giữa các sở, ngành địa phương còn nhiều bất cập, rời rạc, thiếu trách nhiệm, gây khó khăn trong công tác đánh giá, tham mưu đề xuất.

- Bất cập về tái định cư, bao gồm việc tổ chức triển khai thi công hoàn thành các dự án nhà tái định cư là rất chậm và kéo dài (đặc biệt các dự án sử dụng vốn ngân sách); việc bố trí vốn ngân sách để quản lý, vận hành, bảo trì kém hiệu quả; việc sửa chữa các khu tái định cư hư hỏng, xuống cấp (do quá trình sử dụng phục vụ thu dung Covid-19; chậm hoàn thành, đưa vào sử dụng) không được bố trí vốn kịp thời, chậm hoàn thành dẫn đến khó khăn trong việc tiếp nhận, bàn giao đưa vào sử dụng.

- Giá bất động sản trên địa bàn Thành phố luôn neo ở mức cao, đặc biệt tại khu vực trung tâm do nguồn cung nhà ở thấp và tiền sử dụng đất cao.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nội dung được phê duyệt trong Chương trình phát triển nhà ở của thành phố, phù hợp với quy định pháp luật về nhà ở, phù hợp với thực tiễn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Đánh giá thực trạng phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố, nhằm đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện phù hợp, hiệu quả trong giai đoạn 2026-2030.

- Dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nhà ở của các loại hình nhà ở phát triển theo dự án trong giai đoạn 2026-2030, bao gồm: nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại, nhà ở cải tạo, xây dựng lại chung cư,..., làm cơ sở phát triển các loại hình nhà ở cho phù hợp.

- Xác định mục tiêu, chỉ tiêu phát triển nhà ở Thành phố trong giai đoạn 2026-2030 đảm bảo phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt.

- Dự báo, đánh giá, chuẩn bị các khu vực dự kiến phát triển dự án để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở của Thành phố trong giai đoạn 2026-2030.

- Trên cơ sở các mục tiêu được đề ra, nghiên cứu, xây dựng hệ thống giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn, tình hình cụ thể của Thành phố, nhưng vẫn đảm bảo được tính bền vững cho công tác phát triển nhà ở.

- Hình thành và triển khai các dự án khu đô thị đa mục tiêu (nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở phục vụ nhân lực công nghệ cao (nhân lực chất lượng cao và người lao động làm việc tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp)); Phát triển nhà ở, các khu đô thị lớn theo định hướng Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; Nghị quyết Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVIII. Phát triển các khu tái định cư tập trung có vị trí phân bổ 08 hướng; Mục đích sử dụng nhà ở tái định cư được đa dạng hóa và mở rộng, sử dụng đa mục tiêu, chuyển đổi linh hoạt giữa các loại hình nhà ở xã hội, nhà ở thương mại, nhà ở tái định cư phục vụ tái thiết đô thị, nhà tạm cư, nhà ở công vụ và nhà ở xã hội cho thuê trên cơ sở nhu cầu thực tế.

- Làm cơ sở để quản lý, kiểm soát hiệu quả công tác phát triển nhà ở và triển khai thực hiện các dự án đầu tư nhà ở trên địa bàn Thành phố đảm bảo mục tiêu, định hướng phát triển nhà ở và thị trường bất động sản ổn định, công khai, minh bạch, có sự quản lý, điều tiết thống nhất của Nhà nước; thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển nhà ở.

1.2. Yêu cầu

- Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2026-2030 phải phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của thành phố đã được phê duyệt; đảm bảo tuân thủ pháp luật về nhà ở, quy hoạch, kế hoạch do các cấp phê duyệt và các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành.

- Đảm bảo nội dung kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Chỉ tiêu phát triển nhà ở, đặc biệt là chỉ tiêu nhà ở xã hội phải được xác định là một trong những chỉ tiêu cơ bản của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với từng thời kỳ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Mục tiêu, kế hoạch phát triển nhà ở

2.1. Mục tiêu

Dự kiến diện tích sàn các loại nhà ở hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với các loại hình nhà ở được xác định trên cơ sở:

- Mục tiêu đề ra tại Chương trình phát triển nhà ở điều chỉnh;
- Kết quả thực hiện phát triển nhà ở theo loại nhà giai đoạn 2021-2025;
- Nguồn cung nhà ở hiện có cho giai đoạn 2021-2025.

Diện tích sàn hoàn thành dự kiến cụ thể theo từng loại nhà như sau:

Bảng 2.1. Dự kiến diện tích sàn hoàn thành giai đoạn 2026-2030 và đến năm 2035*Đơn vị tính: triệu m² sàn*

Stt	Chỉ tiêu phát triển	Theo Chương trình phát triển nhà ở điều chỉnh giai đoạn 2021-2030	Kết quả thực hiện giai đoạn 2021 - 2025	Dự báo hoàn thành giai đoạn 2026-2030	Dự báo hoàn thành giai đoạn 2031-2035
1	Nhà ở thương mại	120,00 - 180,00	12,00	108,00 - 168,00	77,1 - 137,1
2	Nhà ở đa mục tiêu (xã hội, thương mại, tái định cư, công vụ...)	24,50	1,44	23,06	27,4
3	Nhà ở lực lượng vũ trang	4,26	0,26	4,00	
4	Nhà ở người dân tự xây dựng	45,00	23,50	21,50	21,5
5	Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư	1,50	0,00	1,50	1,5
	Tổng cộng	195,26 - 255,26	37,20	158,06 - 218,06	127,5 - 187,5
	Tổng cộng (Làm tròn)	195,00 - 255,00	37,00	158,00 - 218,00	127,00 - 187,00

2.2. Chỉ tiêu phát triển nhà ở**2.2.1. Chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người.**

Đến năm 2030, diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn thành phố đạt tối thiểu 35 m²/người và phần đầu đạt 40 m²/người.

Đề phù hợp với Kế hoạch phát triển nhà thì dự án phát triển nhà ở phải có trong danh mục của Kế hoạch. Trường hợp chưa có trong danh mục thì phải được xem xét, cập nhật theo từng đợt trên cơ sở đảm bảo mục tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người đến năm 2030.

2.2.2. Chỉ tiêu diện tích sàn xây dựng nhà ở hoàn thành và đưa vào sử dụng đối với từng loại hình hình dự án đầu tư xây dựng nhà ở.

Căn cứ mục tiêu phát triển nhà ở trong điều chỉnh Chương trình phát triển nhà ở và kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025, hiện nay và thời gian tới, Thành phố chủ trương triển khai các dự án khu đô thị đa mục tiêu, các dự án quy mô lớn, quan trọng, do đó số lượng, quy mô nhà ở của các dự án chỉ là dự kiến và sẽ được xác định cụ thể khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư theo quy định; Đối với chỉ tiêu tối thiểu 170.000 căn tại các khu đô thị đa mục tiêu chỉ là dự kiến và sẽ được điều chỉnh linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện để phù hợp với định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố

và phục vụ nhu cầu tái định cư, tạm cư, nhà ở cho thuê,... đảm bảo định hướng đa mục tiêu của Thành phố giai đoạn đến năm 2030 và sau năm 2030.

Để đạt được mục tiêu phát triển nhà ở đã được phê duyệt, chỉ tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2026-2030 như sau:

Bảng 2.2. Dự kiến diện tích sàn hoàn thành giai đoạn 2026-2035

Stt	Loại hình nhà ở	Mục tiêu 2026-2030 Từ 35 m ² /người – 40 m ² /người		Mục tiêu 2031-2035 Tối thiểu 45 m ² /người	
		(m ² sàn NO)	(Số căn)	(m ² sàn NO)	(Số căn)
1	Nhà ở thương mại	108.000.000	677.900	77.100.000	963.840
		-	-	-	-
		168.000.000	1.054.500	137.100.000	1.340.440
2	Đa mục tiêu (XH, TM, TDC, CV...)	23.060.000	290.000	27.400.000	380.000
3	Nhà ở LLVT	4.000.000	58.800	0	0
4	Nhà dân tự xây	21.500.000	143.000	21.500.000	143.000
5	Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư	1.500.000	20.000	1.500.000	20.000
	TỔNG	158.060.000	1.189.700	127.500.000	1.506.800
		-	-	-	-
		218.060.000	1.566.300	187.500.000	1.883.400

Về tổng diện tích sàn nhà ở, phần đầu hoàn thành từ 158 triệu đến 218 triệu m² sàn nhà ở giai đoạn 2026-2030, hoàn thành từ 127 triệu đến 187 triệu m² sàn nhà ở giai đoạn 2031-2035, trong đó:

a) Về nhà ở thương mại: Hoàn thành mới từ 108 triệu đến 168 triệu m² sàn nhà ở tương đương từ 677.900 căn nhà đến 1.054.500 căn nhà giai đoạn 2026-2030; hoàn thành mới từ 77 đến 137 triệu m² sàn nhà ở tương đương 963.840 căn nhà đến 1.340.440 căn nhà giai đoạn 2031-2035.

Thành phố tập trung triển khai (tiếp tục thực hiện các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, giao đất; thực hiện chuẩn bị đầu tư các dự án mới) với khoảng 1034 dự án nhà ở thương mại, khu đô thị; trong đó, dự kiến khả năng hoàn thành khoảng 249.000.000 m² sàn giai đoạn 2026-2030 và khoảng 8.800.000 m² sàn hoàn thành giai đoạn sau năm 2030.

Số lượng dự án, các chỉ tiêu nhà ở, thời gian hoàn thành là dự kiến và sẽ được chuẩn xác khi các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư; phê duyệt dự án đầu tư theo quy định và điều chỉnh, cập nhật tiến độ theo tình hình triển khai thực tế; đồng thời, tính toán dự phòng các trường hợp dự án không hoàn thành đúng tiến độ do khách quan, bất khả kháng.

(Danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030 tại Phụ lục 1 kèm theo).

b) Về nhà ở đa mục tiêu, nhà ở công vụ, nhà ở nhân lực công nghệ cao (nhân lực chất lượng cao và người lao động làm việc tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp): Giai đoạn 2026-2030, hoàn thành tối thiểu khoảng 23 triệu m² sàn nhà ở, tương ứng 290.000 căn nhà; Phấn đấu hoàn thành đầu tư 01-02 khu nhà ở cho nhân lực công nghệ cao, thực hiện theo nhu cầu thực tế phát sinh trong kỳ kế hoạch. Giai đoạn 2031-2035, hoàn thành tối thiểu 27,4 triệu m² sàn nhà ở, tương ứng 380.000 căn nhà.

Thành phố tập trung triển khai khoảng 159 dự án nhà ở xã hội đa mục tiêu có khả năng hoàn thành giai đoạn 2026-2030 với khoảng 11.000.000 m² sàn tương ứng với khoảng 138.000 căn nhà; Chuẩn bị đầu tư khoảng 158 dự án nhà ở đa mục tiêu với khoảng 280.000.000 m² sàn, tương ứng khoảng 360.000 căn nhà trong giai đoạn 2026-2030 và dự kiến hoàn thành sau năm 2030; Triển khai 03 dự án Khu đô thị đa mục tiêu quy mô lớn với tổng diện tích đất khoảng 2.000ha; Tiếp tục rà soát, công bố thông tin các dự án được xác định để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.

Triển khai khu nhà ở cho nhân lực công nghệ cao, người lao động làm việc tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc.

Số lượng dự án và chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở chỉ là dự kiến và sẽ được chuẩn xác khi các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và phê duyệt theo quy định; đồng thời, tính toán dự phòng các trường hợp dự án không hoàn thành đúng tiến độ do khách quan, bất khả kháng.

(Danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở đa mục tiêu (đã bao gồm nhà ở công vụ, nhà ở nhân lực công nghệ cao) trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030 tại Phụ lục 2 (bao gồm Phụ lục 2A, 2B, 2C) kèm theo).

c) Về nhà ở cho lực lượng vũ trang: Hoàn thành mới khoảng 4 triệu m² sàn nhà ở, tương ứng 58.800 căn nhà;

UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng các vị trí và các chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc ô đất dự kiến phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng nhu cầu khoảng 33.750 căn theo đề nghị của Bộ Công an và khoảng 29.050 căn theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

(Danh mục nhà ở cho lực lượng vũ trang được chi tiết kèm theo tại Phụ lục 3)

d) Về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư: Phấn đấu trong giai đoạn 2026-2030 hoàn thành việc cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ đã có kết luận kiểm định thuộc trường hợp phải phá dỡ theo quy định pháp luật về nhà ở, hoàn thành khoảng 1,5 triệu m² sàn nhà cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, tương ứng khoảng 20.000 căn hộ. Giai đoạn 2031-2035, phấn đấu hoàn thành cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị đối với toàn bộ 2.160 nhà chung cư

(Danh mục dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030 tại Phụ lục 4 (bao gồm Phụ lục 4A, 4B, 4C) kèm theo).

đ) Về nhà ở riêng lẻ: Giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035, mỗi giai đoạn hoàn thành mới khoảng 21,5 triệu m² sàn (khoảng 4,3 triệu m² sàn/năm), tương ứng 143.000 căn nhà.

Căn cứ thực trạng nhà ở và tiến độ các dự án nhà ở đang triển khai, khả năng hoàn thành các dự án, Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn Thành phố như sau:

Bảng 2.3. Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm giai đoạn 2026 – 2030

Stt	Năm	Nhà ở thương mại (m ² sàn)	Nhà ở đa mục tiêu (m ² sàn)	Nhà ở lực lượng vũ trang (m ² sàn)	Cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (m ² sàn)	Nhà ở riêng lẻ (m ²)	Tổng số hàng năm (m ² sàn)
1	2026	8.089.796 - 12.584.127	2.656.208	0	0	4.300.000	15.046.004 - 19.540.335
2	2027	14.157.142 - 22.022.220	3.984.313	21.060	0	4.300.000	22.462.515 - 30.327.594
3	2028	25.644.898 - 39.892.064	4.955.608	795.788	0	4.300.000	35.696.294 - 49.943.460
4	2029	26.332.653 - 40.961.905	5.570.092	1.193.682	600.000	4.300.000	37.996.427 - 52.625.679
5	2030	33.775.511 - 52.539.684	5.893.779	1.989.470	900.000	4.300.000	46.858.760 - 65.622.933
	Tổng	108.000.000 - 168.000.000	23.060.000	4.000.000	1.500.000	21.500.000	158.060.000 - 218.060.000

2.2.3. Nhà ở hoàn thành đưa vào sử dụng theo chương trình mục tiêu quốc gia.

Tiếp tục thực hiện hỗ trợ nhà ở theo chương trình mục tiêu quốc gia như: Hỗ trợ người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở; hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, các hộ có nhà ở trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu (bão, lũ, sạt lở đất, ...) và các chương trình mục tiêu quốc gia khác do Trung ương ban hành.

2.2.4. Chỉ tiêu về chất lượng nhà ở tại đô thị và nông thôn trên địa bàn.

Đến năm 2030, phấn đấu tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố toàn thành phố (bao gồm cả khu vực đô thị và nông thôn) đạt 100%, không còn nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ.

2.2.5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại; dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư (hoặc các văn bản pháp lý tương đương) đã xác định tỷ lệ các loại nhà ở để bán, cho thuê,

cho thuê mua theo Chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt tại Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 (hoặc Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 09/6/2014) của UBND Thành phố thì tiếp tục thực hiện theo tỷ lệ các loại nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua đã xác định tại Quyết định chủ trương đầu tư dự án (hoặc văn bản pháp lý tương đương) đã được phê duyệt.

2.3. Nhu cầu nguồn vốn phát triển nhà ở

Cách xác định nguồn vốn phát triển nhà ở:

“Nguồn vốn” = “Diện tích sàn” x “Suất vốn đầu tư xây dựng”

Trong đó:

- Diện tích sàn là diện tích dự kiến hoàn thành của các loại nhà ở.
- Suất vốn đầu tư nhà ở: Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/4/2025 của Bộ Xây dựng Ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024.

Như vậy, nhu cầu nguồn vốn phát triển nhà ở giai đoạn 2026-2030 từ khoảng 1.758.970 tỷ đồng đến 2.425.960 tỷ đồng trong đó:

- Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư khoảng 1.200.134 tỷ đồng đến 1.867.125 tỷ đồng;
- Nhà ở đa mục tiêu khoảng 303.060 tỷ đồng;
- Nhà ở lực lượng vũ trang khoảng 52.549 tỷ đồng;
- Nhà ở dân tự xây khoảng 183.516 tỷ đồng.

Phân theo nguồn vốn: Nguồn vốn ngoài ngân sách.

Nguồn vốn ngân sách xác định và thực hiện theo các dự án đầu tư công về nhà ở trong giai đoạn 2026-2030.

IV. GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nhà ở.

- Nghiên cứu, đề xuất ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, suất vốn đầu tư xây dựng của Thành phố đối với nhà ở đa mục tiêu phù hợp với đặc điểm thực tế của Thành phố và nhu cầu đa dạng của các đối tượng thụ hưởng; trong đó, chủ đầu tư được quyền quyết định cơ cấu diện tích căn hộ nhà ở đa mục tiêu phù hợp với nhu cầu thị trường và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- Nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí vốn ngân sách (thông qua mô hình Quỹ nhà ở Thành phố được thành lập hoặc tích hợp vào chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố) để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho thuê, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách đưa vào Luật Thủ đô (sửa đổi) để hình thành các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội dành riêng cho các đối tượng là chuyên gia, nhân lực công nghệ cao, giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan nhà nước của Thành phố.

- Nghiên cứu, đề xuất Bộ Xây dựng xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ tiếp nhận, xét duyệt hồ đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trực tuyến, tổ chức bốc thăm trực tuyến, dùng chung cho tất cả các dự án nhà ở xã hội, bảo đảm sự minh

bach, khách quan, nhanh chóng và hiệu quả, trong đó có sự liên thông với cơ quan thuế, bảo hiểm, dữ liệu dân cư để xác minh thu nhập, nhà ở.

- Nghiên cứu các giải pháp hỗ trợ, đầu tư xây dựng nhà tạm cư cho các hộ dân phải di dời, tái định cư trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; ưu tiên nghiên cứu áp dụng công nghệ nhà lắp ghép, công nghệ xây dựng nhanh, tiết kiệm để giảm thiểu chi phí đầu tư, rút ngắn thời gian thi công và nhanh chóng đưa vào sử dụng.

- Ban hành quy định chi tiết các tiêu chí để các chủ sở hữu, người sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại các dự án xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội theo khoản 3, khoản 4 Điều 6 Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 27/11/2025 quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 89/2025/NQ-HĐND ngày 14/12/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Giải pháp về quy hoạch, quản lý và phát triển quỹ đất

2.1. Giải pháp về quy hoạch kiến trúc

- Đẩy nhanh tiến độ lập, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn và ưu tiên phát triển nhà ở theo dự án đồng đều ngay ở giai đoạn lập quy hoạch chi tiết gắn với các cực tăng trưởng, các trục không gian, hành lang kinh tế, đô thị bám theo các trục giao thông huyết mạch, các tuyến đường sắt đô thị theo mô hình định hướng giao thông (TOD) và các trung tâm lớn (theo quy mô, tính chất, vai trò, tiềm năng thế mạnh vượt trội) theo Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm, làm cơ sở pháp lý để hình thành các khu đô thị thông minh – văn minh – hiện đại, nhà ở xanh, đô thị thông minh, ứng dụng công nghệ số, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các "đô thị 15 phút", "đô thị nén" tại khu vực kết nối đường sắt đô thị.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch xây dựng các công trình nhà ở cao tầng tại khu vực nội thành lịch sử, khu phố cổ, khu vực xung quanh các di tích lịch sử văn hóa; ưu tiên phát triển các công trình nhà ở có chiều cao phù hợp với quy hoạch kiến trúc, cảnh quan đô thị đã được phê duyệt, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của Thủ đô.

- Rà soát, lập quy hoạch chi tiết các khu tái định cư tập trung với quy mô tối thiểu 150 ha, phân bố đều theo 8 hướng của Thành phố để phát triển các khu đô thị đa mục tiêu, đáp ứng linh hoạt nhu cầu tái định cư, tạm cư cho các dự án hạ tầng giao thông, dự án chỉnh trang, tái thiết đô thị, thực hiện cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ gắn với các dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị một hoặc nhiều ô phố theo Nghị quyết số 258/2025/QH15 của Quốc hội và đáp ứng nhu cầu nhà ở cho chuyên gia, nhân lực công nghệ cao.

2.2. Giải pháp về đất ở

- Tổ chức rà soát toàn diện, đầy đủ quỹ đất công trên địa bàn Thành phố, ưu tiên lựa chọn, bố trí các khu đất có vị trí thuận lợi về giao thông, có hạ tầng kỹ thuật tương đối đồng bộ hoặc có khả năng đầu tư hoàn thiện nhanh chóng để phát triển các loại hình nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở công vụ phục vụ nhu cầu của các đối tượng.

- Kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, vi phạm nghiêm trọng cam kết đầu tư, sử dụng đất không đúng mục đích hoặc để đất hoang hóa, lãng phí để đưa quỹ đất này vào kế hoạch phát triển nhà ở, trong đó ưu tiên sử dụng cho mục đích phát triển nhà ở xã hội và các loại hình nhà ở có tính chất xã hội khác.

- Bố trí quỹ đất nhà ở xã hội trong các dự án khu đô thị đa mục tiêu để phát triển nhà ở đa mục tiêu.

- Công bố công khai, minh bạch thông tin về quỹ đất phát triển nhà ở, quỹ đất phát triển khu đô thị đa mục tiêu trên Cổng thông tin điện tử Thành phố để các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân quan tâm có thể tiếp cận, đăng ký tham gia đầu tư.

- Đẩy mạnh công tác giải phóng mặt bằng: Áp dụng cơ chế bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Luật Thủ đô 2024 và Nghị quyết số 68/2025/NQ-HĐND và số 89/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho các dự án.

- Rà soát, bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở cho lực lượng vũ trang trong Quân đội, bao gồm cả quỹ đất quốc phòng, an ninh để đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Giải pháp về nguồn vốn và thuế

- Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển nhà ở, ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước (đầu tư hạ tầng ngoài hàng rào, hạ tầng xã hội), huy động tối đa nguồn vốn từ các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tín dụng, tổ chức quốc tế, vốn ODA, PPP...

- Xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để đẩy nhanh hoàn thành các dự án nhà tái định cư sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước.

- Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ bán nhà thuộc sở hữu của Nhà nước và nguồn thu từ quỹ đất 20% để bổ sung vào Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, ưu tiên đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội cho thuê.

- Bố trí vốn ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu cho các dự án nhà ở xã hội độc lập theo quy định tại Nghị quyết số 70/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Tạo điều kiện cho các chủ đầu tư, người mua nhà tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi, kéo dài thời gian vay, giảm lãi suất.

4. Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư

- Đơn giản hóa, rút ngắn thủ tục hành chính trong lĩnh vực cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng nhà ở, thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, thẩm định hồ sơ hoàn công nhà ở riêng lẻ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của Luật Đất đai 2024, Luật Nhà ở 2023, Nghị định số 140/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cấp xã về nghiệp vụ quản lý nhà ở, cấp giấy phép xây dựng, thẩm định hồ sơ hoàn công, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.

5. Giải pháp phát triển thị trường bất động sản

- Tăng cường kiểm soát hoạt động của các sàn giao dịch bất động sản trong đó có hoạt động giao dịch kinh doanh nhà ở; góp phần quản lý thông tin giao dịch bất động sản, tăng tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người dân khi kinh doanh bất động sản thông qua các sàn giao dịch bất động sản.

- Tăng cường kiểm soát hoạt động môi giới bất động sản trong đó có hoạt động môi giới kinh doanh nhà ở của các tổ chức, cá nhân.

- Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và nhà ở; Chủ động đề xuất, thực hiện kịp thời các giải pháp cụ thể để bình ổn, điều chỉnh thị trường bất động sản và nhà ở; tăng cường kiểm tra, xử lý, ngăn chặn sai phạm trong kinh doanh nhà ở và bất động sản.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong việc phát triển nhà ở, bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về nhà ở, xây dựng; kiểm tra, giám sát việc công khai thông tin quy hoạch và dự án phát triển nhà ở theo đúng quy định của pháp luật; có chế tài và xử lý kịp thời đối với chủ đầu tư dự án cung cấp sai các thông tin về quy hoạch và dự án để trục lợi.

- Triển khai xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 94/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Nhóm giải pháp liên quan đến tổ chức thực hiện

- Khẩn trương triển khai các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã có chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với các dự án đã có báo cáo thẩm định trình UBND Thành phố. Đồng thời, tiếp tục tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với các hồ sơ dự án đề xuất đáp ứng điều kiện quy định tại Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ số 192/2025/NĐ-CP, số 261/2025/NĐ-CP và pháp luật hiện hành, trình thẩm định trong quý I năm 2026.

- Khẩn trương triển khai thực hiện các dự án nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư. Đẩy mạnh kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ hiệu quả các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố. Thực hiện nghiêm công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án; rà soát, đề xuất kiên quyết chấm dứt hoạt động hoặc thu hồi dự án do chậm tiến độ để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án nhằm đáp ứng chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội trong Kế hoạch này.

- Tổ chức thẩm định, lựa chọn chủ đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NQ-CP của Chính phủ; Rà soát quy hoạch, đề xuất vị trí ô đất để thực hiện công bố thông tin dự án các đợt tiếp theo theo quy định.

- Thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sau khi các dự án nhà ở xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết 201/2025/QH15 của Quốc hội.

- Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về nhà ở từ cấp Thành phố đến cấp xã; tăng cường biên chế, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý nhà ở.

- Khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng mới, vật liệu không nung, công nghệ xây dựng tiết kiệm năng lượng, công nghệ xây dựng xanh, công nghệ nhà thông minh; ứng dụng BIM trong thiết kế, thi công, quản lý dự án.

- Triển khai các dự án khu đô thị thông minh trên địa bàn Thành phố; đưa tiêu chí đô thị thông minh, tiêu chí xanh vào đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc các chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục về: công bố thông tin mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội, xét duyệt, quản lý sau đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Theo dõi, nắm bắt tình hình và chấn chỉnh các hoạt động đầu tư xây dựng, quảng cáo thông tin đăng ký, mua bán nhà ở xã hội, hoạt động mua bán nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố; kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố

1.1 Phân công đồng chí Phó Chủ tịch UBND Thành phố phụ trách lĩnh vực đô thị trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở.

1.2 Văn phòng UBND Thành phố phối hợp với cơ quan thường trực thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở (Kế hoạch) đôn đốc các Sở, ngành Thành phố, UBND các phường, xã và các đơn vị liên quan thực hiện theo nội dung, tiến độ đã giao tại Kế hoạch. Trên cơ sở báo cáo, đề xuất của cơ quan thường trực thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở, tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện, kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu đưa kết quả việc thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở vào nội dung giao ban quý của UBND Thành phố và đánh giá thi đua các đơn vị.

2. Sở Xây dựng

2.1. Là cơ quan thường trực Chương trình, Kế hoạch phát triển nhà ở; tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo, điều hành công tác phát triển nhà ở trên địa bàn Thành phố.

2.2. Tham mưu UBND Thành phố điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm theo quy định; theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, UBND cấp xã, chủ đầu tư thực hiện Kế hoạch.

2.3. Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố và Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở.

2.4. Khẩn trương rà soát, báo cáo thẩm định các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đề xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ, trình UBND Thành phố quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư. Chủ trì, phối hợp Sở Quy hoạch – Kiến trúc, UBND cấp xã lập thông tin dự án được xác định đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NQ-CP của Chính phủ, trình UBND Thành phố phê duyệt công bố tại các đợt tiếp theo. Thực hiện thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhà ở xã hội theo thẩm quyền.

2.5. Quản lý quỹ nhà ở đa mục tiêu, quỹ nhà tái định cư, quỹ nhà ở xã hội thuộc sở hữu của Nhà nước; tham mưu UBND Thành phố bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở theo quy định.

2.6. Hướng dẫn chủ đầu tư áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về đô thị thông minh, công trình xanh trong quá trình đầu tư xây dựng

2.7. Hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định pháp luật về thiết kế, thi công, nghiệm thu, bàn giao nhà chung cư; xử lý vi phạm về chất lượng công trình, an toàn xây dựng, phòng cháy chữa cháy.

2.8. Công bố công khai tại Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng thông tin chủ yếu của các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội đang tổ chức bán, cho thuê, cho thuê mua và Danh sách các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội đã ký hợp đồng. Kiểm tra nhằm loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần theo quy định.

2.9. Chủ trì, phối hợp với các sở ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành giá thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc tài sản công và ban hành khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn.

2.10. Chủ trì, rà soát phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu UBND Thành phố hoàn chỉnh quy định pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, phối hợp chặt chẽ với Bộ xây dựng để kịp thời kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các quy định của pháp luật để phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố.

2.11. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND Thành phố giao. Định kỳ hàng quý (trước ngày 25 tháng cuối quý) báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này; đồng thời, đề xuất điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp thực tế triển khai (trong đó chủ động phối hợp với các Sở, ngành Thành phố rà soát các dự án, công trình chậm triển khai, không khả thi để đưa ra khỏi Kế hoạch, đảm bảo hiệu quả đầu tư (nếu có).

3. Sở Quy hoạch – Kiến trúc

3.1. Chủ trì, tham mưu UBND Thành phố các vị trí ô đất phát triển các khu đô thị đa mục tiêu (nhà ở xã hội, nhà ở thương mại, nhà ở tái định cư, nhà ở công

vụ), các khu đô thị lớn gắn với định hướng Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.

3.2. Rà soát quy hoạch, đề xuất vị trí ô đất xây dựng nhà ở xã hội phục vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3.3. Chủ trì lập quy hoạch phân khu các đô thị theo quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu vực phát triển nhà ở, khu đô thị.

3.4. Lập quy hoạch chi tiết các khu tái định cư đa mục tiêu quy mô tối thiểu 150 ha, phân bổ đều theo 8 hướng của Thành phố.

3.5. Chủ trì, xác định và cung cấp danh mục các Dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, xây dựng lại chung cư cũ đối với các khu vực có chung cư cũ trên địa bàn thành phố báo cáo Thành phố trình HĐND Thành phố thông qua Danh mục dự án cải tạo, xây dựng lại nhà/khu chung cư cũ gắn với dự án cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị đối với các ô phố, tuyến phố đô thị theo quy định của Nghị quyết số 258/2025/QH15.

3.6. Chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng để rà soát, đề xuất các vị trí ô đất phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc khi thực hiện cập nhật, điều chỉnh quy hoạch cấp trên, làm cơ sở để Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đề xuất quy mô dự án đảm bảo phù hợp theo quy định, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân.

3.7. Chủ trì rà soát theo quy định đối với các quy hoạch đã được phê duyệt nhưng thời gian thực hiện kéo dài, thiếu khả thi để báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định. Phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra các chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch chi tiết được duyệt và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ quy định; Đồng thời phối hợp Sở Xây dựng xây dựng cơ sở dữ liệu nhà ở toàn Thành phố; cung cấp thông tin quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị trong Kế hoạch phát triển nhà ở Thành phố 05 năm và hàng năm làm cơ sở để chấp thuận/điều chỉnh chủ trương đầu tư.

3.8. Khi lập, phê duyệt quy hoạch các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị phải bố trí quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và quỹ đất dự trữ phát triển phục vụ việc cải tạo, xây dựng lại nhà ở chung cư trong tương lai khi hết thời hạn sử dụng, tỷ lệ đất hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo đồng bộ, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định hiện hành; Cân đối nhu cầu nhà ở xã hội tại các xã, phường đảm bảo phân bổ hợp lý trên địa bàn Thành phố theo quy hoạch. Tiếp tục phối hợp với Sở Công thương, Ban Quản lý các khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp, UBND các xã, phường tổ chức rà soát quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp để xác định vị trí, quỹ đất dành để xây dựng các thiết chế của công đoàn (trong đó có nhà ở công nhân) đảm bảo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

3.9. Kiểm soát chặt chẽ quản lý theo quy hoạch và việc điều chỉnh quy hoạch tại các dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; Hướng dẫn các nhà đầu tư điều

chỉnh quy hoạch đảm bảo theo đúng quy định; cập nhật đầy đủ thông tin số liệu, làm rõ căn cứ và cơ sở điều chỉnh quy hoạch. Chủ trì nghiên cứu, đề xuất với UBND Thành phố chế tài xử lý đối với các trường hợp nhà đầu tư cố tình chậm trễ trong việc lập, trình thẩm định quy hoạch điều chỉnh, thực hiện không đúng quy định. Cập nhật thường xuyên, công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, quy hoạch điều chỉnh tại các dự án trên địa bàn Thành phố.

3.10. Căn cứ chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý chuyên ngành có trách nhiệm rà soát nội dung Kế hoạch đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật về quy hoạch.

4. Sở Tài chính

4.1. Chủ động tổng hợp, tham mưu UBND Thành phố đưa các chỉ tiêu phát triển nhà ở (đặc biệt là chỉ tiêu nhà ở xã hội) vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm của Thành phố.

4.2. Đảm bảo thực hiện chỉ tiêu nhà ở xã hội hàng năm theo Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12/01/2026 của Chính phủ về giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2026-2030.

4.3. Bố trí vốn ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào, hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội thiết yếu cho các dự án nhà ở xã hội độc lập theo Nghị quyết số 70/2025/NQ-HĐND của HĐND Thành phố. Tham mưu đề xuất UBND Thành phố bố trí vốn cho UBND cấp xã để thực hiện các công tác rà soát, khảo sát hiện trạng nhà chung cư, kiểm định, lập quy hoạch chi tiết 1/500 cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ, lập Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại nhà/khu chung cư cũ đối với từng dự án.

4.4. Tham mưu UBND Thành phố giao nhiệm vụ, bố trí vốn ngân sách cho UBND cấp xã để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) đồng thời với quá trình thực hiện giao chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư dự án theo quy định tại Nghị quyết 201/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định 192/2025/NĐ-CP và 261/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho các dự án chưa lựa chọn chủ đầu tư, chưa thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4.5. Bố trí vốn ngân sách (thông qua mô hình Quỹ nhà ở Thành phố được thành lập hoặc tích hợp vào chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố) để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các dự án xây dựng nhà ở xã hội và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng khung trong các khu nhà ở xã hội, đảm bảo đồng bộ với xây dựng công trình nhà ở phục vụ người dân; Ưu tiên sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê tại các quỹ đất gần các khu vực công nghiệp theo chủ trương của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 34-CT/TW và sử dụng đa mục tiêu phục vụ tái định cư, các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 17/11/2025 và số 89/2025/NQ-HĐND ngày 17/12/2025 của HĐND Thành phố, bổ sung vào quỹ nhà ở địa phương với mục đích nhà ở cho thuê theo Nghị định 302/2025/NĐ-CP của Chính phủ, nhà ở công vụ, nhà ở thương mại giá trung bình, các đối tượng có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng cách xa địa điểm làm việc được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

4.6. hời hợp với Quỹ đầu tư phát triển Thành phố triển khai hoạt động Quỹ nhà ở tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 302/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ.

4.7. Kiểm soát, theo dõi nguồn vốn các dự án nhà ở đa mục tiêu, nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4.8. Chủ trì, phối hợp Sở Xây dựng nghiên cứu, đưa các tiêu chí đô thị thông minh, tiêu chí xanh vào hồ sơ mời thầu để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án khu đô thị; coi đây là tiêu chí đánh giá, cộng điểm trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư.

4.9. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Chính sách xã hội để tạo điều kiện cho chủ đầu tư, người mua nhà tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi.

4.10. Chủ trì thẩm định, trình UBND Thành phố phê duyệt Phương án mua nhà ở thương mại phục vụ tái định cư đối với quỹ nhà thương mại thực hiện theo thí điểm cơ chế đặt hàng nhà ở thương mại phục vụ tái định cư; tham mưu, đề xuất UBND Thành phố việc bố trí nguồn vốn ngân sách để mua lại quỹ nhà tại các dự án đầu tư đã hoàn thành và đang triển khai thực hiện theo cơ chế thí điểm đặt hàng xây dựng nhà ở thương mại phục vụ tái định cư và đặt hàng hoặc mua lại quỹ nhà thương mại từ các Chủ đầu tư để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn Thành phố.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

5.1. Chủ trì tham mưu UBND Thành phố thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ngay sau khi các dự án được cấp có thẩm quyền quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị quyết 201/2025/QH15 của Quốc hội theo thẩm quyền; Hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các quy trình giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, môi trường; thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có) và các nội dung khác có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Chủ trì tham mưu đề xuất vị trí các ô đất để phát triển các khu đô thị đa mục tiêu theo 8 hướng của Thành phố, các khu nhà ở phục vụ nhu cầu tạm cư khi triển khai các dự án chỉnh trang, tái thiết đô thị (bao gồm cả các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư) và khi triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án đầu tư công trọng điểm của Thành phố (Vành đai 2.5, 3.5, 4, các cầu vượt sông, mở rộng Quốc lộ 1A, Quốc lộ 6, Quốc lộ 21...).

5.3. Tiếp tục rà soát, tổng hợp quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị và phối hợp Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, các đơn vị liên quan đề xuất bố trí thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất, tạo vốn xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

5.4. Chủ trì xây dựng kế hoạch đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện gây ô nhiễm môi trường; các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong khu vực nội thành không phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy hoạch để ưu tiên xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội.

5.5. Chủ trì, tham mưu UBND Thành phố thực hiện thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, nhà ở đã được giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng hoặc sử dụng đất sai mục đích, hoặc không đảm bảo tỷ lệ diện tích đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo quy hoạch và dự án được duyệt; Báo cáo đề xuất UBND Thành phố giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư xây dựng nhà ở theo thẩm quyền.

5.6. Chủ trì rà soát, báo cáo đề xuất UBND Thành phố việc khai thác nguồn lực đất đai *(bao gồm cả nguồn tiền thu được từ giá trị quỹ đất 20%, 25%, kinh doanh dịch vụ tầng 1 các nhà tái định cư, thu hồi các dự án chậm triển khai)* để tạo vốn cho phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội cho thuê.

5.7. Chủ trì nghiên cứu, báo cáo đề xuất UBND Thành phố về rà soát, đề xuất thu hồi đất đối với các dự án chậm đưa đất vào sử dụng, vi phạm quy định quản lý sử dụng đất đai đối với các dự án đã triển khai trước năm 2025 và các đề án, kế hoạch khác (nếu có) để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5.8. Chủ trì tổ chức kiểm tra nhằm loại trừ đối tượng đăng ký mua, thuê mua nhà ở xã hội đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình; hoặc có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người cao hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

5.9. Hướng dẫn Văn phòng đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đặt tại các đơn vị hành chính cấp xã hoặc khu vực liên xã, phường trong trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện việc xác nhận đơn đề nghị xác nhận có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định.

6. Sở Nội vụ

6.1. Chủ trì, phối hợp với Sở, ngành Thành phố có liên quan rà soát bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố để phù hợp với mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở địa phương hoặc đề xuất đơn vị đơn vị sự nghiệp công lập có đủ thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ để phối hợp, thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ (bao gồm đầu tư xây dựng, tạo lập nhà ở để cho thuê; tổ chức quản lý vận hành nhà ở do Quỹ đầu tư xây dựng, tạo lập để cho thuê) theo quy định tại Nghị định số 302/2025-NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ.

6.2. Phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành Thành phố và các đơn vị liên quan trong việc khuyến khích sự hỗ trợ của cộng đồng, tổ chức xã hội, tổ chức, cá nhân thiện nguyện, các nhà hảo tâm trong công tác hỗ trợ xây, sửa nhà ở cho người có công về nhà ở, hộ nghèo trên địa bàn Thành phố.

6.3. Phối hợp với các Sở, ban, ngành hướng dẫn UBND các xã, phường đảm bảo đúng đối tượng được hưởng chính sách xã hội về nhà ở theo quy định hiện hành.

6.4. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đã nêu trong mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch này thuộc lĩnh vực quản lý, các nhiệm vụ khác được UBND Thành phố giao và theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Ban Quản lý các khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp (đối với khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao), Sở Công Thương (đối với cụm công nghiệp)

7.1. Ban Quản lý khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp chủ trì, phối hợp Sở Công Thương, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Liên đoàn lao động Thành phố, UBND các xã, phường, các đơn vị liên quan tổ chức nghiên cứu, báo cáo đề xuất UBND Thành phố để bố trí đủ quỹ đất xây dựng nhà ở công nhân gắn với các thiết chế công đoàn, nhu cầu nhà ở công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, khuyến khích nhà đầu tư đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đồng bộ các thiết chế công đoàn theo quy hoạch phục vụ công nhân và người lao động trong quá trình hình thành các khu công nghiệp. Đồng thời, định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 10) báo cáo UBND Thành phố (thông qua Sở Xây dựng) về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này, làm cơ sở để xem xét, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp thực tiễn.

7.2. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp phối hợp UBND các xã, phường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc tiếp tục rà soát quy hoạch các khu công nghiệp, khu công nghệ cao chưa lập quy hoạch xây dựng nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp, xây dựng khu nhà ở, công trình công cộng nằm ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất để xác định vị trí, quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội và các thiết chế của công đoàn (nhà trẻ, siêu thị, các công trình văn hóa, thể thao...) đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phục vụ công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, khu công nghệ cao; phối hợp với UBND cấp xã để đề xuất quy mô đầu tư xây dựng nhà ở phù hợp cho công nhân, người lao động đảm bảo chỉ tiêu Kế hoạch.

7.3. Rà soát biến động thực tế và dự báo nhu cầu đến năm 2030 đối với nhà ở cho công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các nhiệm vụ khác theo chức năng nhiệm vụ quy định.

7.4. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đã nêu trong mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch này thuộc lĩnh vực quản lý, các nhiệm vụ khác được UBND Thành phố giao và theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Thống kê Thành phố

8.1. Hàng năm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở ngành Thành phố, UBND các phường, xã tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá thực trạng dân số, nhà ở và nhu cầu về nhà ở trên địa bàn Thành phố, các chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố.

8.2. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đã nêu trong mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch này thuộc lĩnh vực quản lý, các nhiệm vụ khác được UBND Thành phố giao và theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Liên đoàn Lao động Thành phố

9.1. Tổ chức nghiên cứu, đầu tư xây dựng nhà ở công nhân gắn với các thiết chế công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn Thành phố; định

kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 10) báo cáo UBND Thành phố (thông qua Sở Xây dựng) về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này, làm cơ sở để xem xét, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp thực tiễn.

9.2. Phối hợp Ban Quản lý khu Công nghệ cao và Khu công nghiệp, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, UBND các phường, xã tổ chức rà soát quy hoạch chi tiết các khu công nghiệp để xác định vị trí, quỹ đất dành để xây dựng các thiết chế của công đoàn (trong đó có nhà ở công nhân) đảm bảo đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

9.3. Thực hiện kiểm tra, giám sát và kiến nghị xử lý các vi phạm liên quan đến việc cho thuê nhà ở xã hội tại các dự án xây dựng nhà ở xã hội thuộc phạm vi quản lý theo Quy định này và pháp luật hiện hành.

9.4. Chủ trì, tiếp nhận hồ sơ thuê nhà ở xã hội của công nhân, người lao động thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội, sau khi kiểm tra và phân loại hồ sơ, lập Danh sách người đủ điều kiện thuê nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ gửi tổ chức được giao quản lý, vận hành nhà ở của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xem xét, kiểm tra.

10. Ngân hàng Chính sách xã hội

10.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nội vụ tham gia quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn để phát triển nhà ở xã hội;

10.2. Chủ trì, tổ chức thực hiện cho vay ưu đãi hỗ trợ các đối tượng chính sách mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nhà ở và các đối tượng vay vốn để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định và các chính sách hỗ trợ theo chủ trương của Quốc hội, Chính phủ; Định kỳ hàng quý, hàng năm (trước ngày 20 tháng 10) báo cáo UBND Thành phố (thông qua Sở Xây dựng) về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

10.3. Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đã nêu trong mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch này thuộc lĩnh vực quản lý, các nhiệm vụ khác được UBND Thành phố giao và theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Công an Thành phố

11.1. Trình phê duyệt và tổ chức triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh Thành phố Hà Nội, trong đó có các dự án khu đô thị thông minh.

11.2. Theo dõi, nắm bắt tình hình về các hoạt động đầu tư xây dựng, quảng cáo thông tin đăng ký, mua bán nhà ở xã hội, hoạt động mua bán nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố; kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

11.3. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng trực thuộc Công an thành phố Hà Nội thực hiện kiểm tra, xác minh đối tượng là lực lượng vũ trang liên quan đã được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở cho lực lượng vũ trang theo quy định.

11.4. Chỉ đạo các cơ quan Công an cấp xã xác nhận điều kiện về thu nhập cho đối tượng quy định. b) Chỉ đạo các Phòng nghiệp vụ liên quan, Công an cấp xã nơi có nhà ở xã hội thông qua công tác quản lý cư trú để phát hiện các trường hợp bán lại, cho thuê lại, ở nhờ, mượn hoặc sử dụng không đúng mục đích để ở; kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà ở xã hội để kiểm tra, xử lý vi

phạm hoặc đề xuất xử lý theo quy định. Đồng thời xây dựng, triển khai phương án bảo đảm an ninh, trật tự khi tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi nhà ở xã hội theo quy định.

12. Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố: Chủ trì nghiên cứu, xây dựng bộ hướng dẫn về "Quy trình chuẩn bị hồ sơ, biểu mẫu, các điều kiện để xác định một bộ hồ sơ hợp lệ và việc nộp hồ sơ" để người dân theo dõi, thực hiện; "Quy trình về tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt hồ sơ, tổ chức bốc thăm" để chủ đầu tư thực hiện; xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ tiếp nhận, xét duyệt hồ đăng ký mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trực tuyến, tổ chức bốc thăm trực tuyến, dùng chung cho tất cả các dự án nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố, bảo đảm sự minh bạch, khách quan, nhanh chóng, hiệu quả; phối hợp Bộ Xây dựng đề xuất Chính phủ xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử quốc gia thống nhất về nhà ở xã hội trong đó có sự liên thông với cơ quan thuế, bảo hiểm, dữ liệu dân cư để xác minh thu nhập, nhà ở.

13. Ủy ban nhân dân cấp xã

13.1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn; kiểm tra, hướng dẫn người dân thực hiện đúng quy định pháp luật về xây dựng nhà ở riêng lẻ, cải tạo, sửa chữa nhà ở. Phối hợp với Thống kê Thành phố trong công tác điều tra, thống kê các chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Kế hoạch này.

13.2. Chủ trì công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng (đặc biệt là các dự án nhà ở xã hội) theo quy định của pháp luật; phối hợp với chủ đầu tư, các sở ngành liên quan để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng.

13.3. Kiểm tra, đôn đốc tiến độ triển khai các dự án nhà ở trên địa bàn; phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm về trật tự xây dựng, vi phạm quy hoạch, vi phạm giấy phép xây dựng.

13.4. Thực hiện việc cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ, thẩm định hồ sơ hoàn công nhà ở riêng lẻ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo phân cấp.

13.5. Ban hành kết luận kiểm định chất lượng các chung cư trên địa bàn; tổ chức di dời các hộ dân ra khỏi chung cư nguy hiểm; Chủ trì công tác lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 cải tạo xây dựng lại nhà/khu chung cư có phạm vi quy hoạch thuộc phạm vi địa giới đơn vị hành chính do mình quản lý theo quy định của Luật Nhà ở và Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; Đẩy nhanh công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn; Hỗ trợ thành lập Ban quản trị, Ban quản lý vận hành nhà chung cư.

13.6. Thực hiện kiểm tra, theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng nhà ở của các hộ gia đình, cá nhân được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn nhằm phát hiện và xử lý vi phạm theo quy định; Xử lý giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn do mình quản lý theo quy định; thực hiện theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện đúng tiến độ và nội dung của dự án xây dựng nhà ở xã hội đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận, quyết định nhằm tránh phát sinh đơn thư, khiếu nại, tố cáo. Xem xét, ban hành quyết định và tổ chức thu hồi, cưỡng chế nhà ở xã hội đối với các trường hợp trả lại, thu hồi nhà ở xã hội trên địa bàn do mình quản lý theo quy định.

13.7. Chịu trách nhiệm kiểm tra và xác minh thông tin liên quan đến đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, cụ thể: xác minh đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội chưa được nhà nước bồi thường nhà ở hoặc đất ở tái định cư; người nghèo, cận nghèo tại các khu vực nông thôn, đô thị; hỗ trợ tặng cho nhà ở, hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia hoặc chương trình đầu tư công về nhà ở để tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở cho các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 76 Luật số 27/2023/QH15; việc miễn, giảm tiền sử dụng đất ở để xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về đất đai; có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người cao hơn mức diện tích nhà ở tối thiểu theo quy định tại Điều 29 của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP.

13.8. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích các thành phần kinh tế, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tham gia đầu tư xây dựng và bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

14. Các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị

14.1. Chủ động cập nhật, đề xuất đưa dự án vào Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố; khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư, thủ tục xây dựng theo quy định.

14.2. Đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình theo cam kết; không được chậm tiến độ, vi phạm pháp luật về xây dựng, vi phạm điều kiện mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.

14.3. Bàn giao đầy đủ, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho Thành phố hoặc UBND cấp xã quản lý theo quy định.

14.4. Thực hiện đầy đủ chế độ bảo hành, bảo trì công trình; hỗ trợ thành lập Ban quản trị, Ban quản lý vận hành nhà chung cư; bàn giao hồ sơ hoàn công, hồ sơ thiết kế, hồ sơ cho Ban quản trị.

14.5. Phối hợp với UBND cấp xã trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

14.6. Tuân thủ nguyên tắc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch. Tuân thủ quy định về công tác giám sát, bán lại, trả lại, thu hồi, cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội theo quy định. Công bố công khai thông tin liên quan đến dự án và tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký, xét duyệt mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải tuân thủ theo đúng trình tự, quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các phường, xã chủ động và chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này; thường xuyên rà soát, đề xuất với UBND Thành phố (thông qua Sở Xây dựng) những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung để hoàn thành Kế hoạch; Đồng thời báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, gửi Sở Xây dựng (cơ quan thường trực Kế hoạch) khi Thành phố tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch này./.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án									Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận của trường đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư cùng an (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn chúng nhận đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội			2026 - 2030				sau 2030					
										Căn hộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)		
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	TỔNG SỐ																									
	I. DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC GIAO ĐẤT																									
1	Dự án Khu dịch vụ, văn phòng và nhà ở kinh doanh tại số 131 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa	số 131 Thái Hà, phường Đống Đa	Số 55/UB-XDDT ngày 8/1/2001 QĐ điều chỉnh CĐTĐ số 2222/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Huy Hưng	Hoàn thành đưa vào sử dụng Quý I/2025	240	1.015	3.665	25	3.665	25	-	-	-	-	-	3.665	25	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2026	
2	Đầu tư xây dựng Khu trường học – văn phòng – dịch vụ – nhà ở cao tầng và thấp tầng – Giai đoạn 2	số 170 đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội	01121000291 ngày 04/5/2009	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quý II/2025 đến Quý II/2028	71	1.338	6.162	39	5.514	36	648	3	-	-	-	6.162	39	-	-	-	-	-	-	Quý II/2028	
3	Dự án nhà ở cao tầng để kinh doanh (Hải Đăng Tower)	Số 9 ngõ 29 Láng Hạ, phường Ô Chợ Dừa	5703/QĐ-UBND ngày 23/10/2018, 3611/QĐ-UBND ngày 18/8/2020, 3222/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	Công ty Cổ phần Tập đoàn HDBM (trước đây là Công ty CP ĐT XD Hải Đăng)	2023	765	3.152	13.708	175	13.708	175	-	-	-	-	-	13.708	175	-	-	-	-	-	-		
4	Công trình hỗn hợp thương mại, văn phòng và nhà ở bán tại số 22-24 phố Hàng Bài và 25-27 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm	số 22-24 phố Hàng Bài và 25-27 phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm	01121000863 ngày 24/6/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 11/5/2015, 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	Công ty CP Thời đại mới T&T	Quý III/2019-Quý III/2021	1.229	4.073	16.363	104	-	104	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2026	
5	Khu nhà ở thương mại cao tầng Opera	số 4 phố Đăng Thái Thâm, phường Cấn Nam, thành phố Hà Nội		Công ty TNHH Motor. N.A Việt Nam	Quý 1/2026-Quý IV/2031	643	1.339	7.501	115	7.501	115	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.501	115	-	-	2031	
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thấp tầng ngõ 5 Láng Hạ	Số 9 ngõ 29 Láng Hạ (trước đây là ngõ 5 Láng Hạ), phường Thành Công, quận Ba Đình	1079/UB-CN ngày 16/5/2000, 3188/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	Công ty CP đầu tư dự án phát triển đô thị UDPI	quý II/2026	128	4.096	12.394	25	-	-	12.394	25	-	-	-	12.394	25	-	-	-	-	-	-	2026	
7	Hỗn hợp nhà ở chung cư cao tầng 134	Ngõ 51 phố Độc Ngàn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình	01121000003 ngày 09/01/2008, điều chỉnh ngày 21/01/2010; 3539/QĐ-UBND ngày 8/7/2024	Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng công trình 134	2010 - Quý IV/2026	198	1.976	8.470	76	8.470	76	-	-	-	-	-	8.470	76	-	-	-	-	-	-	2026	
8	Dự án Cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Viện tư liệu phim Việt Nam The Boulevard	số 22 phố Liễu Giai, phường Công Vi, quận Ba Đình, Hà Nội;	4540/QĐ-UBND ngày 30/8/2018; 1626/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	Công ty TNHH Đầu tư & Kinh doanh bất động sản Việt Úc	III/2018-Quý III/2026	336	1.329	6.896	70	-	70	-	-	-	-	-	6.896	70	-	-	-	-	-	-	2027	
9	Tổ hợp văn phòng làm việc và nhà ở cho thuê tại số 5 Thành Công, Ba Đình	số 5 Thành Công, Ba Đình	438/QĐ-UBND 28/01/2015, 6720/QĐ-UBND 21/11/2019; 6091/QĐ-UBND 29/11/2023	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	Quý II/2015-Quý II/2025	239	7.587	11.913	104	-	94	-	10	-	-	-	11.913	104	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định	
10	Dự án nhà điều hành sản xuất, Văn phòng cho thuê, chung cư và trung tâm thương mại	31 Láng Hạ, quận Ba Đình	01121001019 ngày 24/8/2011 QĐ điều chỉnh số 5715/QĐ-UBND ngày 13/10/2016	Công ty CP Mật trù Đường sắt Việt Nam	Quý III/2018	3.651	10.072	49.811	420	49.811	420	-	-	-	-	-	49.811	420	-	-	-	-	-	-	2028	
11	Dự án đầu tư xây dựng khu văn phòng, nhà ở và nhà trẻ	Số 201 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng	2559/UBND-ĐT ngày 25/5/2017	TCty CP Thương mại Xây dựng	2017-2021	4.826	31.249	100.022	1.099	100.022	1.099	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2022	
12	Khu văn phòng làm việc cho thuê và nhà ở thấp tầng	số 36 ngõ 61 phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng	6374/QĐ-UBND ngày 24/11/2015; 3676/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	Công ty CP Thủy sản khu vực 1	Quý II/2027	279	5.239	7.938	22	-	-	7.938	22	-	-	-	7.938	22	-	-	-	-	-	-	2026	
13	Xây dựng đất nền phía Nam đường Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai	đường Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai	2105/QĐ-UB ngày 01/7/2002 và 1581/QĐ-UBND ngày 05/4/2011; 6211/QĐ-UBND ngày 06/9/2017	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Đại Cồ Việt	2029 (đề xuất)	3.198	20.680	58.632	245	58.632	245	-	-	-	-	-	58.632	245	-	-	-	-	-	-	2029	
14	Đầu tư xây dựng khu nhà ở tại số 54 ngõ 459 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng	số 54 ngõ 459 Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng	số 01121001026 ngày 19/9/2011, thay đổi lần 1 ngày 11/2/2015.	Cty CP Thực phẩm Hà Nội và Cty CP Tập đoàn COTANA	2029 (đề xuất)	134	1.542	7.497	51	5.733	45	1.764	6	-	-	-	7.497	51	-	-	-	-	-	-	2029	
15	Dự án Khu đô thị Nam đường Vĩnh đại 3 (giai đoạn 1)	Khu DT Nam đường Vĩnh đại 3, quận Hoàng Mai	3021/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 5909/QĐ-UBND ngày 27/11/2025	Công ty CP Bitesco	GD2 2025-2032	24.208	65.151	699.032	2.429	682.958	2.385	16.074	44	19.518	61.795	600	332.000	1.208			350.958	1.177	-	-	2032	
16	Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ	phường Hoàng Mai	3431/QĐ-UBND ngày 21/7/2011; 8599/QĐ-UBND ngày 12/12/2017; 9037/QĐ-UBND ngày 23/2/2021	Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai	Từ quý IV/2016 đến quý IV/2025	2.430	223.047	379.972	854	-	-	379.972	854	-	-	-	78.410	173	-	-	-	-	-	-	2028	

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị để xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030					
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)		Diện tích sàn nhà ở (m2)		Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)			
17	Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp ký hiệu HH1	Ô đất ký hiệu HH1, phường Hoàng Văn Thụ và phường Trương Mai, quận Hoàng Mai	4560/QĐ-UBND ngày 13/11/2007 của UBND TP Hà Nội thu hồi và giao đất	Công ty TNHH Hà Nội Cho Lớn	III/2023-IV/2025	523	4.958	11.290	96	11.290	96	-	-	-	-	-	-	11.290	96	-	-	-	-	-	-	-	
18	Dự án Công viên Yên Sở, gồm: khu A và khu B (Dự án Khu đô thị Xanh ven hồ Yên Sở và Khu công viên Yên Sở)	các phường Yên Sở, Hoàng Liệt, Thịnh Liệt - quận Hoàng Mai - TP Hà Nội	011043000257 ngày 31/12/2007, 22/3/2011;	Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	Khu A: 2027; Khu B: 2030 (NDT đề xuất)	28.518	2.972.614	880.220	9.977	880.220	9.977	-	-	-	-	-	-	880.220	9.977	-	-	-	-	-	-	2030	
19	Khu nhà ở (Nhà ở thương mại tái định cư, thu nhập thấp và kinh doanh) tại điểm X2 phường Trần Phú, quận Hoàng Mai - Phần nhà ở thương mại tại ô đất CT1	Điểm X2 phường Trần Phú, quận Hoàng Mai	6490/UBND-XD ngày 05/8/2011; số 4270/QĐ-UBND ngày 22/9/2020; số 3771/QĐ-UBND ngày 19/7/2024	Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	Quý IV/2020 - IV/2026	1.075	15.397	24.840	240	24.840	240	-	-	-	-	-	-	24.840	240	-	-	-	-	-	-	2026	
20	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Đại Kim	Phường Định Công,	Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 11/5/2016; số 2163/QĐ-UBND ngày 23/6/2022; số 1578/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	Liên danh Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn được phẩm Vimedimex (Đại diện Liên danh: Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội)	Từ 2016 đến quý IV/2028	9.515	216.380	408.050	2.709	206.094	1.356	118.857	434	20.256	83.100	919	391.528	1.380	83.100	919	-	-	-	-	-	2028	
21	Nhà ở thấp tầng và khu nhà ở tái định cư kết hợp thương mại	Ô đất PT1, một phần ô đất PT2 trong khu đô thị mới Tây Nam hồ Linh Đàm phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	4139/QĐ-UBND ngày 29/07/2016; 1770/QĐ-UBND ngày 17/03/2017; 5694/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Linh Đàm	Quý I/2027	4.619	64.513	366.757	2.475	278.445	1.863	32.600	198	-	-	-	-	311.045	2.061	-	-	-	-	-	-	2027	
22	Khu đô thị mới Thịnh Liệt	Phường Hoàng Mai, HN	6429/QĐ-UBND ngày 15/9/2017	Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	2029 (đề xuất)	5.936	351.421	475.440	2.796	158.503	1.106	165.875	540	27.254	151.062	1.150	324.378	1.646	151.062	1.150	-	-	-	-	-	-	
23	Dự án Khu nhà ở thấp tầng Đại Từ	tại số 69, phố Đại Từ, phường Đại Kim	Văn bản số 1763/UBND-QLĐT ngày 12/11/2014 của UBND quận Hoàng Mai; 2756/QĐ-UBND ngày 02/6/2025	LD: Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và xây dựng giao thông 208, Công ty cổ phần Xây dựng công nghiệp và phát triển hạ ứng;	Quý IV/2026	113	1.967	5.915	17	-	-	5.915	17	-	-	-	-	5.915	17	-	-	-	-	-	-	2026	
24	Dự án đầu tư xây dựng tại ô đất ký hiệu 4NO và 5BT thuộc Dự án 11ha, Khu đô thị mới Bắc Đại Kim mở rộng, phường Định Công, quận Hoàng Mai	phường Định Công, quận Hoàng Mai	4026/QĐ-UBND ngày 22/07/2016	Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp và Phát triển Nhà	III/2027 (đề xuất)	204	8.037	8.471	114	6.467	104	2.004	10	-	-	-	-	8.470	114	-	-	-	-	-	-	2027	
25	Tổ hợp văn phòng dịch vụ và thương mại Thành An Tower	21 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Giấy chứng nhận đầu tư 01121000982 ngày 29/4/2011 thay đổi thứ 1 ngày 11/6/2015	Tổng công ty Thành An và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Ba Đình	Quý III/2014-Quý I/2018	804	4.861	57.558	327	57.558	327	-	-	-	-	-	-	57.558	327	-	-	-	-	-	-	2027	
26	Dự án DLC-Complex Nguyễn Tuấn	Lô C, ô đất 1.14-HH tuyển phố Láng Hạ-Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân	2793/QĐ-UBND ngày 07/6/2018	Nhà đầu tư thứ nhất 1: Công ty TNHH Đầu tư BĐS DLC; Nhà đầu tư thứ 2: Công ty CP Đầu tư và Tư vấn An Việt	Quý I/2018-IV/2021	1.314	2.085	28.255	336	28.255	336	-	-	-	-	-	-	28.255	336	-	-	-	-	-	-	Quý II/2027	
27	Dự án Khu nhà ở hỗn hợp 107 Nguyễn Tuấn VIHACOMPLEX	Số 107 Nguyễn Tuấn, Thanh Xuân	6372/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 6521/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	1. Công ty CP In & Thương mại Thống Nhất; 2. Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	Quý III /2026	1.037	7.338	56.128	486	56.128	486	-	-	-	-	-	-	56.128	486	-	-	-	-	-	-	Quý III /2026	
28	Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại	Số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân	01121000296 ngày 21/5/2009, điều chỉnh ngày 17/6/2013	Cty CP Nhựa Thăng Long; Cty TNHH MTV Quân ty nơ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	IV/2013 - IV/2015	1.200	3.195	19.093	200	19.093	200	-	-	-	-	-	-	19.093	200	-	-	-	-	-	-	2030	
29	Khu nhà ở ngõ 83 đường Trường Chinh, quận Thanh Xuân (ngõ là số 41 phố Phương Liệt)	Ngõ 83 đường Trường Chinh (ngõ là 41 phố Phương Liệt), Thanh Xuân	01121000005 ngày 09/01/2008; điều chỉnh ngày 05/02/2013	Cty CP Co điện Trần Phú; Cty CP Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản	Khoi công quỹ I/2013 - Hoàn thành quý IV/2015	890	13.199	39.530	330	31.258	294	8.272	36	-	-	-	-	39.530	330	-	-	-	-	-	-	2030	
30	Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng, dịch vụ siêu thị và nhà để xe tự động	Ngõ 105 Trường Chinh, Phường Liệt, Hà Nội	GCNĐT 01121000238 ngày 03/12/2008; Văn bản 5445/UBND-QHKT ngày 06/8/2025	Công ty CP VLXD và XNK Hồng Hà	Từ 2008- 2010	1.577	9.098	19.888	132	19.888	132	-	-	-	-	-	-	19.888	132	-	-	-	-	-	-	Quý II/ 2029	
31	Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc và nhà ở để bán	số 130, phố Hà Đình, phường Hà Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội	01121001064 ngày 03/02/2012, 4297/QĐ-UBND ngày 07/11/2022, 1899/QĐ-UBND ngày 4/4/2025	Công ty cổ phần Đông Lực	2026	491	3.209	16.452	156	16.452	156	-	-	-	-	-	-	16.452	156	-	-	-	-	-	-	Quý II/2027	
32	Dự án Tòa nhà dịch vụ thương mại, nhà trẻ và nhà ở cao tầng VNT Hà Đình	Khu hồ Rê Quat, Đường Nguyễn Xiển, phường Hà Đình, quận Thanh Xuân	01121001699 cấp ngày 26/12/2013, 2103/QĐ-UBND ngày 03/5/2018	LD: Cty CP đầu tư xây dựng Đại An, Cty CP Tập đoàn Đại Dương, Cty CP Tập đoàn Khang Thổng	2013-II/2020	569	4.712	14.252	166	14.252	166	-	-	-	-	-	-	14.252	166	-	-	-	-	-	-	2029	

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030				
										Căn hộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)		Diện tích sàn nhà ở (m2)		Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)					Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	
33	Khu chức năng đô thị tại số 233, 233B và 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân	số 233, 233B và 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân	1962/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 4259/QĐ-UBND ngày 15/8/2025	Cty CP Bất động sản Xavincos, Cty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long, Cty TNHH Xalivico	Quý I/2030	11.108	109.980	585.020	4.752	585.020	4.752	-	-	-	-	-	-	585.020	4.752	-	-	-	-	-	-	Quý I/2030
34	Khu tổ hợp văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở cao cấp Emico Tower	67 Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân	1694/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	Tổng Công ty Phát triển Phát thanh Truyền hình Thông tin - CTCP. Xây dựng Tổ hợp văn phòng, thương mại dịch vụ và nhà ở	Quý I/2024 - Quý II/2027	511	11.336	33.856	138	11.985	90	16.231	48	-	-	-	-	33.856	138	-	-	-	-	-	-	Quý II/2027.
35	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội	Số 231 Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội	4719/QĐ-UBND ngày 12/9/2025	Liên danh Công ty cổ phần cao su Sao Vàng; Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn và Công ty cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	III/2025- 2031	18.581	62.483	335.126	2.520	332.900	2.518	2.226	2	-	-	-	-	335.126	2.520	-	-	-	-	-	-	2031
36	Khu nhà ở thương mại	Ngõ 204 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa	528/QĐ-UBND ngày 25/01/2017; 6352/QĐ-UBND ngày 21/1/2018	Công ty TNHH Nhà Đất Bình An	Từ 2025 đến 2030	1.678	8.204	60.152	532	60.152	532	-	-	-	-	-	-	60.152	532	-	-	-	-	-	-	năm 2030
37	Dự án Khu đô thị mới Dịch Vọng (Dự án tại ô NG-11)	Phường Yên Hòa	QĐ 2378/QĐ-UB ngày 19/05/2003; số 4031/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 và số 2747/QĐ-UBND ngày 30/05/2025	Công ty CP Phát triển đô thị Từ Liêm	Quý I/2029	5.125	216.110	197.976	1.541	166.392	1.387	31.584	154	-	-	-	-	25.293	364	-	-	-	-	-	-	2028
38	Tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng, khách sạn và căn hộ để bán - The Northern Star Complex	Ô đất ký hiệu B12 khu đô thị Nam Trung Yên, phường Yên Hòa	Văn bản chấp thuận số 1259/UBND-SXD ngày 07/02/2013; điều chỉnh tại Quyết định số 5567/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Phương Bắc	Quý II/2030	4.232	13.476	86.418	540	86.418	540	-	-	-	-	-	-	86.418	540	-	-	-	-	-	-	Quý II/2030
39	Xây dựng Tổ hợp công trình trung tâm thương mại, căn hộ và văn phòng (Tòa nhà hỗn hợp Contrexim Complex)	Lô đất ký hiệu A1-2 Khu ĐTM Cầu Giấy, Hà Nội	01/12/1001097 ngày 18/07/2012; 1028/QĐ-UBND ngày 23/02/2024; số 2936/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	Công ty cổ phần xây dựng, Đầu tư bất động sản Việt Minh Hoàng	2028	3.897	25.520	162.448	1.667	162.448	1.667	-	-	-	-	-	-	162.448	1.667	-	-	-	-	-	-	2028
40	Khu nhà ở chung cư cao tầng - Weslake Residential	Lô đất CHC1, khu D6, phường Phú Thượng và Phường Xuân La quận Tây Hồ cũ	5275/QĐ-UBND ngày 22/10/2025	Công ty Cổ phần xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam	Quý II/2027	978	3.884	24.800	216	24.800	216	-	-	-	-	-	-	24.800	216	-	-	-	-	-	-	II/2027
41	Khu nhà ở Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ	Ngõ 46, đường Nguyễn Hoàng Tôn, phường Phú Thượng, Hà Nội	5459/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Giao thông vận tải	IV/2028	1.086	11.276	55.678	515	50.581	502	5.098	13	-	-	-	-	55.678	515	-	-	-	-	-	-	IV/2028
42	Tòa nhà Đất Hồ Tây	Lô A, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ cũ		Công ty TNHH Đất Hồ Tây	IV/2028	940	5.423	11.640	116	11.640	116	-	-	-	-	-	-	11.640	116	-	-	-	-	-	-	IV/2028
43	Khu trung tâm đô thị Tây Hồ Tây (Giai đoạn 1)	Xã Xuân Đình, Cổ Nhuế Quận Từ Liêm-phường Xuân La, Quận Tây Hồ và phường Nghĩa Đô-quận Cầu Giấy (cũ)	01104300347 ngày 31/8/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 22/01/2015; 815/QĐ-UBND ngày 07/02/2024	Công ty TNHH Phát triển THT	Hoàn thành DTXD HTKT và các ô đất Giai đoạn 1 năm 2028	54.835	1.585.489	622.996	2.879	-	2.042	-	837	-	-	-	-	201.530	2.879	-	-	-	-	-	-	2028
44	Dự án Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng	các ô đất G3-CC1, G2-CT1, G2-BT1, G5-BT2, G8-BT3 thuộc QHCT KV Bắc Cổ Nhuế - Chèm, BTL (cũ)	2562/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; 1111/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	Liên danh Công ty cổ phần Bất động sản JS- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Bạch Đằng TMC	Từ Quý II/2018 đến Quý IV/2028	3.693	66.192	154.012	1.401	120.903	1.275	33.108	126	-	-	-	-	120.903	1.275	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028
45	Dự án Khu đô thị Thành phố Giao lưu (phần đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng CT4; nhà ở thấp tầng TT1, TT2; công trình hỗn hợp HH2)	tại các phường Đồng Ngạc và phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	số 1694/UBND-KH&ĐT ngày 20/5/2004, số 5128/QĐ-UBND ngày 10/10/2023, số 68/QĐ-UBND ngày 07/01/2026	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A	đến Quý IV/2030	4.926	57.240	142.871	1.285	123.671	1.221	19.200	64	-	-	-	-	142.871	1.285	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030
46	Dự án Khu đô thị Nam Thăng Long	xã Xuân Đình, Đồng Ngạc, Bắc Từ Liêm và phường Phú Thượng, Xuân La, quận Tây Hồ (cũ)	GCNĐT số 011022000128 ngày 16/6/2008, thay đổi lần 2 ngày 10/10/2016	Công ty TNHH Phát triển Khu đô thị Nam Thăng Long	IV/2030	56.473	3.019.000	2.357.434	10.636	-	8.979	-	1.657	-	-	-	-	744.520	10.636	-	-	-	-	-	-	Sau 2025
47	Dự án nhà ở thấp tầng tại ô đất TT6-1 thuộc quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Tây Từ 1/500, phường Tây Từ quận Bắc Từ Liêm	ô đất TT6-1 thuộc quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Tây Từ 1/500, phường Tây Từ quận Bắc Từ Liêm	2225/UBND-SXD ngày 05/6/2020	Công ty cổ phần quản lý tài sản Sông Nhuệ	2020-2022	209	10.923	8.544	8.582	-	8.544	-	38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
48	Dự án khu nhà ở ô đất Bắc Phú Diễn	phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	4448/QĐ-UBND ngày 23/8/2018; 1818/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	Công ty CP kinh doanh phát triển nhà Hà Nội, Cty TNHH Minh Giang	III/2018 - IV/2020; Hoàn thành quý IV/2028	883	28.990	99.506	498	-	419	-	79	-	-	-	-	37.710	419	-	-	-	-	-	-	2022, 2028

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án									Các loại hình nhà ở của Dự án				Nhà ở xã hội			Thời gian hoàn thành						Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành
			Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyệt/ đề xuất (từ quý/năm - năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)					Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tài định cư					Nhà ở thấp tầng						
														Cán hệ chung cư	Nhà ở thấp tầng	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)						
																				Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	
			2026 - 2030														sau 2030								
Nhà ở thương mại														Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội							
Diện tích sàn nhà ở (m2)														Số lượng nhà ở (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m2)		Số lượng nhà ở (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m2)		Số lượng nhà ở (căn)			
49	Dự án nhà ở thấp tầng tại ô đất TT6-2 thuộc quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Tây Tựu 1/500, phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	ô đất TT6-2 thuộc quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Tây Tựu 1/500, phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	2224/UBND-SXD ngày 05/6/2020	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Xuân La	2020-2022	259	13.000	30.452	48	-	-	-	48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
50	Dự án nhà ở thấp tầng tại ô đất TT6-3 thuộc quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Tây Tựu 1/500, phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	ô đất TT6-3 thuộc quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị Tây Tựu 1/500, phường Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm	2223/UBND-SXD ngày 05/6/2020	Công ty cổ phần quản lý tài sản Sông Nhụê	2020-2022	307	15.284	35.826	63	-	-	-	63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
51	Dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại	Lô đất 1.A.23 thuộc dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng tại ô đất 1.A.23 KĐT Nam Thăng Long (GD2)	7533/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	Công ty CP Đầu tư xây dựng Xuân Đình	Quý III/2017-Quý I/2022	2.894	18.700	190.675	1.791	-	1.791	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
52	Dự án đầu tư Khu nhà ở thương mại Vạn Xuân tại lô đất D2-BT1 tại Khu đô thị Bắc Cổ Nhuế - Chèm, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	lô đất D2-BT1 tại Khu đô thị Bắc Cổ Nhuế - Chèm, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	5677/UBND-KH&ĐT ngày 08/7/2011, 1970/UBND-XDGT ngày 05/4/2016, 3125/QĐ-UBND ngày 07/6/2023	Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 4 - Vạn Xuân	III/2025	339	9.918	10.174	37	-	-	10.174	37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
53	Dự án tổ hợp dịch vụ công cộng, thương mại kết hợp nhà ở cao cấp Tây Hồ Tây	ô đất H4HH1, dự án Khu trung tâm Khu đô thị Tây Hồ Tây - giai đoạn 1, phường Cổ Nhuế 1 và phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm (cũ)	2787/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 và 546/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	Công ty cổ phần Tập đoàn Thái Bình Dương	2023 (để xuất hoàn thành XD nhà ở 2025, hoàn thành dự án 2027)	2.792	17.415	52.730	400	52.730	400	-	-	-	-	-	52.730	400	-	-	-	-	-	2028	
54	Khu tổ hợp Phú Diễn - Ecity Phú Diễn	phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	01121001004 ngày 01/07/2011, 486/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Công nghiệp Châu Á	I/2024-IV/2028	4.080	86.892	141.158	1.452	136.958	1.438	4.200	14	-	-	-	141.158	1.452	-	-	-	-	-	2028	
55	Chung cư cao tầng lô E (ô C4)	phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm (cũ)	01121000200 ngày 08/8/2008	Công ty Cổ phần Thăng Long GTC	2008-2010 (để xuất 2027)	96	4.003	9.216	96	9.216	96	-	-	-	-	-	9.216	96	-	-	-	-	-	2027	
56	Khu đô thị mới Tây Mỗ-Đại Mỗ	Phường Tây Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm (cũ)	6583/QĐ-UBND ngày 29/11/2016; 3000/QĐ-UBND ngày 16/6/2018; 3643/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Quý III/2018-Quý IV/2025 (giai đoạn 2 từ năm 2020-2025)	80.000	2.806.931	1.397.523	24.091	1.397.523	24.091	-	-	-	-	-	1.397.523	24.091	-	-	-	-	-	2026	
57	Dự án Công viên giải trí, Trường học và Tổ hợp nhà ở, thương mại, dịch vụ Golden Palace A	Phường Mễ Trì, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm	1208/QĐ-UBND ngày 20/2/2017	Công ty CP đầu tư Mai Linh	Quý I/2017-Quý I/2022	4.460	398.191	223.390	1.802	-	1.752	-	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
58	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại hỗn hợp (dành một phần để bán cho cán bộ chiến sĩ Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu C03 - Bộ Công an)	Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm (cũ)	5797/QĐ-UBND ngày 06/11/2009, 2579/QĐ-UBND ngày 14/6/2021, 2479/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bắc Hà	Hoàn thành quý II/2027	1.402	30.182	56.318	372	56.318	294	-	78	-	-	-	56.318	372	-	-	-	-	-	2027	
59	Dự án Tổ hợp Mỹ Đình Pearl tại Khu X3, khu CV4.3, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm	phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm (cũ)	2854/QĐ-UBND ngày 02/6/2016, 4222/QĐ-UBND ngày 07/8/2019, 2038/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	Công ty cổ phần BDS Đầu tư Việt Nam- SSG	Hoàn thành toàn bộ Dự án Quý IV/2028	3.730	38.099	37.137	284	37.137	284	-	-	-	-	-	37.137	284	-	-	-	-	-	2028	
60	Dự án Khu văn phòng, dịch vụ công cộng và nhà ở bán	phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm (cũ)	4925/UB-NNDC ngày 31/12/2004	Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng và giao thông	2022-2026 (NDT để xuất)	1.460	6.162	31.424	504	31.424	504	-	-	-	-	-	31.424	504	-	-	-	-	-	2026	
61	Khu chức năng đô thị Xuân Phương-Đôn vị ở 1	Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm	6999/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	Công ty CP Tasco	Quý II/2018-Quý I/2021	2.992	491.076	145.432	391	-	-	-	391	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
62	Dự án Tòa nhà thương mại, dịch vụ, văn phòng và căn hộ tại đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm	đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm	01121000880 ngày 13/9/2010; 5293/QĐ-UBND ngày 04/10/2018; 2356/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	Công ty TNHH Thủ Đô II	I/2023	1.450	4.068	40.080	334	-	334	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
63	Dự án Khu hỗn hợp, dịch vụ, nhà ở, nhà trẻ và cây xanh	Số 55 đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm	4440/QĐ-UBND ngày 23/8/2018, 5040/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	Công ty CP chế tạo biến thế và vật liệu điện Hà Nội	Quý III/2018-II/2024	1.108	14.786	56.134	361	-	336	-	25	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
64	Dự án nhóm nhà ở Tây Nam Mễ Trì	Phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm	2096/QĐ-UBND ngày 22/5/2020	Cần ty CP xây dựng và PT nhà DAC	Quý I/2008-Quý IV/2022	517	57.405	33.806	225	-	160	-	65	2.865	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
65	Dự án đầu tư Khu nhà ở và dịch vụ	Tổ dân số 4 phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm	4395/QĐ-UBND ngày 07/10/2021	Công ty TNHH đầu tư Xuân Phương	Quý IV/2021 - IV/2024	471	16.981	17.484	37	-	-	17.484	37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
66	Tòa nhà MHD Trung Văn (Tổ hợp thương mại, văn phòng, nhà ở, căn hộ khách sạn	Tại khu đất ký hiệu HH - KĐT Trung Văn, Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm	6323/QĐ-UBND ngày 08/09/2017	LD: Công ty CP đầu tư MHD Hà Nội và Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	II/2025	1.549	8.266	24.840	276	24.840	276	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành						Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành				
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030		sau 2030							
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng						Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội			
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)		
67	Dự án Tòa nhà chung cư cao tầng F361 Phùng Khoang	Ngõ 43 Phùng Khoang, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm (cũ)	2923/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	Công ty CP Tư vấn, đầu tư và xây dựng Hương Giang	Quý II/2018-IV/2022	888	4.265	48.564	354	-	354	-	-	-	-	-	-	-	354	-	-	-	-	-	-	Sau 2025	
68	Khu chức năng đô thị Đại Mỗ - giai đoạn 1	phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm (cũ)	4859/UBND-KH&ĐT ngày 25/06/2012	Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Alaska	2012 - 2016 (NĐT để xuất 2017)	990	53.440	15.737	41	-	-	15.737	41	-	-	-	-	5.226	18	-	-	-	-	-	-	Sau 2025	
69	Dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nhà ở trên diện tích 14,5ha tại khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	4619/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	Công ty CP Ngôi Nhà mới	Quý IV/2016-Quý IV/2022	1.303	145.000	243.895	571	-	-	-	571	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
70	Nhóm nhà ở Đông Nam đường Tố Hữu	Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm	1960/QĐ-UBND ngày 10/11/2008; 2729/QĐ-UBND ngày 11/5/2017; 5475/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng NHS	Hoàn thành IV/2025	2.402	53.433	86.570	664	-	550	-	114	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
71	Dự án xây dựng Khu nhà ở thấp tầng, nhà trẻ, cây xanh, bãi đỗ xe tập trung, đường giao thông (Dự án Khu dân cư President Park)	ô đất CQ1.1 thuộc Đài Phát sóng phát thanh Mễ Trì, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội	116/BKHĐT- GCN&KĐTN ngày 29/12/2017	Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Thành phố	IV/2025-IV/2028 (để xuất)	1.377	60.000	66.609	119	-	-	66.609	119	6.516	16.586	30	66.609	119	16.586	30	-	-	-	-	-	2028	
72	Dự án DTXD Nhà ở tại ô đất TT-07 thuộc Dự án GPMB khu đất đai bên đường trục Tây Thăng Long (vị trí đầu giá 6A)	phường Tây Từ, quận Nam Từ Liêm	2542/QĐ-UBND ngày 20/07/2022	Công ty TNHH Xuân Trường Hoàng Bô	Quý I/2022 - Quý II/2024	570	15.828	58.056	90	-	-	58.056	90	-	-	-	-	58.056	90	-	-	-	-	-	-	Sau 2025	
73	Dự án xây dựng Nhà ở thương mại (bán cho cán bộ, chiến sỹ Cục A63, Tổng cục An ninh, Bộ Công an) tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm	phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm (cũ)	VB 8838/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội	LD CTy CP Gia Lộc Phát-CTy CP kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội	Quý III/2019 (NĐT để xuất 2024)	1.267	14.192	35.827	197	-	160	-	37	-	-	-	-	197	-	-	-	-	-	-	-	Sau 2025	
74	Dự án Thành phố Công nghệ xanh Hà Nội	phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm (cũ)	GCN&KĐT 011043002736 ngày 24/12/2014, 4334604797 ngày 22/01/2018, 6824/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	Công ty TNHH Thành phố công nghệ xanh Hà Nội	2024-2029	6.252	516.537	229.285	778	-	-	220.285	638	47.665	9.000	140	220.285	638	9.000	140	-	-	-	-	-	-	2029
75	Dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng và nhà ở - MIC TOWER	Số 54 đường Tố Hữu, phường Trung Văn, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm (cũ)	330/QĐ-UBND ngày 14/01/2019; 4765/QĐ-UBND ngày 17/9/2025	Tổng Công ty CP Bảo hiểm quân đội và Công ty CP Đầu tư MIC	Quý IV/2029	3.198	25.305	117.570	707	-	603	-	104	-	-	-	117.570	707	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029	
76	Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng và căn hộ chung cư cao tầng	phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm (cũ)	01121000928 ngày 11/01/2011	Công ty CP tập đoàn đầu tư xây dựng phát triển Đông Đô - BQP	I/2011-IV/2018	215	1.712	14.174	114	-	114	-	-	-	-	-	14.174	114	-	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định	
77	Dự án Tổ hợp công trình dịch vụ công cộng, văn phòng và nhà ở	số 21 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm (cũ)	01121000117 ngày 06/12/2007, ngày 16/12/2010	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Thăng Long	Hoàn thành dự án quý IV/2017	1.283	12.435	-	438	-	438	-	-	-	-	-	39.420	438	-	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định	
78	Dự án Khu đô thị mới Phùng Khoang	tại lô đất HH1 và TT1 thuộc dự án Khu đô thị mới Phùng Khoang thuộc phường Đại Mỗ và phường Thanh Xuân	2580/QĐ-UBND ngày 15/12/2008, 3162/QĐ-UBND ngày 31/8/2022; 2572/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	LD Tổng Cty Đầu tư và phát triển nhà HN và Cty CP Đầu tư và xây dựng đô thị	Quý II/2025 đến Quý II/2027	4.335	276.711	141.303	720	73.078	520	68.225	200	-	-	-	82.018	549	-	-	-	-	-	-	-	Quý II/2027	
79	Tòa nhà hỗn hợp: Dịch vụ, thương mại và nhà ở tại phố Tố Hữu, phường Đại Mỗ	phường Đại Mỗ	QĐ số 2989/QĐ-UBND ngày 16/6/2018; số 333/QĐ-UBND ngày 23/01/2026	Công ty cổ phần Dịch vụ và Trường học Quang Minh	đến Quý IV/2026	1.491	6.566	58.590	490	58.590	490	-	-	-	-	-	58.590	490	-	-	-	-	-	-	-	quý IV/2026	
80	Tại ô đất F3-CH04 và F3-P01 thuộc dự án Khu đô thị mới Tây Mỗ - Đại Mỗ - Vinhomes Park	phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội	5007/QĐ-UBND ngày 25/9/2024	Công ty cổ phần HBI	Quý IV/2027 (để xuất)	2.926	14.200	148.412	1.836	148.412	1.836	-	-	-	-	-	148.412	1.836	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027	
81	Dự án Khu city xanh, vườn hoa kết hợp bãi đỗ xe và nhà ở	phường Long Biên, quận Long Biên	01121001681 ngày 18/2/2014, 3935/UBND-KH&ĐT ngày 01/7/2016, 4207/UBND-KH&ĐT ngày 11/9/2018	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Hà Thủy	IV/2018-II/2020 (Để xuất hoàn thành 2026)	39.638	13.883	546	2	-	-	546	2	-	-	-	546	2	-	-	-	-	-	-	-	2026	
82	Xây dựng nhà ở tại lô đất NO22 (Tên viết tắt: Dự án Oriental Mansion)	Tại ô đất NO-22 (thuộc quy hoạch chi tiết hai bên trục đường Cầu Chui - Đồng Trù, tỷ lệ 1/500), phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	5701/QĐ-UBND ngày 26/11/2012; 1531/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 và Quyết định số 5569/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND Thành phố	Công ty cổ phần Thương mại Dương Phúc Thắng	Quý IV/2025 - IV/2028	1.060	9.940	24.832	206	24.832	24.832	-	-	-	-	-	24.832	206	-	-	-	-	-	-	-	2028	
83	Xây dựng công trình hỗn hợp và nhà ở tại khu đất thuộc ngõ 64 phố Sài Đồng, quận Long Biên (nay là phường Phúc Lợi), thành phố Hà Nội	Ngõ 64 phố Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội	6638/QĐ-UBND ngày 31/12/2025	Hợp tác xã Song Long và Công ty cổ phần H&L Holdings	Quý IV/2025 - Quý IV/2029	1.498	8.753	64.262	453	64.262	453	-	-	-	-	-	64.262	453	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029	
84	Khu hỗn hợp nhà ở, thương mại dịch vụ kết hợp nhà trẻ	Ô đất HH-02 và NT-06 Khu đô thị mới Việt Hưng, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	5679/QĐ-UBND ngày 17/11/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội	Quý IV/2025 - IV/2028	1.645	20.915	62.232	571	62.232	571	-	-	-	-	-	62.232	571	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028	
85	Dự án Khu dân cư và thương mại Berjaya - Handico 12	Phường Thạch Bàn, quận Long Biên	011022000055 ngày 09/02/2007; 459/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	Công ty TNHH Berjaya-Handico 12	Quý II/2030	8.515	295.930	244.015	1.842	207.133	1.756	36.882	86	-	-	-	244.015	1.842	-	-	-	-	-	-	-	2030	

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyệt/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030					
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng						Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội			
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)		
86	Dự án đầu tư xây dựng công trình kho và dịch vụ công cộng Trico	Tại ô đất ký hiệu CQ-06 thuộc quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên (nay là đường Vạn Hạnh, phường Đức Giang, quận Long Biên).	885/QĐ-UBND ngày 14/2/2015	Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng giao thông 1	Đề xuất từ Quý IV/2025-Quý IV/2029	500	10.649	34.767	231	16.760	172	14.144	59	-	-	-		34.767	231	-	-	-	-	-	-	2029	
87	Đầu tư xây dựng công trình công cộng, thương mại dịch vụ và nhà ở tại ô C4.HH và C4.CCKO (lô A) Khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên (Nay là Dự án xây dựng công trình công cộng, thương mại dịch vụ và nhà ở tại ô CCKO (lô A) Khu đô thị mới Việt Hưng, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội)	Ô đất CCKO (lô A) Khu đô thị mới Việt Hưng, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	5647/QĐ-UBND ngày 14/11/2025	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển và thương mại Việt Tiến	IV/2025 - IV/2029	5.087	30.009	98.420	597	92.685	589	5.735	8	-	-	-		98.420	597	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029	
88	Dự án đầu tư Xây dựng nhà ở thấp tầng ô đất H1-NO3 và H1-NO4 tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên (Nay là Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở thấp tầng tại ô đất H1-NO3, H1-NO4, H1-NO5, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội	Phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội	6461/QĐ-UBND ngày 26/12/2025	Lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	2026-2028	301	14.919	9.522	3	-	-	9.522	3	-	-	-		9.522	3	-	-	-	-	-	-	2028	
89	Khu nhà ở Thạch Bàn Lakeside tại số 4 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	Tổ 4 phường Thạch Bàn, quận Long Biên	1335/QĐ-UBND 18/3/2016, 6020/QĐ-UBND 30/10/2019; số 1140/QĐ-UBND ngày 28/2/2025	Công ty TNHH Bất động sản Thạch Bàn Lakeside	2019-4/2027	1.004	76.768	72.267	139	-	-	72.267	139	-	-	-		72.267	139	-	-	-	-	-	-	2027	
90	Dự án xây dựng Khu nhà ở cao tầng CT1 thuộc lô đất A6 và hạ tầng kỹ thuật tại Dự án Khu nhà ở Him Lam Thạch Bàn	Lô đất A6 thuộc Khu đấu giá phường Thạch Bàn, quận Long Biên	3875/UBND-SXD ngày 21/8/2018; 4094/QĐ-UBND ngày 28/10/2022; 1557/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	Công ty Cổ phần Him Lam	III/2022-4/2028	626	15.014	24.809	336	24.809	336	-	-	-	-	-		24.809	336	-	-	-	-	-	-	2028	
91	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại ô đất có ký hiệu A4/NO2, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	Tại ô đất ký hiệu A4/NO2 phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	6307/QĐ-UBND ngày 18/12/2025	Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà đất Hà Nội	Quý IV/2025 - Quý IV/2028	2.499	24.727	119.379	500	75.980	446	43.399	54	-	-	-		119.379	500	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028	
92	Khu nhà ở thương mại thấp tầng và hỗn hợp cao tầng tại 53 Đức Giang, quận Long Biên (nay là Dự án Tổ hợp nhà ở thương mại cao cấp Đức Giang Residences)	Số 53 phố Đức Giang, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	-		II/2025-IV/2029	2.613	25.482	126.410	649	126.410	649	-	-	-	-	-		126.410	649	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029	
93	Công trình hỗn hợp dịch vụ thương mại và nhà ở	Phường Đức Giang, quận Long Biên (nay là phường Việt Hưng), thành phố Hà Nội	-		III/2025 - 1/2029	1.868	7.346	57.595	532	56.320	528	1.275	4	-	-	-		57.595	532	-	-	-	-	-	-	Quý 1/2029	
94	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại ô đất G2/NO tại phường Long Biên, quận Long Biên	Ô đất G2/NO, phân khu đô thị N10 tại Phường Long Biên, quận Long Biên	-		Quý II/2025 - Quý IV/2028	73	1.341	3.319	11	-	-	3.319	11	-	-	-		3.319	11	-	-	-	-	-	-	2028	
95	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại ô đất G4/NO3	Ô đất G4/NO3, phân khu đô thị N10 tại Phường Thạch bàn, quận Long Biên	-		2030 (đề xuất)	2.997	14.841	172.034	1.260	172.034	1.260	-	-	-	-	-		172.034	1.260	-	-	-	-	-	-	2030	
96	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại ô đất G5/NO4, phân khu đô thị N10 tại phường Long Biên, thành phố Hà Nội	Ô đất G4/NO5, phân khu đô thị N10 tại phường Long Biên, thành phố Hà Nội	-		2029 (đề xuất)	2.131	12.000	126.000	880	126.000	880	-	-	-	-	-		126.000	880	-	-	-	-	-	-	2029	
97	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở tại ô đất G5/NO5, phân khu đô thị N10 tại Phường Thạch bàn, quận Long Biên	Ô đất G5/NO5, phân khu đô thị N10 tại Phường Thạch Bàn, quận Long Biên	-		Quý II/2025 - Quý III/2029	3.516	19.800	207.900	1.455	207.900	1.455	-	-	-	-	-		207.900	1.455	-	-	-	-	-	-	2029	
98	Khu dịch vụ tổng hợp Phúc Lợi	Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên	-		Từ 2025 đến 2030	1.852	73.502	26.480	353	26.480	353	-	-	-	-	-		26.480	353	-	-	-	-	-	-	2030	
99	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao cấp Hiteco Long Biên	Số 1 đường Nguyễn Tấn Phát, phường Thạch Bàn, quận Long Biên	-		IV/2025-IV/2029	13.000	120.000	247.419	2.648	273.479	2.532	42.310	116	-	-	-		247.419	2.648	-	-	-	-	-	-	2029	
100	Đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng A2-CT1 và A4-CT3 thuộc quy hoạch chi tiết Khu đô thị Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội	Phường Phúc Lợi, Phường Đồng, Việt Hưng, Gia Thụy, quận Long Biên	-		II/2025-IV/2028	3.297	50.020	92.309	810	92.309	810	-	-	-	-	-		92.309	810	-	-	-	-	-	-	2030	
101	Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ cao cấp và căn hộ Sui Đông	ô đất ký hiệu D.2/CN2 trong QHPK N10, tỷ lệ 1/2000 thuộc phường Phúc Lợi, quận Long Biên	-		II/2025 - III/2029	1.540	31.800	102.171	698	48.776	610	53.395	88	-	-	-		102.171	698	-	-	-	-	-	-	2029	
102	Tổ hợp văn phòng dịch vụ, nhà trẻ và nhà ở - Hàng không	Phường Bồ Đề, quận Long Biên	-		IV/2028	550	11.931	19.882	43	-	-	19.882	43	-	-	-		19.882	43	-	-	-	-	-	-	2028	
103	Tổ hợp công trình hỗn hợp dịch vụ thương mại và nhà ở Tú Phương	phố Sui Đông, Phường Sui Đông, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	-		II/2025-IV/2028	539	6.459	43.131	347	35.631	332	7.500	15	-	-	-		43.131	347	-	-	-	-	-	-	2028	
104	Tổ hợp khu nhà ở và chung cư cao cấp DIAMOND LAND	số 92 phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	-		II/2025-IV/2028	2.469	12.775	105.635	894	93.135	869	12.250	25	-	-	-		105.635	894	-	-	-	-	-	-	2028	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án							Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
			Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m ²)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m ²)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội			2026 - 2030									
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	sau 2030							
										Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)						Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội					
																			Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)		
105	Xây dựng tổ hợp thương mại dịch vụ, nhà ở và văn phòng cho thuê Thạch Bàn	Số 455 đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội	GCNDT số 01121000375 ngày 12/01/2010; QĐ số 712/QĐ-UBND ngày 12/02/2026	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thạch Bàn và Công ty cổ phần Nam Long ACE	2026-2028	797	5.383	25.766	298	22.500	293	3.266	5	-	-	-	-	25.766	298	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
106	Tổ hợp nhà ở và văn phòng thương mại dịch vụ	Khu I, khu II số 41 ngõ 81 Đức Giang và số 42 ngõ 67 Đức Giang, quận Long Biên	II/2025- IV/2029		2.150	13.493	95.229	865	91.077	852	4.152	13	-	-	-	-	-	95.229	865	-	-	-	-	-	-	2029
		Khu III số 41 ngõ 81 phố Đức Giang và số 75 phố Đức Giang, quận Long Biên		40	1.849	5.544	18	-	-	5.544	18	-	-	-	-	5.544	18	-	-	-	-	-	-			
		số 42 ngõ 67 phố Đức Giang, quận Long Biên		310	2.971	13.506	111	11.008	103	2.498	8	-	-	-	-	13.506	111	-	-	-	-	-	-	-	-	
107	Tổ hợp dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở	Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên		2030(để xuất)	912	9.695	65.903	408	65.903	408			-	-	-	-	-	65.903	408	-	-	-	-	-	-	2030
108	Khu nhà ở TC Land Thạch Bàn	phường Thạch Bàn, quận Long Biên	-		2025-2030 (để xuất)	2.520	11.900	131.105	1.158	112.000	1.120	19.105	38	-	-	-	-	131.105	1.158	-	-	-	-	-	-	2030
109	Khu Nhà ở Ngọc Thụy	Ô quy hoạch có ký hiệu NO2 thuộc Khu A.4 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N10, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	-		2030 (để xuất)	743,3	24.780	119.329	815	61.050	399	27.752	80	3.469	30.527	336	119.329	815	-	-	-	-	-	-	-	2030
110	Khu Nhà ở Thương Thanh	Ô quy hoạch có ký hiệu NO1 thuộc Khu B.5 và NO4 thuộc Khu B.3 trong Quy hoạch phân khu đô thị N10, phường Thương Thanh, quận Long Biên	-		2030 (để xuất)	785,74	39.287	96.178	432	-	-	75.432	222	4.714	20.746	210	96.178	432	-	-	-	-	-	-	-	2030
111	Khu nhà ở Sài Đồng	Số 1 ngõ 100, phố Sài Đồng, phường Sài Đồng, quận Long Biên	-		Quý IV/2025 - II/2030	731	2.587	34.228	570	34.228	570	-	-	-	-	-	-	34.228	570	-	-	-	-	-	-	2030
112	Khu nhà ở 21 Sài Đồng	Số 21 Sài Đồng, phường Phúc Đồng, quận Long Biên	-		Quý IV/2025 - II/2030	167	745	8.034	134	8.034	134	-	-	-	-	-	-	8.034	134	-	-	-	-	-	-	2030
113	Khu nhà ở Ngọc Lâm	Phường Phúc Lợi, quận Long Biên	-		Quý IV/2025 - IV/2030	2.140	15.391	79.609	826	64.526	645	-	-	2.155	15.083	181	79.609	826	-	-	-	-	-	-	-	2030
114	Khu hỗn hợp dịch vụ thương mại, nhà ở 59 Đức Giang	59 phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (nay là phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội)			2025-2030	1.850	36.771	46.176	520	31.078	478	15.098	42	-	-	-	-	46.176	520	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030
115	Khu phức hợp nhà ở - văn phòng Long Biên	Khu đất ký hiệu D.5/CN1 thuộc quy hoạch phân khu N10 tại số 136, phố Sài Đồng, phường Phúc Lợi và Khu đất ký hiệu C10/CQ2 thuộc quy hoạch phân khu C10 tại số 62 và số 64, phố Hoa Lâm, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội			2025-2030	1.805	31.226	382.593	6.010	346.613	5.900	35.980	110	-	-	-	-	382.593	6.010	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030
116	Khu nhà ở TP Land	Phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội			2025-2029	390	49.808	29.884	66	-	-	29.884	66	-	-	-	-	29.884	66	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
117	Khu đô thị mới Sài Đồng (các công trình còn lại)	ô đất ký hiệu NO4, NO7-3.4, NO8A-2.3.4, NO8B, NO17-4 thuộc khu đô thị mới Sài Đồng, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội			2031	6.084	24.150	166.250	1.785	102.728	992	1.062	2	-	-	62.460	791	103.790	994	62.460	791	-	-	-	-	2031
118	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông - PARKCITY HANOI	Phường La Khê và Yên Nghĩa, quận Hà Đông	3824/QĐ-UBND ngày 24/6/2017; 2715/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	1. Công ty TNHH PERDANA PARKCITY SDN BHD; 2. Công ty TNHH PERDANA PARKCITY (S) PTE; 3. Ông Phạm Đức Trung Kiên	2008-2030	11.599	774.050	573.148	3.088	387.683	2.543	185.465	545	-	-	-	-	345.243	2.111	-	-	-	-	-	-	2030
119	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Dương Nội	Phường Dương Nội, La Khê, Yên Nghĩa - quận Hà Đông	33/QĐ-UBND ngày 7/01/2008, 1419/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	Công ty CP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	2030	2.496	2.038.441	3.457.931	23.147	2.018.805	19.839	1.439.126	3.308	-	-	-	-	1.576.397	15.989	-	-	-	-	-	-	2025
120	Dự án Khu nhà ở Văn La	phường Phú La, quận Hà Đông	2099/QĐ-UBND ngày 07/7/2008, 2580/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	Công ty CP SJ Group (Công ty CP Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà (SUDICO))	Quý I/2024 đến Quý IV/2025	2.795	114.028	129.108	1.047	65.186	832	63.922	215	-	-	-	-	129.108	1.047	-	-	-	-	-	-	2026

TT	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án							Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m ²)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m ²)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội			2026 - 2030								
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	sau 2030						
										Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)						Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội				
																			Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)
121	Dự án Trung tâm Tài chính Thương mại và các công trình phụ trợ (Tháp đôi Kepler HH01, HH02)	Khu đô thị Mỗ Lao, Quận Hà Đông	6967/QĐ-UBND ngày 05/12/2019; 890/QĐ- UBND ngày 15/02/2024	Công ty TSQ Việt Nam	Hoàn thành Quý IV/2027	4.768	15.610	98.727	1.280	98.727	1.280	-	-	-	-	-	98.727	1.280	-	-	-	-	-	-	2027
122	Tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng, chung cư cao cấp	Số 210 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông	1045/QĐ-UBND ngày 24/04/2008 của UBND tỉnh Hà Tây	Công ty Cổ phần xuất nhập khu Hà Tây	2028 (đề xuất)	895	7.644	65.220	504	65.220	-	-	-	-	-	-	20.550	200	-	-	-	-	-	-	2026
123	Dự án Khu đô thị mới Phú Lương	phường Phú La, Phú Lương, Kiến Hưng, quận Hà Đông	3727/QĐ-UBND ngày 22/6/2017	LD: Công ty CP đầu tư xây dựng Trung Việt, Công ty CP xây dựng Hồng Quang	2027 (đề xuất)	4.831	341.302	476.376	1.131	-	-	410.681	1.131	-	-	-	67.095	181	-	-	-	-	-	-	2027
124	Dự án Khu nhà ở sinh thái Đồng Mai	Xã Đồng Mai, xã Phú Lâm, xã Yên Nghĩa	03121000071 ngày 21/5/2007 của UBND tỉnh Hà Tây	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phước (NDT đề xuất Dự án)	Quý I/2026 đến Quý IV/2037	21.640	2.260.731	1.595.629	7.937	-	-	1.194.522	2.685	158.422	401.107	5.252	769.506	1.749	291.158	3.830	425.016	936	109.949	1.422	2037
125	Dự án Trung tâm thương mại, văn phòng, chung cư cao tầng Hesco	tại phường Văn Quán, quận Hà Đông	4132/QĐ-UBND ngày 06/7/2017; 2192/QĐ- UBND ngày 27/6/2022; 5599/QĐ- UBND ngày 13/11/2025	Công ty CP Tập đoàn PT nhà và đô thị Thăng Long Việt Nam	Quý IV/2026	2.598	21.311	101.800	1.055	96.600	1.043	5.200	12	-	-	-	101.800	1.055	-	-	-	-	-	-	2026
126	Dự án công trình hỗn hợp văn phòng, thương mại, nhà ở (có kết hợp bãi đỗ xe khu vực), cây xanh, nhà ở thấp tầng, trường mầm non	Ô đất TTDV03 thuộc khu đô thị mới An Hưng, phường La Khê và Dương Nội, quận Hà Đông	3688/QĐ-UBND ngày 10/7/2019; 2497/QĐ- UBND ngày 18/7/2022; 2282/QĐ- UBND ngày 06/5/2025	Công ty CP đầu tư đô thị An Hưng	Quý III/2019-Quý II/2026	1.618	16.256	86.193	630	69.517	592	16.676	38	-	-	-	86.193	630	-	-	-	-	-	-	2026
127	Dự án Khu chung cư quốc tế Booyoung	CT-02-CT-07 Khu chung cư quốc tế Booyoung Khu đô thị mới Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, quận Hà Đông	031043000005 ngày 24/11/2006 của UBND tỉnh Hà Tây; 2767/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND TP Hà Nội; 3251/QĐ- UBND ngày 24/6/2024	Công ty TNHH MTV Booyoung Việt Nam	Quý I/2026- Quý IV/2027 (CT-02,CT-06) Quý I/2026-Quý I/2029 (CT-03,CT-05) Tiến độ đề xuất	7.340	43.127	304.195	3.433	304.195	3.433	-	-	-	-	-	235.739	2.667	-	-	-	-	-	-	Sau 2025
128	Khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông	Phường Phú La, quận Hà Đông	1133/QĐ-UBND ngày 29/6/2006; 5051/QĐ- UBND ngày 13/9/2019; 4363/QĐ- UBND ngày 31/8/2023	Công ty CP đầu tư Văn Phú - Invest	Quý III/2006-Quý IV/205	2.122	1.092.600	1.695.767	8.993	-	6.245	-	2.748	-	-	-	1.695.767	8.993	-	-	-	-	-	-	2025
129	Dự án Tổ hợp thương mại, văn phòng và nhà ở Five Star Hà Đông	Số 4 phố Chu Văn An, quận Hà Đông	5051/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	Công ty TNHH Năm Sao Hà Nội	2029	4.000	41.075	150.745	726	84.800	600	65.945	126	-	-	-	66.545	726	-	-	-	-	-	-	Sau 2025
130	Khu đô thị Thanh Hà (Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thanh Hà A – Cienco5)	Kiến Hưng, quận Hà Đông và xã Cự Khê huyện Thanh Oai	964/QĐ-UBND ngày 17/4/2008; 961/QĐ- UBND ngày 25/02/2025	Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5	2027	11.000	1.955.100	1.385.160	10.170	163.193	2.000	771.967	2.170	113.594	450.000	6.000	1.385.159	935.160	450.000	6.000	-	-	-	-	2026
131	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thanh Hà B – Cienco5	Phú Lương, quận Hà Đông và xã Cự Khê huyện Thanh Oai	961/QĐ-UBND ngày 17/4/2008; 916/QĐ- UBND ngày 24/02/2025	Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5	2027	9.000	1.932.200	1.434.121	6.548	112.023	1.071	1.129.708	3.172	31.014	192.390	2.305	1.385.159	1.241.731	192.390	2.305	-	-	-	-	2026
132	Dự án đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị mới Mỹ Hưng - Cienco5 - xã Tam Hưng, xã Bình Minh	Tại các ô đất thấp tầng (liền kề, biệt thự), chung cư thuộc quy hoạch chi tiết khu đô thị Mỹ Hưng - Cienco5, xã Tam Hưng, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	963/QĐ-UBND ngày 17/4/2008; số 962 điều chỉnh chủ trương	Công ty cổ phần phát triển địa ốc Cienco 5	2028	10.000	1.820.000	1.203.189	4.752	104.531	2.000	1.098.658	2.752	-	-	-	1.203.189	4.752	-	-	-	-	-	-	2028
133	Dự án Khu chung cư quốc tế Hoàng Thành City - Công trình nhà ở thấp tầng, nhà trẻ và cây xanh	Khu đất Cổ Ngựa, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông và phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm	4559/QĐ-UBND ngày 12/7/2017; 3804/QĐ- UBND ngày 15/7/2019; 2579/QĐ- UBND ngày 04/5/2023; 3200/QĐ- UBND ngày 26/6/2025	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà tăng Hoàng Thành	IV/2026	543	23.741	45.598	100	-	-	45.598	100	-	-	-	2.280	5	-	-	-	-	-	-	2026

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án					Tổng diện tích sân nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Các loại hình nhà ở của Dự án				Nhà ở xã hội		Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
			Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyệt/ đề xuất từ quý/năm - (năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)			Nhà ở thương mại/ tái định cư		Nhà ở thấp tầng		Nhà ở xã hội		Nhà ở xã hội		2026 - 2030				sau 2030				
										Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội			
																	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sân nhà ở (m2)		Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sân nhà ở (m2)
134	Dự án nhà ở Thăng Long Tower	tại số 46 Bê Văn Đàn, phường Quang Trung, quận Hà Đông	1789/QĐ-UBND ngày 13/4/2018; 2365/QĐ-UBND ngày 09/6/2020; 3835/QĐ-UBND ngày 17/7/2025	LD: Cty CP được và thiết bị vật tư y tế Hà Tây; Cty TNHH Sơn Đông	Quý IV/2026	89	2.289,9	8.881	23	-	-	8.881	23	-	-	-	8.881	23	-	-	-	-	-	-	2026	
135	Dự án Khu khách sạn, nhà ở, văn phòng cho thuê Tòa nhà hỗn hợp HATTOCO	số 110 Trần Phú, phường Hà Đông	2043/QĐ-UBND ngày 4/7/2008	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình	2027	543	4.992	71.186	439	71.186	439	-	-	-	-	-	71.186	439	-	-	-	-	-	-	2026	
136	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Kiến Hưng	phường Kiến Hưng, Hà Nội	2123/QĐ-UBND ngày 29/1/2008	Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng	2034	4.672	388.300	561.039	1.734	-	-	491.143	1.035	6.450	69.896	699	303.668	619	69.896	699	187.475	416	69.896	699	2034	
137	Đầu tư xây dựng Khu C-Khu đô thị mới Kiến Hưng	Kiến Hưng, Hà Nội	532/QĐ-UBND 29/1/2018	Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Kiến Hưng	2029	426	54.663	41.167	71	1.600	14	39.567	57	-	-	-	41.167	71	-	-	-	-	-	-	2029	
138	Dự án Khu hỗn hợp nhà ở, thương mại dịch vụ và trường học	Cum công nghiệp Yên Nghĩa, quận Hà Đông	Đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiến	Đề xuất Quý IV/2025-Quý IV/2029	5.217	11.475	244.369	1.970	123.972	1.033	55.501	126	6.490	64.896	811	179.473	1.159	64.896	811	-	-	-	-	Quý IV/2029	
139	Khu phức hợp cao tầng Oriental Legend Hà Đông	số 150 Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AM 654857 ngày 09/07/2008	Công ty cổ phần Khách sạn du lịch Sông Nhuệ	2030	2.438	5.954	42.296	604	42.296	604	-	-	-	-	-	42.296	604	-	-	-	-	-	-	2030	
140	Dự án tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở	số 8 đường Quang Trung, phường Quang Trung, Hà Đông	1697/QĐ-UBND ngày 13/4/2016	Công ty cổ phần đầu tư phát triển thương mại tổng hợp Sơn Hà	Quý II/2025 - IV/2029	2.500	5.208	80.000	850	80.000	850	-	-	-	-	-	80.000	850	-	-	-	-	-	-	2029	
141	Dự án Khu nhà ở Dương Đạt	Điểm Công nghiệp Phú Lâm, phường Phú Lâm, quận Hà Đông	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 063550 ngày 06/10/2006	Công ty TNHH Thương mại sản xuất Dương Đạt	2030 (đề xuất)	2.800	18.830	85.000	1.050	-	-	85.000	1.050	-	-	-	85.000	1.050	-	-	-	-	-	-	2030	
142	Dự án Khu nhà ở hỗn hợp số 370 Quang Trung	số 370 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông	964/UBND-QLĐT ngày 02/6/2015 của UBND quận Hà Đông	Công ty TNHH MTV Dịch vụ nhà ở và Khu đô thị	Quý I/2026 - II/2029	170,55	2.059	7.763	136	7.763	136	-	-	-	-	-	7.763	136	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027	
143	Dự án đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị mới Mỹ Hưng - Cienco5 - xã Tam Hưng, xã Bình Minh	Tại các ô đất thấp tầng (biên kê, biệt thự), chung cư thuộc quy hoạch chi tiết khu đô thị Mỹ Hưng - Cienco5, xã Tam Hưng, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội				10.000	1.820.000	1.203.189	4.752	104.531	2.000	1.098.658	2.752	-	-	-	1.203.189	4.752	-	-	-	-	-	-	2028	
144	Dự án Chung cư Phú Thịnh Green Park 2	Nghĩa Lỗ, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông			Quý II/2025 - IV/2029	1.185	5.000	65.250	610	65.250	610	-	-	-	-	-	65.250	610	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029	
145	Dự án Khu khách sạn, nhà ở, văn phòng cho thuê Tòa nhà hỗn hợp HATTOCO	số 110 Trần Phú, phường Hà Đông			2027	543	4.992	71.186	439	71.186	439	-	-	-	-	-	71.186	439	-	-	-	-	-	-		
146	Tổ hợp văn phòng và nhà ở Housinco Tân Triều	Ô đất CT5, Khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang 1, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì (cũ)	01121000991 ngày 25/5/2011; 6018/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 4216/QĐ-UBND Ngày 18/9/2020	Công ty cổ phần tập đoàn Housinco	Quý IV/2027	1.061	5.630	41.785	242	41.785	242	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027	
147	Dự án xây dựng Khu nhà ở thương mại tại ô đất NO1, NO2 khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội (cũ)	7219/QĐ-UBND ngày 29/12/2016	Công ty cổ phần Tư hiệp Hồng Hà Dầu khí	Quý IV/2027	3.279	32.234	191.508	2.070	191.508	2.070	-	-	-	-	-	191.508	2.070	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027	
148	Dự án Khu đô thị mới Cầu Bươu	xã Tân Triều và xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (cũ)	1163/QĐ-UBND ngày 30/5/2007; số 1439/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	Công ty cổ phần kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội	Quý IV/2028	1.734	197.975	195.492	1.439	61.957	526	76.010	355	16.422	57.524	558	55.718	358	57.254	558	-	-	-	-	Quý IV/2028	
149	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở 486 Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì	Số 486 Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì (cũ)	523/UBND-SXD ngày 23/01/2015; số 5158/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	Công ty cổ phần Tổng Bạch Hoi	Quý IV/2028	1.996	35.896	123.702	830	123.702	830	-	-	-	38.418	504	123.702	830	-	504	-	-	-	-	Quý IV/2028	
150	Tòa nhà Tincom Pháp Vân	Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì (cũ)	01121000775 ngày 28/5/2010; số 1981/QĐ-UBND ngày 10/4/2025	Công ty TNHH Nam Đại Phong, Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	Quý IV/2028	1.135	5.787	66.928	504	66.928	504	-	-	-	-	-	66.928	504	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028	
151	Dự án Nhà ở để bán cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng Quân đoàn 1	Khu Tân Bình thị trấn Xuân Mai huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội	7049/UBND-KH&ĐT ngày 11/9/2012; 839/UBND-XD ngày 19/9/2013; 01121001684 ngày 24/02/2014.	Công ty CP Xây dựng và Thương mại Việt Quang	Từ Quý I/2023 đến Quý 1 năm 2025	136	10.693	17.159	80	-	-	17.159	80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2026	
152	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở và Văn phòng làm việc tại Cum 9, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín	Cum 9, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín	4275/UBND-SXD ngày 14/6/2013; 2169/QĐ-UBND ngày 02/5/2019	Công ty TNHH Hacomland Duyên Thái	Chưa xác định	275	14.176	3.755	72	3.755	72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án		Tiến độ được duyệt/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Các loại hình nhà ở của Dự án				Nhà ở xã hội			Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
										Nhà ở thương mại/ tái định cư		Nhà ở thấp tầng					2026 - 2030				sau 2030					
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m2)
153	Dự án xây dựng nhà ở thấp tầng để bán đối với các ô đất OM.20, OM.25, OM.26, OM.27, OM.28 thuộc Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	5712/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 phê duyệt kết quả trúng đấu giá	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển bất động sản Kim Cương	tháng 1/2021 đến tháng 1/2023	1.250	32.827	53.512	159	53.512	159	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2023		
154	Dự án Khu giới thiệu sản phẩm và nhà ở liên kế nông thôn	tại các xã Tiên Phong và Hiền Giang, huyện Thường Tín	168/UBND-KH&ĐT ngày 14/1/2015; 01121001771 ngày 14/1/2015; 447/QĐ-UBND ngày 23/1/2019; 2288/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	Công ty TNHH phát triển nhà Thường Tín	Chưa xác định	320	26.102	33.063	120	-	-	33.063	120	-	-	-	33.063	120	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định	
155	Xây dựng nhà ở thương mại tái định cư đầu tư xây dựng dự án khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	Ấp Cầu Núi, thôn Văn Lãng, xã Quang Trung, huyện Phú Xuyên		Đầu tư xây dựng dự án đầu tư xây dựng dự án khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	IV/2028	60	1.938	6.411	13	-	-	6.411	13	-	-	-	6.411	13	-	-	-	-	-	-	IV/2028	
156	Xây dựng nhà ở thương mại tái định cư đầu tư xây dựng dự án khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	Khu X13 khu đô thị Mỹ Hà, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên cũ		Đầu tư xây dựng dự án đầu tư xây dựng dự án khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	IV/2028	466	21.344	38.692	84	-	-	38.692	84	2.183	9.822	190	38.692	84	9.822	190	-	-	-	-	IV/2028	
157	Xây dựng nhà ở để bán tại khu đầu tư xây dựng dự án khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	huyện Thanh Oai cũ	Quyết định số 5242/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND TP Hà Nội	Lựa chọn theo hình thức đấu giá QSDĐ	IV/2027	87.263	62.179	23.907	166	-	-	23.907	166	-	-	-	23.907	166	-	-	-	-	-	-	IV/2028	
158	Xây dựng nhà ở để bán tại khu đầu tư xây dựng dự án khu đô thị và hạ tầng Khu L.27 (Đô thị số 1), thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	huyện Thanh Oai cũ	29/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 của HĐND huyện	Lựa chọn theo hình thức đấu giá QSDĐ	IV/2029	51.975	46.657	18.271	208	-	-	18.271	208	-	-	-	18.271	208	-	-	-	-	-	-	IV/2029	
159	Dự án Khu vườn sinh thái Cẩm Đình - Hiệp Thuận	huyện Phúc Thọ	2148/QĐ-UBND ngày 19/11/2007; 829/QĐ-UBND ngày 09/4/2008; 2558/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	Công ty TNHH Thương mại Kim Thanh	II/2022-IV/2027 (NDT đề xuất)	35.795	2.305.271	844.815	1.754	-	-	844.815	1.754	-	-	-	844.815	1.754	-	-	-	-	-	-	2027	
160	Dự án Xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ	xã Phúc Hòa	3576/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	Lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu		414	45.000	65.862	181	-	-	65.862	128	3.920	10.200	53	65.862	128	10.200	53	-	-	-	-	Quý IV/2030	
161	Dự án Tổ hợp nhà ở, văn phòng cho thuê và dịch vụ thương mại Tân Phú Đồng	tại số 8, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn	2524/QĐ-UBND ngày 04/6/2015	Công ty CP đầu tư thương mại khoáng sản Sóc Sơn	2018-4/2020	83	7.839	17.525	47	-	-	17.525	47	-	-	-	17.525	47	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027	
162	Khu nhà ở thương mại liên kế	số 18 đường Đà Phúc, xã Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội			Dự kiến 2025 đến Quý I/2030	170	952	4.242	12	-	-	4.242	12	-	-	-	4.242	12	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030	
163	Dự án Xây dựng nhà ở cho cán bộ công nhân viên Vicostone	tại Ô đất CT, Khu dân dụng Bắc Phú Cát, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội (cũ)	5458/UBND-QHXĐGT ngày 24/07/2014; số 3047/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	Công ty cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Quý IV/2028	689	9.165	44.264	560	44.264	560	-	-	-	-	-	44.264	560	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028	
164	Dự án Khu biệt thự ven suối Con Gái (thuộc khu dân dụng Bắc Phú Cát), huyện Thạch Thất	khu dân dụng Bắc Phú Cát, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất (cũ)	682/QĐ-UBND ngày 01/02/2024	LD- Cty TNHH Xây dựng Thành Hưng, Công ty TNHH Hoàng Long	Quý IV/2028	753	190.536	150.460	712	39.760	360	110.700	352	-	-	-	39.760	360	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028	
165	Dự án đầu tư xây dựng Khu biệt thự, nhà vườn và thể thao giải trí xã Tiên Xuân, huyện Thạch Thất	xã Tiên Xuân, huyện Thạch Thất (cũ)	25121000031 ngày 18/6/2007; số 444/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	Quý IV/2028	2.292	448.367	368.143	625	-	-	368.142	625	-	-	-	235.611	400	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028	
166	Khu biệt thự nhà vườn sinh thái Yên Bình	xã Yên Bình, huyện Thạch Thất (cũ)	25121000077 ngày 29/02/2008; số 443/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	Công ty Cổ phần Xuân Cầu Holdings	Quý IV/2028	455	62.413	54.204	84	-	-	54.204	84	-	-	-	54.204	84	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027	
167	Dự án khu đô thị mới Bắc QL32	Thị trấn Trầm Trối	QĐ số 709/QĐ-UB ngày 27/4/2007	Cty CP Phát triển đô thị Từ Liêm	2027-2010	470	389.547	407.037	784	-	-	407.037	784	-	-	-	1.673	4	-	-	-	-	-	-	2027	
168	Khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn-Geleximco	khu đô thị mới hai bên đường Lê Trọng Tấn-Geleximco	1269/QĐ-UBND ngày 19/7/2007; 3578/UBND-XĐGT ngày 27/5/2015; 4331/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	Công ty CP Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội	2027	23.434	1.350.100	2.174.518	7.350	398.142	3.370	1.776.376	3.980	-	-	-	150.231	1.120	-	-	-	-	-	-	2027	
169	Dự án Khu đô thị An Khánh - An Thượng	Xã An Thượng, xã Song Phương, huyện Hoài Đức	1100/QĐ-UBND ngày 28/6/2007; 2145/QĐ-UBND ngày 19/11/2007; 1248/QĐ-UBND ngày 15/5/2008; 2753/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 2281/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô	2030	1.846	302.810	171.384	528	-	-	171.384	528	-	-	-	28.584	18	-	-	-	-	-	-	2030	

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030				
										Căn hộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)		Diện tích sàn nhà ở (m2)		Nhà ở thương mại	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)													
170	Dự án KĐT mới An Lạc Green Symphony	Xã Văn Canh, xã An Khánh, Hoài Đức	2783/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	Công ty Cổ phần đầu tư An Lạc	2020-2028	8.830	570.522	1.072.354	8.766	746.774	7.847	325.580	919	-	-	-	-	714.352	6.939	-	-	-	-	-	-	2030
171	Dự án Khu nhà ở tại lô C1A và H1A thuộc Khu đô thị Đại học Văn Canh	xã Văn Canh, huyện Hoài Đức	1052/QĐ-UBND ngày 25/4/2008 của UBND tỉnh Hà Tây	Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư An Lạc	2026-2030	3.997	121.412	149.545	1.150	59.664	690	66.700	140	9.199	23.181	320	-	126.364	830	23.181	320	-	-	-	-	2030
172	Dự án Tổ hợp căn hộ, văn phòng, thương mại và dịch vụ hỗn hợp HH2D An Khánh	thuộc Khu đô thị Nam An Khánh, huyện Hoài Đức	2744/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 4417/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	Công ty cổ phần phát triển Thương mại Việt Nam	Quý V/2029	4.028	23.872	77.600	537	77.600	537	-	-	-	-	-	-	77.600	537	-	-	-	-	-	-	2029
173	Dự án xây dựng nhà ở Ngân hàng BIDV tại Khu đô thị mới Nam An Khánh, huyện Hoài Đức	Khu đất thấp tầng TT1, TT3, TT4, TT5, TT8, TT9 và khu đất cao tầng CT2, CT7 thuộc Khu DTM Nam An Khánh, huyện Hoài Đức	2092/UBND-KH&ĐT ngày 28/3/2011; 8632/UBND-KH&ĐT ngày 02/12/2015; 1709/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Ngân Lạc	hoàn thành Quý IV/2028	1.275	44.215	84.842	289	36.000	180	48.842	109	-	-	-	-	36.000	180	-	-	-	-	-	-	2025-2028
174	Dự án KĐT mới Kim Chung- Di Trạch	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức	2761/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	Tổng Công ty cổ phần Thương mại Xây dựng	2007-2027	41.248	1.345.400	2.322.424	11.535	1.370.433	8.983	951.991	2.552	-	-	-	-	1.333.888	9.626	-	-	-	-	-	-	2027
175	Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh phân mớ rộng phía Nam (khu B), huyện Hoài Đức	xã An Khánh và An Thượng - huyện Hoài Đức - Hà Nội	1097/UBND-XD ngày 23/3/2006, 2603/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây; số 685/UBND-KH&ĐT ngày 28/2/2025 gia hạn tiến độ	Công ty cổ phần SJ Group (trước đây là Công ty CP DTPPT đô thị và KCN Sóng Đà)	2025-2030 (NDT đề xuất)	9.571	513.853	623.606	1.524	524.556	1.352	99.048	172	-	-	-	-	623.606	1.524	-	-	-	-	-	-	2030
176	Dự án nhà ở hỗn hợp đa chức năng	Thị trấn Trám Trôi, huyện Hoài Đức	03121000299 ngày 07/7/2008; 5292/QĐ-UBND ngày 04/10/2018	Công ty CP đầu tư thương mại Hà Sơn	Quý IV/2025-1/2028 (NDT đề xuất)	1.402	6.156	41.357	560	41.357	560	-	-	-	-	-	-	41.357	560	-	-	-	-	-	-	2028
177	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Bắc An Khánh	Km số 10+600, đại lộ Thăng Long-huyện Hoài Đức (thuộc các xã: An Khánh, Lai Yên, Sông Phược, Văn Canh - huyện Hoài Đức)	011022000180 ngày 19/7/2011 (cấp đổi lần 2/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 1018153721 lần đầu ngày 2/10/2008, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 03/6/2025; 686/QĐ-TTg ngày 28/3/2025	Công ty liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh	08 năm (kể từ ngày 28/3/2025)		2.644.756	1.346.060	8.498	765.731	6.913	580.329	1.585	-	-	-	-	1.089.341	7.372	-	-	-	-	-	-	2033
178	Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	xã An Khánh và An Thượng - huyện Hoài Đức - Hà Nội	Văn bản số 885/CP-CN ngày 25/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ; 685/UBND-KH&ĐT ngày 28/2/2025	Dự án Khu Nhà ở thấp tầng An Khánh	2027	5.861	1.897.428	4.327.166	7.522	3.423.495	5.902	903.671	1.620	-	-	-	-	4.327.166	7.522	-	-	-	-	-	-	2027
179	Khu đô thị mới Văn Canh	Xã Văn Canh và Di Trạch, huyện Hoài Đức	1919/QĐ-UBND ngày 01/7/2008	Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà/đô thị (HUD)	2008 - 2030 Nhà đầu tư đề xuất	5.745	641.790,70	437.170	1.486	32.878	245	404.292	1.241	-	-	-	-	109.834	436.150	-	-	-	-	-	-	2030
180	Dự án xây dựng khu nhà ở hỗn hợp và thương mại dịch vụ	Cum công nghiệp Lai Yên, xã Sơn Đồng, Hà Nội	266/QĐ-UBND ngày 17/01/2026	Công ty TNHH Thương mại Thuận Thành	IV/2029	1.580	7.839	29.310	552	29.310	552	-	-	-	-	-	-	29.310	552	-	-	-	-	-	-	2029
181	Tổ hợp nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại	ô đất HH3, Khu đô thị mới Nam An Khánh, xã An Khánh, Hà Nội	5346/QĐ-UBND ngày 28/10/2025	Công ty TNHH Phát triển nhà Nam An Khánh	2030	6.840	40.120	175.006	3.007	175.006	3.007	-	-	-	-	-	-	175.006	3.007	-	-	-	-	-	-	2030
182	Khu đô thị sinh thái cao cấp Đan Phượng	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội (cũ)	954/QĐ-UBND ngày 04/3/2020; 936/QĐ-UBND ngày 24/02/2025	Công ty cổ phần đầu tư DIA	Quý IV/2030	5.006	449.684	416.879	626	-	-	416.879	626	-	-	-	-	416.879	626	-	-	-	-	-	-	2030
183	Khu đô thị Nhip sống mới - NEW Style City thuộc Dự án khu đô thị mới Tây Nam xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	Xã Tân Lập và xã Tân Hối, huyện Đan Phượng (cũ)	984/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; số 6555/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	1. Công ty CO Đầu tư DIA; 2. Công ty CP Tư vấn Đầu tư và thương mại Tân Cương	Quý IV/2030	4.332	420.353	682.485	2.448	-	-	682.485	2.448	-	-	-	-	682.485	2.448	-	-	-	-	-	-	2030
184	Khu chức năng đô thị tại xã Tân Hối, xã Liên Trung, xã Tân Lập, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng (cũ)	Xã Tân Hối, xã Liên Trung, xã Tân Lập, xã Liên Hà, huyện Đan Phượng (cũ)	3832/QĐ-UBND ngày 24/6/2017	Tập đoàn Vingroup-Công ty CP	Quý IV/2030	18.441	1.334.432	890.886	2.917	61.710	561	829.176	2.356	-	-	-	-	890.886	2.917	-	-	-	-	-	-	2030
185	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng để bán và xây dựng công trình thương mại, bất động sản tại khu đất TQ, thị trấn Trâu Quỳ và xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	Thị trấn Trâu Quỳ và xã Dương Xá, huyện Gia Lâm	QB số 1896/UBND-SXD ngày 17/6/2022	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Minh Đức		1.850	83.838	123.156	325	-	-	123.156	325	-	-	-	-	123.156	325	-	-	-	-	-	-	năm 2027

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án	Các loại hình nhà ở của Dự án										Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành					
				Nhà ở thương mại/ tại định cư				Nhà ở xã hội		sau 2030																	
				Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sân nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	2026 - 2030		sau 2030											
				Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội							Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội	Nhà ở thương mại	Nhà ở xã hội										
186	Dự án nhà ở liên kế thương mại phố xanh - Green Little Town tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	Xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	01121000274 ngày 09/2/2009; 3964/QĐ-UBND ngày 18/8/2021; 2088/QĐ-UBND ngày 17/4/2025	Công ty Cổ phần tập đoàn xây lắp 1 - Petrolimex		541	32.494	61.133	244		10.032	110	51.100	134	-	-	-	61.133	244	-	-	-	-	-	-	-	năm 2027
187	Dự án Khu đô thị Gia Lâm	Thị trấn Trâu Quỳ và các xã Dương Xá, Kiều Kỵ, Đa Tốn, huyện Gia Lâm (trước sáp xếp)	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 5607/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển đô thị Gia Lâm		38.855	3.409.096	1.515.555	15.197		-	14.297	-	900	-	-	-	1.515.555	15.197	-	-	-	-	-	-	-	năm 2027
188	Dự án Khu nhà ở ven sông Long Việt - Long Viet Riverside	Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (cũ)	8549/QĐ-UBND ngày 08/12/2017; 4843/QĐ-UBND ngày 15/11/2021; số 2280/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Long Việt	Quý IV/2027	346	43.262	36.409	136		-	-	36.409	136	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
189	Dự án Khu nhà ở đô thị Kim Hoa	huyện Mê Linh, Hà Nội (cũ)	01121001128 ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; 2611/QĐ-UBND ngày 14/6/2021; số 3843/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	Công ty Thương mại và xây dựng Thần Hà	Quý IV/2027	1.268	93.148	35.742	130		-	-	35.742	130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
190	Dự án Khu nhà ở Tiến Phong	Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh (cũ)	4212/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; số 384/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	Công ty CP đầu tư xây dựng thương mại Tiến Phong	Quý IV/2027	259	25.942	25.273	65		-	-	25.273	65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
191	Dự án Khu nhà ở Lăng hoa Tiên Phong	xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	3535/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; số 4699/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	Công ty CP đầu tư bất động sản Prime Land	Quý IV/2027	3.865	403.966	405.725	857		-	-	405.725	857	-	-	-	405.725	857	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
192	Dự án KĐT Thanh Lâm-Dại Thỉnh 2	Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh (cũ)	2411/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; 3717/QĐ-UBND ngày 10/10/2022; VB số 2288/UBND-KH&ĐT ngày 15/7/2024.	Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị	Quý IV/2028	4.466	553.830	306.139	1.235		45.214	436	260.925	799	-	66.165	1.030	45.214	436	-	1.030	-	-	-	-	-	Quý IV/2028
193	Dự án Khu nhà ở để bán và cho thuê Hà Phong	Xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	3780/QĐ-UB ngày 08/10/2003; 6212/QĐ-UBND ngày 06/9/2017; 4298/QĐ-UBND ngày 07/11/2022; số 3558/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	Công ty Cổ phần Hà Phong	Quý IV/2028	558	418.200	420.037	680		-	-	420.037	680	-	-	-	119.517	182	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028
194	Dự án Khu nhà ở Minh Đức	xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	858/QĐ-UBND ngày 24/02/2020; 3591/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	Công ty CP DT thương mại du lịch Minh Đức	Quý IV/2029	1.493	173.563	127.050	392		-	-	127.050	392	-	-	-	127.050	392	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
195	Khu dịch vụ và biệt thự nhà vườn tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh	Tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh (cũ)	84/QĐ-CT ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; số 552/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển thương mại Mê Linh	Quý IV/2027	191	12.594	17.411	40		-	-	17.411	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
196	Dự án Trung tâm thương mại – khu chung cư và biệt thự cao cấp Vạn Niên	tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh (cũ)	1600/QĐ-UB ngày 25/5/2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 03/10/2025	Công ty cổ phần Xây dựng và dịch vụ thương mại Vạn Niên	Quý IV/2027	395	8.299	25.428	163		22.852	154	2.576	9	-	-	-	25.428	163	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2027
197	Dự án KĐT CEO, Mê Linh	Xã Đại Thịnh, Văn Khê, huyện Mê Linh (cũ)	2755/QĐ-UBND ngày 26/6/2020	Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	Quý IV/2029	2.168	203.066	252.945	1.242		-	731	-	511	-	-	-	252.945	1.242	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
198	Dự án Khu nhà ở Minh Giang-Dầm Vả	xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	1617/QĐ-UBND ngày 20/4/2020; QĐ định chính số 5899/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	Công ty TNHH Minh Giang	Quý IV/2029	1.191	167.789	135.885	391		-	-	135.885	391	-	-	-	135.885	391	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
199	Khu nhà ở Minh Giang-Dầm Vả (giai đoạn 2)	xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	19121000151 ngày 11/07/2008 UBND tỉnh Vĩnh Phúc; số 3559/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	Công ty TNHH Minh Giang	Quý IV/2029	548	75.953	46.096	204		9.467	80	36.629	124	-	-	-	46.096	204	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
200	Dự án khu nhà ở Hoàng Văn	Xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	2499/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc; số 3284/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	CTY TNHH xây dựng Hoàng văn	Quý IV/2028	500	94.249	52.221	177		-	-	52.221	177	-	-	-	52.221	177	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028
201	Dự án Khu biệt thự sinh thái Phúc Việt	Xã Tiên Phong, huyện Mê Linh (cũ)	19121000106 ngày 26/02/2008; 2280/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	Công ty CP Đầu tư xây dựng và thương mại Phúc Việt	Quý IV/2028	2.662	236.647	217.123	1.065		51.993	554	165.130	511	-	-	-	217.123	1.065	-	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Thời gian dự kiến hoàn thành	
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ thực hiện đầu tư (tỷ quỹ/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030				
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)		Diện tích sàn nhà ở (m2)		Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	Số lượng nhà ở (căn)	
223	Dự án Trung tâm thương mại nhà ở và trường học	18 Tam Trinh, phường Mai Động, quận Hoàng Mai	01121000910 ngày 02/12/2010	Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Thái Bình Dương	Quý I/2011-Quý I/2014	1.318	16.556	66.821	600	66.821	600	-	-	-	-	-	-	66.821	600	-	-	-	-	-	-	2030
224	Dự án Tòa nhà 1283 Giải Phóng (Lakeview Tower Giải Phóng)	số 1283 đường Giải Phóng, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	4616/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	Công ty Cổ phần Bao Bi Việt Nam	Quý IV/2025 – Quý IV/2028	813	3.648	39.394	312	39.394	312	-	-	-	-	-	-	39.394	312	-	-	-	-	-	-	2028
225	Khu nhà ở hỗn hợp thương mại - nhà ở cao tầng	ô đất C11/CCKV1 và C11/ODK1 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	6338/QĐ-UBND ngày 11/9/2017	Công ty CP đầu tư và Phát triển Hòa Bình	Quý III/2017 - Quý II/2020	2.238	10.020	112.269	1.674	-	1.674	-	-	-	-	-	-	112.269	1.674	-	-	-	-	-	-	2030
226	Dự án Văn phòng , Khu nhà ở Công ty Khảo sát và xây dựng	Phường Hoàng Liệt	Giấy chứng nhận đầu tư số 011210017	Đại diện LD: Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng - USCO	2015-2020	459	10.116	28.706	481	17.010	435	11.696	46	-	-	-	-	28.706	481	-	-	-	-	-	-	2029
227	Dự án cải tạo, xây dựng lại khu tập thể dịch vụ văn tại Đường sắt tại số 1 phố Đinh Công, phường Thịnh Liệt	1 phố Đinh Công, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	(1) 1556/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 (2) QĐ điều chỉnh: 1614/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	LD: Công ty cổ phần Dịch vụ văn tại đường sắt và Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng phát triển Kiến trúc Hà Nội	Quý II/2021 - Quý IV/2026.	125	1.231	7.232	92	7.232	92	-	-	-	-	-	-	7.232	92	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2026
228	Nhà ở tổ hợp đa chức năng	Số 63 Nguyễn Huy Tường, phường Thanh Xuân, Hà Nội	Quyết định chủ trương đầu tư số 1087/QĐ-UBND ngày 08/03/2016	Công ty CP Thiết bị Bưu điện	Quý II/2017– Quý III/2020	869	13.022	75.428	532	84.567	489	16.788	43	-	-	-	-	75.428	532	-	-	-	-	-	-	Quý IV 2029
229	Nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, văn phòng cho thuê và khu nhà ở thấp tầng Chelsea Tower	phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	6151/QĐ-UBND ngày 08/11/2018	Công ty Cổ phần tháp Chelsea	IV/2018 - I/2021	1.198	7.103	34.739	258	29.063	248	5.677	10	-	-	-	-	34.739	258	-	-	-	-	-	-	2027
230	Tòa nhà Bình An - Cowealmic (Tổ hợp dịch vụ thương mại công cộng kết hợp nhà)	Lô đất quy hoạch B3/HH8 thuộc QHPK H2-3 tại số 118 Nguyễn Văn Trỗi, p.Phương Liệt, thành phố Hà Nội	5912/QĐ-UBND ngày 27/11/2025	Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex và Công ty CP Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Quý IV/2025 đến Quý IV/2030	422	2.607	25.219	217	25.219	217	-	-	-	-	-	-	25.219	217	-	-	-	-	-	-	2028
231	Công trình hỗn hợp văn phòng kết hợp nhà ở	Lô đất D9, đường Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân	4959/QĐ-UBND ngày 21/10/2025	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	Quý III/2025 đến Quý IV/2029	646	2.674	23.824	190	23.824	190	-	-	-	-	-	-	23.824	190	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
232	Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng dịch vụ thương mại và nhà ở	tại số 149 Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân	393/QĐ-UBND ngày 27/01/2026	LD: Cty CP đồ thi và thương mại Trăng An; Cty CP tư vấn xây dựng Petrolimex	2028 (dự kiến)	1.247	2.678	22.126	286	22.126	286	-	-	-	-	-	-	22.126	286	-	-	-	-	-	-	2029
233	Dự án đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp dịch vụ công cộng và nhà ở	Ô đất N14, N15 đường Lê Văn Lương, quận Cầu Giấy	7376/QĐ-UBND ngày 11/8/2016	Công ty CP Đầu tư và Thương mại LOUIS	Quý IV/2016-Quý IV/2021	980	12.561	76.944	378	76944	378	-	-	-	-	-	-	76.944	378	-	-	-	-	-	-	Sau 2025
234	Nhà ở, dịch vụ thương mại (trước là Văn phòng lưu trữ)	lô đất B3-KT và C3-KT Khu công nghệ thông tin tập trung Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy	5977/QĐ-UBND 25/8/2017	Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Gia Bách	III/2017-IV/2019	135	1.205	9988	100	9988	100	-	-	-	-	-	-	9988	100	-	-	-	-	-	-	Sau 2025
235	Dự án đầu tư xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp và khu nhà ở thấp tầng tại ô đất TT-03-IV và CT-01-IV	phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy	2841/UBND-KH&ĐT ngày 17/5/2016	Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh PTN và thương mại HN		221	2.142	15425	89	15425	89	-	-	-	-	-	-	15425	89	-	-	-	-	-	-	năm 2027
236	Xây dựng Khu nhà ở tại số 179 phố Kinh, phường Yên Hòa	Số 179 phố Trung Hưng, phường Yên Hòa	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 5890/QĐ-UBND ngày 26/11/2025	Công ty CP DEVYT (đang quản lý sử dụng đất)	Quý II/2028	150	1.116	5.544	10	5544	-	-	10	-	-	-	-	5.544	10	-	-	-	-	-	-	năm 2028
237	Tổ hợp Times Square Hà Nội	Số 222 Trần Duy Hưng (số 2 Phạm Hùng), quận Cầu Giấy	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 6151 ngày 11/12/2025	Công ty TNHH Thăng Long Property đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư	Quý II/2026	4.988	40.000	288.328	1200	288328	1200	-	-	-	-	-	-	288.328	1200	-	-	-	-	-	-	năm 2030
238	Công trình văn phòng, thương mại, dịch vụ, nhà ở	phường Cầu Giấy	1642/QĐ-UBND ngày 05/4/2018	Công ty TNHH Phú Mỹ An(đang quản lý sử dụng đất)	Quý IV/2028	963	3.223	50.512	405	50512	405	-	-	-	-	-	-	50.512	405	-	-	-	-	-	-	năm 2028
239	Tòa nhà hỗn hợp Văn phòng, thương mại dịch vụ, căn hộ và khách sạn	Số 9 đường Phạm Hùng, phường Cầu Giấy	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 5429/QĐ-UBND ngày 03/11/2025	Công ty cổ phần cơ điện lạnh Erescon	Quý I/2030	3.339	4.950	61.683	430	61683	430	-	-	-	-	-	-	61.683	430	-	-	-	-	-	-	năm 2030
240	Nhà ở thấp tầng	Số 85 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa	Quyết định chấp thuận CTDĐT số 2702/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển nhà Nguyễn Khang	Quý IV/2027	49	1.877	6.070	16	6070	-	-	16	-	-	-	-	6.070	16	-	-	-	-	-	-	2028
241	Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại các ô đất ký hiệu: TT-01-III, TT-02-III, TT-04-VI quận Cầu Giấy và TT-06-XI quận Bắc Từ Liêm	phường Nghĩa Đô và phường Cầu Giấy	Quyết định chấp thuận CTD: số 912/QĐ-UBND ngày 23/02/2010; QĐ điều chỉnh số 6623/QĐ-UBND ngày 06/12/2018; Văn bản chấp thuận điều chỉnh tiến độ số 3318/UBND-KT ngày 04/6/2025	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng	Năm 2027	354	8.090	19.249	75	19249	-	-	75	-	-	-	-	19.249	75	-	-	-	-	-	-	Năm 2027
242	Dự án Tổ hợp văn phòng khách sạn, thương mại dịch vụ và nhà ở tại ô đất D3-HH12	ô đất D3-HH12 thuộc phường Xuân La, quận Tây Hồ cũ (nay là phường Nghĩa Đô)	QĐ số 454/QĐ-UBND ngày 29/01/2026	Công ty cổ phần đầu tư LILAHA	2030	2.920	8.600	62.959	764	62.959	764	-	-	-	-	-	-	62.959	764	-	-	-	-	-	-	2030

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyệt/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030					
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Nhà ở xã hội		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội			
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)			
264	Công trình nhà ở chung cư kết hợp dịch vụ thương mại và nhà ở liên kế	Là đất NO (NO1 và NO2) thuộc dự án Khu đô thị mới Mỹ Đình II phường Từ Liêm, Hà Nội	383/UB-XDDT ngày 02/3/2000; 1950/BXD-KHTK ngày 31/10/2001; 9999/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD)	Quý II/2029	1.200	7.782	42.672	208	33.228	192	9.444	16	-	-	-	-	42.672	208	-	-	-	-	-	-	2029	
265	Khu nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên Bảo Kinh tế và Đô thị	tại lô đất ký hiệu 8.1 phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm (cũ)	1506/QĐ-UBND ngày 28/3/2018; 3575/QĐ-UBND 29/6/2016	Cty CP Đầu tư Xây lắp và Phát triển Nhà và Cty CP Tư vấn Handic DT&PTN HN	III/2016-IV/2020	378	3.704	29.577	218	18.777	209	10.800	9	-	-	-	29.577	218	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
266	Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long	phường Đại Mỗ	số 4630/QĐ-UBND ngày 08/9/2025	Đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Từ năm 2025 đến năm 2030	20.247	750.296	870.634	-	520.800	-	349.834	-	-	87.427	1.345	870.634	chưa xác định	87.427	1.345	-	-	-	-	-	2030	
267	Tổ hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, nhà ở để bán Garden Court	phường Đại Mỗ	01121000328 ngày 8/9/2009 thay đổi lần thứ nhất ngày 02/4/2013	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	Từ 2025 đến 2030	5.000	25.487	156.200	1.264	145.700	1.236	10.500	28	-	-	-	156.200	1.264	-	-	-	-	-	-	2030		
268	Khu nhà ở để bán tại khu vực Ngõ - Cầu Bưởi	phường Đại Mỗ	4084/UBND-KH&ĐT ngày 16/12/2008; 9760/VP-ĐT ngày 20/10/2016;	Công ty cổ phần Gia Lộc Phát	2030	1.500	129.684	135.640	355	-	-	68.900	205	5.224	66.740	150	68.900	205	66.740	150	-	-	-	-	2030		
269	Khu nhà ở để bán cho cán bộ chiến sỹ Viên Kỹ thuật điện tử và cơ khí nghiệp vụ thuộc Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật - Bộ Công an	Phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội (cũ)	615/QĐ-UBND ngày 3/2/2016	Công ty Cổ phần Tổ chức nhà quốc gia Đồng Dương	2030 (đề xuất)	940	16.262	105.354	773	96.404	736	8.950	37	-	-	-	105.354	773	-	-	-	-	-	-	2030		
270	Tổ hợp Đại Mỗ Pearl	phường Đại Mỗ	Thông báo số 884/TB-UBND ngày 17/7/2025 của UBND TP HN	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản TC Land	Từ 2025 đến 2030	2.868	13.000	176.610	2.355	176.610	2.355	-	-	-	-	-	176.610	2.355	-	-	-	-	-	-	2030		
271	Đầu tư xây dựng công trình hỗn hợp siêu thị, văn phòng và nhà ở CT1	Tại lô đất CT1 thuộc ô đất HH1-CT, Khu nhà ở di dân giải phóng mặt bằng và đầu tư quyền sử dụng đất, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội (cũ)	5692/QĐ-UBND ngày 18/11/2025	Công ty TNHH Sơn Kova	Quý IV/2025 đến Quý II/2028	174	1.322	1.248	15	1.248	15	-	-	-	-	-	1.248	15	-	-	-	-	-	-	Quý II/2028		
272	Khu chức năng đô thị DM1	Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội	5823/QĐ-UBND ngày 22/8/2017	Công ty cổ phần tập đoàn FLC	2027	2.690	25.812	130.100	860	45.386	410	45.060	133	8.488	39.654	317	90.446	543	39.654	317							
273	Khu nhà ở Mỹ Đình	Tổ 15 phường Từ Liêm	Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 02/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần nhà Mỹ Đình	2025-2027	309	21.842	11.910	98	-	-	11.910	98	-	-	-	11.910	98	-	-	-	-	-	-	2027		
274	Dự án Khu nhà ở 319 Bô Đê tại tổ 10, phường Bô Đê, quận Long Biên	số 10, phường Bô Đê, quận Long Biên	1336/QĐ-UBND ngày 18/3/2016, 2300/QĐ-UBND ngày 19/4/2023	Công ty CP Đầu tư xây lắp và thương mại Hùng Cường (đại diện) và Tổng công ty 319 - Bộ Quốc phòng	II/2016-III/2024	1.475	19.750	41.894	492	41.894	399	30.382	93	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
275	Dự án Khu nhà Gia Quất tại phường Thượng Thanh, quận Long Biên	phường Thượng Thanh, quận Long Biên	01121001127 ngày 12/12/2012, 887/QĐ-UBND ngày 23/02/2018, 1355/QĐ-UBND ngày 06/3/2023	Công ty CP BIC Việt Nam	Hoàn thành quý IV/2024	462	60.335	62.800	933	15.280	600	23.760	44	-	23.760	289	-	-	-	-	-	-	-	-			
276	Dự án Công trình hỗn hợp tại lô đất G4*-HH16 thuộc Khu đô thị sinh thái tại các phường Phúc Lợi, Việt Hưng, Giang Biên, quận Long Biên	lô đất G4*-HH16 thuộc Khu đô thị sinh thái tại các phường Phúc Lợi, Việt Hưng, Giang Biên, quận Long Biên	2130/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	Công ty TNHH Thiên Hương	hoàn thành Quý IV/2021 (đi già hạn 24 tháng)	1.935	43.542	87.641	1.500	87.641	1.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
277	Dự án Tổ hợp siêu thị, văn phòng kết hợp nhà ở tại ô đất CT-08C, Khu đô thị mới Việt Hưng	Khu đô thị mới Việt Hưng, Phường Đức Giang, quận Long Biên	5477/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	Công ty CP thương mại và dịch vụ Tiến Thành	Quý IV/2020-Quý II/2022	320	-	17.784	182	17.784	182	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
278	Dự án Khu đô thị hồ bơi-Khu công nghiệp Sài Đồng B	Phường Thạch Bàn, quận Long Biên	2998/QĐ-UBND ngày 16/6/2018	Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	2019-2024	5.279	203.965	234.324	2.040	234.324	2.040	-	-	-	-	-	234.324	2.040	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
279	Dự án Khu nhà ở và khu thể thao, vui chơi giải trí Tư Đình (phần công trình cao tầng tại ô đất CT2)	Quận Long Biên	01121001710 ngày 04/6/2014; 2139/QĐ-UBND ngày 26/4/2019; 1999/QĐ-UBND ngày 14/6/2022, 4146/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	Công ty CP đầu tư Hím Lam BC (đã chuyển nhượng công trình CT2 cho Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản CT2 theo Quyết định 4146 của UBNDTP)	hoàn thành quý IV/2024	1.670	23.614	29.897	280	29.897	280	-	-	-	-	-	29.897	280	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
280	Dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ ở Cầu Vĩnh Tuy	Phường Long Biên, quận Long Biên	01121000781 ngày 10/6/2010, đic ngày 27/4/2015; 670/QĐ-UBND ngày 01/2/2019; 3625/QĐ-UBND ngày 02/7/2025	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	GD1: III/2016- II/2018; GD2: III/2025-IV/2027	1.347	9.166	62.574	388	27.971	192	34.603	196	-	-	-	62.574	388	-	-	-	-	-	-	2027		
281	Khu chức năng hỗn hợp (khu nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ)	phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên	1933/QĐ-UBND ngày 21/4/2016	Công ty CP bất động sản Sài Đồng	2015-IV/2020	533	10.015	41.188	349	38.710	328	2.478	21	-	-	-	41.188	349	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
282	Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng để bán đối với ô đất ký hiệu CT2 thuộc Dự án xây dựng HTKT khu đất để đầu tư phát triển tại phường Long Biên, quận Long Biên	ô đất ký hiệu CT2 thuộc Dự án xây dựng HTKT khu đất để đầu tư phát triển tại phường Long Biên, quận Long Biên	5473/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBNDTP phê duyệt KQ trúng đấu giá; 1652/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Delux Hà Nội	Quý I/2025 - Quý I/2027	2.541	13.953	59.300	418	59.300	325	-	-	-	-	-	59.300	418	-	-	-	-	-	-	2027		

TT	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án							Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội			2026 - 2030				sau 2030				
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng					Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	
336	Dự án khu nhà ở thương mại dịch vụ Thăng Long	Diễn Công nghiệp Cầu Núi, xã Văn Canh, Hoài Đức	Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 07/7/2008, số 2992/QĐ-UBND ngày 28/7/2008	Công ty cổ phần ô tô xe máy Hà Nội	2030-2031	3.200	15.675	151.600	2.530	151.600	2.530	-	-	-	-	-	151.600	2.530	-	-	-	-	-	-	2030-2031
337	Dự án Khu nhà ở thấp tầng An Khánh	xã An Khánh, thành phố Hà Nội	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W814259 ngày 27/8/2003	Công ty cổ phần Ngân Phát	2029	593	17.293	39.858	112			39.858	112				39.858	112							2029
338	Dự án đầu tư xây dựng HTKT Khu trung tâm thương mại Dịch vụ và nhà ở cao cấp An Khánh	xã Sơn Đồng, Hà Nội	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W814259 ngày 27/8/2003	Công ty cổ phần Sơn Hà	2029	553	2.179	24.747	257	24.747	257						24.747	257							2029
339	Khu đô thị An Thịnh 1	Xã Dương Hòa, Hoài Đức	Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 25/7/2008	Liên danh Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Văn Minh và Công ty CP Bất động sản Bắc Cổ Nhưê (Công ty CP Bất động sản Bắc Cổ Nhưê là đại diện Liên danh)	2026-2030	4.252	409.978	182.627	1.484	-	-	117.127	174	11.473	65.499	1.310	117.127	174	65.499	1.310	-	-	-	-	2030
340	Khu đô thị An Thịnh 2	Xã Dương Hòa, Hoài Đức	Quyết định số 2191/QĐ-UBND ngày 09/8/2008	Liên danh Công ty TNHH Xây dựng và dịch vụ Xuân Tiến - Hòa Bình và Công ty TNHH đầu tư BDS Trung Yên	2026-2030	436.389	558.395	558.395	2.400	255.796	1.892	302.599	508	-	-	-	558.395	2.400	-	-	-	-	-	-	2030
341	Khu đô thị An Thịnh 4	Xã Hoài Đức	Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 09/7/2008	Liên danh Tổng Công ty Đầu tư phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC và Công ty cổ phần Việt Nam mới và Công ty TNHH Đầu tư Bất Động Sản An Thịnh	2026-2030	-	390.758	44.386	332	-	-	44.386	332	-	-	-	44.386	332	-	-	-	-	-	-	2030
342	Khu đô thị An Thịnh 5	Xã Sơn Đồng, Xã Hoài Đức	Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 08/7/2008	Liên danh Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam và Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Nam Thăng Long	2026-2030	-	794.025	649.834	4.020	501.510	3.709	148.324	311	-	-	-	649.834	4.020	-	-	-	-	-	-	2030
343	Khu đô thị An Thịnh 6	Xã Dương Hòa, Hoài Đức, Sơn Đồng	Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 09/07/2008	Liên danh Tổng công ty Nước và Môi trường Việt Nam và Công ty CP Bất Động Sản Hồ Gươm	2026-2030	-	1.088.082	1.421.150	8.101	979.861	7.248	441.289	853	-	-	-	1.421.150	8.101	-	-	-	-	-	-	2030
344	Khu biệt thự Vườn Cam	xã Sơn Đồng, Hà Nội	Quyết định số 8544/QĐ-UBND ngày 08/12/2017, số 2005/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	Công ty cổ phần Vinapol	Quý IV/2025	2.641	545.700	249.246	683			249.246	683				17.246	63							
345	Dự án Xây dựng nhà ở thấp tầng để bán tại tổ dân phố Kiến Thành, thị trấn Triều Quỳ, huyện Gia Lâm	tổ dân phố Kiến Thành, thị trấn Triều Quỳ, huyện Gia Lâm	2667/UBND-SXD ngày 17/8/2022	Công ty CP xây dựng nhà Thủ đô		306	6.203	17.815	54	-	-	-	54	-	-	-	17.815	54	-	-	-	-	-	-	Sau 2025
346	Dự án khu nhà ở Công ty 122 tại xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	tại xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm	QĐ số 6356/QĐ- UBND ngày 22/12/2025	Công ty CP xây dựng và đầu tư 122		128	9.208	23.302	71	-	-	23.302	71	-	-	-	23.302	71	-	-	-	-	-	-	năm 2028
347	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở liên kết để bán tại khu đất PD2, PD3, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	Khu đất PD2, PD3 xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	4264/QĐ-UBND ngày 29/6/2020; số 8254/QĐ-UBND ngày 23/10/2020; số 5328/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 và số 2460/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	Lựa chọn theo hình thức đấu giá QSDĐ		261	52.420	29.208	76	-	-	29.208	76	-	-	-	29.208	76	-	-	-	-	-	-	năm 2027
348	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở liên kết để bán tại khu đất PD4, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	Khu đất PD4 xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm	5749/QĐ-UBND ngày 31/7/20202, số 8682/QĐ UBND ngày 30/10/2020; 7983/QĐ- UBND ngày 08/12/2022.	Lựa chọn theo hình thức đấu giá QSDĐ		44	39.553	34.621	94	-	-	34.621	94	-	-	-	34.621	94	-	-	-	-	-	-	năm 2027
349	Dự án đầu tư xây dựng KĐT mới xã Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm	Xuân Canh, Đông Hội, Mai Lâm	2729/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 5256/QĐ- UBND ngày 21/10/2025	Công ty CP Hội trợ triển lãm Việt Nam	Quý III/2027	34.879	2.614.600	1.709.400	15.147	-	11.000	-	4.147	-	-	-	1.709.400	15.147	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
350	Dự án Khu nhà ở tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	3844/QĐ-UBND ngày 24/6/2017, 1912/QĐ- UBND ngày 31/3/2023	Tổng công ty 319 Bộ Quốc phòng	IV/2026	1.178	85.747	111.028	244	-	-	111.028	244	-	-	-	111.028	244	-	-	-	-	-	-	2026
351	Dự án Thành phố Thông Minh	Các xã Hải Bối và Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	3003/QĐ-UBND ngày 16/6/2018; số 1792/QĐ-UBND ngày 04/5/2020; 5668/QĐ- UBND ngày 08/11/2023	1. SUMITOMO CORPORATION; 2. Cty CP Tập đoàn BRG; 3. Cty TNHH MOTOR N.A Việt Nam; 4. Cty TNHH Đầu tư BDS Phú Cường; 5. Cty CP dịch vụ và kinh doanh BDS Hà Nội	Quý IV/2018- IV/2032 (chưa làm 5 giai đoạn)	94.348	2.714.400	2.517.259	7.190	2.133.060	6.674	384.200	516	-	-	-	2.517.259	7.190	-	-	-	-	-	-	2028

TT	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án							Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ thực dựett/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư		Nhà ở thấp tầng		Nhà ở xã hội			2026 - 2030				sau 2030				
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		
																	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	
375	Dự án văn phòng, trung tâm thương mại và nhà ở	Số 240-242 phố Tôn Đức Thắng, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội				583	2.006	8.282	72	8.282	72	-	-	-	-	-	8.282	72	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
376	Đầu tư xây dựng Tổ hợp thương mại, dịch vụ và nhà ở tại số 98 ngõ 97 Hoàng Cầu, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội	Số 98 ngõ 97 Hoàng Cầu, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội			Quý II/2025 đến Quý IV/2028	230	1.092	7.018	127	7.018	127	-	-	-	-	-	7.018	127	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2028
377	Dự án Cao ốc phức hợp đa năng T&T tại khu đất số 273 phố Tây Sơn	Số 273 phố Tây Sơn, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội			Quý II/2025 đến Quý IV/2030	2.550	7.265	62.325	630	62.325	630	-	-	-	-	-	62.325	630	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030
378	Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ thương mại	Cửa, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội			Năm 2030	345	1.062	10.147	145	10.147	145	-	-	-	-	-	10.147	145	-	-	-	-	-	-	2030
379	Khu phức hợp căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ Tây Sơn	Số 319 Tây Sơn, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội			Đề xuất từ Quý I/2026 đến Quý IV/2031	307	1.220	10.760	154	10.760	154	-	-	-	-	-					10.760	154			Quý IV/2031
380	Khu nhà ở thương mại cao tầng	142 đường Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội			Đề xuất 2026-2031	863	1.563	13.506	180	13.506	180	-	-	-	-	-					13.506	180			Quý IV/2031
381	Dự án Tòa nhà hỗn hợp căn hộ nhà ở kết hợp cửa hàng thương mại	Số 285 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình			2.028,00	113	1.251	5.160	22	5.160	22	-	-	-	-	-	5.160	22	-	-	-	-	-	-	2028
382	Khu Nhà ở Thương mại	Số 15 ngõ 29 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình			Năm 2030	158	2.032	8.275	20	-	-	8.275	20	-	-	-	8.275	20	-	-	-	-	-	-	Năm 2030
383	Tổ hợp Thương mại dịch vụ và căn hộ để bán	Số 3, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình			2.030,00	1.650	3.000	26.280	375	26.280	375	-	-	-	-	-	26.280	375	-	-	-	-	-	-	2030
384	Tổ hợp thương mại, dịch vụ và căn hộ cao cấp	Số 2 Cửa Bắc, số 67 Phố Đức Chinh, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình			Quý II/2025 - IV/2028	950	1.649	10.965	160	10.965	160	-	-	-	-	-	10.965	160	-	-	-	-	-	-	2028
385	Khu nhà ở hỗn hợp Công ty cổ phần Máy Chiến Thắng	số 22 Thành Công, phường Giảng Võ, Hà Nội			Quý I/2026 - Quý IV/2029	5.473	6.595	123.692	400	123.692	400	-	-	-	-	-	123.692	400	-	-	-	-	-	-	2029
386	Tòa nhà căn hộ để ở, khách sạn văn phòng cho thuê kết hợp thương mại dịch vụ	phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình			Từ 2025 đến 2030	1.625	2.279	38.863	chưa xác định	38.863	chưa xác định	-	-	-	-	-	38.863	-	-	-	-	-	-	-	2028
387	Dự án văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp và nhà ở cao tầng, thấp tầng	15 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng			Quý III/2025- Quý III/2031 (đề xuất)	2.027	17.768	47.704	722	27.990	600	19.714	122	-	-	-	47.704	722	-	-	-	-	-	-	2031
388	Tổ hợp chung cư cao cấp, dịch vụ thương mại, văn phòng làm việc	9A Vĩnh Tuy và 790 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng			2025 -2030	3.160	24.934	164.813	2.536	97.741	1.629	19.947	50	2.493	47.125	857	117.688	1.679	47.125	857	-	-	-	-	2030
389	Khu phức hợp căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ	Số 2 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng			Quý III/2025 - IV/2028 (đề xuất)	390	1.600	12.760	182	12.760	182	-	-	-	-	-	12.760	182	-	-	-	-	-	-	2028
390	Xây dựng tòa nhà thương mại HFC - Láng Yên	21 Trần Khánh Dư, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng			Quý III/2025 - I/2030 (đề xuất)	960	4.766	28.665	410	28.665	410	-	-	-	-	-	28.665	410	-	-	-	-	-	-	2028
391	Tổ hợp trung tâm thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở cao tầng tại 79A Lạc Trung	79A Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội			Quý I/2026-Quý I/2030 (đề xuất)	3.048	12.423	86.455	651	86.455	651	-	-	-	-	-	86.455	651	-	-	-	-	-	-	2030
392	Tòa nhà hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở để bán	Số 232 và 234 phố Minh Khai, phường Tương Mai			2028 (đề xuất)	1.705	2.863	28.419	131	28.419	131	-	-	-	-	-	28.419	131	-	-	-	-	-	-	2028
393	Tổ hợp công trình văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở	Ngõ 129D đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, HN			2028 (đề xuất)	750	10.529	45.074	238	chưa xác định	232	chưa xác định	6	-	-	-	45.074	238	-	-	-	-	-	-	2028
394	Xây dựng Tổ hợp văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, nhà ở thương mại	khu đất số 94 phố Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội	Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 14/02/2026	Công ty cổ phần kinh doanh và xây dựng nhà	Quý I/2030	4.849	18.597	86.430	480	86.430	480	-	-	-	-	-	86.430	480	-	-	-	-	-	-	2030
395	Dự án khu nhà ở 124 Vĩnh Tuy	tại số 65 ngõ 124 phố Vĩnh Tuy			2025-2028 (đề xuất)	3.820	30.596	123.255	1.575	103.125	1.525	20.130	50	-	-	-	123.255	1.575	-	-	-	-	-	-	2028
396	Khu nhà ở thương mại cao tầng	Số 89 Bùi Ngọc Đường, phường Bạch Mai, HN			Quý IV/2031 (đề xuất)	590	945	8.334	120	8.334	120	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.334	120	-	-	2031
397	Dự án xây dựng công trình hỗn hợp gồm trụ sở, văn phòng làm việc kết hợp nhà ở	tại số 777 đường Giải Phóng, quận Hoàng Mai				196	1.009	7.209	65	7.209	65	-	-	-	-	-	7.209	65	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
398	Dự án tòa nhà hỗn hợp dịch vụ công cộng, văn phòng và nhà ở tại lô số 2 Khu đô thị Đại Kim - Định Công, quận Hoàng Mai	tại lô số 2 Khu đô thị Đại Kim - Định Công, quận Hoàng Mai				149	1.517	-	49	-	49	-	-	-	-	-	3.008	49	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
399	Dự án Khu nhà ở kinh doanh tại ô đất ký hiệu C11-ODK6 thuộc khu Dân Liễn, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	khu Dân Liễn, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai			2030	995	12.272	57.666	546	52.948	528	4.718	18	-	-	-	57.666	546	-	-	-	-	-	-	2030
400	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thấp tầng tại ô đất đấu giá quyền sử dụng đất ký hiệu TT1-TT3 thuộc Khu đô thị Nam hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai - Giai đoạn 2	phường Hoàng Liệt			2024-2027	-	63.300	52.935	371	-	-	52.935	371	-	-	-	52.935	371	-	-	-	-	-	-	2027

TT	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án							Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành		
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ thực dự án/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội			2026 - 2030				sau 2030				
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng					Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	
401	Khu hỗn hợp văn phòng, thương mại và căn hộ (PCC1 Vinh Hưng)	Số 1 ngõ 321 phố Vinh Hưng, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai			Quý II/2026 đến Quý III/2028	597	5.160	33.788	288	33.788	288	-	-	-	-	-	33.788	288	-	-	-	-	-	-	2030
402	Đầu tư xây dựng Khu văn phòng, thương mại và nhà ở	số 93 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai			2029 (đề xuất)	3.770	44.818	159.974	1.447	153.230	1.396	6.744	51	-	-	-	159.974	1.447	-	-	-	-	-	-	2029
403	Công trình hỗn hợp (Dịch vụ thương mại, công cộng, văn phòng, nhà ở) và nhà trẻ	phường Yên Sở, quận Hoàng Mai			2028	1.744	14.987	84.188	1.040	84.188	1.040	-	-	-	-	-	84.188	1.040	-	-	-	-	-	-	2028
404	Xây dựng Khu chung cư và dịch vụ công cộng TDC	phường Yên Sở, quận Hoàng Mai			2025-2030	1.920	26.989	57.780	658	54.292	616	3.488	42	-	-	-	57.780	658	-	-	-	-	-	-	2030
405	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở Trường Định	tại số 389 Trường Định, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai			Quý II/2025 đến Quý II/2030	2.960	39.045	102.608	1.306	102.608	1.360	-	-	-	-	-	102.608	1.360	-	-	-	-	-	-	2030
406	Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ - T&T home	tại số 164 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai			Quý II/2025 đến Quý II/2030	1.173	29.529	17.458	44	-	-	17.458	44	-	-	-	17.458	44	-	-	-	-	-	-	2030
407	Khu nhà ở Yên Sở	phường Yên Sở, quận Hoàng Mai			2025-2030	197	12.000	58.275	394	33.075	331	25.200	63	-	-	-	58.275	394	-	-	-	-	-	-	2030
408	Khu nhà ở Linh Nam	phường Linh Nam, quận Hoàng Mai			2025-2030	690	48.000	154.656	1.195	46.656	467	69.120	173	5.760	38.880	555	69.120	173	38.880	555	-	-	-	-	2030
409	Khu nhà ở Trần Phú	phường Trần Phú, quận Hoàng Mai			2025-2030	390	11.056	53.690	363	30.473	305	23.217	58	-	-	-	53.690	363	-	-	-	-	-	-	2030
410	Dự án Công trình hỗn hợp (dịch vụ, thương mại, văn phòng, nhà ở)	tại 142 đường Đinh Công, phường Đinh Công, quận Hoàng Mai			2025 -2029	624	5.627	194.960	316	190.000	300	4.960	16	-	-	-	194.960	316	-	-	-	-	-	-	2029
411	Dự án nhà ở thương mại Đại Kim	ngõ 38 phố Đại Từ , phường Đại Kim, quận Hoàng Mai			2025-2027	600	12.608	38.737	135	19.636	98	19.101	37	-	-	-	38.737	135	-	-	-	-	-	-	2027
412	Công trình hỗn hợp (dịch vụ, thương mại, văn phòng, nhà ở)	Ngõ 115 đường Đinh Công, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai			2029	3.291	7.626	33.500	500	33.500	500	-	-	-	-	-	33.500	500	-	-	-	-	-	-	2029
413	Dự án Khu tổ hợp nhà ở, văn phòng, thương mại dịch vụ và trường học	tại ô đất ký hiệu F1/C2, F1/T14, F1/H19 thuộc ô quy hoạch F1 phần khu đô thị H2-4 khu Đông Quan, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai			2025-2029	2.080	29.853	29.250	450	29.250	450	-	-	-	-	-	29.250	450	-	-	-	-	-	-	2029
414	Dự án khu nhà ở thương mại thấp tầng	tại ô đất ký hiệu D2/H17 thuộc quy hoạch D2 phần khu H2-4 tại số 254 Lĩnh Nam, phường Linh Nam, quận Hoàng Mai			2025-2028	43	2.405	4.477	96	-	-	4.477	96	-	-	-	4.477	96	-	-	-	-	-	-	2028
415	Dự án xây dựng khu văn phòng, khách sạn và nhà ở thương mại tại ô đất ký hiệu 32 (A12)	tại phường Kim Giang, quận Thanh Xuân và phường Đại Kim, quận Hoàng Mai			2025-2030 (đề xuất)	5.625	266.939	103.966	975	103.966	975	-	-	-	-	-	103.966	975	-	-	-	-	-	-	2030
416	Công trình hỗn hợp "Nhà ở cao tầng, nâng tầng kết hợp thương mại dịch vụ và cây xanh"	số 1267 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai			II/2028 (đề xuất)	800	7.970	24.090	237	13.883	172	6.736	21	-	3.471	44	24.090	237	-	-	-	-	-	-	2028
417	Khu thương mại dịch vụ và nhà ở Golden Center	tại ngõ 15/51 đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai			2025-2030 (đề xuất)	2.200	9.813	48.528	540	48.528	540	-	-	-	-	-	48.528	540	-	-	-	-	-	-	2030
418	Khu hỗn hợp nhà ở và dịch vụ thương mại Nam hồ Linh Đàm	phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai			từ 2025 đến 2030	1.204	146.931	185.460	383	-	-	163.145	272	-	22.315	111	163.145	272	22.315	111	-	-	-	-	2030
419	Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nam hồ Linh Đàm	phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai			từ 2025 đến 2030	1.175	144.983	125.308	283	-	-	102.993	172	-	22.315	111	102.993	172	22.315	111	-	-	-	-	2030
420	Khu nhà ở Vĩnh Hưng	phường Linh Nam, quận Hoàng Mai			từ 2025 đến 2030	226	15.066	26.810	123	8.136	81	18.674	42	-	-	-	26.810	123	-	-	-	-	-	-	2030
421	Khu nhà ở cao cấp Parkson	phường Yên Sở, quận Hoàng Mai			từ 2025 đến 2030	447	29.828	57.025	393	19.800	198	28.635	72	-	8.590	123	48.435	270	8.590	123	-	-	-	-	2030
422	Khu nhà ở Happy Home	phường Linh Nam, quận Hoàng Mai			từ 2025 đến 2030	177	11.808	19.601	97	6.376	64	13.225	33	-	-	-	19.601	97	-	-	-	-	-	-	2030
423	Khu nhà ở Horizon Land Hoàng Mai	phường Trần Phú, quận Hoàng Mai			Từ 2025 đến 2030	1.568	10.800	94.400	1.163	85.600	1.141	8.800	22	-	-	-	94.400	1.163	-	-	-	-	-	-	2030
424	Khu hỗn hợp văn phòng thương mại và nhà ở Linnea Complex	Số 254 đường Lĩnh Nam, phường Linh Nam, quận Hoàng Mai			2029	2.085	8.993	36.915	550	36.915	550	-	-	-	-	-	36.915	550	-	-	-	-	-	-	2029
425	Trung tâm thương mại kết hợp văn phòng, chung cư số 5 Ngọc Hồi	số 5, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai			2029	2.697	22.853	97.853	715	97.853	715	-	-	-	-	-	97.853	715	-	-	-	-	-	-	2029
426	Trung tâm thương mại kết hợp văn phòng, chung cư ngõ 83 Ngọc Hồi, quận Hoàng Mai	Số 11 ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai			03 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	429	2.518	23.818	189	23.818	189	-	-	-	-	-	23.818	189	-	-	-	-	-	-	2030
427	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thấp tầng	ô đất ký hiệu O7 thuộc Khu dịch vụ tổng hợp và nhà ở hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai			2027	32	1.861	4.935	16	-	-	4.935	16	-	-	-	4.935	16	-	-	-	-	-	-	2027
428	Dự án công trình tổ hợp thương mại, văn phòng và nhà ở cao tầng	số 27 ngõ 216 phố Đinh Công, quận Hoàng Mai			Quý III/2029	730	3.532	28.679	392	28.679	392	-	-	-	-	-	28.679	392	-	-	-	-	-	-	2029

TT	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
								Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030					
								Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng						Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội			
								Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)			
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyệt/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)																		
453	Dự án tòa nhà văn phòng, thương mại dịch vụ và nhà ở Phúc Lộc	tại ô đất CD11, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy			Chưa xác định	95	1.921	1450	11	1450	11	-	-	-	-	-	1450	11	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
454	Dự án công trình hỗn hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng và căn hộ	một phần lô đất E2, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy			Chưa xác định	408	2.133	21717	194	21717	194	-	-	-	-	-	21717	194	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
455	Dự án khu phức hợp điểm đỗ xe, văn phòng, thương mại, dịch vụ và nhà ở cho thuê	phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy			Không xác định	2.727	24.118	51626	540	51626	540	-	-	-	-	-	51626	540	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
456	Dự án tòa nhà văn phòng, văn phòng đào tạo chuyển giao công nghệ thông tin viễn thông, nhà	phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy				173	5.422	4388	22	4388	22	-	-	-	-	-	4388	22	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
457	Tòa nhà hỗn hợp và khu nhà ở thấp tầng tại ô đất CT-01-IV và TT-03-IV thuộc phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy	phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy			Quý IV/2028	462	2.183	16.100	89	16100	85	-	4	-	-	-	16.100	89	-	-	-	-	-	-	2028
458	Khu hỗn hợp thương mại dịch vụ và nhà ở KEHN	Ngõ 115 phố Trần Cung, phường Nghĩa Đô				1.600	4.686	91.380	685	91380	685	-	-	-	-	-	91.380	685	-	-	-	-	-	-	2029
459	Dự án tòa nhà hỗn hợp văn phòng - thương mại - nhà ở tại ô đất D27-Khu đô thị mới Cầu Giấy	Cầu Giấy			Quý IV/2028	3.200	10.756	163.403	1074	163403	1074	-	-	-	-	-	163.403	1074	-	-	-	-	-	-	2028
460	Tòa nhà hỗn hợp	ô đất CT2 phường Nghĩa Đô			Quý IV/2029	600	5.271	61.175	420	61175	420	-	-	-	-	-	61.175	420	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2029
461	Khu hỗn hợp văn phòng thương mại dịch vụ và nhà ở	Phường Cầu Giấy			Quý IV/2030	5.600	9.861	140.000	1500	140000	1500	-	-	-	-	-	140.000	1500	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030
462	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ và nhà ở	Số 5 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô			Quý IV/2030	1.106	2.544	36.487	310	36487	310	-	-	-	-	-	36.487	310	-	-	-	-	-	-	Quý IV/2030
463	Tòa nhà Văn phòng và Căn hộ cao cấp Danh Nam - Danh Nam Tower	Ô đất A/D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội			Quý II/2030	1.176	3.269	12.264	46	12264	46	-	-	-	-	-	12.264	46	-	-	-	-	-	-	Quý II/2030
464	Tổ hợp căn hộ cao cấp Balance Palace	Khu đất số 66 Cốm Vọng, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy			2028	1.200	9.992	54.048	503	54.048	503	-	-	-	-	-	54048	503	-	-	-	-	-	-	2028
465	Chung cư cao tầng tại khu đất ký hiệu lô C ô D13 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy	Lô đất ký hiệu lô C ô D13 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Cầu Giấy			Năm 2029	3.200	7.220	97.860	500	97.860	500	-	-	-	-	-	97.860	500	-	-	-	-	-	-	Năm 2029
466	Dự án khu nhà ở 68 An Dương, Tây Hồ	68 An Dương, Tây Hồ			2029	219	97.517	10.512	175	-	-	-	-	-	-	-	10.512	175	-	-	-	-	-	-	2029
467	Khu hỗn hợp thương mại và Dịch vụ nhà ở An Dương	70 An Dương phường Yên Phụ, quận Tây Hồ			IV/2029	1.000	17.259	50.000	450	50.000	450	-	-	-	-	-	50.000	450	-	-	-	-	-	-	2029
468	Khu nhà ở cao cấp Phú Thương	phường Phú Thương, quận Tây Hồ			2030	557	13.913	67.143	502	-	-	28.187	70	3.478	38.956	432	67.143	502	38.956	432	-	-	-	-	2030
469	Khu phức hợp căn hộ kết hợp dịch vụ thương mại	Số 33 đường Tây Hồ, phường Quảng An, Tây Hồ			2030	2.520	5.973	56.792	811	56.792	811	-	-	-	-	-	56.792	811	-	-	-	-	-	-	2030
470	Khu dịch vụ, thương mại, văn phòng và nhà thấp tầng cho thuê 186 Phú Thương	phường Phú Thương			I/2028	450	4.858	20.999	-	-	-	20.999	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2028
471	Tòa nhà ở Nam Đại Việt	Đường Phú Thương, quận Tây Hồ			IV/2029	1.287	8.106	57.714	280	57.714	280	-	-	-	-	-	57.714	280	-	-	-	-	-	-	2029
472	Tổ hợp nhà ở, văn phòng, thương mại dịch vụ	phường Phú Thương			Từ 2026 đến 2030	62	1.414	3.182	16	-	-	3.182	16	-	-	-	3.182	16	-	-	-	-	-	-	
473	Dự án khu nhà ở thấp tầng phường Minh Khai	phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm (cũ)				97	5.300	4.962	22	-	-	-	22	-	-	-	1.540	22	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
474	Dự án Khu nhà ở và dịch vụ thương mại	phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội			Quý I/2026-Quý IV/2030 (để xuất)	1.200	17.379	chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định
475	Dự án Khu hỗn hợp dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở H36 (The Park View)	phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			Quý I/2027-Quý III/2029 (để xuất)	3.841	17.489	178.243	1.136	169.904	1.116	8.339	20	-	-	-	178.243	1.136	-	-	-	-	-	-	2028
476	Khu đô thị chức năng Thương Cát	phường Thương Cát, Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm và xã Tân Lập, huyện Đan Phượng (cũ)			Chưa xác định	9.000	1.432.277	490.492	1.363	87.649	533	402.843	830	51.223	154.885	1.496	485.704	1.351	154.885	1.496	-	-	-	-	2033
477	Dự án Sóng Hồng Tower	Tại ô có ký hiệu HH, Khu tái định cư phục vụ xây dựng Khu đô thị mới Hà Nội, phường Cổ Nhuế 1 và phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			1/2025-IV/2029	1.500	13.886	44.800	440	44.800	440	-	-	-	-	-	44.800	440	-	-	-	-	-	-	2029
478	Khu nhà ở thấp tầng , tổ hợp trung tâm giới thiệu sản phẩm, văn phòng cho thuê, dịch vụ công cộng, kết hợp nhà cao tầng	Số 202 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội			2033 (để xuất)	1.484	12.669	50.122	390	34.320	338	15.802	52	-	-	-	50.122	390	-	-	-	-	-	-	2033
479	Khu nhà ở cao cấp kết hợp cây xanh và công trình công cộng Thương Cát	phường Thương Cát, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2025-2030	968	72.611	130.700	396	-	-	116.178	293	7.261	14.522	103	116.178	293	14.522	103	-	-	-	-	2025-2030

TT	Một số thông tin chính của dự án								Các loại hình nhà ở của Dự án							Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m ²)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m ²)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội			2026 - 2030								
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)	Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		sau 2030				
										Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)				Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội				
																			Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m ²)		Số lượng nhà ở (căn)
480	Đầu tư Xây dựng Khu nhà ở thương mại Tây Tư - Thăng Long	phường Tây Tư và phường Thương Cát, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2025-2030	889	50.908	91.635	315	-	-	81.453	243	5.091	10.182	72	81.453	243	10.182	72	-	-	-	-	2025-2030
481	Tổ hợp nhà ở cao cấp và thương mại dịch vụ Thương Cát	phường Thương Cát, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2025-2030	1.018	60.245	108.441	373	-	-	96.392	287	6.025	12.049	86	96.392	287	12.049	86	-	-	-	-	2025-2030
482	Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ phường Tây Tư	Tại ô quy hoạch B-1 trong Quy hoạch phân khu đô thị S2, tỷ lệ 1/5000, thuộc địa bàn phường Tây Tư, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			II/2025 - II/2030	1.450	46.000	552.000	2.350	441.600	1.880	-	-	-	110.400	470	441.600	1.880	110.400	470	-	-	-	-	2030
483	Nhà ở cán bộ công chức quận Bắc Từ Liêm	phường Tây Tư - phường Thương Cát, thành phố Hà Nội	Thông báo số 52/TB-UBND ngày 09/02/2017		2028 (đề xuất)	1.300	40.494	89.810	185	-	-	89.810	185	-	-	-	89.810	185	-	-	-	-	-	-	2028
484	Khu thương mại dịch vụ và nhà ở Cổ Nhuế	tại ô đất ký hiệu A.3, thuộc quy hoạch phân khu đô thị H2-1, phường Đồng Ngạc, TP Hà Nội			2030	2.400	20.659	59.085	450	59.085	450	-	-	-	-	-	59.085	450	-	-	-	-	-	-	2030
485	Tòa nhà hỗn hợp CT3, phường Cổ Nhuế 1	ô đất ký hiệu CT3 thuộc Khu tái định cư phục vụ xây dựng khu đô thị mới Hà Nội tại phường Cổ Nhuế 1 và phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2028	640	5.277	24.038	350	24.038	350	-	-	-	-	-	24.038	350	-	-	-	-	-	-	2028
486	Khu nhà ở cao cấp kết hợp cây xanh và công trình công cộng Tây Tư Luxury	phường Tây Tư, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2025-2030	283	17.031	40.874	95	-	-	40.874	95	-	-	-	40.874	95	-	-	-	-	-	-	2025-2030
487	Khu nhà ở cao cấp Đồng Ngạc	phường Đồng Ngạc, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2030	469	11.735	56.316	368	-	-	23.472	56	2.933	32.844	312	23.472	56	32.844	312	-	-	-	-	2030
488	Dự án khu nhà ở Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2 - Bắc Từ Liêm - Hà Nội (cũ)			năm 2025 - II/2030	351	1.565	16.865	281	16.865	281	-	-	-	-	-	16.865	281	-	-	-	-	-	-	Quý II/2030
489	Dự án Khu nhà ở Hồng Hà	Phường Tây Tư, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			Quý II/2025 - II/2030	561	39.476	36.032	168	-	-	31.547	114	2.563	4.484	54	31.547	114	4.484	54	-	-	-	-	2030
490	Khu dân cư Bắc Đô Tây Tư	phường Tây Tư, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			Từ 2025 đến 2030	6.370	188.600	407.376	5.430	407.376	5.430	-	-	-	-	-	-	-	-	-	407.376	5.430	-	-	2030
491	Khu nhà ở PT Xuân Đình	phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			Từ 2025 đến 2030	1.857	11.400	114.000	1.520	114.000	1.520	-	-	-	-	-	114.000	1.520	-	-	-	-	-	-	2030
492	Khu nhà ở Phú Gia	Tại ô đất ký hiệu A2/NO15, thuộc quy hoạch phân khu đô thị H2-1, phường Đồng Ngạc			Từ 2025 đến 2030	1.300	12.944	34.589	400	34.589	400	-	-	-	-	-	34.589	400	-	-	-	-	-	-	2030
493	Khu nhà ở phục hợp thương mại kết hợp trung tâm thương mại,dịch vụ, văn phòng cho thuê tại lô đất A2/NO22, thuộc Quy hoạch phân khu H2-1 tỷ lệ 1/2000.	Lô đấtA2/NO22, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm (cũ)			III/2025 - IV/2028	1.500	11.426	61.544	686	56.714	672	4.830	14	-	-	-	61.544	686	-	-	-	-	-	-	2028
494	Khu nhà ở Việt-Group	Khu đất ký hiệu A2/NO19 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2030	1.155	7.789	81.291	580	81.291	580	-	-	-	-	-	81.291	580	-	-	-	-	-	-	2030
495	Khu nhà ở thấp tầng kết hợp với bãi đỗ xe	phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			II/2025-III/2030	891	37.278	58.374	255	-	-	58.374	255	-	-	-	58.374	255	-	-	-	-	-	-	Năm 2030
496	Khu nhà ở thấp tầng	phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			II/2025-IV/2030	236	23.568	24.963	104	-	-	24.963	104	-	-	-	24.963	104	-	-	-	-	-	-	Năm 2030
497	Khu nhà ở Cao tầng tại lô đất A2/NO23	Lô quy hoạch A2/NO23 thuộc quy hoạch phân khu H2-1, Phường Đức Thắng – Quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2025-2030	1.075	6.443	39.522	476	39.522	476	-	-	-	-	-	39.522	476	-	-	-	-	-	-	Năm 2030
498	Khu nhà ở thương mại/ hỗn hợp cao tầng tại lô đất A2/NO17	Lô đất quy hoạch A2/NO17, Phường Đồng Ngạc, TP Hà Nội			2025-2030	117.601.150	9.000.025.000	44100 0 129600	5.000.820	441.000.118.800	5.000.820	-	-	-	-	-	Chưa xác định	Chưa xác định	-	-	-	-	-	-	Năm 2030
499	Khu nhà ở thấp tầng	Thôn Đại Cát, phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			II/2025 - III/2030	298	5.769	9.653	45	-	-	9.653	45	-	-	-	9.653	45	-	-	-	-	-	-	Năm 2030

TT	Một số thông tin chính của dự án							Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành			
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Văn bản quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư/ Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/ đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030				sau 2030					
										Căn hộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)						Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)					
500	Dầu tư xây dựng khu nhà ở liền kề tại phường Thụy Phương	Tổ dân phố Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2028	40	855	2.384	7	-	-	2.384	7	-	-	-	2.384	7	-	-	-	-	-	-	Năm 2028		
501	Khu văn phòng giao dịch thương mại và nhà ở	phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2025-2030	209	5.778	38.135	365	38.135	365	-	-	-	-	-	38.135	365	-	-	-	-	-	-	2030		
502	Toà nhà hỗn hợp CT1, phường Cổ Nhuế 1	Ô đất có ký hiệu CT1 thuộc Khu tái định cư phục vụ xây dựng Khu đô thị mới Hà Nội, tại phường Cổ Nhuế 1 và phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm (cũ)			2028 (đề xuất)	1.250	8.610	55.080	800	55.080	800	-	-	-	-	-	55.080	800	-	-	-	-	-	-	2028		
503	Dầu tư xây dựng Khu Công viên công nghệ số và hỗn hợp tại phường Tây Từ và phường Phú Diễn	phường Tây Từ và phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội	Quyết định số 238/QĐ- UBND ngày 15/01/2026		2026-2031	53.763	1.968.000	1.715.000	13.350	1.715.000	13.350	-	-	-	-	-	1.029.000	8.010	-	-	686.000	5.340	-	-	2036		
504	Công viên Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Hỗn hợp	phường Đồng Ngạc và phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội			Đến Quý IV/2030	Chưa xác định	664.100	Chưa xác định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2030		
505	Khu nhà ở thương mại tại lô đất A2/NO8	Lô quy hoạch A2/NO8 thuộc phân khu H2-1, phường Đồng Ngạc			2025-2030	1.435	8.123	65.522	576	65.522	576	-	-	-	-	-	65.522	576	-	-	-	-	-	-	2030		
506	Khu nhà ở thương mại tại lô đất A2/NO21	Lô quy hoạch A2/NO21 thuộc phân khu H2-1, phường Đồng Ngạc			2025-2030	828	4.244	38.100	350	38.100	350	-	-	-	-	-	38.100	350	-	-	-	-	-	-	2030		
507	Khu nhà ở thương mại thấp tầng Tây Từ 1	Ô đất thuộc phân khu GS2-6, quy hoạch phân khu đô thị GS, phường Tây Từ			2025-2029	285	19.197	31.670	120	-	-	31.670	120	-	-	-	31.670	120	-	-	-	-	-	-	2029		
508	Khu nhà ở thương mại thấp tầng Tây Từ 2	Ô đất thuộc phân khu GS2-6, quy hoạch phân khu đô thị GS, phường Tây Từ, Thành phố Hà Nội			2025-2029	353	24.851	41.580	150	-	-	41.580	150	-	-	-	41.580	150	-	-	-	-	-	-	2029		
509	Nhà ở cho cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật	tại các Ô đất ký hiệu D8-CT2, D10-CT3, D8-BT4 thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm			2025-2030	1.751	20.062	94.861	766	62.906	512	11.259	30	1.626	20.699	244	74.165	542	20.699	244	-	-	-	-	2030		
510	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở	phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội			2025-2029	620	5.463	24.631	250	24.631	250	-	-	-	-	-	24.631	250	-	-	-	-	-	-	2029		
511	Dự án khu nhà ở thấp tầng	tại các ô đất 05, 06 thuộc Dự án khu nhà ở bán và xây dựng HTKKT tại phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm (cũ)			-	36	1.972	3.351	15	-	-	-	15	-	-	-	3.351	15	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
512	Dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng	tại lô đất CT2, Khu HH thuộc khu nhà ở di dân GPMB và đầu giá quyền sử dụng đất, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm (cũ)			-	300	1.520	10.960	80	-	80	-	-	-	-	-	10.960	80	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
513	Dự án DTXD khu nhà ở và đầu nối HTKKT	Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm (cũ)			-	1.196	15.893	80.097	617	-	607	-	10	-	-	-	80.097	617	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
514	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ, thương mại và nhà ở tại lô đất ký hiệu N10.1 đường Phạm Hùng	lô đất ký hiệu N10.1, số 28 đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm			2025-2029 (đề xuất)	782	3.224	26.775	222	26.775	222	-	-	-	-	-	26.775	222	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
515	Dự án Khu văn phòng, nhà ở và dịch vụ công cộng Xuân Phương Garden	phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm (cũ)			-	216	12.134	12.577	43	-	-	-	43	-	-	-	12.577	43	-	-	-	-	-	-	Chưa xác định		
516	Xây dựng nhà ở để bán ô đất ký hiệu TT2B trong quy hoạch Khu nhà ở Trung Văn, quận Nam Từ Liêm.	Phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm (cũ)			Dự kiến hoàn thành 2026	70	2.147	8.750	22	-	-	8.750	22	-	-	-	8.750	22	-	-	-	-	-	-	2026		
517	Dầu tư xây dựng Khu đô thị mới Miếu Nha tại phường Xuân Phương, xã Sơn Đông, Thành phố Hà Nội	Phường Xuân Phương, xã Sơn Đông, Thành phố Hà Nội			2026-2030	4.100	305.272	191.747	1.634	175.619	1.586	16.128	48	-	-	-	191.747	1.634	-	-	-	-	-	-	2030		
518	Khu nhà vườn sinh thái Tô Hữu.	phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm (cũ)			Quý II/2025-Quý II/2029	444	23.410	32.317	79	-	-	32.317	79	-	-	-	32.317	79	-	-	-	-	-	-	2029		
519	Nhà ở thương mại Mễ Trì	Đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm (cũ)			Quý II/2025- Quý II/2029	239	1.238	10.223	60	10.223	60	-	-	-	-	-	10.223	60	-	-	-	-	-	-	2029		
520	Nhà ở thương mại Minh Anh	phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm (cũ)			Quý II/2025-Quý IV/2029	1.554	24.489	87.486	825	79.019	800	8.467	25	-	-	-	87.486	825	-	-	-	-	-	-	2029		

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án		Tiến độ được duyệt/ dự kiến (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Các loại hình nhà ở của Dự án				Nhà ở xã hội			Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành				
										Nhà ở thương mại/ tái định cư							2026 - 2030				sau 2030								
										Cán bộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội		Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội					
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)		Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)		Số lượng (căn)	Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)
1030	Dự án đầu tư xây dựng Trục Đại lộ cảnh quan sông Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo phương thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	Thuộc địa giới hành chính của 19 xã, phường của thành phố Hà Nội: Ô Dịch, Thương Cát, Đông Ngạc, Phú Thượng, Hồng Hà, Vĩnh Tuy, Vĩnh Hưng, Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Thanh Trì, Nam Phú, Hồng Văn, Mê Linh, Thiên Lộc, Vĩnh Thanh, Đông Anh, Bồ Đề, Long Biên, Bát Tràng	Quyết định số 6281/QĐ-UBND ngày 17/12/2025	Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh, Công ty TNHH MTV Đầu tư Văn Phú - Giảng Võ, Công ty cổ phần tập đoàn MIK Group Việt Nam, Công ty cổ phần tập đoàn Trường Hải, Công ty cổ phần tập đoàn T&T, Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (đại diện Liên danh: Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh)	Năm 2030	855.000	110.000.000	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	-	Chưa xác định	-	-	-	-	Quý IV/2030						
1031	Dự án đầu tư xây dựng Khu phức hợp y tế - chăm sóc sức khỏe người cao tuổi - Đại học Y Hà Nội	lô D1 và B3 thuộc phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 16/01/2026	Liên danh Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội và Công ty cổ phần thiết bị và truyền thông NGS	Năm 2030	16.094	7.000	96.000	1.100	96.000	1.100						96.000	1.100						Năm 2030					
1032	Khu đô thị mới Liên Hà	xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội		Tập đoàn Vingroup - CTCP	chưa xác định	chưa xác định	4.741.000	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	-	-	-	-	Chưa xác định				
1033	Khu đô thị mới Bắc Hồng	xã Đông Anh, thành phố Hà Nội		Tập đoàn Vingroup - CTCP	chưa xác định	chưa xác định	3.851.000	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	-	-	-	-	Chưa xác định				
1034	Khu đô thị mới Yên Thường	xã Đông Anh, thành phố Hà Nội		Tập đoàn Vingroup - CTCP	chưa xác định	chưa xác định	4.224.000	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	-	-	-	-	Chưa xác định				

PHỤ LỤC 2A.
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI ĐA MỤC TIÊU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIẢI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ SAU NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn (m2)	Số lượng căn hộ (căn)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG			2.526.215	20.896.112	39.272.056	498.519		
I.	DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030			280.566	5.949.960	10.737.910	135.664		
1	Dự án khu đô thị mới Thanh Lâm, Đại Thịnh 2 (phần nhà ở xã hội tại các ô đất: CT-01+CT-02, CT-07)	huyện Mê Linh, Hà Nội	Tập đoàn phát triển nhà và đô thị (HUD)	889	52.400	11.852	265	2028	1858/QĐ-UBND ngày 05/4/2011; 4666/UBND-XD ngày 13/6/2011; 2411/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; 2288/UBND-KH&ĐT ngày 15/7/2024
2	Dự án nhà ở xã hội Xuân Đình	tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm	Công ty cổ phần thi công cơ giới và xây lắp	78	1.900	5.405	88	Sau 2025	2773/QĐ-UBND ngày 26/6/2020
3	Dự án nhà ở xã hội CT8 và CT9 Thạch Bàn	Tại ô đất CT8, CT9 - Khu dân cư và thương mại Berjaya-Handico12 tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên	Công ty TNHH Berjaya-Handico 12	1.304	19.500	94.558	748	2030	2770/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; Đang điều chỉnh dự án
4	Dự án Khu nhà ở tại điểm X2 phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội (phần nhà ở xã hội tại tòa CT2 và tòa CT3 dự kiến chuyển đổi sang NOXH)	quận Hoàng Mai, Hà Nội	Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	599	4.533	34.364	327	2029	6490/UBND-XD ngày 05/8/2011; 4270/QĐ-UBND ngày 22/9/2020
5	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại khu đất ký hiệu 1 thuộc xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	khu đất ký hiệu 1 thuộc xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	Công ty Cổ phần Cơ khí và xây lắp số 7	164	3.300	12.345	196	2029	7961/UBND-SXD ngày 24/10/2014; 7987/QĐ-UBND ngày 16/11/2017; 3835/QĐ-UBND ngày 13/10/2022; số 1334/QĐ-UBND ngày 08/3/2025
6	Dự án nhà ở xã hội CT-M-2 thuộc Khu đô thị mới Vân Canh	P.Phương Canh, quận Nam Từ Liêm và các xã Vân Canh, Di Trạch, Hoài Đức	Tổng Công ty ĐT phát triển Nhà và Đô thị - BXD	705	3.306	42.055	463	2028	2778/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 5065/QĐ-UBND ngày 27/9/2024
7	Dự án xây dựng nhà ở xã hội tại Pháp Vân - Tứ Hiệp (Chuyển đổi các tòa A2, A3 và A4 từ nhà ở sinh viên sang làm nhà ở xã hội)	tại một phần ô đất III.13.1 (quy đất 20%) KĐT mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, quận Hoàng Mai	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng thành phố Hà Nội	1.197	16.900	73.440	1.224	2030	4677/QĐ-UBND ngày 11/9/2009

8	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô đất CT3, CT4 khu đô thị mới Kim Chung	huyện Đông Anh, Hà Nội	Liên danh Tổng công ty Viglacera và Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	1.522	37.000	67.344	1.104	2026	7407/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; 1215/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 4515/QĐ-UBND ngày 28/8/2024
9	Dự án nhà ở xã hội Tố Hữu	tại phường Mỹ Trì, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm.	Công ty Cổ phần BIC Việt Nam	1.404	15.900	41.949	711	2030	2780/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 3161/QĐ-UBND ngày 31/08/2022
10	Nhà ở xã hội cao tầng - Bảo Ngọc City tại Khu đô thị hỗ trợ - khu công nghiệp Sài Đồng B	phường Thạch Bàn, quận Long Biên	Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Ngọc TTC	1.479	66.000	75.762	828	2028	2963/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; Đang điều chỉnh dự án
11	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Đại Kim (phần chung cư nhà ở xã hội tại các ô đất CT4, CT5)	phường Đại Kim, quận Hoàng Mai	Liên danh: Công ty đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội; Công ty CP tập đoàn được phẩm Vimedimex	4.155	216.400	65.313	919	2026	2269/QĐ-UBND ngày 11/5/2016; 2163/QĐ-UBND ngày 23/6/2022
12	Dự án nhà ở xã hội tại ô đất CT-02 thuộc dự án Khu nhà ở để bán Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	ô đất CT-02 thuộc dự án Khu nhà ở để bán Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	Liên danh: Công ty Cổ phần kinh doanh và phát triển nhà Hà Nội và Công ty TNHH Minh Giang	413	2.800	17.810	274	2030	Quyết định số 5922/QĐ-UBND ngày 27/11/2025
13	Dự án nhà ở xã hội tại ô đất CT1B và CT2	thuộc dự án Nhóm nhà ở Tây Nam Mỹ Trì, tại phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm	Liên danh Công ty cổ phần Xây dựng và Phát triển DAC nhà Hà Nội và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển nhà Hà Nội	448	4.800	22.165	341	2029	Quyết định số 6027/QĐ-UBND ngày 04/12/2025
14	Dự án khu nhà ở tại số 486 đường Ngọc Hồi, (lô C và D) <i>(chuyển đổi mục đích từ NOTM sang nhà ở xã hội)</i>	xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì	Công ty cổ phần Tổng bách hóa	260	5.100	24.643	504	2029	523/UBND-SXD ngày 23/1/2015; số 5158/QĐ-UBND ngày 02/10/2024
15	Dự án Khu nhà ở xã hội, tái định cư và thương mại Him Lam Phúc Lợi (đề xuất điều chỉnh thành Dự án Khu nhà ở xã hội Him Lam Phúc Lợi)	phường Phúc Lợi, quận Long Biên	Công ty cổ phần Him Lam	8.969	134.400	254.043	4.643	2030	2967/QĐ-UBND ngày 15/6/2018; số 4609/QĐ-UBND ngày 05/9/2025
16	Dự án nhà ở xã hội tại Km17, quốc lộ 32, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	Km17, quốc lộ 32, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Ngôi sao Châu Á	620	4.900	23.479	459	2029	4238/QĐ-UBND ngày 15/8/2024
17	Nhà ở xã hội tại ô quy hoạch C.6/NO12 phường Giang Biên, Hà Nội	Tại ô quy hoạch ký hiệu C.6/NO12 phường Việt Hưng thuộc Quy hoạch phân khu N10	Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị	1.169	30.586	42.420	616	2030	Quyết định số 5922/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND Thành phố
18	Dự án khu nhà ở Minh Đức (phần nhà ở xã hội tại ô đất CT)	xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư thương mại du lịch Minh Đức	1.493	11.604	32.492	553	Sau 2025	858/QĐ-UBND ngày 24/02/2020; 3591/QĐ-UBND ngày 13/7/2023

19	Dự án Khu chức năng đô thị Thịnh Liệt (phần nhà ở xã hội tại ô đất CT)	tại số 40 phố Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Vinawaco	809	5.900	52.080	868	2030	5854/QĐ-UBND ngày 21/10/2016; Đang điều chỉnh CTĐT
20	Dự án Khu đô thị HUD- Sơn Tây (phần nhà ở xã hội tại ô đất HH-01)	thị xã Sơn Tây, Hà Nội	Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà và Đô thị	115	3.800	7.200	120	2026	4783/QĐ-UBND ngày 26/10/2020; số 1099/QĐ-UBND ngày 21/02/2023
21	Dự án xây dựng nhà ở cho công nhân tại ô đất có ký hiệu CT5 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung	xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội	Liên danh Tổng công ty Viglacera và Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	1.730	12.000	60.617	704	2030	219/UBND-XDGT ngày 12/01/2015
22	Nhà ở xã hội cao tầng Vĩnh Hưng	Số 4-6-8 ngõ 321 phố Vĩnh Hưng, phường Vĩnh Hưng	NĐT1: Công ty cổ phần Đầu tư kinh doanh bất động sản và thương mại Vĩnh Hưng; NĐT2: Công ty TNHH Hòa Bình	1.183	4.500	33.000	550	Sau 2025	2895/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
23	Dự án khu nhà ở xã hội Bích Hòa tại xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	Xã Bình Minh, thành phố Hà Nội.	Liên danh Công ty cổ phần đầu tư phát triển Nam Anh Invest và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ICC BIG	786	19.000	63.361	400	2028	Quyết định số 5641/QĐ-UBND ngày 14/11/2025
24	Dự án Khu nhà ở xã hội sinh thái Đầm Sen	xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội	Liên danh: Công ty cổ phần Ecolux Holding và Công ty CP đầu tư thương mại và dịch vụ Tân Trường Sơn	944	17.200	43.792	777	2028	Quyết định chấp thuận CTĐT số 86/QĐ-UBND ngày 08/01/2026
25	Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội Tiên Dương 1	tại xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Liên danh Tổng công ty Viglacera-CTCP, Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành, Công ty cổ phần xây dựng Central	9.307	445.900	264.000	3.103	2030	6618/QĐ-UBND ngày 24/12/2024; 4851/QĐ-UBND ngày 24/9/2025; số 5973/QĐ-UBND ngày 01/9/2025
26	Dự án xây dựng Khu nhà ở xã hội Tiên Dương 2	tại xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang và Công ty cổ phần đầu tư Phát triển bền vững Evergreen Bắc Giang	6.842	39.500	210.537	3.344	2030	6619/QĐ-UBND ngày 24/12/2024; 4454/QĐ-UBND ngày 27/8/2025
27	Dự án Khu nhà ở xã hội Tam Hưng tại xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội	xã Tam Hưng, Thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị TCG	4.921	203.000	56.141	1.754	2030	Quyết định số 5981/QĐ-UBND ngày 02/12/2025
28	Dự án Khu nhà ở xã hội Tây Vành đai 4 tại xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đô thị Bình Minh Invest	7.259	270.000	83.630	3.024	2030	Quyết định số 6242/QĐ-UBND ngày 15/12/2025

29	Khu nhà ở xã hội tập trung phía Bắc Sông Hồng	Xã Thuận An, thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc Capital Hà Nội và Công ty cổ phần tập đoàn Ecoland	4.985	190.000	205.200	3.194	2030	Số 5972/QĐ-UBND ngày 01/12/2025
30	Khu nhà ở xã hội Bình Minh tại xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	Xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty cổ phần đô thị Nam Sơn Invest, Công ty cổ phần TSG Việt Nam và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng TSG	8.026	200.000	505.997	3.572	2029	Quyết định số 5640/QĐ-UBND ngày 14/11/2025
31	Dự án nhà ở xã hội X1 Sơn Đồng	Tại lô đất xây dựng nhà ở xã hội thuộc Khu đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Sơn Đồng - Vị trí X1	Tổng công ty cổ phần phát triển bất động sản thành đô Capital	610	3.000	36.534	432	2027	Quyết định số 5531/QĐ-UBND ngày 10/11/2025
32	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội B3 Phúc Thịnh	Tại ô đất ký hiệu NOXH thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B3, phía Đông Nam thôn Tiên Kha, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư bất động sản bắc 9	245	5.375	11.288	200	2027	Quyết định số 5586/QĐ-UBND ngày 13/11/2025
33	Dự án nhà ở xã hội La Tinh.- Đông La tại các phường Yên nghĩa, Dương Nội và xã An Khánh, TP Hà Nội	phường Yên Nghĩa, Dương Nội và xã An Khánh	Công ty cổ phần đầu tư tư vấn và xây dựng Việt Nam	3.960	120.800	10.913	1.559	2030	Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 14/11/2025
34	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội A7 Đông Anh	Tại các ô đất nhà ở xã hội thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất A7, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư bất động sản bắc 9	608	7.029	38.126	394	2028	Quyết định số 5748/QĐ-UBND ngày 21/11/2025
35	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội A8 Đông Anh	Tại ô đất CT2 thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất A8, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư bất động sản bắc 9	941	12.787	71.611	324	2028	Quyết định số 5749/QĐ-UBND ngày 21/11/2025
36	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Thiên Lộc	Tại các ô đất nhà ở xã hội thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Đông Nam thôn Bàu, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư bất động sản bắc 9	1.433	6.480	65.458	589	2028	Quyết định số 5751/QĐ-UBND ngày 21/11/2025
37	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội B9 Phú Lương	Tại khu đấu giá quyền sử dụng đất xứ đồng Bo, đồng Chúc, Cửa Cầu, đồng Men (khu B) phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Bắc 9	293	3.283	17.072	195	2027	Quyết định số 5919/QĐ-UBND ngày 27/11/2025
38	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội TQ Gia Lâm	Tại ô đất ký hiệu OXH thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án giải phóng mặt bằng quy hoạch khu đất TQ, thị trấn Trâu Quỳ và xã Dương Xá, huyện Gia Lâm (nay là xã Gia Lâm)	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Bắc 9	1.427	19.000	66.934	941	2028	Quyết định số 5752/QĐ-UBND ngày 21/11/2025 của UBND Thành phố

39	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội tại ô quy hoạch NOXH thuộc Khu đầu giá quyền sử dụng đất xư đồng Đống Đa, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	tại ô quy hoạch NOXH thuộc Khu đầu giá quyền sử dụng đất xư đồng Đống Đa, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần Phú Hòa An Phát	269	3.497	12.589	210	2027	Quyết định số 5915/QĐ-UBND ngày 27/11/2025
40	Dự án Nhà ở xã hội tại ô đất E6-NO2 thuộc Phân khu đô thị N10, Phường Long Biên, thành phố Hà Nội	Tại ô đất ký hiệu E.6/NO2 theo Quy hoạch phân khu đô thị N10	Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Toàn Cầu	607	5.180	45.113	320	2029	Quyết định số 5975/QĐ-UBND ngày 27/11/2025
41	Dự án Khu nhà ở xã hội Bình Đa tại xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	xã Bình Minh, Thành phố Hà Nội	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Nam Hà Nội	3.595	154.000	44.443	1.738	2030	Quyết định số 5980/QĐ-UBND ngày 02/12/2025
42	Dự án nhà ở xã hội K3 xã Thanh Oai	Khu đất là quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội thuộc Dự án đầu giá quyền sử dụng đất khu K3 thị trấn Kim Bài giai đoạn 1, huyện Thanh Oai (trước đây) nay là xã Thanh Oai	Liên danh Công ty Aka Thanh Oai (Công ty cổ phần aka Việt Nam và Công ty cổ phần bất động sản thành đô Capital)	472	8.000	18.480	264	2029	Quyết định số 6241/QĐ-UBND ngày 15/12/2025
43	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Đức Thượng, xã Hoài Đức	xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Công ty TNHH phát triển nhà Xuân Phương (tên trước đây Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nguồn nhân lực Đức Thượng)	1.409	26.512	67.111	982	2028	Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 08/4/2024; số 405/QĐ-UBND ngày 27/01/2026
44	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại Khu chức năng đô thị Tây Tựu (Khu nhà ở xã hội Ecohome 5)	Khu chức năng đô thị Tây Tựu, phường Tây Tựu	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thủ đô	1.127	30.400	41.400	720	2029	Đã có Thông báo của Đảng ủy UBTP
45	Xây dựng nhà ở để bán cho đối tượng thu nhập thấp Công an quận Ba Đình.	Xứ đồng Bảo Vân phường Ngọc Hà quận Ba Đình	Công ty cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội	105	3.000	4.844	77	2026 (đề xuất)	6684/UBND-KH&ĐT ngày 29/8/2012
46	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại khu dân dụng Bắc Phú Cát, xã Hòa Lạc, Thành phố Hà Nội	tại khu dân dụng Bắc Phú Cát, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội	Công ty TNHH Hùng Hưng	6.192	32.000	157.275	1.728	2030	Quyết định số 5614/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND Thành phố
47	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô đất CT thuộc ô quy hoạch CT1 thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Long Biên	Tại ô đất CT thuộc ô quy hoạch CT1 thuộc dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất để đầu giá quyền sử dụng đất tại phường Long Biên	Liên danh Công ty cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Đầu tư Cổ Linh	482	4.725	17.335	298	2029	Quyết định số 5671/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND Thành phố
48	Khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu B1/CT4 (C14/NO1) thuộc phường Phúc Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Tại ô đất ký hiệu ký hiệu B1/CT4 (C14/NO1), phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty cổ phần quản lý đầu tư ACD - Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Gia Bảo Việt Nam - Công ty TNHH phát triển bất động sản Masterise Homes - Công ty cổ phần phát triển nhà Phúc Đồng	2.368	36.860	84.134	1.064	2029	Quyết định số 5646/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Thành phố

49	Khu nhà ở xã hội – Tây Nam Kim Giang	ô đất CT6B, CT7, CT8 thuộc Khu đô thị mới Tây Nam Kim Giang 1, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai	Liên danh: Công ty cổ phần tập đoàn Bắc Hà và Công ty cổ phần ETC Gold đề xuất dự án phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	3.478	49.700	109.331	1.714	2028	1473/QĐ-UBND ngày 14/3/2025
50	Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội để bán cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Chủ tịch nước	Ô đất ký hiệu A.4/HH4 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N10, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên	Công ty cổ phần Tập đoàn TPG đề xuất dự án phục vụ đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	1.087	7.800	44.114	452	2029	1734/QĐ-UBND ngày 26/3/2025; số 4312/QĐ-UBND ngày 19/8/2025
51	Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội trên ô đất ký hiệu OM.21 thuộc Đô thị số 3 tại Khu K2, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội	Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội	Công ty cổ TNHH xây dựng và phát triển đô thị Minh An	1.458	9.052	51.902	974	2028	Giao chủ đầu tư tại Quyết định số 5971/QĐ-UBND ngày 01/12/2025
52	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội HH5 Long Biên, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	Tại lô đất ký hiệu A4/HH5 thuộc phân khu đô thị N10 trên địa bàn phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	Liên danh Hải Sơn Long Biên (Công ty TNHH Bất động sản An Bình Phát Holdings - Công ty cổ phần xây dựng Hải Sơn)	834	11.724	53.122	476	2027	Quyết định số 5654/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Thành phố
53	Nhà ở cán bộ công nhân viên kết hợp bãi đỗ xe tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm (phần nhà ở xã hội)	phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm	Liên danh Công ty cổ phần BIC Việt Nam và Công ty cổ phần Tiên Phong	1.498	13.900	94.572	943	2030	Quyết định số 1098/QĐ-UBND ngày 13/02/2017, 1830/QĐ-UBND ngày 16/4/2018
54	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tây Cổ Loa tại xã Đông Anh, thành phố Hà Nội	thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Cổ Loa, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội	Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng và Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ An Sinh	916	10.617	42.999	546	2029	Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 08/01/2026
55	Dự án nhà ở xã hội Quang Trung-Thạch Thất	Xã Tây Phương, thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty TNHH xây dựng Tiến Đạt và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại số 16 Hà Nội	1.705	63.300	76.971	1.386	2030	Quyết định số 5579/QĐ-UBND ngày 12/11/2025
56	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội để bán và cho thuê tại ô đất NO3A Khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội	Khu đô thị mới Tứ Hiệp, phường Yên Sở, Hà Nội	Công ty cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	685	15.600	43.129	611	2027	Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 26/6/2022
57	Dự án đầu tư nhà ở xã hội Thượng Cát	Khu đất phát triển nhà ở xã hội thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở riêng lẻ tại khu đất 2,1ha phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	61	1.304	5.160	46	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
58	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại ô đất G2 (đề xuất thực hiện dự án nhà ở xã hội)	Ô quy hoạch ký hiệu G2, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.395	9.400	51.310	733	2030	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

59	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội K2 Thường Tín	Tại ô đất ký hiệu OM.22 khu K2 thuộc Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 Trung tâm thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.016	13.000	14.483	240	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
60	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Dục Thượng	Tại ô đất ký hiệu NXH thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu đấu giá quyền sử dụng đất thôn Dục Thượng, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	211	1.398	11.316	141	2028	Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 23/02/2026
61	Nhà ở xã hội lô đất 6.9,4m2 tại xã Sóc Sơn (nay là Dự án Khu nhà ở xã hội Lương Châu)	Tại Lô CT01-CT02 khu dân cư tại thôn Lương Châu, xã Tiên Dục, huyện Sóc Sơn (Nay thuộc xã Sóc Sơn, TP Hà Nội)	Nhà đầu tư đang đề xuất	683	7.000	30.912	622	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
62	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội - Đan phượng	Khu đất thuộc Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu Đồng Sậy, giai đoạn 4,5,6 xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	99	1.600	7.248	85	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
63	Xây dựng khu nhà ở xã hội xã Thụ Lâm	Tại ô đất nhà ở xã hội thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thụ Lâm, huyện Đông Anh (nay là xã Thụ Lâm)	Liên danh Công ty cổ phần phát triển Bất động sản Thành Đô Capital và Công ty cổ phần Aka Việt Nam	351	8.051	9.600	182	2027	Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 12/02/2026
64	Dự án nhà ở xã hội Tam Đồng	Tại ô đất thuộc Dự án Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Tam Đồng, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (nay là xã Tiến Thắng, thành phố Hà Nội)	Nhà đầu tư đang đề xuất	72	2.073	6.125	48	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
65	Dự án nhà ở xã hội Liên Mạc	Tại ô đất thuộc Dự án Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu đồng trước Xóm 4, thôn Xa Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh (nay là xã Yên Lãng)	Nhà đầu tư đang đề xuất	313	7.202	23.382	266	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
66	Dự án nhà ở xã hội Tiến Thịnh	Tại ô đất thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Chu Trăn, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh (nay là xã Yên Lãng)	Nhà đầu tư đang đề xuất	198	4.326	14.642	196	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
67	Dự án nhà ở xã hội Kim Hoa	Tại ô đất thuộc Dự án Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Bạch Đa, xã Tiến Thắng	Nhà đầu tư đang đề xuất	273	3.760	19.579	237	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

68	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô CT01 Khu đô thị mới Nam Hồ Linh Đàm	Phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.059	11.251	39.900	570	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
69	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô CT02 Khu đô thị mới Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt	Phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.228	12.960	36.718	416	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
70	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội X2	Tại ô đất nhà ở xã hội thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất X2, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.645	11.591	38.760	646	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
71	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại khu đấu giá quyền sử dụng đất A3	Tại ô đất ký hiệu NO2 thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất A3, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty TNHH M8 và Công ty TNHH Công nghệ an toàn Thăng Long	647	8.873	51.641	532	2028	Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
72	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại khu đấu giá quyền sử dụng đất B4, phía tây bắc thôn Tuân Lễ	Tại ô đất ký hiệu NOXH thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất B4, phía Tây Bắc thôn Tuân Lễ	Nhà đầu tư đang đề xuất	594	12.220	47.822	466	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
73	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Khu B cầu Thăng Long, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	Khu đất đề xuất thuộc phạm vi ranh giới dự án xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch kết hợp đấu giá quyền sử dụng đất khu B Cầu Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh (nay là xã Vĩnh Thanh)	Nhà đầu tư đang đề xuất	900	5.000	32.640	480	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
74	Dự án khu nhà ở xã hội tập trung tại xã Vĩnh Thanh, Thành phố Hà Nội	Tại các ô quy hoạch 3.4.4-CT1, 3.4.4-CT2, 3.4.4-CT3, 3.5.1-CT2, 3.5.2-CT1, 3.5.2-CT2 thuộc đồ án QHCT xây dựng hai bên đường Nhật Tân - Nội Bài, xã Vĩnh Thanh, Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	5.240	142.000	232.434	3.894	2030	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
75	Dự án đầu tư xây dựng nhà khu ở xã hội Phúc Thịnh	Tại ô đất ký hiệu NO1 thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất A4, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.455	11.931	46.035	913	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
76	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Tây Thố Bảo	Tại ô đất nhà ở xã hội thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây thôn Thố Bảo, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.392	11.814	59.227	713	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

77	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Thụy Hà	Thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất BH1 xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	984	8.611	28.210	559	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
78	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Phúc Thịnh	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu B1, Nam Trung Oai, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	Nhà đầu tư đang đề xuất	232	3.470	16.565	150	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
79	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Văn Hà 1	Tại ô đất nhà ở xã hội thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Văn Hà 1, huyện Đông Anh (nay là xã Thụ Lâm), thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	627	8.899	26.706	259	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
80	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại khu đất đấu giá quyền sử dụng đất xứ đồng Hạ Khâu	Tại khu đất đấu giá quyền sử dụng đất xứ đồng Hạ Khâu, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	342	4.600	14.501	288	2027	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
81	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Tại Dự án Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phục vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá trên địa bàn Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	698	2.200	11.841	403	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
82	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Dục Tú	Tại ô đất ký hiệu NOXH thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất thôn Dục Tú 1, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	164	2.202	5.945	82	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
83	Dự án Khu nhà ở xã hội Việt Hùng 1	Tại ô đất ký hiệu NO thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xã Đông Anh	Nhà đầu tư đang đề xuất	623	8.720	32.569	303	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
84	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Liên Hà	Ô đất thuộc dự án xây dựng HTKT khu đấu giá X6 tại thôn Hà Lỗ, xã Liên Hà, huyện Đông Anh (nay là xã Thụ Lâm)	Nhà đầu tư đang đề xuất	159	2.417	13.290	120	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
85	Dự án Nhà ở xã hội Dương Nội	tại phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.834	15.000	58.480	708	2030	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

86	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Thanh Lâm	Tại ô đất thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đất phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm X4, thôn Lâm Hộ, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (nay là xã Quang Minh, thành phố Hà Nội)	Nhà đầu tư đang đề xuất	219	3.878	15.704	187	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
87	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Tại ô đất ký hiệu NOXH ví trí X4, Khu Mả Trâu, xã An Khánh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	431	2.700	18.357	360	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
88	Dự án Xây dựng nhà ở xã hội Phúc Thịnh	tại ô đất ký hiệu II-CT thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Lương Nỗ, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh), thành phố Hà Nội	Liên danh Công ty cổ phần Kehin và Công ty cổ phần TP Land Việt Nam	498	5.375	36.550	278	2029	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 11/02/2026
89	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô đất VII.3.2 thuộc quy hoạch phân khu N7, thôn Trung Oai, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Tại ô đất VII.3.2 thuộc quy hoạch phân khu N7, thôn Trung Oai, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	982	11.322	35.490	635	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
90	Dự án Khu nhà ở xã hội Đại Thành	khu đất thuộc ô quy hoạch ký hiệu B-I thuộc QHPK Khu Ao Sen, xã Sơn Đồng	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.450	6.100	45.202	680	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
91	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Vĩnh Thanh	Ô quy hoạch ký hiệu VIII.2.1 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N8, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	6.257	140.000	248.438	1.656	2030	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
92	Dự án Nhà ở xã hội Đại Mỗ	thuộc ô quy hoạch ký hiệu 4-1, quy hoạch phân khu S4 thuộc phường Đại Mỗ	Công ty cổ phần Tháo Nguyên Invest	2.767	267.657	70.050	855	2030	Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
93	Khu nhà ở xã hội tập trung Gia Lâm	tại ô đất ký hiệu A.1.1 thuộc quy hoạch phân khu N11, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	6.581	371.400	385.350	3.719	2030	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
94	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đồng Trúc - Thạch Thất	xã Hạ Bằng, thành phố Hà Nội	Công ty TNHH xây dựng Tiến Đạt	325	4.131	15.143	234	2028	Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
95	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tân Xã - Thạch Thất	xã Hạ Bằng, thành phố Hà Nội	Công ty TNHH xây dựng Tiến Đạt	137	2.016	6.419	108	2028	Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 13/02/2026
96	Dự án Nhà ở xã hội Ngọc Hà	Thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thạch Đà cũ (nay là xã Yên Lãng), thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	177	1.100	46.648	504	2029	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

97	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Thanh Trì tại xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội	xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.471	17.100	44.880	660	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
98	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Ô Diên tại xã Ô Diên, thành phố Hà Nội	Tại xã Ô Diên, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	10.578	240.000	308.506	4.542	2030	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
99	Dự án nhà ở xã hội khu đô thị Thanh Hà B - Cienco5 - phường Phú Lương, xã Bình Minh	Tại 06 ô đất từ B1.2-CHC01 đến B1.2-CHC06 thuộc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết khu đô thị Thanh Hà - Cienco5, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	3.671	31.014	192.390	2.305	2027	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
100	Xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-01 xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-01 giáp đường Lý Tử Tấn, đường Dương Chính, Khu ĐT Himlam Boulevard xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.971	12.000	59.690	600	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
101	Xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-05 xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-05 giáp đường Nguyễn Vĩnh Tích, đường Lý Tử Tấn, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	768	4.000	39.975	433	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
102	Xây dựng khu nhà ở xã hội Văn Bình tại ô đất ký hiệu CHT.6-OM-01 xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	tại ô đất ký hiệu CHT.6-OM-01 giáp đường gom Vành Đai 4, Văn Hội xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.812	13.000	5.836	575	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
103	Xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-08 xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-08 giáp đường Lê Công Hành (QL1A QH) và Cầu vượt Dương Trục Nguyễn xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.483	9.700	48.655	479	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
104	Xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-07 xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-07 giáp đường Lý Tử Tấn và Trạm Y tế thị trấn Thường Tín, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.226	8.100	40.128	399	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
105	Nhà ở xã hội trong khu nhà ở thấp tầng Vân Tảo, xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội	Tại ô đất có ký hiệu TT19 thuộc dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại xã Vân Tảo, huyện Thường Tín (nay là xã Hồng Vân), thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	987	5.000	46.060	768	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

106	Xây dựng khu nhà ở xã hội Hồng Vân tại ô đất ký hiệu CHT.10-OM-03; CHT.10-OM-04; CHT.10-OM-06 xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội	tại ô đất ký hiệu CHT.10-OM-03; CHT.10-OM-04; CHT.10-OM-06 giáp đường Vành đai 4, đường gom Phía Đông, xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	4.820	56.800	168.355	1.661	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
107	Khu nhà ở xã hội tại xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội	Tại ô đất ký hiệu CHT.8-OM-08 giáp Quốc lộ 1A và đường vào thôn Đỗ Quan, xã Thượng Phúc, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	2.445	45.000	115.200	1.225	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
108	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội D4 Nam An Khánh tại vị trí X2, xã An Khánh, thành phố Hà Nội	ô đất ký hiệu OXH thuộc khu đấu giá quyền sử dụng đất vị trí X2 xã An Khánh	Nhà đầu tư đang đề xuất	337	5.135	24.078	308	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
109	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Dị Nậu- Thạch Thất	Vị trí khu đất nằm giáp chợ Dị Nậu, Xã Tây Phương, thành phố Hà Nội.	Nhà đầu tư đang đề xuất	924	28.800	42.937	637	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
110	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đồng thời giao chủ đầu tư dự án đầu tư khu nhà ở xã hội thôn Mạch Lũng, xã Mê Linh, thành phố Hà Nội	Tại ô đất để bố trí nhà ở xã hội tại dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá QSD đất thôn Mạch Lũng, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh (nay thuộc xã Thiên Lộc)	Nhà đầu tư đang đề xuất	224	2.700	2.576	45	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
111	Dự án Khu nhà ở xã hội Phùng Xá	Thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm xã và điểm dân cư khu Sau Dộc- Đồng Lác, Khu Đồng Sau, xã Phùng Xá, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội (đã được UBND huyện Thạch Thất phê duyệt tại Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 17/7/2020)	Nhà đầu tư đang đề xuất	552	16.900	23.218	342	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
112	Dự án Khu nhà ở xã hội tập trung Phú Lương	phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	3.700	138.118	121.357	1.785	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
113	Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội KH-11 Kim Hoa	Tại ô đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng HTKT phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại điểm KH-11 xã Kim Hoa, huyện Mê Linh (nay là xã Quang Minh, thành phố Hà Nội)	Nhà đầu tư đang đề xuất	469	6.000	30.270	260	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

114	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đức Hậu	thuộc ô đất phát triển nhà ở xã hội Thuộc Dự án XDHTKT khu đấu giá QSDĐ tại điểm ĐH-NT thôn Đức Hậu, thôn Ngự Tiên, xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh (nay là xã Tiên Thắng), thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	359	6.474	25.596	297	2030	Nhà đầu tư đang đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
115	Dự án Nhà ở xã hội Dị Nậu	Thuộc QHCT xây dựng khu trung tâm xã và điểm dân cư khu Đồng Thịnh, xã Dị Nậu tỷ lệ 1/500 đã được UBND huyện Thạch Thất phê duyệt tại QĐ số 5065/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 (nay là xã Tây Phương), Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	160	2.900	7.937	117	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
116	Dự án nhà ở xã hội Kiến Hưng	Tại ô quy hoạch 15-2 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S4, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	3.027	25.538	76.580	1.094	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
117	Dự án khu nhà ở xã hội Phú Lương	Ô quy hoạch ký hiệu 17-1 thuộc khu 17, Quy hoạch phân khu đô thị S4, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	5.000	80.000	320.744	2.532	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
118	Dự án nhà ở xã hội Cần Kiệm- xã Tây Phương	Phía Bắc giáp Cụm công nghiệp Kim Quan, phía Đông giáp Cụm công nghiệp Trảng Sơn tại xã Tây Phương, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	868	31.900	38.694	576	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
119	Dự án Nhà ở xã hội X3 Tam Đồng	thuộc ô đất phát triển nhà ở xã hội Thuộc Dự án XDHTKT khu đấu giá QSDĐ tại điểm X3 thôn Văn Lôi, xã Tam Đồng, huyện Mê Linh (nay là xã Tiên Thắng), thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	179	2.791	12.721	154	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
120	Dự án Nhà ở xã hội Tre Việt Xanh	tại ô quy hoạch GS7 thuộc QHPKĐT GS thuộc xã Ô Diên, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	2.720	29.535	184.302	1.504	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
121	Dự án Nhà ở xã hội Ô Diên Xanh (tên đăng ký là Dự án Nhà ở xã hội Ô Diên Green)	tại ô đất thuộc quy hoạch phân khu đô thị S1 thuộc xã Ô Diên, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	4.592	51.081	318.732	2.601	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
122	Dự án Nhà ở xã hội HT Phú Diễn	Ô đất ký hiệu E2-N07 thuộc khu đô thị Thành phố giao lưu trong đồ án quy phân khu đô thị H2-1	Nhà đầu tư đang đề xuất	4.515	15.338	271.636	2.097	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

123	Dự án Nhà ở xã hội Phú Lương	Tại ô quy hoạch ký hiệu 17-1 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S4, tỷ lệ 1/5000, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.839	42.926	92.205	1.257	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
124	Dự án nhà ở xã hội Thị trấn Liên Quan	Thuộc QHCT Trung tâm thị trấn Liên Quan và khu vực được UBND Thành phố phê duyệt tại QĐ số 3650/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 tại xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	860	25.000	32.100	550	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
125	Dự án Nhà ở xã hội TP Phú Diễn	ô đất ký hiệu E2-CT1 thuộc QH phân khu đô thị H2-1 phường Phú Diễn	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.227	4.158	73.181	613	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
126	Dự án Nhà ở xã hội N2A Quốc Oai (tên đang ký là dự án Nhà ở xã hội Quốc Oai - Metropole Quốc Oai)	xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	7.090	154.730	143.020	2.599	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
127	Dự án Khu nhà ở xã hội IEC tại phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội	Tại phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.143	6.900	54.000	550	2028	Đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
128	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Quốc lộ 32 thuộc phường Tây Tựu, Thành phố Hà Nội	Thuộc ô quy hoạch ký hiệu H-1, quy hoạch phân khu đô thị S1, phường Tây Tựu	Nhà đầu tư đang đề xuất	800	4.800	34.632	495	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
129	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-03, CHT.4-OM-04, xã Thường Tín	tại ô đất ký hiệu CHT.4-OM-03, CHT.4-OM-04 giáp đường Nguyễn Vĩnh Tích, Đường Dương Chính, Nguyễn Phi Khanh xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	738	6.000	32.832	350	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
130	Xây dựng Khu nhà ở xã hội Phố Vôi, xã Thường Tín, xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội	Giáp Quốc lộ 1A và Chợ Vôi, xã Thường Tín, xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	588	9.500	27.360	320	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
131	Dự án Khu nhà ở xã hội xã Ngọc Hồi,	Tại ô đất CT1 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị tại xã Liên Ninh, tỷ lệ 1/500 (đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 08/6/2018), xã Liên Ninh, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	2.078	18.312	92.420	1.215	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

132	Dự án khu nhà ở xã hội Tam Hưng	Thuộc quỹ đất NOXH Dự án HTKT đầu giá quy hoạch sử dụng đất khu Cung Trong, thôn Đại Định, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	773	4.975	23.401	496	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
133	Khu nhà ở xã hội Bình Vọng, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Ô đất giáp QL1A cũ và đường đi vào Nghĩa Trang Liệt Sỹ Văn Bình (Bình Vọng), xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.572	29.000	74.240	869	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
134	Khu nhà ở xã hội Hà Hồi, xã Hồng Vân thành phố Hà Nội	Ô đất giáp QL1A cũ và khu DT NAMMON SQUARE Thường Tín (Hà Hồi) xã Hồng Vân, Thành Phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	3.215	50.000	144.000	1.404	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
135	Khu nhà ở xã hội Bắc Đại Kim tại ô đất NO21	Ô đất 23, 24, 26B thuộc lô đất NO21, đường Nguyễn Cảnh Dị, phường Định Công, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	369	9.860	12.704	208	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
136	Dự án khu nhà ở xã hội TH1 Tam Hưng	xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.059	12.320	39.887	736	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
137	Khu nhà ở xã hội IEC tại xã Sơn Đồng	tại một phần ô quy hoạch F4 phân khu đô thị S2, xã Sơn Đồng	Nhà đầu tư đang đề xuất	4.926	159.603	169.287	2.562	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
138	Khu nhà ở xã hội Ngọc Hồi	xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	2.997	20.300	97.605	980	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
139	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội xã Sơn Đồng	xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	9.878	113.485	400.356	3.665	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
140	Khu nhà ở xã hội tập trung Bát Khối - Bát Tràng	Một phần ô đất C3, phân khu đô thị N11, xã Bát Tràng, TP. Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	10.293	112.121	197.662	2.948	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
141	Khu nhà ở xã hội Tam Hưng 2	Tại ô quy hoạch ký hiệu TH thuộc Quy hoạch chung huyện Thanh Oai (nay là xã Tam Hưng), thành phố Hà Nội)	Nhà đầu tư đang đề xuất	4.216	162.900	215.048	2.248	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
142	Dự án Nhà ở xã hội Mỹ Tri	đường Đỗ Đức Dục, phường Từ Liêm	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.003	5.320	24.782	400	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư

143	Khu nhà ở xã hội Tam Hưng 1	Tại ô quy hoạch ký hiệu TH thuộc Quy hoạch chung huyện Thanh Oai (nay là xã Tam Hưng và xã Bình Minh), thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	5.218	198.100	278.899	2.910	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
144	Dự án nhà ở xã hội Bồ Đề tại ô đất A4/HH1 thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Bồ Đề	tại ô đất A4/HH1 thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	1.553	17.000	15.497	456	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
145	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội CT4 Phúc Thịnh	tại ô đất ký hiệu CT4 thuộc quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất A2, xã Phúc Thịnh	Nhà đầu tư đang đề xuất	459	6.377	32.497	314	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
146	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Phúc Thọ CT1	tại ô đất ký hiệu CT1 thuộc quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất A1, xã Phúc Thịnh	Nhà đầu tư đang đề xuất	441	8.897	34.342	286	2030	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
147	Dự án nhà ở xã hội Thiên Đức tại xã Phù Đồng	Ô đất NOXH thuộc dự án đấu giá QSD đất xã Thiên Đức (nay là xã Phù Đồng)	Nhà đầu tư đang đề xuất	981	14.950	45.290	647	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
148	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Tân Thiên Lộc	Ô đất ký hiệu LK-02, LK-03 thuộc Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 khu vực dân cư thôn Nhuế, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	Nhà đầu tư đang đề xuất	493	3.200	15.424	266	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
II DỰ ÁN NHÀ Ở ĐA MỤC TIÊU ĐANG TRIỂN KHAI, DỰ KIẾN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030					-	358.946	2.339		
149	Dự án xây dựng nhà ở di dân GPMB tại ô đất CT4 khu tái định cư tập trung quận Bắc Từ Liêm	Phường Xuân Phương	UBND quận Bắc Từ Liêm			10.400	80	2023	6125/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 6971/QĐ-UBND ngày 18/12/2015
150	Dự án Khu tái định cư Xuân La phục vụ xây dựng khu đô thị mới Tây Hồ Tây (nhà CT1, CT2)	Phường Nghĩa Đô	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP HN (nay là Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TPHN)			30.400	80	2026	5889/QĐ-UBND ngày 11/11/2009 4336/QĐ-UBND ngày 17/7/2013, 587/QĐ-UBND ngày 30/01/2021; 1095/QĐ-UBND ngày 21/02/2023
151	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư cao tầng phục vụ di dân giải phóng mặt bằng - N01 tại ô đất D17 khu đô thị mới Cầu Giấy	Phường Cầu Giấy	UBND phường Cầu Giấy (trước đây là quận Cầu Giấy)			20.732	69	2026	5949/QĐ-UBND ngày 13/11/2009; 7145/QĐ-UBND ngày 24/12/2015; 5358/QĐ-UBND ngày 8/10/2018; 1835/QĐ-UBND ngày 01/6/2022, số 6833/QĐ-UBND ngày 30/12/2024

152	Dự án đầu tư xây dựng nhà Tái định cư tại phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội (phục vụ công tác GPMB Công viên Tuổi trẻ Thủ đô) (nhà B, C)	Phường Hoàng Mai	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP HN (nay là Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TPHN)			28.800	80	2027	1570/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 6361/QĐ-UBND ngày 23/10/2013 2949/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 1216/QĐ-UBND ngày 20/02/2017
153	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư và nhà ở thấp tầng tại ô đất ký hiệu B10/ODK3 thuộc phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	Phường Hoàng Mai	UBND quận Hoàng Mai			17.920	80	2026	6342/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 4688/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 7733/UBND-KH&ĐT ngày 29/10/2015 6528/QĐ-UBND ngày 11/11/2019, 5072/QĐ-UBND ngày 12/11/2020
154	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng khu di dân Đền Lũ III (giai đoạn 1), quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Phường Hoàng Mai	UBND quận Hoàng Mai			28.960	80	2026	3821/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 5142/QĐ-UBND ngày 26/9/2018
155	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tái định cư tại phường Xuân La, quận Tây Hồ (nhà B)	Phường Nghĩa Đô	UBND quận Tây Hồ			10.880	80	2026	4395/QĐ-UBND ngày 8/9/2010 1395/QĐ-UBND ngày 21/3/2016; 1807/QĐ-UBND ngày 30/5/2022
156	Tòa nhà A, D thuộc Dự án Xây dựng nhà tái định cư tại phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Phường Hoàng Mai	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TP HN (nay là Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TPHN)			31.520	80	2027	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án số 225/QĐ-UBND ngày 29/4/2025
157	Dự án đầu tư Xây dựng nhà ở tái định cư phục vụ GPMB khu di dân Đền Lũ III tại nhà CT4, CT5, quận Hoàng Mai	Phường Hoàng Mai	Chưa lựa chọn chủ đầu tư thực hiện			38.400	80	2028	Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 12/4/2025 của UBND Thành phố về việc giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất CTĐT xây dựng nhà ở TĐC tại CT4, CT5 thuộc khu di dân Đền Lũ III
158	Dự án nhà ở thương mại phục vụ tái định cư tại các ô đất ký hiệu CT1, CT4 thuộc khu chức năng đô thị Vĩnh Hưng - Thanh Trì	Phường Hoàng Mai	Công ty cổ phần đô thị và hạ tầng Vĩnh Hưng			97.280	1.216	2022	288/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND TP
159	Dự án Nhà ở thấp tầng và khu nhà ở tái định cư kết hợp thương mại – ô đất PT1, PT2 Khu đô thị mới Tây Nam hồ Linh Đàm.	phường Hoàng Liệt	Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Linh Đàm			43.654	414	2027	4139/QĐ-UBND ngày 29/7/2016; 1770/QĐ-UBND ngày 13/3/2017; 5694/QĐ-UBND ngày 18/11/2025 của UBND Thành phố
III	DỰ ÁN NHÀ Ở ĐA MỤC TIÊU TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030, DỰ KIẾN HOÀN THÀNH SAU NĂM 2030				2.245.649	14.946.152	28.175.200	360.516	

160	Nhà ở xã hội tại khu Đồng Dục Dưới, thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên đất ao Cửa Nổ, thôn Văn Lãng, xã Quang Trung	Thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên	Lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật	71	1.938	6.400	80	2028	Đang lựa chọn nhà đầu tư
161	Tòa nhà N01 thuộc dự án khu nhà ở ECOHOME 3 tại ô đất ký hiệu B11-HH2 khu vực Bắc Cồ Nhuế- Chèm, quận Bắc Từ Liêm (nay là phường Đông Ngạc)	thuộc ô đất ký hiệu B11-HH2 khu vực Bắc Cồ Nhuế- Chèm, quận Bắc Từ Liêm (nay là phường Đông Ngạc)	Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Thủ đô	1.836	6.303	66.414	832	2029	2298/QĐ-UBND ngày 14/5/2018
162	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại ô đất NO-XH2 (ô đất trong Dự án Khu đô thị hỗ trợ - khu công nghiệp Sài Đồng B)	phường Thạch Bàn, quận Long Biên	Liên danh Công ty cổ phần BIC Việt Nam và Công ty cổ phần Tiên Phong	71	5.800	6.249	100	chưa xác định	146/TB-UBND ngày 31/1/2019 của UBND Thành phố
163	Dự án Khu nhà ở giãn dân quận Hoàn Kiếm (Nhà ở xã hội)	Khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên	Đề xuất đấu thầu LCNĐT	3.713	50.916	244.456	3.505	2023-2026 (đề xuất)	Đang lập đề xuất dự án
164	Dự án nhà ở xã hội tại lô đất HH-01(C.2-HH3) (từ Danh mục nhà ở thương mại tại Quyết định số 2211/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 sang Danh mục nhà ở xã hội)	Lô đất HH-01 (C.2-HH3) trong QHCT khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD)	121	6.700	9.890	140	2028	4630/QĐ-UBND ngày 04/9/2024
165	Đầu tư xây dựng nhà ở công nhân tại KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ	huyện Chương Mỹ, Hà Nội	Công ty cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ	354	39.000	54.588	1.144	chưa xác định	9639/UBND-XD ngày 06/10/2009; QĐ giao đất 3868/QĐ-UBND ngày 09/8/2010
166	Dự án Khu ĐTM nam đường 32 (phần nhà ở xã hội tại ô đất kí hiệu CT)	xã Đức Giang, Đức Thượng, huyện Hoài Đức	Cty cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	1.016	29.500	91.200	1.520	chưa xác định	748/QĐ-UBND ngày 11/02/2015
167	Dự án Khu đô thị Nam An Khánh mở rộng khu 3 (phần nhà ở xã hội tại các lô đất nhà ở xã hội-01, nhà ở xã hội-02)	huyện Hoài Đức, Hà Nội	Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà và Đô thị	1.308	337.378	213.360	1.244	2028	2519/QĐ-UBND ngày 18/7/2008 của UBND Thành phố. Hiện đang điều chỉnh CTĐT
168	Khu đô thị mới Minh Dương – Sơn Đồng (chuyển đổi mục đích từ NOTM sang nhà ở xã hội tại các ô đất ký hiệu CH - 01, CH - 02)	xã Lại Yên, xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức	Công ty Cổ phần thực phẩm Minh Dương	1.000	21.000	75.338	1.360	chưa xác định	Điều chỉnh QHCT khu chức năng đô thị mới Minh Dương tại số 4047/QĐ-UBND ngày 29/7/2019
169	Nhà ở xã hội Xuân Mai	Xã Xuân Mai	chưa xác định	1.514	13.000	105.053	1.160	IV/2030	Đang đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư dự án
170	Khu nhà ở xã hội X2 Định Công	Tại một phần ô quy hoạch có ký hiệu D2/ODK10 thuộc đồ án quy hoạch phân khu đô thị H2-3, tỷ lệ 1/2000 tại phường Định Công	chưa xác định	924	12.000	74.764	766	2029	Đang đề xuất dự án
171	Khu nhà ở xã hội Đền Lừ	Tại ô quy hoạch có ký hiệu B3/HH1 thuộc đồ án quy hoạch phân khu đô thị H2-4, tỷ lệ 1/2000 phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	chưa xác định	819	10.000	67.495	660	2029	Đang đề xuất dự án

172	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại các lô đất HH-11, HH-12, CX-09 trong Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm	Tại các lô đất HH-11, HH-12, CX-09 trong Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.583	33.085	224.510	2.218	2030	Đang đề xuất dự án
173	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội tại các lô đất HH-09 trong Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm	Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.250	8.193	43.200	720	Từ Quý IV/2026 đến Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
174	Khu nhà ở xã hội Nam Hồ Linh Đàm	Phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.184	22.784	59.856	928	2030	Đang đề xuất dự án
175	Khu nhà ở xã hội Linh Đàm	Phường Hoàng Liệt, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.546	74.141	88.762	1.456	2030	Đang đề xuất dự án
176	Khu nhà ở tại điểm X2, Phường Linh Nam, Hà Nội (Tòa nhà CT3 - nhà ở xã hội)	Điểm đất X2 phường Linh Nam, Hà Nội	chưa xác định	305	2.598	19.900	177	Quý IV/2019 đến Quý II/2029	Đang đề xuất dự án
177	Dự án Tổ hợp nhà ở chung cư để bán kết hợp văn phòng cho thuê Viwaseen – Hạ Đình (Dự án xin chuyển đổi mục đích từ NOTM sang NOXH và điều chỉnh cơ cấu căn hộ)	tại 56 – 58 phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội	chưa xác định	526	12.555	30.900	515	chưa xác định	Đang đề xuất dự án
178	Dự án nhà ở xã hội Hồng Hà Riverside	Ngõ 109 Trường Chinh, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.354	22.750	272.976	1.700	2029	Đang đề xuất dự án
179	Nhà ở xã hội Phương Liệt	Phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.954	13.247	68.400	830	2030	Đang đề xuất dự án
180	Khu nhà ở xã hội Lăng đảo Nhật Tân, phường Hồng Hà	tại phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.182	51.000	229.611	926	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
181	Khu nhà ở xã hội Tây Tựu - Hải An	Thuộc ô đất GS2-1 Quy hoạch phân khu đô thị GS	chưa xác định	927	4.380	37.571	520	2029	Đang đề xuất dự án
182	Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Liên Mạc	tại phường Thượng Cát	chưa xác định	308	7.200	13.818	210	Quý III/2029	Đang đề xuất dự án
183	Dự án Nhà ở xã hội VOV Mễ Trì	phường Đại Mỗ	chưa xác định	861	8.460	37.800	540	IV/2030 (dự kiến)	Đang đề xuất dự án
184	Khu nhà ở xã hội Xuân Phương	Thuộc ô đất GS3-6 Quy hoạch phân khu đô thị GS	chưa xác định	1.639	32.000	72.000	1.316	2030	Đang đề xuất dự án
185	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Tây Mỗ	thuộc ô F- 6 Quy hoạch phân khu đô thị S3	chưa xác định	825	9.000	70.020	682	2030	Đang đề xuất dự án
186	Dự án Khu nhà ở xã hội Xuân Phương	thuộc ô C-4 Quy hoạch phân khu đô thị S3	chưa xác định	2.266	20.900	190.063	1.439	2030	Đang đề xuất dự án
187	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Đại Mỗ	ô đất ký hiệu 4-1, phân khu đô thị S4, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội	chưa xác định	5.121	53.200	113.890	1.627	2030	Đang đề xuất dự án
188	Khu nhà ở xã hội Tây Hà Nội	phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội	chưa xác định	8.070	29.846	77.000	1.100	2029	Đang đề xuất dự án
189	Nhà ở xã hội TC Đại Mỗ	phường Đại Mỗ	chưa xác định	2.767	13.000	104.000	1.271	2030	Đang lập đề xuất dự án
190	Khu nhà ở xã hội Mễ Trì Xanh	phường Đại Mỗ	chưa xác định	8.515	43.900	307.200	3.910	2032	Đang lập đề xuất dự án
191	Khu nhà ở xã hội Bắc Đô	phường Tây Mỗ	chưa xác định	2.022	12.400	62.496	795	2030	Đang lập đề xuất dự án

192	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội ô đất quy hoạch A.4/HH3 thuộc quy hoạch phân khu đô thị N10 tại phường Bồ Đề	Tại ô đất quy hoạch A.4/HH3 thuộc quy hoạch phân khu đô thị N10 tại phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.785	9.000	69.082	926	2029	Đang đề xuất dự án
193	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Long Biên	Số 109, ngõ 53 phố Đức Giang, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.391	22.300	21.500	325	2030	Đang đề xuất dự án
194	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Ao Trũng	Tại khu Ao Trũng, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên (nay là phường Bồ Đề), thành phố Hà Nội	chưa xác định	398	5.541	20.965	192	2029	Đang đề xuất dự án
195	Dự án nhà ở xã hội khu đô thị Thanh Hà A - Cienco5 - phường Phú Lương, xã Bình Minh	Tại 18 ô đất từ A2.6-CHC01 đến A2.6-CHC03, A2.7-CHC01 đến A2.7-CHC03, A2.8-CHC01 đến A2.8-CHC12 thuộc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết khu đô thị Thanh Hà - Cienco5, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	9.000	113.594	450.000	6.000	2027	Đang đề xuất dự án
196	Dự án nhà ở xã hội Vượng Tân Phát	ô quy hoạch 17-2 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S4, phường Phú Lương, Hà Nội	chưa xác định	4.718	79.200	323.173	2.471	2030	Đang đề xuất dự án
197	Khu Nhà ở xã hội Mậu Lương	Thuộc phạm vi ô GS 5-1 QH Phân khu GS, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.595	5.905	51.414	572	2029	Đang đề xuất dự án
198	Khu Nhà ở xã hội Kiến Hưng 1	Thuộc phạm vi ô 15-2 trên Quy hoạch Phân khu S4, Phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.479	25.538	101.116	1.178	2030	Đang đề xuất dự án
199	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Phú Lâm	Điểm công nghiệp Phú Lâm, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	chưa xác định	956	4.985	32.007	528	2029	Đang đề xuất dự án
200	Dự án Nhà ở xã hội Dương Nội	Tại ô đất ký hiệu 2-2 thuộc phân khu S4, phường Dương Nội, Hà Nội	chưa xác định	950	9.000	42.000	504	2030	Đang đề xuất dự án
201	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Phú Lương	phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	chưa xác định	431	4.984	26.989	294	2029	Đang đề xuất dự án
202	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc ô quy hoạch 17.2, Khu 17, Phân khu đô thị S4	ô quy hoạch 17.2, Khu 17, Phân khu đô thị S4, phường Phú Lương	chưa xác định	1.895	22.979	79.915	966	2029	Đang đề xuất dự án
203	Dự án Khu nhà ở xã hội Đa Sỹ	thuộc phạm vi ô đất 14-1 Quy hoạch phân khu S4, phường Kiến Hưng	chưa xác định	2.469	35.135	259.000	2.590	2034	Đang đề xuất dự án
204	Dự án Khu nhà ở xã hội Hưng Phúc	Cụm công nghiệp Yên Nghĩa, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.200	3.719	44.000	520	2030	Đang đề xuất dự án
205	Dự án khu nhà ở xã hội An Hưng	phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.727	8.727	64.579	725	2029	Đang đề xuất dự án
206	Dự án nhà ở xã hội Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	Đường Liên Minh, xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.566	13.000	106.389	1.032	2028	Đang đề xuất dự án
207	Khu nhà ở xã hội Đại Áng	xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.995	52.700	160.108	2.112	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án

208	Dự án nhà ở xã hội Xứ Đồng Hữu Hòa	Xứ Đồng Hữu Hòa, Hòa Bình xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.068	44.600	347.813	2.142	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
209	Dự án nhà ở xã hội Tam Hiệp	Khu Tam Hiệp, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.068	66.800	443.838	2.742	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
210	Dự án Khu nhà ở xã hội IEC tại xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	Một phần ô quy hoạch B3-2 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5 (ô đất thuộc xứ đồng Cửa Sứa, đồng Trước, xã Tứ Hiệp huyện Thanh Trì, nay là xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội).	chưa xác định	1.784	13.300	108.122	1.107	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
211	Khu nhà ở xã hội tại phường Yên Sở và xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	tại phường Yên Sở và xã Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.282	15.800	92.745	388	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
212	Dự án nhà ở xã hội tại xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ	tại QHPK Khu đô thị Xuân Mai (C-1) tỷ lệ 1/2.000	chưa xác định	Chưa xác định	1.270.000	762.000	8.890	Quý I/2026-Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
213	Khu nhà ở xã hội an sinh Chương Mỹ	phường Chương Mỹ, Hà Nội	chưa xác định	3.497	61.500	120.000	900	2026-2032	Đang đề xuất dự án
214	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất có ký hiệu OM.20, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	Xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	chưa xác định	174	4.000	17.710	295	I/2025-IV/2026	Đang đề xuất dự án
215	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất có ký hiệu OM.21, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	Xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	chưa xác định	133	3.000	13.550	233	I/2025-IV/2026	Đang đề xuất dự án
216	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất có ký hiệu OM.22, xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	Xã Hà Hồi, huyện Thường Tín	chưa xác định	111	2.000	11.325	195	I/2025-IV/2026	Đang đề xuất dự án
217	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thuộc khu đô thị số 6 tại khu K1, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	Tại ô đất OM.09, OM.10 và OM.11 thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở mới liền kề ký hiệu khu đô thị số 6 tại khu K1, xã Thường Tín	chưa xác định	91	3.700	11.946	55	2025-2029 (đề xuất)	Đang đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
218	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội kết hợp thương mại dịch vụ Hoàng Xá tại Thường Tín, thành phố Hà Nội	Thộ ô đất quy hoạch ký hiệu C.HT9, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	chưa xác định	830	7.400	48.547	550	2030	Đang đề xuất dự án
219	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội kết hợp thương mại dịch vụ Đỗ Hà tại Thường Tín, thành phố Hà Nội	Thộ ô đất quy hoạch ký hiệu C.HT9, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.689	15.000	95.956	1.350	2030	Đang đề xuất dự án
220	Khu nhà ở xã hội tập trung xã Nam Phú, thành phố Hà Nội	xã Nam Phú, thành phố Hà Nội	chưa xác định	28.770	159.309	1.358.267	15.480	2030	Đang đề xuất dự án
221	Khu nhà ở xã hội Nam Thăng Long Khai Thái	Thôn Khai Thái, xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên cũ	chưa xác định	774	40.751	70.300	161	2030	Đang lập đề xuất dự án
222	Dự án Nhà ở xã hội Thanh Oai - Phương Đông 1	Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.629	41.600	141.571	1.700	2030	Đang đề xuất dự án
223	Nhà ở xã hội Thanh Oai – Phương Đông 2	Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.046	12.400	53.816	680	2030	Đang đề xuất dự án
224	Khu nhà ở xã hội Đỗ Động, Xã Thanh Oai	Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.617	104.750	25.017	1.260	2030	Đang đề xuất dự án
225	Dự án Khu nhà ở xã hội Nam Thăng long Bình Minh	xã Bình Minh	chưa xác định	2.541	185.500	148.400	1.979	2030	Đã có quy hoạch đất ở, đang chuẩn bị làm thủ tục đầu tư

226	Dự án nhà ở xã hội Kim Thư	Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.386	28.900	90.467	1.034	2030	Đang đề xuất dự án
227	Dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Phụng Thượng, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.137	168.281	148.793	2.672	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
228	Dự án nhà ở xã hội Long Thượng	Giáp đường trục Tây Thăng Long, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	chưa xác định	5.485	253.000	345.338	3.920	2031	Đang đề xuất dự án
229	Nhà ở xã hội lô đất 19.960m ² tại xã Sóc Sơn Dự án Khu nhà ở xã hội Tiên Dược	Lô III-12 và Lô III-13 tái định cư tại thôn Tiên Dược, xã Mai Đình, huyện Sóc Sơn (Nay thuộc xã Sóc Sơn, TP Hà Nội)	chưa xác định	915	19.960	41.206	698	2028	Đang đề xuất dự án
230	Khu nhà ở xã hội Sóc Sơn khu I	Thuộc phạm vi ô I.1.5 thuộc Phân khu I đô thị vệ tinh Sóc Sơn, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.500	81.800	294.480	4.207	2030	Đang đề xuất dự án
231	Dự án nhà ở xã hội Yên Xuân, tại xã Yên Xuân, Hà Nội	Tại ô đất HL3-3 thuộc QHPK đô thị Hòa Lạc (HL3) xã Yên Xuân, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.841	651.503	328.896	7.339	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
232	Nhà ở xã hội tại ô Quy hoạch HL6-3 Phân khu đô thị Hòa Lạc (HL6)	tại khu đất thuộc ô quy hoạch HL6-3 quy hoạch phân khu đô thị Hòa Lạc (HL6), xã Phú Cát, thành phố Hà Nội	chưa xác định	6.500	412.660	178.825	2.090	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
233	Dự án ô hợp nhà ở xã hội đa tiện ích Phú Cát	Thuộc phân khu đô thị Hòa Lạc (HL5) tại xã Phú Cát, thành phố Hà Nội	chưa xác định	37.586	927.000	2.113.412	31.426	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
234	Dự án Tổ hợp nhà ở xã hội đa tiện ích Yên Xuân	Thuộc phân khu đô thị Hòa Lạc (HL4) tại xã Yên Xuân, thành phố Hà Nội	chưa xác định	37.522	943.600	2.133.529	42.324	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
235	Dự án Khu Nhà ở xã hội Tây Phương	Tại ô quy hoạch ký hiệu E13+E14+E6 thuộc quy hoạch huyện Thạch Thất (nay là xã Tây Phương), thành phố Hà Nội	chưa xác định	7.327	444.000	315.932	4.086	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
236	Dự án nhà ở xã hội Núi Cột Cờ thuộc quy hoạch phân khu đô thị Hòa Lạc (HL4)	Thuộc QHPK đô thị Hòa Lạc (HL4) tại xã Yên Xuân, thành phố Hà Nội	chưa xác định	36.500	730.000	1.824.452	21.498	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
237	Dự án nhà ở xã hội Phùng Xá	Xứ Đồng Sầm, tổng Bùng, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội	chưa xác định	450	5.030	23.728	273	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
238	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tập trung tại ô đất HL6-5 tại xã Phú Cát	Xã Phú Cát, thành phố Hà Nội	chưa xác định	11.160	683.475	552.060	9.201	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
239	Dự án nhà ở xã hội khu đầu giá Viên Sơn- phường Sơn Tây	Phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội	chưa xác định	488	3.926	22.400	340	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
240	Dự án nhà ở xã hội tại huyện Thạch Thất và huyện Quốc Oai	QHPK đô thị Hoà Lạc (HL4) tỷ lệ 1/2.000	chưa xác định	Chưa xác định	1.570.000	791.280	13.874	Quý I/2026-Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
241	Khu nhà ở xã hội Quốc Oai 1	Tại ô quy hoạch ký hiệu V1 Quy hoạch chung xây dựng, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.618	127.800	189.898	1.955	2030	Đang đề xuất dự án

242	Khu nhà ở xã hội Kiều Phú 2	Tại ô quy hoạch ký hiệu V1 Quy hoạch chung xây dựng, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.326	79.010	125.708	1.296	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
243	Khu nhà ở xã hội Kiều Phú 1	Tại ô quy hoạch ký hiệu 3.2 Quy hoạch chung xây dựng, xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.066	75.100	106.844	1.098	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
244	Dự án khu nhà ở xã hội Quốc Oai 3	Phía Bắc giáp đường Phú Cát và dân cư hiện hữu, Phía Nam giáp đất nông nghiệp tại xã Phú Cát, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.805	165.000	277.200	3.780	2030	Đang đề xuất dự án
245	Nhà ở xã hội an sinh Kiều Phú	xã Kiều Phú, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.970	79.000	111.000	968	2032	Đang lập đề xuất dự án
246	Dự án nhà ở xã hội tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức	Tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.500	51.000	108.000	1.800	Chưa xác định	Đang đề xuất dự án
247	Nhà ở xã hội Hải An Sơn Đồng	xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	600	5.674	52.200	664	2030	Đang đề xuất dự án
248	Dự án Khu nhà ở xã hội Trường An	xã An Khánh, Hà Nội	chưa xác định	1.650	8.802	63.000	730	2029	Đang đề xuất dự án
249	Dự án Khu Nhà ở xã hội Ô Diên	Thuộc phạm vi trong ô GS-7 Quy hoạch Phân khu GS, xã Ô Diên, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.909	42.500	147.200	1.472	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
250	Dự án Nhà ở xã hội tại xã Đan Phượng	Xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	8.431	232.284	326.232	3.123	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
251	Dự án xây dựng khu nhà ở xã hội Liên Hà tại xã Ô Diên, thành phố Hà Nội	Khu đất nằm trong khu quy hoạch đấu giá Quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất Khu X5 xã Liên Hà, huyện Đan Phượng (nay là xã Ô Diên, thành phố Hà Nội), được ký hiệu là OXH	chưa xác định	408	4.299	26.009	287	2028	Đang đề xuất dự án
252	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Một phần ô đất thuộc Quy hoạch chung xây dựng huyện Gia Lâm tỷ lệ 1/5000 để lập dự án tái định cư	chưa xác định	1.546	15.214	70.624	798	2030	Đang đề xuất dự án
253	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Thuận An, xã Thuận An, thành phố Hà Nội	Xã Thuận An, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.824	134.000	288.339	2.145	2029	Đang đề xuất dự án
254	Dự án Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Dương Xá, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.936	51.639	101.626	1.163	2029	Đang đề xuất dự án
255	Khu nhà ở xã hội tại thôn Trần Tảo xã Thuận An	thôn Trần Tảo, xã Thuận An	chưa xác định	2.662	25.600	112.710	1.800	2029	Đang đề xuất dự án
256	Dự án Khu đô thị mới Đặng Xá 2 tại xã Gia Lâm và xã thuận An, thành phố Hà Nội (đối với nhà ở tại ô đất HH1, HH2)	tại ô đất ký hiệu HH1, HH2 Khu đô thị Đặng Xá 2, xã Gia Lâm và xã Thuận An, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.745	27.000	31.974	306	2027	Đang đề xuất dự án
257	Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội Kiều Kỵ	Tại ô quy hoạch B-3, Quy hoạch phân khu đô thị N11, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.500	21.000	131.829	1.368	2029	Đang đề xuất dự án
258	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Gia Lâm	xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.278	29.500		1.247	Năm 2030	Đang đề xuất dự án

259	Khu nhà ở xã hội Thuận An	Ô đất NOC1 và NOC2 thuộc dự án Khu nhà ở và Khu phụ trợ cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại xã Thuận An, thành phố Hà Nội	chưa xác định	828	32.380	157.456	360	Quý IV/2028	Đang đề xuất dự án
260	Khu nhà ở xã hội Phù Đồng	xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.335	41.903	110.994	1.800	2030	Đang đề xuất dự án
261	Khu nhà ở xã hội Thuận An	xã Thuận An	chưa xác định	7.370	233.093	217.712	2.337	2030	Đang đề xuất dự án
262	Dự án xây dựng nhà ở xã hội tại thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	thôn Dục Nội, xã Việt Hùng, huyện Đông Anh	chưa xác định	7.678	93.425	399.578	3.792	2029 (dự kiến)	Đang đề xuất dự án
263	Dự án xây dựng nhà ở xã hội thuộc dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh	chưa xác định	167	109.200	16.102	161	2025-2030 (dự kiến)	Đang đề xuất dự án
264	Dự án nhà ở xã hội tập trung tại xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	Xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh	chưa xác định	6.000	142.000	284.000	4.700	Quý IV/2025- Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
265	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội G23	thuộc xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	chưa xác định	9.782	345.300	262.716	5.254	Quý II/2025- Quý II/2029	Đang đề xuất dự án
266	Đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội NO2 Tiên Dương	Tại ô đất ký hiệu NO2 thuộc dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A4, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.000	11.652	44.744	475	2029	Đang đề xuất dự án
267	Khu nhà ở xã hội Hải Bối 1	Tại ô đất ký hiệu IV.8 thuộc quy hoạch phân khu N4, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.200	45.700	96.000	800	2029	Đang đề xuất dự án
268	Khu nhà ở xã hội Hải Bối 2	Tại ô đất ký hiệu IV.8.5 thuộc quy hoạch phân khu N4, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.500	34.200	129.000	1.170	2029	Đang đề xuất dự án
269	Khu nhà ở xã hội Vĩnh Thanh 1	Tại ô đất ký hiệu IV.8 thuộc quy hoạch phân khu N4, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.000	46.300	184.000	1.636	2030	Đang đề xuất dự án
270	Khu nhà ở xã hội Vĩnh Thanh 2	Tại ô đất ký hiệu IV.8.5 thuộc quy hoạch phân khu N4, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.500	62.500	250.000	2.276	2030	Đang đề xuất dự án
271	Dự án Khu nhà ở xã hội tại ô đất B-3	Xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.830	130.000	188.083	1.801	2030	Đang đề xuất dự án
272	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Vĩnh Thanh tại ô đất IV.8.4 thuộc quy hoạch phân khu N4, xã Vĩnh Thanh	tại ô đất IV.8.4 thuộc quy hoạch phân khu N4, xã Vĩnh Thanh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.890	51.000	66.136	1.029	2030	Đang đề xuất dự án
273	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất thôn Tuấn Lễ, xã Phúc Thịnh	Ô đất ký hiệu CT1 và CT2 thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất thôn Tuấn Lễ, xã Phúc Thịnh	chưa xác định	512	6.000	21.347	406	2028	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
274	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội CT4-A1 Phúc Thịnh	tại ô đất ký hiệu CT4 thuộc quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất A1, xã Phúc Thịnh	chưa xác định	609	9.200	26.929	440	2028	Đang đề xuất dự án
275	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội và văn phòng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị Đường Sắt	Tổ 8, xã Thư Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.950	106.500	22.631	809	2030	Đang đề xuất dự án

276	Nhà ở xã hội Thụ Lâm	Vị trí ô đất nằm trong Quy hoạch chung Thủ đô điều chỉnh xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.432	134.301	154.601	1.566	2032	Đang đề xuất dự án
277	Nhà ở xã hội Phúc Thịnh	Vị trí ô đất ký hiệu N3.3-2 trong quy hoạch phân khu N3 xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.272	32.696	66.732	664	2030	Đang đề xuất dự án
278	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Đông Anh	Tại ô đất thuộc Quy hoạch phân khu N6 xã Thụ Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.368	130.025	159.275	1.760	2031	Đang đề xuất dự án
279	Nhà ở xã hội Quang Minh	Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh	chưa xác định	1.056	129.000	45.016	662	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
280	Dự án nhà ở xã hội thuộc khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	tại thôn Bạch Đa, xã Kim Hoa, huyện Mê Linh	chưa xác định	681	3.760	31.907	536	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
281	Dự án khu nhà ở xã hội Bình Minh	tại xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.500	12.110	63.934	992	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
282	Khu nhà ở xã hội Thuận An - Xã Thuận An, Thành phố Hà Nội	Xã Thuận An, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.162	15.684	84.359	912	Quý IV/2030	Đang đề xuất dự án
283	Khu nhà ở xã hội Yên Viên	Thôn Trung, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.669	124.578	152.433	1.404	Quý I/2031	Đang đề xuất dự án
284	Dự án nhà ở xã hội Tháp Vàng tại xã Thuận An	tại ô đất LK 3,4,5 dự án Khu nhà ở để bán Tháp Vàng, thôn Trần Tảo, xã Thuận An	chưa xác định	408	4.423	32.519	315	2028	Đang đề xuất dự án
285	Dự án nhà ở xã hội phường Bồ Đề	Ô đất A.4/HH3 tại dự án đấu giá QSD đất dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật các ô quy hoạch A.4/NO4, A.8/NO1, A.8/NO2, A.4/HH2, A.4/HH3 và các tuyến đường phụ cận phường Ngọc Thụy, quận Long Biên) nay là phường Bồ Đề	chưa xác định		8.888	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Đang đề xuất dự án
286	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở xã hội Long Hưng	Khu Đồng Sóng, Thạch Xá, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.900	75.722	83.375	898	Quý IV/2029	Đang đề xuất dự án
287	Khu nhà ở xã hội Thượng Cát	phường Thượng Cát	chưa xác định	4.238	97.230	115.500	1.650		Đang đề xuất dự án
288	Khu nhà ở xã hội Thượng Cát 2 (tên đăng ký Khu Nhà ở xã hội Good Home Thượng Cát)	phường Thượng Cát	chưa xác định	2.233	23.399	78.750	1.125	2030	Đang đề xuất dự án
289	Khu nhà ở xã hội Thượng Cát 3 (tên đăng ký Khu Nhà ở xã hội Thượng Cát Riverview)	phường Thượng Cát	chưa xác định		8.962	43.050	615	2030	Đang đề xuất dự án
290	Khu nhà ở xã hội LIOA Vĩnh Hưng	phường Vĩnh Hưng	chưa xác định	3.379	19.200	140.000	1.782	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
291	Khu nhà ở xã hội An Phú Hưng	phường Vĩnh Hưng	chưa xác định	2.150	16.769	100.618	1.161	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
292	Dự án Nhà ở xã hội Tương Lai Kiến Hưng	phường Kiến Hưng	chưa xác định	1.995	14.355	43.350	551	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
293	Dự án Nhà ở xã hội Sơn Đồng	xã Sơn Đồng	chưa xác định	8.200	156.448	394.249	5.018	2033	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
294	Dự án Nhà ở xã hội Ngõ nhà mơ ước	phường Cầu Giấy	chưa xác định	2.433	10.756	87.769	1.117	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
295	Dự án Nhà ở xã hội Phú Diễn Xanh	phường Phú Diễn	chưa xác định	1.530	7.600	52.896	673	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
296	Dự án Nhà ở xã hội Vĩnh Hưng Thịnh Vương	phường Vĩnh Hưng	chưa xác định	1.101	7.000	39.200	499	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
297	Dự án Nhà ở xã hội Đông Ngạc Xanh	phường Đông Ngạc	chưa xác định	1.724	8.123	61.735	786	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
298	Dự án Nhà ở xã hội An Cư Đông Ngạc	phường Đông Ngạc	chưa xác định	1.360	4.244	60.689	772	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án

299	Dự án Nhà ở xã hội Phú Lương Phát	phường Phú Lương	chưa xác định	6.085	43.000	216.720	2.758	2031	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
300	Dự án Nhà ở xã hội an cư Kiến Hưng	phường Kiến Hưng	chưa xác định	2.987	19.000	115.520	1.470	2031	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
301	Dự án Nhà ở xã hội Đan Phượng	Xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.700	12.700	36.400	520	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
302	Dự án Nhà ở xã hội tại Quỹ đất 20% thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở thấp tầng tại khu Đồng Cá, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	chưa xác định	778	16.415	50.014	465	2029	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
303	Dự án Nhà ở xã hội Long Phú	xã Dân Hòa, thành phố Hà Nội	chưa xác định	700	4.198	26.460	378	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
304	Dự án Nhà ở xã hội Bắc Đô Tây Tựu	xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội	chưa xác định	8.961	142.900	437.760	5.571	2032	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
305	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại ô đất CT5 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	tại ô đất có ký hiệu CT5 thuộc Khu đô thị mới Kim Chung, xã Kim Chung, huyện Đông Anh (cũ) nay là xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội	Liên danh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội và Tổng Công ty Viglacera-CTCP	1.720.520	11.959	44.042	704	Quý IV/2030	Đang lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư chuyển đổi từ nhà ở công nhân sang nhà ở xã hội
306	Khu nhà ở xã hội Kim Lan	xã Bát Tràng, thành phố Hà Nội	chưa xác định	5.740	63.661	377.112	3.880	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
307	Dự án nhà ở xã hội Thượng Phúc 2	xã Thượng Phúc	chưa xác định	1.250	13.600	34.816	416	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
308	Khu nhà ở xã hội Gia Lâm - GPH	Xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.968	45.000	236.925	2.774	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
309	Dự án Khu nhà ở xã hội, dịch vụ thương mại Hoài Đức	Khu Sành Trĩ, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội	chưa xác định	3.932	33.097	162.070	2.575	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
310	Dự án Nhà ở xã hội Tài Tâm - Yên Nghĩa	xứ Đồng Khu 3, Hòa Bình, phường Yên Nghĩa, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.068	10.400	112.004	1.033	2028	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
311	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	thuộc ô quy hoạch 17.2, Khu 17, Phân khu đô thị S4 tại phường Phú Lương, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.895	22.979	97.357	1.146	2029	Đang thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư
312	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Cổ Linh	ô đất E.5, Quy hoạch phân khu N10, phường Long Biên, thành phố Hà Nội	chưa xác định	2.500	42.560	153.564	1.516	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
313	Dự án Nhà ở xã hội Tây Thủ Đô	Thôn Thung Mộng, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.758	149.000	633.250	7.387	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
314	Dự án Khu nhà ở xã hội tại xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội	thôn 2, xã Hòa Lạc, thành phố Hà Nội	chưa xác định	1.600	16.723	139.126	1.254	2028	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
315	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Bầu trời hạnh phúc	thôn Gia Cốc, xã Gia Lâm, thành phố Hà Nội	chưa xác định	4.500	171.000	346.572	4.200	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
IV. DỰ ÁN ĐANG RÀ SOÁT									
316	Dự án Khu nhà ở xã hội Hồng Tiến	tại ô đất A4/HH3 thuộc quy hoạch phân khu N10, phường Bồ Đề	chưa xác định	585	8.888	48.573	350	2030	Đang lập hồ sơ đề xuất dự án
317	Khu nhà ở xã hội tập trung tại xã Khánh Hà, huyện Thường Tín	tại ô đất ký hiệu C3-1 thuộc quy hoạch phân khu đô thị S5, xã Ngọc Hồi, xã Thường Tín, thành phố Hà Nội	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định		

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Một số thông tin chính của dự án						Các loại hình nhà ở của Dự án								Thời gian hoàn thành								Ghi chú/ Thời gian dự kiến hoàn thành	
			Văn bản quyết định/chấp thuận của trường đại tu/Giấy chứng nhận đầu tư dự án (nếu có)	Chủ đầu tư / Đơn vị đề xuất dự án để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định	Tiến độ được duyet/đề xuất (từ quý/năm -/năm)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Quy mô đất (m2)	Tổng diện tích sàn nhà ở (m2)	Tổng số nhà ở (căn)	Nhà ở thương mại/ tái định cư				Nhà ở xã hội				2026 - 2030								
										Cán hộ chung cư		Nhà ở thấp tầng		Nhà ở xã hội		Nhà ở xã hội		2026 - 2030		sau 2030						
										Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội						Nhà ở thương mại		Nhà ở xã hội						
										Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)					Diện tích đất (m2)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)	Diện tích sàn nhà ở (m2)	Số lượng nhà ở (căn)		Diện tích sàn nhà ở (m2)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
	TỔNG SỐ					283.672	19.987.500	-	28.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Dự án khu đô thị Bắc Thăng Long Urban City phase vụ da mục tiêu trên địa bàn các xã Thiên Lộc, xã Phúc Thịnh, xã Mê Linh thành phố Hà Nội	xã Thiên Lộc, xã Phúc Thịnh, xã Mê Linh thành phố Hà Nội		Liên danh nhà đầu tư Tổng Công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội, Công ty cổ phần Tập đoàn Sunshine, Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh BDS S-Home, Công ty cổ phần Thái Nam Land, Công ty cổ phần Bất động sản Potamos (Đại diện Liên danh là Tổng Công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội)	2032	89.000	6.993.500	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định					2032	
2	Dự án khu đô thị da mục tiêu đáp ứng nhà ở định cư cho dự án đầu tư trực đại lo cảnh quan sông Hồng	xã Thờ Lám, xã Đông Anh, thành phố Hà Nội		Công ty cổ phần Tập đoàn trường lai Sông Hồng	Quý III/2029	60.558	6.960.000	chưa xác định	28.000	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định					2029	
3	Khu đô thị tập trung phục vụ da mục tiêu (tái định cư, giải phóng mặt bằng, phát triển nhà ở xã hội) tại xã Bình Minh, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội	xã Bình Minh, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội		Công ty cổ phần Vinhomes	Quý IV/2030	134.114	6.034.000	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định	chưa xác định					2030	

PHỤ LỤC 2C.
DANH MỤC CÁC Ô ĐẤT ĐƯỢC XÁC ĐỊNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Đã công bố công khai kèm theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Mã dự án	Tên dự án (dự kiến)	Vị trí khu đất	Địa điểm	Chỉ tiêu quy hoạch				Tổng diện tích sàn, không bao gồm tầng hầm (m2)	Số tầng hầm dự kiến	Diện tích sàn tầng hầm dự kiến (m2)	Sơ bộ tổng mức đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)
					Diện tích đất (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Dân số (người)				
1	NOXH.001	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Sóc Sơn - Tiên Dược 1	Thuộc QHPK đô thị Sóc Sơn khu 1 (ô quy hoạch ký hiệu I.T5) tại Xã Tiên Dược	Xã Sóc Sơn	61.800	40	15	7.000	161.000	3	32.200	2.744
2	NOXH.002	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Sóc Sơn - Tiên Dược 2	Thuộc QHPK đô thị Sóc Sơn khu 2 (ô quy hoạch ký hiệu II. 1.1) tại Xã Tiên Dược	Xã Sóc Sơn	24.000	40	15	2.400	55.000	3	11.000	940
3	NOXH.003	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Sóc Sơn - Đức Hòa	Thuộc ô quy hoạch ký hiệu III.2-13/NO9 - QHPK đô thị Sóc Sơn, khu 3, tỷ lệ 1/2.000 tại xã Đức Hòa	Xã Đa Phúc	109.000	40	15	5.185	18.312	3	3.662	406
4	NOXH.004	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Sóc Sơn - Mai Đình	Thuộc QHPK đô thị Sóc Sơn khu 4 (ô quy hoạch ký hiệu IV. 1.3) tại Xã Mai Đình	Xã Sóc Sơn	38.700	40	15	3.500	80.000	3	16.000	1.371
5	NOXH.005	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội công nghệ sạch Sóc Sơn	Tại xã Tân Dân (Phục vụ nhà ở công nghiệp cho KCN sạch Sóc Sơn)	Xã Kim Anh	300.000	40	15	12.000-15.000	300.000	3	60.000	5.284
6	NOXH.006	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Xuân Mai - Tân Tiến	Thuộc ô quy hoạch ký hiệu C-1, QHPK ĐT Xuân Mai, khu 3, tỷ lệ 1/2.000 tại xã Tân Tiến	Xã Xuân Mai	1.270	30-50	3-25	17.250	584.718	3	70.166	12.078
7	NOXH.007	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Phú Yên	Ô đất NOXH-01 thuộc Khu Đồng Dục Dưới, thôn Giẽ Hạ, xã Phú Yên cũ (nay là xã Chuyên Mỹ)	Xã Chuyên Mỹ	2.080	40-50	≤9	350	9.360	2	2.080	153
8	NOXH.008	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đồng Bảng tại xã Vật Lại	Các ô đất OXH1, OXH2, OXH3, OXH4 thuộc khu Châu Hùm, thôn Đồng Bảng, xã Vật Lại	Xã Vật Lại	4.000	100	2	236	8.000	0	0	77
9	NOXH.009	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Sen Phương tại xã Phúc Lộc	Lô XH thuộc dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu Sáu Tân - Đồng Duối, xã Sen Phương (nay là xã Phúc Lộc)	Xã Phúc Lộc	5.300	69	5	300	18.285	1	3.657	237
10	NOXH.010	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Ngọc Tảo tại xã Hát Môn	Đất ở xã hội thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu Cầu Lọc - Giáo Hạ, xã Ngọc Tảo (nay là xã Hát Môn)	Xã Hát Môn	2.700	75	5	100	10.125	1	2.025	131
11	NOXH.011	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Liên Hiệp 1	Đất ở xã hội thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu Đồng Vỡ xã Liên Hiệp (nay là xã Hát Môn)	Xã Hát Môn	2.400	70	5	144	8.400	1	1.680	109
12	NOXH.012	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Liên Hiệp 2	Đất ở xã hội thuộc Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu giá khu Dộc Môi xã Liên Hiệp (nay là xã Hát Môn)	Xã Hát Môn	3.600	70	5	232	12.600	1	2.520	163
13	NOXH.013	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội CT - Liên Quan	Ô đất ký hiệu CT thuộc Quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn Liên Quan	Xã Thạch Thất	16.500	50	9	1.957	74.250	1	8.250	1.057
14	NOXH.014	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đại Thành tại xã Hưng Đạo	Thuộc Dự án Xây dựng HTKT khu đầu giá quyền sử dụng đất ở DG04.2024 xã Đại Thành, huyện Quốc Oai (nay là xã Hưng Đạo)	Xã Hưng Đạo	3.079	65	7	344	14.009	1	2.001	203
15	NOXH.015	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Xuân Nộn	Ô đất ký hiệu NOXH thuộc dự án Xây dựng khu đầu giá quyền sử dụng đất XN3 xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh (nay là xã Thư Lâm)	Xã Thư Lâm	3.406	50	3	100	5.109	0	0	50
16	NOXH.016	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội CT3-A2 Phúc Thịnh	Ô đất ký hiệu CT3 thuộc QHCT, tỷ lệ 1/500 dự án XD HTKT khu đầu giá QSD đất A2, xã tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	Xã Phúc Thịnh	3.800	38,58	12	745	13.032	2	2.172	207
17	NOXH.017	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội CT2-A1 Phúc Thịnh	Ô đất ký hiệu CT2 thuộc QHCT, tỷ lệ 1/500 dự án XD HTKT khu đầu giá QSD đất A1, xã tiên Dương, huyện Đông Anh (nay là xã Phúc Thịnh)	Xã Phúc Thịnh	2.900	36,6	9	317	9.553	1	1.061	137
18	NOXH.018	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đa Phúc 1	Ô đất ký hiệu III.2-13/NO9 Thuộc Quy hoạch phân khu đô thị Sóc Sơn khu 3, tỷ lệ 1/2000 (nay thuộc xã Đa Phúc)	Xã Đa Phúc	110.000	30-40	15	4.911	660.000	2	88.000	10.119
19	NOXH.019	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đa Phúc 2	Ô đất ký hiệu OXH-01 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500 (nay thuộc xã Đa Phúc)	Xã Đa Phúc	6.420	70	8	881	35.952	1	4.494	517
20	NOXH.020	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Đa Phúc 3	Ô đất ký hiệu OXH-02 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, tỷ lệ 1/500 (nay thuộc xã Đa Phúc)	Xã Đa Phúc	8.646	70	8	1.186	48.418	1	6.052	696
21	NOXH.021	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Bắc Phú tại xã Đa Phúc	Ô đất NOXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 dự án xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu Đồng Trên (khu phía Bắc), thôn Yên Tàng, xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn	Xã Đa Phúc	3.554	73,8	6	319	15.737	1	2.623	233

TT	Mã dự án	Tên dự án (dự kiến)	Vị trí khu đất	Địa điểm	Chỉ tiêu quy hoạch				Tổng diện tích sản, không bao gồm tầng hầm (m2)	Số tầng hầm dự kiến	Diện tích sản tầng hầm dự kiến (m2)	Sơ bộ tổng mức đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)
					Diện tích đất (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Dân số (người)				
22	NOXH.022	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Lương Phúc, xã Đa Phúc	Ô đất NOXH thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 dự án: Xây dựng HTKT khu dân cư nông thôn tại khu đồng Kép, thôn Lương Phúc, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	Xã Đa Phúc	1.863	75	6	235	8.384	1	1.397	124
23	NOXH.023	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Tăng Long, xã Đa Phúc	Ô đất NOXH thuộc Khu vực đã được xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá QSD đất tại thôn Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn	Xã Đa Phúc	2.127	75	5	350	7.976	1	1.595	103
24	NOXH.024	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Thôn 1, xã Yên Lãng	Điểm dân cư thôn 1, xã Yên Lãng	Xã Yên Lãng	11.440	60	5	392	34.320	1	6.864	446
25	NOXH.025	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Hoàng Kim 1, xã Yên Lãng	Điểm dân cư thôn Hoàng Kim, xã Yên Lãng	Xã Yên Lãng	1.470	100	5	83	7.350	1	1.470	95
26	NOXH.026	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Hoàng Kim 2, xã Yên Lãng	Điểm dân cư thôn Hoàng Kim, xã Yên Lãng	Xã Yên Lãng	803	99,3	5	43	7.350	1	797	51
27	NOXH.027	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Hiền Ninh	Ô đất ký hiệu NXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Hiền Ninh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Xã Nội Bài	43.500	35	15	2.450	228.375	2	30.450	3.507
28	NOXH.028	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Quang Tiến	Ô đất ký hiệu NOXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Quang Tiến, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Xã Nội Bài	23.500	50	5	1.762	58.750	1	11.750	767
29	NOXH.029	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Phú Minh 1	Ô đất ký hiệu NOXH1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Xã Nội Bài	3.600	50	5	292	9.000	1	1.800	118
30	NOXH.030	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Phú Minh 2	Ô đất ký hiệu NOXH2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Xã Nội Bài	5.800	50	5	472	14.500	1	2.900	189
31	NOXH.031	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Phú Cường 1	Ô đất ký hiệu NOXH1 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Xã Nội Bài	4.900	50	5	390	12.250	1	2.450	160
32	NOXH.032	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Phú Cường 2	Ô đất ký hiệu NOXH2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (nay thuộc xã Nội Bài)	Xã Nội Bài	12.500	50	5	1.000	31.250	1	6.250	408
33	NOXH.033	Đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội Thanh Xuân, xã Nội Bài	Ô đất ký hiệu OXH thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn	Xã Nội Bài	7.400	50	6	460	22.200	1	3.700	331
34	NOXH.034	Đầu tư xây dựng khu Nhà ở xã hội Sóc Sơn 1	Ô đất I.1.5 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 1	Xã Sóc Sơn	61.800	40	15	2.335	370.800	2	49.440	5.685,30
35	NOXH.035	Đầu tư xây dựng khu Nhà ở xã hội Sóc Sơn 2	Ô đất II.1.1 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	Xã Sóc Sơn	24.000	40	15	1.350	144.000	2	19.200	2.208
36	NOXH.036	Đầu tư xây dựng khu Nhà ở xã hội Sóc Sơn 3	Ô đất IV.1.3 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	Xã Sóc Sơn	38.700	40	15	1.580	232.200	2	30.960	3.560
37	NOXH.037	Đầu tư xây dựng khu Nhà ở xã hội Sóc Sơn 4	Các ô đất I.1.5/OQH6, I.1.5/OQH7, I.1.5/OQH8 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 1	Xã Sóc Sơn	77.200	40	15	2.950	463.200	2	61.760	7.102
38	NOXH.038	Đầu tư xây dựng khu Nhà ở xã hội Sóc Sơn 5	Các ô đất II.2.1/NO2, II.2.1/NO3, II.2.1/NO4 tại QHPK đô thị Sóc Sơn Khu 2	Xã Sóc Sơn	94.600	40	15	4.747	567.600	2	75.680	8.703
39	NOXH.039	Đầu tư xây dựng khu Nhà ở xã hội Dục Thượng, xã Sóc Sơn	Ô đất III-1 và III-2 thuộc Quy hoạch tổng mặt bằng, tỷ lệ 1/500 dự án: Xây dựng HTKT khu dân cư đầu giá QSD đất tại thôn Dục Thượng, xã Tiên Dục (nay là xã Sóc Sơn)	Xã Sóc Sơn	19.000	41,5-46,5	9	1.893	73.530	1	8.170	1.050

PHỤ LỤC 3. DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ Ở LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG CỘNG				2.429.886	3.750.360	56.397		
A	DỰ ÁN NHÀ Ở CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÔNG AN NHÂN DÂN			87.972	1.967.799	3.431.428	53.146		
1	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang công an nhân dân tại các ô đất ký hiệu C2-TT1, C2-TT2 thuộc quỹ đất 20% Khu trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	tại các ô đất ký hiệu C2-TT1, C2-TT2 thuộc quỹ đất 20% Khu trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây	Công ty cổ phần Lạc Hồng (Liên danh Công ty cổ phần đầu tư Lạc Hồng và Công ty cổ phần Nam Tam Đảo)	7.662	30910	142.520	2.036	2028	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 6816/QĐ-BCA-H02 ngày 08/8/2025
2	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất ký hiệu CT1, CT2, CT4 Khu đô thị Vibex, quận Bắc Từ Liêm	Tại ô đất ký hiệu CT1, CT2, CT4 Khu đô thị Vibex, quận Bắc Từ Liêm	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thái Hà	1.926	29206	83.943	1.000	II/2027	Quyết định giao chủ đầu tư số 3952/QĐ-UBND ngày 28/7/2025
3	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất ký hiệu G1, G3 khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	Tại khu tái định cư Xuân Canh, huyện Đông Anh Thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần Confitech	3.799	19289	123.480	1.764	2028	Quyết định chủ trương số 3952/QĐ-UBND ngày 28/7/2025
4	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại khu đất ký hiệu C-3 thuộc phân khu đô thị S3, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức	Tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức	Công ty cổ phần Confitech Tây Hà Nội	3.271	51894	69.480	1.056	IV/2028	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 6845/QĐ-BCA-H02 ngày 08/8/2025
5	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại khu X1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	Tại phường Phú Thượng, quận Tây Hồ	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Tây Hà Nội (Liên danh Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển đô thị Tây Hà Nội và Công ty cổ phần Đô thị Nam Sơn Invest)	3.089	2315	64.400	920	IV/2028	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 6842/QĐ-BCA-H02 ngày 08/8/2025
6	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại khu đất ký hiệu F3, Quy hoạch phân khu H2-3 xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	Tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng đô thị Tân Thái Bình Dương	441	2.116	19.840	206	III/2027	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 6844/QĐ-BCA-H02 ngày 8/8/2025; số 8236/QĐ-BCA-H02 ngày 08/10/2025 điều chỉnh QĐ6844

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
7	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất có ký hiệu HH-01 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm	Tại ô đất có ký hiệu HH-01 thuộc Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm, tỷ lệ 1/500 tại phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai	Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và An ninh Công nghệ IFT (Liên danh:Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và An ninh Công nghệ IFT và Công ty cổ phần An Thường Mạnh)	1.383	10.053	61.457	520	II/2028	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 9874/QĐ-BCA-H02 ngày 12/12/2025
8	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất C3-ODK3 và C3-ODK4 theo quy hoạch phân khu đô thị H2-4 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	Tại ô đất C3-ODK3 và C3-ODK4 theo quy hoạch phân khu đô thị H2-4 phường Yên Sở, quận Hoàng Mai	Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và An ninh Công nghệ IFT (Liên danh:Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính và An ninh Công nghệ IFT và Công ty TNHH Phát triển Tiền Phong)	5.652	30.330	93.750	1.250	I/2028	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 8811/QĐ-BCA-H02 ngày 29/10/2025
9	Dự án nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân (nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sỹ công an) tại ô đất ký hiệu IA25 thuộc quỹ đất 20% dự án Khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội	Phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội.	Công ty cổ phần Thái Nam Land (Liên danh Công ty cổ phần Thái Nam Land và Tổng công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC-Công ty TNHH Một thành viên)	3.510	18.143	60.775	912	II/2027	Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư
10	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất ký hiệu N02 số 275 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân.	Tại số 275 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân.	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thái Hà (Liên danh Công ty cổ phần đầu tư phát triển Thái Hà và Công ty cổ phần đô thị Nam Sơn Invest)	821	3.557	28.560	408	II/2027	Quyết định giao CĐT số 5879/QĐ-BCA-H02 ngày 09/7/2025
11	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại thôn Thượng, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì (trước đây Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà An Cư-Cowaelmic)	Tại thôn Thượng, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì.	Công ty cổ phần đầu tư Videc - Trường Thành	870	3.500	30.100	430	IV/2028	Quyết định chủ trương số 6515/QĐ-UBND ngày 29/7/2025
12	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô đất OCT1, OCT3 Khu đô thị Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm.	Tại ô đất OCT1, OCT3 thuộc Khu đô thị Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm	Công ty cổ phần Đầu tư Vietas set (Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư Vietas set và Công ty cổ phần Đầu tư và xây lắp Constrexim số 8)	1.403	11.021	54.748	818	IV/2028	Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 2954/QĐ-UBND ngày 14/6/2025
13	Xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân (nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sỹ Công an) tại Ô đất có ký hiệu 6.2 thuộc Quy hoạch phân khu S4, đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	Ô đất 6.2 thuộc Quy hoạch phân khu S4, đường Lê Trọng Tấn, phường Dương Nội, thành phố Hà Nội	Công ty TNHH Xuân Mai-Nam Hà Nội (Liên danh Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Xuân Mai và Công ty cổ phần chợ đầu mối Nam Hà Nội)	2.242	11.264	76.375	1.175	IV/2028	Quyết định chủ trương số 3789/QĐ-UBND ngày 14/7/2025; số 3897/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 đính chính QĐ 3789

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
14	Phần nhà ở xã hội cho cán bộ chiến sỹ công an nhân dân tại ô quy hoạch CT4, CT5 thuộc quỹ đất 20% Khu đô thị mới Đại Kim	Quỹ đất 20% để xây dựng NOXH tại Dự án Khu đô thị mới Đại Kim, quận Hoàng Mai (cũ)	Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội (đại diện Liên danh Công ty Đầu tư xây dựng số 2 Hà Nội và Công ty cổ phần Tập đoàn được phẩm Vimedimex)	20.256	2.030	71.955	786	IV/2028	Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 18/3/2025
15	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	Xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	5.369	114.500	961.800	1.880	2028	Quyết định chấp thuận chủ trương đồng thời giao CĐT số 100/QĐ-BCA-H02 ngày 8/01/2026
16	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang công an nhân dân tại một phần diện tích đất trong quy hoạch phân khu N4 - ký hiệu ô IV.1.1, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	tại một phần diện tích đất trong quy hoạch phân khu N4 - ký hiệu ô IV.1.1, xã Đại Mạch, huyện Đông Anh	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	500.000	244.510	3.493	Chưa xác định	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
17	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	Tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	74.600	150.360	2.148	Chưa xác định	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
18	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại xã Lại Yên, huyện Hoài Đức (trước đây là Dự án Khu nhà ở CBCS Tổng cục IV)	Tại ô đất G-2 thuộc quy hoạch khu đô thị S2 tỷ lệ 1/5000 tại khu đô thị mới Sơn Đồng, xã Lại Yên, huyện Hoài Đức	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	56.300	64.750	925	Chưa xác định	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
19	Dự án Nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô quy hoạch 3-2 và 3-4 phân khu đô thị N9, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	Tại ô đất ký hiệu 3-2 và 3-4 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N9, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	5.727	358.900	239.400	3.420	2030	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
20	Phần nhà ở xã hội trong Dự án xây dựng khu đô thị mới cho cán bộ, chiến sĩ C01, C03, C05- Bộ Công an tại xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai (nay là xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội)	xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai (nay là xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội)	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	12.845	305.000	101.920	1.456	2029	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
21	Dự án Khu nhà ở xã hội tại ô đất CTXH thuộc Khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	2.700	23.600	73.500	1.050	2030	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
22	Khu đất xây dựng nhà ở xã hội tại dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây Bắc thôn Lê Pháp, xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (cũ)	xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (cũ)	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	367	4.074	28.811	180	2028	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
23	Khu đất xây dựng nhà ở xã hội tại dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất phía Tây đường Đán Di, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (cũ)	xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (cũ)	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	514	6.887	48.726	221	2028	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
24	Khu đất xây dựng nhà chung cư tại dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất A5, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (cũ)	xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (cũ)	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	4.571	18.654	266	2028	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
25	N01, N03 tại ô đất D12 Khu đô thị mới Cầu Giấy	phường Cầu Giấy, Hà Nội	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	8.200	34.300	490	Chưa xác định	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
26	Dự án nhà ở cho lực lượng vũ trang trong Quân đội	Ô đất B.3/NO1 theo Quy hoạch phân khu đô thị N10, phường Việt Hưng, Hà Nội	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	15.200	70.000	1.000	Chưa xác định	Đã được UBND Thành phố thống nhất với Bộ Công an vị trí khu đất thực hiện dự án
27	Dự án NOXH tại ô đất CT2B thuộc 20% dự án Khu đô thị Nam Thăng Long (Ciputra), phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Khu đô thị Nam Thăng Long (Ciputra), phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	25.300	42.000	600	Chưa xác định	VB 5520/UBND-ĐT ngày 11/10/2025 đề nghị BCA tiếp tục rà soát
28	Khu đất tại xã Phú Nghĩa (Khu đất có diện tích khoảng 0,75ha tại Phố Gốt, xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ)	xã Chương Mỹ, Hà Nội	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	7.500	46.550	665	Chưa xác định	Tiếp tục rà soát
29	Dự án nhà ở xã hội tại ô đất ký hiệu A18, khu chức năng đô thị Nam đường vành đai 3	xã Hoàng Liệt, Hà Nội	Bộ Công an lựa chọn chủ đầu tư	Chưa xác định	29.200	133.770	1.911	Chưa xác định	Tiếp tục rà soát
30	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại ô quy hoạch ký hiệu 3-3 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị N9	Ô quy hoạch 3-3, phân khu đô thị N9, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thái Hà	3.215	120.000	154.690	1.493	2028 (dự kiến)	Quyết định 439/QĐ-BCA-H02 ngày 26/01/2026

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
31	Chưa xác định	khu đất diện tích khoảng 2,95ha tại phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Bộ Công an đề xuất	Chưa xác định	29.500	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Văn bản đề xuất số 04/H02-P4 ngày 05/01/2026
32	Chưa xác định	khu đất diện tích khoảng 5,35ha tại phường Xuân Phương, thành phố Hà Nội	Bộ Công an đề xuất	Chưa xác định	53.549	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	Văn bản đề xuất số 291/H02-P4 ngày 20/01/2026
33	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho lực lượng vũ trang Công an nhân dân tại số 77-79 Đặng Văn Ngữ	số 77-79 Đặng Văn Ngữ, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 1 Hà Nội (nhà đầu tư đề xuất)	910	5.290	36.304	410	2027	Văn bản số 276/H02-P4 ngày 19/01/2026
B	NHÀ Ở LỰC LƯỢNG VŨ TRANG TRONG QUÂN ĐỘI			6.839	462.087	318.932	3.251		
I	Các vị trí ô đất UBND Thành phố đã thống nhất								
1	Nhà ở cho lực lượng vũ trang Tổng cục II Bộ Quốc phòng	Khu đất tại phường Tây Tựu		1.925	42.674	50.160	744	Quý IV/2028	
2	Nhà ở cho gia đình quân nhân TCT 319 Phương Liệt	Khu đất tại số 40, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Phương Liệt (Khương Trung cũ)		1.021	3.451	34.360	336	Quý II/2028	
3	Nhà ở cho gia đình quân nhân MHDI An Khánh	Khu đất tại xã An Khánh		289	3.091	25.379	242	Quý II/2028	
4	Nhà ở cho gia đình quân nhân MHDI Thanh Liệt	Khu đất tại phường Thanh Liệt (trước đây là xã Thanh Liệt)		669	6.184	49.671	468	Quý III/2028	
5	Nhà ở cho gia đình quân nhân MHDI Phương Liệt	Khu đất tại ngõ 316 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt (phường Định Công cũ)		846	6.933	62.265	616	Quý II/2028	
6	Nhà ở cho gia đình quân nhân MHDI Tân Triều	Khu đất tại phường Thanh Liệt (xã Tân Triều cũ)		2.089	62.696	97.097	845	Quý II/2029	
II	Các vị trí ô đất UBND Thành phố đã thống nhất về chủ trương								
1	Chưa xác định	Số 25 ngõ 66 đường Kim Giang, phường Định Công, thành phố Hà Nội (phường Đại Kim, quận Hoàng Mai cũ)		Chưa xác định	3.000	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
2	Chưa xác định	Phường Tùng Thiện, thành phố Hà Nội		Chưa xác định	51.000	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
3	Chưa xác định	Thôn Văn Quán, xã Thanh Oai (ô đất NOXH - 1 khu đầu giá QSD đất tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai)	Chưa xác định	Chưa xác định	5.380	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
4	Chưa xác định	Thôn Hùynh Cung, xã Đại Thanh (ô đất NOXH khu đầu giá QSD đất số 1 thôn Hùynh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì)	Chưa xác định	Chưa xác định	1.569	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
5	Chưa xác định	Thôn Hùynh Cung, xã Đại Thanh (ô đất NOXH khu đầu giá QSD đất số 2 thôn Hùynh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì)	Chưa xác định	Chưa xác định	2.025	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
6	Chưa xác định	Thôn Hùynh Cung, xã Đại Thanh (ô đất NOXH khu đầu giá QSD đất số 4 thôn Hùynh Cung, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì)	Chưa xác định	Chưa xác định	1.932	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
7	Chưa xác định	Ô đất NOXH tại ô đất PD2 dự án GPMB phục vụ đầu giá QSD đất xã Phú Đồng	Chưa xác định	Chưa xác định	2.417	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
8	Chưa xác định	Ô đất NO1 (ô NOXH) dự án GPMB phục vụ đầu giá QSD đất tại khu đất KK, xã Kiều Kỵ (nay là xã Gia Lâm)	Chưa xác định	Chưa xác định	3.749	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
9	Chưa xác định	Ô đất NOXH thuộc quỹ 20% quy hoạch chi tiết Khu vực Miêu Nha, tỷ lệ 1/500 phường Tây Mỗ (nay là phường Xuân Phương)	Chưa xác định	Chưa xác định	23.817	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
10	Chưa xác định	Ô đất NOXH tại dự án xây dựng khu đầu giá QSD đất điểm X5 xã Uy Nỗ (nay là xã Đông Anh)	Chưa xác định	Chưa xác định	2.602	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
11	Chưa xác định	Ô đất ký hiệu CT-1.1 thuộc Khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công (ô NOXH)	Chưa xác định	Chưa xác định	3.976	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
		Ô đất ký hiệu CT-1.5 thuộc Khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công (ô NOXH)	Chưa xác định	Chưa xác định	11.819	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	

TT	Thông tin dự án							Tiến độ hoàn thành/ Dự kiến hoàn thành	Văn bản chấp thuận/QĐ chủ trương đầu tư dự án
	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích sàn NOXH (m2)	Số lượng căn hộ NOXH (căn)		
		Ô đất ký hiệu CT-2.1 thuộc Khu đô thị mới Đại Kim, phường Định Công (ô NOXH)	Chưa xác định	Chưa xác định	17.419	Chưa xác định	Chưa xác định	Chưa xác định	
III	Các vị trí ô đất đang tiếp tục rà soát								
1	Chưa xác định	Khu đất tại phường Hà Đông (phường Quang Trung cũ)	Chưa xác định	Chưa xác định	1.058	Chưa xác định	Chưa xác định	Bộ Quốc phòng đề xuất các vị trí ĐQT 5 (Văn bản số 8131/BQP-TCHCKT ngày 12/12/2025 của Bộ Quốc Phòng, Văn bản số 21087/VP-ĐT ngày 17/12/2025 của UBND Thành phố)	
2	Chưa xác định	Khu đất tại phường Hà Đông (phường Quang Trung cũ)	Chưa xác định	Chưa xác định	715	Chưa xác định	Chưa xác định		
3	Chưa xác định	Khu đất tại phường Phúc Lợi (phường Phúc Đồng cũ)	Chưa xác định	Chưa xác định	33.089	Chưa xác định	Chưa xác định		
4	Chưa xác định	Khu đất tại phường Định Công	Chưa xác định	Chưa xác định	1.300	Chưa xác định	Chưa xác định		
5	Chưa xác định	Khu đất A3/NO5 thuộc quy hoạch phân khu H2-1 tại phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội	Chưa xác định	Chưa xác định	14.900	Chưa xác định	Chưa xác định		
6	Chưa xác định	Ô đất tại xã Nam Phù, thành phố Hà Nội	Chưa xác định	Chưa xác định	100.000	Chưa xác định	Chưa xác định		
7	Chưa xác định	Ô đất thuộc khu Ao Sen, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Chưa xác định	Chưa xác định	31.566	Chưa xác định	Chưa xác định		
8	Chưa xác định	ô đất NO1 tại thôn Trùng Quán, xã Phù Đồng	Chưa xác định	Chưa xác định	3.003	Chưa xác định	Chưa xác định		
9	Chưa xác định	ô đất NO3 tại thôn Trùng Quán, xã Phù Đồng	Chưa xác định	Chưa xác định	2.980	Chưa xác định	Chưa xác định		
10	Chưa xác định	Ô đất CT4 thuộc ô quy hoạch V.3.4 Quy hoạch phân khu N5, tỷ lệ 1/5.000 tại khu Bãi Kinh, tổ 12 thị trấn Đông Anh (nay là xã Thụ Lâm)	Chưa xác định	Chưa xác định	17.742	Chưa xác định	Chưa xác định		

PHỤ LỤC 4A.
DANH MỤC DỰ ÁN CẢI TẠO, CHỈNH TRANG, TÁI THIẾT ĐÔ THỊ CẦN TRIỂN KHAI NGAY TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(KHU TẬP THỂ THUỘC DIỆN PHÁ DỠ THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 59 LUẬT NHÀ Ở)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	TÊN DỰ ÁN	Số tầng	Loại nhà	Kết quả kiểm định (cấp độ nguy hiểm)	Ghi chú
1	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ	2-6	Tường xây chịu lực + Lắp ghép tấm lớn	Khu chung cư có nhà thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở (Nhà C8 Giảng Võ)	
2	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể Ngọc Khánh, phường Giảng Võ	2-5	Tường xây chịu lực + Lắp ghép tấm lớn	Khu chung cư có nhà nguy hiểm nhà thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở (Nhà A Ngọc Khánh)	
3	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể Thành Công, phường Giảng Võ	2-6	Tường xây chịu lực + Lắp ghép tấm lớn	Khu chung cư có nhà thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở (Nhà G6A Thành Công)	
4	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể ban vật giá Chính phủ và tập thể Bộ Tư pháp, phường Ngọc Hà	4-5	Khung BTCT +Tường gạch kết hợp BTCT	Khu chung cư có nhà thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở (Tập thể Bộ Tư pháp, ngõ 35 Kim Mã Thượng)	
5	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể 3 tầng, phường Hà Đông (đường Lê Hồng Phong, phường Hà Đông)	3		Đã có KL thuộc diện phá dỡ theo khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở (VB số 18408/SXD-GĐCL ngày 23/12/2025)	Đã được chấp thuận TMB tại VB số 2553/QHCT-TMB-PAKT-P1-HTKT ngày 07/5/2018 của Sở QH-KT
6	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể 51 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng	5		Nhà chung cư thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở	Đã có QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời lựa chọn nhà đầu tư số 519/QĐ-UBND ngày 24/01/2025; dự án đang hoàn thành GPMB, dự kiến khởi công trong Quý I/2026

TT	TÊN DỰ ÁN	Số tầng	Loại nhà	Kết quả kiểm định (cấp độ nguy hiểm)	Ghi chú
7	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể 148-150 phố Sơn Tây, phường Ba Đình	4	Tường xây chịu lực	Nhà chung cư thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở	Đã có QĐ giao chủ đầu tư tại QĐ số 2430/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 (Công ty CP PCCC & ĐTXD Sông Đà); UBND quận Ba Đình trước đây đã có VB số 1502/UBND-QLĐT 30/10/2015 chấp thuận ĐTDA; Đến nay CĐT chưa hoàn thành lập, phê duyệt QHCT, chưa được phê duyệt PA BT,HT,TĐC.
8	Dự án cải tạo, xây dựng lại khu tập thể 15c Trần Khánh Dư, phường Cửa Nam (Khu tập thể Bảo hiểm Bảo Việt và Quân đội)	5		Nhà chung cư thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở	VB kết luận nhà thuộc diện phá dỡ số 11349/SXD-GĐCL ngày 28/8/2025
9	Dự án cải tạo, xây dựng lại khu tập thể 23 Hàng Tre - 162 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm	5		Nhà chung cư thuộc diện phá dỡ theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Nhà ở	VB kết luận nhà thuộc diện phá dỡ số 9493/SXD-GĐCL ngày 25/7/2025

PHỤ LỤC 4B.
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY DỰNG LẠI NHÀ CHUNG CƯ CŨ ĐANG TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố)

TT	NHÀ/KHU CHUNG CƯ CŨ	CHỦ ĐẦU TƯ/NHÀ ĐẦU TƯ ĐỀ XUẤT	QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ/CHẤP THUẬN CHỦ ĐẦU TƯ/VB PHÁP LÝ TƯƠNG ĐƯƠNG	TIẾN ĐỘ ĐƯỢC GIAO	TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DỰ ÁN	GHI CHÚ
1	Dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư số 51 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (nay là phường Láng)	Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Bách Khoa	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND Thành phố	Quý IV/2024-Quý IV/2027	Dự án đang thực hiện công tác GPMB để khởi công.	Dự kiến khởi công trong Quý I/2026
2	Dự án cải tạo, xây dựng lại Khu tập thể Viện tư liệu phim Việt Nam - The Boulevard tại số 22 phố Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình (nay là phường Ngọc Hà)	Công ty TNHH Đầu tư & Kinh doanh bất động sản Việt Úc	(1) Quyết định số 4587/QĐ-UBND ngày 31/8/2018, (2) Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1626/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	Hoàn thành Quý III/2026	Đã khởi công vào đầu tháng 01/2026	
3	Dự án xây dựng cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Dịch vụ vận tải Đường Sắt, số 1 phố Định Công, phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai (nay là phường Phương Liệt)	Liên danh Công ty CP dịch vụ vận tải Đường sắt và Công ty CP đầu tư xây dựng phát triển kiến trúc Hà Nội	(1) Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 (2) QĐ điều chỉnh số 1614/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	Quý II/2021 - Quý IV/2026	Đang thi công xây dựng	Dự kiến hoàn thành trong Quý IV/2026
4	Dự án cải tạo, xây dựng nhà ở cao tầng A & B Khu tập thể Nghĩa Đô, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội (nay là phường Nghĩa Đô)	Liên danh: Công ty TNHH Thủ đô II (đại diện LD); Công ty TNHH MTV Quản lý và PT Nhà HN; Công ty CP Nhật Quân Anh.	(1) Văn bản số 2231/UBND-SXD ngày 28/3/2013 của UBND Thành phố về việc chấp thuận đầu tư Dự án cải tạo, xây dựng nhà A&B KTT Nghĩa Đô, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy (2) Văn bản số 6457/UBND-ĐT ngày 19/12/2017 của UBND Thành phố v/v chấp thuận điều chỉnh nội dung VB số 2231/UBND-SXD ngày 28/3/2013	Hoàn thành Quý IV/2019	Dự án chưa hoàn thành công tác lập, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Chủ đầu tư đang thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh liên danh nhà đầu tư và tiến độ dự án)	
5	Dự án phá dỡ nhà nguy hiểm và xây dựng mới tại 225 phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ (nay là phường Tây Hồ)	Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội	(1) Quyết định số 405/QĐ-KH&ĐT ngày 07/11/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt báo cáo đầu tư Dự án phá dỡ nhà nguy hiểm và xây dựng mới tại 225 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội. (2) Quyết định số 384/QĐTNMTNĐ ngày 07/6/2005 của Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư	Quý III/2005- Quý III/2006	Dự án đã hoàn thành phần thô, hiện đang xin bố trí vốn để tiếp tục triển khai, hoàn thiện	

6	Dự án cải tạo, xây dựng lại khu tập thể Nguyễn Công Trứ, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng (nay là phường Hai Bà Trưng)	Liên danh Công ty CP đầu tư xây dựng phát triển nhà số 7 Hà Nội và Công ty TNHH Thanh Xuân Bắc	Văn bản số 3553/UB-XĐĐT ngày 25/12/2002 của UBND Thành phố		Nhà N3 trên nền 02 tòa chung cư cũ A1 và A2, đã bàn giao tái định cư; phần còn lại của dự án đang tạm dừng triển khai. Hiện nay, UBND TP đã giao Sở Tài chính tiếp thu chỉ đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND Thành phố tại Nghị quyết số 33-NQ/ĐU ngày 20/6/2025; tham mưu, đề xuất, báo cáo UBND Thành phố theo quy định (dừng thực hiện dự án và cơ chế hỗ trợ).	
7	Nhà chung cư 23 Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm (nay là phường Cửa Nam)	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Tam Sơn	(1) GCN đầu tư số 01121001696 ngày 28/3/2014; (2) Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 3210/QĐ-UBND ngày 14/06/2019	Hoàn thành Quý IV/2021	Nhà đầu tư chưa hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	
8	Nhà 148-150 Sơn Tây, quận Ba Đình (nay là phường Ba Đình)	Công ty cổ phần PCCC và ĐTXD Sông Đà	(1) Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 của UBND Thành phố. (2) Văn bản số 1502/UBND-QLĐT ngày 30/10/2015 của UBND quận Ba Đình v/v chấp thuận đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư nguy hiểm số 148-150 Sơn Tây.	2015-2017	Chủ đầu tư chưa hoàn thành lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết và lập, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	

PHỤ LỤC 4C.
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẢI TẠO, XÂY DỰNG LẠI CÁC KHU/ NHÀ CHUNG CƯ CŨ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

I. DANH MỤC CÁC KHU CHUNG CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Tên Chung cư	Số tầng	Số đơn nguyên	Năm xây dựng	Loại nhà	Kết quả kiểm định (cấp độ nguy hiểm)	Năm kiểm định chi tiết	Đã/chưa có TBKL kiểm định	Ghi chú	
A	PHƯỜNG ĐỒNG ĐÀ									
I	Khu tập thể Nam Đồng									
1	Nhà TT B1 TT Nam Đồng	5	3			B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 10 Hồ Đắc Di	VB 7261/CV-HĐKĐ
2	Nhà TT B13 TT Nam Đồng	3	1			B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 10 Hồ Đắc Di	VB 7261/CV-HĐKĐ
	Khu Tập thể HVKTQS									
3	Nhà A1 TT HVKTQS	5	1			B	2025	Đã có TBKL	213 Phố Xã Đàn	VB 7261/CV-HĐKĐ
4	Nhà A2 TT HVKTQS	5	1			B	2025	Đã có TBKL	213 Phố Xã Đàn	VB 7261/CV-HĐKĐ
5	Nhà A3 TT HVKTQS	5	1			B	2025	Đã có TBKL	213 Phố Xã Đàn	VB 7261/CV-HĐKĐ
6	Nhà A4 TT HVKTQS	5	2			Chưa kiểm định			213 Phố Xã Đàn	
7	Nhà B1 TT HVKTQS	3	1			Chưa kiểm định			Tập thể Viện KT Cơ Giới QS, cạnh Chùa Xã Đàn	
II	Khu tập thể Bộ Công an									
8	Khu C - Đơn nguyên 1 TT Bộ Công an	3	1			C	2017	Đã có TBKL	Ngõ 31 Hoàng Cầu	KL KĐ có 1 nhà ngõ Hoàng Cầu gồm 2 ĐN
9	Khu C - Đơn nguyên 2 TT Bộ Công an	3	1			C	2017	Đã có TBKL	Ngõ 31 Hoàng Cầu	KLKĐ có 1 nhà ngõ Hoàng Cầu gồm 2 ĐN
10	Khu D TT Bộ Công An	3	1			Chưa kiểm định			Ngõ 31 Hoàng Cầu	
III	Khu Tập thể Vĩnh Hồ									
11	A1 Vĩnh Hồ	4	2			Chưa kiểm định			Phố Vĩnh Hồ	
12	A2 Vĩnh Hồ	4	2			C	2016	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT 63 PLI KH 334
13	A3 Vĩnh Hồ	4	2			Chưa kiểm định			Phố Vĩnh Hồ	
14	A4 Vĩnh Hồ	4	2			B	2025	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	VB 7261/CV-HĐKĐ
15	A5 Vĩnh Hồ	4	2			Chưa kiểm định			Phố Vĩnh Hồ	
16	B1 Vĩnh Hồ	5	2			C	2016	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT64 PLI KH 334
17	B2 Vĩnh Hồ	5	2			B	2025	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	VB 7261/CV-HĐKĐ
18	B3 Vĩnh Hồ	5	2			Chưa kiểm định			Phố Vĩnh Hồ	
19	C1 Vĩnh Hồ	4	3			Chưa kiểm định			Phố Thái Thịnh	
20	C2 Vĩnh Hồ	5	2			Chưa kiểm định			Phố Thái Thịnh	
21	D7 Vĩnh Hồ	5	2			B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	VB 7261/CV-HĐKĐ
22	D8 Vĩnh Hồ	5	2			B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	VB 7261/CV-HĐKĐ
23	D9 Vĩnh Hồ	5	2			B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	VB 7261/CV-HĐKĐ
24	D10 Vĩnh Hồ	5	1			B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	VB 7261/CV-HĐKĐ

25	D11 Vĩnh Hồ	5	2			B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	VB 7261/CV-HĐKD
26	C3 Vĩnh Hồ	4	2			C	2015	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	TT20 PLI KH 334
27	C4 Vĩnh Hồ	4	3			Chưa kiểm định			Phố Thái Thịnh	
28	C5 Vĩnh Hồ	4	3			C	2015	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	TT27 PLI KH 334
29	A6 Vĩnh Hồ	4	2			C	2015	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT17 PLI KH 334
30	A7 Vĩnh Hồ	5	2			C	2015	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT18 PLI KH 334
31	A8 Vĩnh Hồ	5	3			C	2015	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT19 PLI KH 334
32	B5 Vĩnh Hồ	5	4			B	2025	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	VB 7261/CV-HĐKD
33	B6 Vĩnh Hồ	4	2			C	2015	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT25 PLI KH 334
34	B7 Vĩnh Hồ	4	2			C	2015	Đã có TBKL	Phố Vĩnh Hồ	TT26 PLI KH 334
IV	Khu tập thể Yên Lãng									
35	V1 Yên lãng	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			111 Yên Lãng	
36	V2 Yên lãng	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			111 Yên Lãng	
37	V3 Yên lãng	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			111 Yên Lãng	
38	M1 Yên Lãng	2	3			Đã KD, đang chờ kết quả			Ngõ Thái Thịnh 1	
39	M2 Yên Lãng	2	3			Đã KD, đang chờ kết quả			Ngõ Thái Thịnh 1	
40	M3 Yên Lãng	2	3			Đã KD, đang chờ kết quả			Ngõ Thái Thịnh 1	
41	M4 Yên Lãng	2	1		Tường xây chịu lực	Đã KD, đang chờ kết quả			Ngõ Thái Thịnh 1	
42	F1 Yên Lãng	2	2			Đã KD, đang chờ kết quả			Cuối ngõ 67 Phố Thái Thịnh	
43	F2 Yên Lãng	2	2			Đã KD, đang chờ kết quả			Cuối ngõ 67 Phố Thái Thịnh	
44	F3 Yên Lãng	2	2			Chưa kiểm định			Cuối ngõ 67 Phố Thái Thịnh, Cơ bản đã hoàn cải thành nhà riêng lẻ	
45	F4 Yên Lãng	2	2			Đã KD, đang chờ kết quả			Cuối ngõ 67 Phố Thái Thịnh	
46	K9 Yên Lãng	2	2			Chưa kiểm định			Ngõ 318 Đường Láng, Cơ bản đã hoàn cải thành nhà riêng lẻ.	
47	K10 Yên Lãng	2	2			Đã KD, đang chờ kết quả			Ngõ 318 Đường Láng	
48	K11 Yên Lãng	2	2			Đã KD, đang chờ kết quả			Ngõ 318 Đường Láng	
V	Khu Tập thể thăm May - Ngõ 155 Đặng Tiến Đông									
49	Tập thể Thăm may A1	4				Chưa kiểm định				
50	Tập thể Thăm may A2	4				Chưa kiểm định				
VI	Khu tập thể Thái Thịnh									
51	A49 Thái Thịnh	3	4			Chưa kiểm định			Phố Thái Thịnh	

52	E1 Thái Thịnh (E1 Vĩnh Hồ)	5			Gạch + Panel	C	2015	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh, Đoạn giao phố Yên Lãng	TT15 PLI KH 334
53	E2 Thái Thịnh	5			Gạch + Panel	Chưa kiểm định			Phố Thái Thịnh, Đoạn giao phố Yên Lãng	
54	E3 Thái Thịnh (E3 Vĩnh Hồ)	5			Gạch + Panel	C	2015	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh, Đoạn giao phố Yên Lãng	TT16 PLI KH 334
55	E4 Thái Thịnh	5			Gạch + Panel	C	2015	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh, Đoạn giao phố Yên Lãng	TT24 PLI KH 334
56	E5 Thái Thịnh	5	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Phố Thái Thịnh	
57	E6 Thái Thịnh	3	1		Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh	VB 7261/CV-HĐKD
58	E6B Thái Thịnh	2	1		Gạch + Panel	B	2025	Đã có TBKL	Phố Thái Thịnh, (mặt sau tiếp giáp Nguyễn Văn Tuyết)	VB 7261/CV-HĐKD
59	G1 - phố Thái Thịnh	3			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
60	G2- phố Thái Thịnh	3			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
61	G3- phố Thái Thịnh	3			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
62	C1 -Tập thể đo đạc bản đồ, Phố Thái Thịnh	2			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
63	C2-Tập thể đo đạc bản đồ, Phố Thái Thịnh	2			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
64	C3-Tập thể đo đạc bản đồ, Phố Thái Thịnh	2			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
65	C4-Tập thể đo đạc bản đồ, Phố Thái Thịnh	2			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
66	C5-Tập thể đo đạc bản đồ, Phố Thái Thịnh	2			Gạch + Panel	Chưa kiểm định				
67	Nhà K Tập thể viện kiểm sát - phố Thái Thịnh	4	2			B	2017	Đã có TBKL		TT145 PLI KH 334
VII	Khu tập thể Tổng cục Đo đạc - ngõ 105 Láng Hạ									
68	Nhà A1	2				Chưa kiểm định				
69	Nhà A2	2				Chưa kiểm định				
70	Nhà A5	2				Chưa kiểm định				
71	Nhà A6	2			2	Chưa kiểm định				
B	PHƯỜNG LÁNG									
I	Khu tập thể Nam Thành Công									
1	B1 Nam Thành Công (B1 Báo nhân dân)- B1 Huỳnh Thúc Kháng	5	3	1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	Số 7 hẻm thóc kháng + ngõ 9 Huỳnh thóc kháng	VB 7261/CV-HĐKD
2	B2 Nam Thành Công (B2 Huỳnh Thúc Kháng)	4	2	1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 9 Huỳnh Thúc kháng gần B1 báo nhân dân, B3	VB 7261/CV-HĐKD
3	B3 Nam Thành Công (B3 Huỳnh Thúc Kháng)	4	2	1986	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 5 Huỳnh Thúc kháng gần B1 báo nhân dân, B2	VB 7261/CV-HĐKD

4	B4 Nam Thành Công (B4 Bộ Ngoại giao) - Ngõ 10- 8A Hoàng Ngọc Phách	5	2	1989	Tường xây chịu lực	C	2016	Đã có TBKL		TT71 PLI KH 334
5	B5 Nam Thành Công (B5 Bộ Khoa học công nghệ, ngõ 8B Hoàng Ngọc Phách)	5	3	1989	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		VB 7261/CV-HĐKD
6	B5 In ngân hàng TW-ngõ 8A Hoàng Ngọc Phách + ngõ 47 Nguyễn Hồng	5	2		Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		VB 7261/CV-HĐKD
7	B5 Ngân Hàng-Ngõ 10 Hoàng Ngọc Phách + ngõ 47 Nguyễn Hồng	5	1		Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		VB 7261/CV-HĐKD
8	B6 Nam Thành Công (B6 TW Đoàn) - Đường Hoàng Ngọc Phách	4	2	1992	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		VB 7261/CV-HĐKD
9	B7 Nam Thành Công (B7 Ban cơ yếu chính phủ)-Ngõ 8 Hoàng Ngọc Phách	5	3	1990	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		VB 7261/CV-HĐKD
10	B8 Nam Thành Công	5	2	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Mặt đường - ngõ 8A Hoàng Ngọc Phách	VB 7261/CV-HĐKD
11	B9 Nam Thành Công, ngõ 20 Láng Hạ	5	3	1989	Khung BTCT	C	2019	Đã có TBKL	Ngõ 20 Láng Hạ	TT2 PL2 KH 334
12	B10 Nam Thành Công	5	3	1990	Khung BTCT	C	2008		Ngõ 20 Láng Hạ	
13	B21 Nam Thành Công	5	3		Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	ngõ 45+47 Phố Nguyễn Hồng	VB 7261/CV-HĐKD
14	B26 Nam Thành Công	5	5	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	47 Phố Nguyễn Hồng	VB 7261/CV-HĐKD
15	C1 Nam Thành Công	5				C	2008		Hoàng ngọc phách	
16	C1B Nam Thành Công	5	2	1990	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 1 + ngõ 9 hoàng Ngọc Phách	VB 7261/CV-HĐKD
17	C1C Nam Thành Công	3	2		Khung BTCT	Chưa kiểm định			36-38 Láng Hạ	
18	C2 Nam Thành Công	5	3	1987	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	khoảng số 10 Vũ Ngọc Phan	VB 7261/CV-HĐKD
19	C3 Nam Thành Công (C3 Viện nghiên cứu khoáng sản)	5	3	1990	Khung BTCT	B	2016	Đã có TBKL	Phía trước nhà C1, đầu hồi bên phải giáp Hoàng ngọc Phách	TT69 PLI KH 334
20	C4 Nam Thành Công (Tập thể Viện máy công cụ và dụng cụ - C4 Vũ Ngọc Phan)	5	3	1986	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 4 Vũ ngọc phan	VB 7261/CV-HĐKD
21	C5A Nam Thành Công	5	2	1991	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 17 Hoàng Ngọc Phách	VB 7261/CV-HĐKD
22	C6 Nam Thành Công	3	4	1985	Khung BTCT	Chưa kiểm định			Ngõ 17 Hoàng Ngọc Phách	
23	C5B Nam Thành Công	5	3	1990	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	khoảng số 12 Vũ Ngọc Phan - gần C2	VB 7261/CV-HĐKD
24	C7 Nam Thành Công	5	3	1990	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Gần ngõ 17 Hoàng Ngọc Phách	VB 7261/CV-HĐKD
25	C9 Nam Thành Công	5	3	1988	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Ngõ 71 Nguyễn Hồng + Phố Nguyễn Hồng + Hoàng Ngọc Phách	VB 7261/CV-HĐKD
26	C9B Nam Thành Công	5	3	1990	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	19-21 Hoàng Ngọc Phách	VB 7261/CV-HĐKD

53	Nhà A1 115 Ao Cà - Ngõ 1150 đường Láng	3	1			Chưa kiểm định				
54	Nhà A2 115 Ao Cà - Ngõ 1150 đường Láng	3	1			Chưa kiểm định				
XI	Khu Tập thể Cục lưu trữ Quốc gia - Ngách 1194/149+155+159 đường Láng									
55	A1 Dự trữ Quốc gia	2		Trước 1994		Chưa kiểm định				
56	A2 Dự trữ Quốc gia	2		Trước 1994		Chưa kiểm định				
XII	Khu tập thể Viện khoa học									
57	TT Viện khoa học công nghệ GTVT (TT Viện TKGTVT) - ngách 1194/61 đường Láng	4	2	1986		C	2016	Đã có TBKL		TT62 PLI KH 334
58	Viện Khoa học Thủy lợi - Ngõ 1194	3	3	1986		Chưa kiểm định				
C	PHƯỜNG KIM LIÊN									
I	Khu tập thể Khương Thượng									
1	C1 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT4 VB 7261/CV-HĐKĐ
2	C2 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT5 VB 7261/CV-HĐKĐ
3	C3 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT6 VB 7261/CV-HĐKĐ
4	C5 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT7 VB 7261/CV-HĐKĐ
5	C6 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT8 VB 7261/CV-HĐKĐ
6	C7 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT9 VB 7261/CV-HĐKĐ
7	C9 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT10 VB 7261/CV-HĐKĐ
8	C10 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT11 VB 7261/CV-HĐKĐ
9	C11 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT12 VB 7261/CV-HĐKĐ
10	C15 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT13 VB 7261/CV-HĐKĐ
11	C16 Khương Thượng	2	2	Trước 1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT14 VB 7261/CV-HĐKĐ
12	D1 Khương Thượng- TT Bộ thương mại - số 22 phố Tôn Thất Tùng	5	1	1985		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT2 VB 7261/CV-HĐKĐ
13	A1 Khương Thượng	5	2	1979		C	2015	Đã có TBKL	2015	TT14 PLI KH 334
14	A2 Khương Thượng	5	4	1978		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT57 VB 6521/CV-HĐKĐ
15	A3 Khương Thượng	5	2	1984		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT58 VB 6521/CV-HĐKĐ
16	A4 Khương Thượng	4	2	1982		C			2008	
17	A5 Khương Thượng	4	2	1984		C			2008	
18	A6 Khương Thượng	4	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT59 VB 6521/CV-HĐKĐ
19	A7 Khương Thượng	4	2	1975		C			2008	
20	A8 Khương Thượng	4	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT60 VB 6521/CV-HĐKĐ
21	A9 Khương Thượng	5	1	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT61 VB 6521/CV-HĐKĐ
22	A10 Khương Thượng	5	1	1981		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT54 VB 6521/CV-HĐKĐ
23	A11 Khương Thượng	5	2	1982		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT55 VB 6521/CV-HĐKĐ
24	A12 Khương Thượng	5	6	1984		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT56 VB 6521/CV-HĐKĐ
25	B1 Khương Thượng	5	2	1984		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT63 VB 6521/CV-HĐKĐ
26	B2 Khương Thượng	5	2	1984		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT64 VB 6521/CV-HĐKĐ
27	B3 Khương Thượng	5	2	1984		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT65 VB 6521/CV-HĐKĐ

28	B4 Khương Thượng	5	2	1984		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT66 VB 6521/CV-HĐKĐ
29	E4 Khương Thượng (TT ĐH Y)	4	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT62 VB 6521/CV-HĐKĐ
30	H1 Viện Năng lượng - ngõ 6 Tôn thất tùng					Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
31	C3 Khương Thượng - Ngã Tư Sở	3	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
32	C4 Khương Thượng - Ngã Tư Sở	4	1	1980		Chưa kiểm định				
33	C Khương Thượng	2	1			B	2025	Đã có TBKL	Phường Kim liên đề xuất: đưa ra khỏi DM do Đất nhà SHCD và nhà liên kế dân cư.	TT3 VB 7261/CV-HĐKĐ
II	Khu tập thể Kim Liên								2012	
34	B1 Kim Liên	4	2	1965		B			2012	
35	B2 Kim Liên	4	2	1965		B			2012	
36	B3 Kim Liên	4	2	1965		B			2012	
37	B5 Kim Liên	4	2	1967		B			2012	
38	B6 Kim Liên	4	2	1967		B			2012	
39	B8 Kim Liên	4	2	1968		B			2012	
40	B8A Kim Liên	5	2	1970		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT27 VB 6521/CV-HĐKĐ
41	B8B Kim Liên	5	2	1970		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT28 VB 6521/CV-HĐKĐ
42	B9 Kim Liên	4	2	1965		B			2012	
43	B11 Kim Liên	4	2	1965		B			2012	
44	B12 Kim Liên	4	2	1965		B			2012	
45	B13 Kim Liên	4	2	1966		C			B-2012	
46	B15 Kim Liên	4	3	1970		C	2016	Đã có TBKL		TT72 PLI KH 334
47	B15B Kim Liên	4	1	1970		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT23 VB 6521/CV-HĐKĐ
48	B16 Kim Liên	4	3	1970		C	2016	Đã có TBKL		TT73 PLI KH 334
49	B18 Kim Liên	4	3	1970		C	2016	Đã có TBKL		TT74 PLI KH 334
50	B19 Kim Liên	4	3	1970		C	2017	Đã có TBKL		TT146 PLI KH 334
51	B20 Kim Liên - TT Bộ Xây dựng	5	2	1970		B	2017	Đã có TBKL		TT147 PLI KH 334
52	B20A Kim Liên - TT Bộ Xây dựng	2	1	1970		B	2025	Đã có TBKL	2017- TT Y tế Quận	TT1 VB 7261/CV-HĐKĐ
53	B21 Kim Liên	5	2	1976		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT24 VB 6521/CV-HĐKĐ
54	B22 Kim Liên	5	2	1976		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT25 VB 6521/CV-HĐKĐ
55	B24 Kim Liên	6	2	1976		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT26 VB 6521/CV-HĐKĐ
56	C1 Kim Liên	4	2	1970		C	2022	Đã có TBKL	2008-2022	TT18 VB 2058/SXD-GĐXD
57	C2 Kim Liên	4	2	1970		C	2022	Đã có TBKL	2008-2023	TT19 VB 2058/SXD-GĐXD
58	C3 Kim Liên	4	3	1970		C			2008	
59	C4 Kim Liên	4	3	1974		C	2017	Đã có TBKL		TT148 PLI KH 334
60	C5 Kim Liên	4	3	1974		C	2017	Đã có TBKL		TT149 PLI KH 334
61	C6 Kim Liên	4	3	1970		C			2008	
62	C7 Kim Liên	4	3	1970		C	2017	Đã có TBKL		TT150 PLI KH 334
63	C8 Kim Liên	4	3	1970		C	2017	Đã có TBKL		TT151 PLI KH 334
64	C9 Kim Liên	4	3	1970		C	2017	Đã có TBKL		TT152 PLI KH 334

65	C10 Kim Liên	4	3	1970		C	2017	Đã có TBKL		TT153 PLI KH 334
66	C11 Kim Liên	4	3	1970		C			2008	
67	C12 Kim Liên	4	3	1970		C	2017	Đã có TBKL	2008	TT154 PLI KH 334
68	C13A Kim Liên	4	2	1976		C	2022	Đã có TBKL	2008-2022	TT20 VB 2058/SXD-GĐXD
69	C13B Kim Liên	5	1	1976		B			2008	
70	C14 Kim Liên	5	2	1976		C	2017	Đã có TBKL		TT155 PLI KH 334
71	C15 Kim Liên	5	2	1976		B	2017	Đã có TBKL	C-2017	TT157 PLI KH 334
72	H1 Kim Liên	4	1			Chưa kiểm định				
73	H2 Kim Liên	2	4			Chưa kiểm định				
74	H3 Kim Liên	2	1			Chưa kiểm định				
75	H4 Kim Liên	2	1			Chưa kiểm định				
76	H6 Kim Liên - Viện TK Nông nghiệp	3	1	1980		Chưa kiểm định				
III	Khu tập thể Trung Tự									
77	A1 - TT Cơ khí Tam Hiệp-46 Phạm Ngọc Thạch		1			Chưa kiểm định			Bổ sung - Đã ký HĐ	
78	TT Giáo dục		1			Chưa kiểm định			Bổ sung - Đã ký HĐ	
79	A1 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT29 VB 6521/CV-HĐKĐ
80	A2 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT30 VB 6521/CV-HĐKĐ
81	B1 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT31 VB 6521/CV-HĐKĐ
82	B2 Trung Tự	5	1	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT32 VB 6521/CV-HĐKĐ
83	B3 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT33 VB 6521/CV-HĐKĐ
84	B4 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT34 VB 6521/CV-HĐKĐ
85	B5 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT35 VB 6521/CV-HĐKĐ
86	B6 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT36 VB 6521/CV-HĐKĐ
87	C1 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT37 VB 6521/CV-HĐKĐ
88	C2 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT38 VB 6521/CV-HĐKĐ
89	C3 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT39 VB 6521/CV-HĐKĐ
90	C4 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT40 VB 6521/CV-HĐKĐ
91	C5 Trung Tự	5	4	1972		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT41 VB 6521/CV-HĐKĐ
92	C6 Trung Tự	5	1	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT42 VB 6521/CV-HĐKĐ
93	D1 Trung Tự	5	3	1975		C	2016	Đã có TBKL		TT55 PLI KH 334
94	D2 Trung Tự	5	1	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT43 VB 6521/CV-HĐKĐ
95	D3 Trung Tự	5	2	1978		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT44 VB 6521/CV-HĐKĐ
96	D4 Trung Tự	5	2	1974		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT45 VB 6521/CV-HĐKĐ
97	D5 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT46 VB 6521/CV-HĐKĐ
98	D6 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT47 VB 6521/CV-HĐKĐ
99	D7 Trung Tự	5	1	1974		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT48 VB 6521/CV-HĐKĐ
100	D8 Trung Tự	5	2	1975		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT49 VB 6521/CV-HĐKĐ
101	D9 Trung Tự	5	1	1975		B	2016	Đã có TBKL		TT56 PLI KH 334
102	E5 Trung Tự	5	2	1977		C	2016	Đã có TBKL		TT57 PLI KH 334
103	E5B Trung Tự	5	1	1980		B	2016	Đã có TBKL		TT58 PLI KH 334
104	E6 Trung Tự	5	2	1978		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT50 VB 6521/CV-HĐKĐ
105	G1 Trung Tự	5	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT51 VB 6521/CV-HĐKĐ
106	G2 Trung Tự	5	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT52 VB 6521/CV-HĐKĐ
107	G3 Trung Tự	5	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2022	TT52 VB 6521/CV-HĐKĐ

IV	Khu tập thể Nam Đồng - phường Kim Liên								
108	A1 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT4 PL2 KH 334
109	A2 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT5 PL2 KH 334
110	A3 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT6 PL2 KH 334
111	A4 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT7 PL2 KH 334
112	A5 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT8 PL2 KH 334
113	A6 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT9 PL2 KH 334
114	A7 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT10 PL2 KH 334
115	A8 TT Nam Đồng	4	2	1960		C	2019	Đã có TBKL	TT11 PL2 KH 334
116	A15 TT Nam Đồng	3	3	1960		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT68 VB 7261/CV-HĐKĐ
117	A17 TT Nam Đồng	2	1	1960		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT69 VB 7261/CV-HĐKĐ
118	C1 TT Nam Đồng	5	3	1960		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT70 VB 7261/CV-HĐKĐ
119	C2 TT Nam Đồng	5	3	1960		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT71 VB 7261/CV-HĐKĐ
120	C3 TT Nam Đồng	5	3	1960		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT72 VB 7261/CV-HĐKĐ
121	C4 TT Nam Đồng	5	1	1960		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT73 VB 7261/CV-HĐKĐ
122	D1 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT74 VB 7261/CV-HĐKĐ
123	D2 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT75 VB 7261/CV-HĐKĐ
124	D3 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT76 VB 7261/CV-HĐKĐ
125	D4 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT77 VB 7261/CV-HĐKĐ
126	D9 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT78 VB 7261/CV-HĐKĐ
127	D10 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT79 VB 7261/CV-HĐKĐ
128	D11 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT80 VB 7261/CV-HĐKĐ
129	D12 TT Nam Đồng	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023 TT81 VB 7261/CV-HĐKĐ
130	K15 TT Nam Đồng	2	2			B	2025	Đã có TBKL	2023 TT84 VB 7261/CV-HĐKĐ
131	TT 5B (Tây Sơn Tập thể Đại học công Đoàn -ngõ 167 Quang Trung)		1			C	2015	Đã có TBKL	Bổ sung TT23 PLI KH 334
132	Nhà Y -TT Đại học Công Đoàn					Chưa kiểm định			Bổ sung - Đã ký HĐ
V	KTT Khách sạn Kim Liên								
133	1A - TT Khách sạn Kim Liên ngõ 78 đường Giải Phóng (Nhà A Thú y)	5	1	1980		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai
134	1B - TT Viện thiết kế nông nghiệp	6	1	1980		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai.
135	2A	5		<1994		Chưa kiểm định			
136	A12 - Khách sạn Kim Liên - Phương Mai	3	3	1970		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai
137	Nhà tập thể In nông nghiệp	3		1970		Chưa kiểm định			
138	Nhà A	5		<1994		Chưa kiểm định			
VI	Khu tập thể Văn phòng Chính phủ								
139	A3 - TT VP Chính phủ - Phương Mai	4		1980		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai (Thuộc khu TT Phương Mai)
140	A7 - TT VP Chính phủ	4		1970		B			2012 (Thuộc khu TT Phương Mai)

141	A8 - TT VP Chính phủ					B			2013 (Thuộc khu TT Phương Mai)	
VII	Khu tập thể Bệnh viện Bạch Mai									
142	B3 Bộ Y tế	2	1	<1994		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
143	B7	2		<1994		Chưa kiểm định				
144	B8 - TT Bệnh Viện Bạch Mai	2		<1994		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
145	B9 - TT Bệnh Viện Bạch Mai	2		<1994		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
146	B10 - TT Bệnh Viện Bạch Mai	3	2	<1994		Chưa kiểm định			Bổ sung	
147	B12 - TT Bệnh Viện Bạch Mai	3		<1994		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
148	B13 - Bệnh viện Bạch Mai	2		<1994		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
149	B14 - Bệnh viện Bạch Mai	2		<1994		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
150	A1 - Bệnh viện Bạch Mai	5		<1994		Chưa kiểm định				
VIII	Khu tập thể Phương Mai									
151	D1 Phương Mai	5	2	1986		B	2016	Đã có TBKL		TT54 PLI KH 334
152	D2A Phương Mai	5	1	1986		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT34 VB 7261/CV-HĐKĐ
153	D2B Phương Mai	5	1	1984		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT35 VB 7261/CV-HĐKĐ
154	D2C Phương Mai	5	1	1985		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT36 VB 7261/CV-HĐKĐ
155	D2D Phương Mai	5	1	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT47 VB 7261/CV-HĐKĐ
156	D3 Phương Mai	6	4	1982		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT48 VB 7261/CV-HĐKĐ
157	D4 Phương Mai	4	2	1986		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT49 VB 7261/CV-HĐKĐ
158	D5 Phương Mai	6	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT37 VB 7261/CV-HĐKĐ
159	D6 Phương Mai	5	2	1986		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT50 VB 7261/CV-HĐKĐ
160	D7 Phương Mai - TT Bộ Nông nghiệp (Gia cầm)	6	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT51 VB 7261/CV-HĐKĐ
161	Đ7 Phương Mai	5		<1994		Chưa kiểm định				
162	D8B Phương Mai	5	2	1982		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT38 VB 7261/CV-HĐKĐ
163	D9 Phương Mai	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT52 VB 7261/CV-HĐKĐ
164	D14 Phương Mai	5	2	1986		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT67 VB 7261/CV-HĐKĐ
165	D16 Phương Mai - Cty ong	4	1	1976		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT53 VB 7261/CV-HĐKĐ
166	D17 Phương Mai - Cty ong	5	1	1976		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT54 VB 7261/CV-HĐKĐ
167	D18	5		<1994		Chưa kiểm định				
168	E1 Phương Mai - Bộ Công nghiệp	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT55 VB 7261/CV-HĐKĐ
169	E1B Phương Mai	6	1	1985		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT39 VB 7261/CV-HĐKĐ
170	E2 - Phương Mai	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT56 VB 7261/CV-HĐKĐ
171	E2B	5	4	1976		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT64 VB 7261/CV-HĐKĐ
172	E3	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT57 VB 7261/CV-HĐKĐ
173	E4	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT58 VB 7261/CV-HĐKĐ
174	E5 Phương Mai	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT59 VB 7261/CV-HĐKĐ
175	E6 - Phương Mai	5		1970		B			2009	

176	E5 Lắp ghép phương mai	2	1	1965		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT66 VB 7261/CV-HĐKĐ
177	E7	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT60 VB 7261/CV-HĐKĐ
178	E7 lắp ghép 1	2		1970		Chưa kiểm định				
179	E7 lắp ghép 2	2		1970		Chưa kiểm định				
180	E7 lắp ghép 3	2		1970		Chưa kiểm định				
181	E8	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT61 VB 7261/CV-HĐKĐ
182	E9	5	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT62 VB 7261/CV-HĐKĐ
183	E10	4	3	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT63 VB 7261/CV-HĐKĐ
184	H1	6		<1994		Chưa kiểm định				
185	H2	6		<1994		Chưa kiểm định				
186	H9A Phương Mai	5	2	1985		B	2025	Đã có TBKL		TT46 VB 7261/CV-HĐKĐ
187	H10	4	1	1985		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT65 VB 7261/CV-HĐKĐ
188	I1 Phương Mai - Thú y	5	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT40 VB 7261/CV-HĐKĐ
189	I2 Phương Mai - Thú y	5	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT41 VB 7261/CV-HĐKĐ
190	I3 Phương Mai - Thú y	6	1	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT42 VB 7261/CV-HĐKĐ
191	I4 Phương Mai - Thú y	6	1	1985		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT43 VB 7261/CV-HĐKĐ
192	I5 Phương Mai - Thú y	3	1	1986		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT44 VB 7261/CV-HĐKĐ
193	I7 Phương Mai - Thú y	5	4	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT45 VB 7261/CV-HĐKĐ
194	TT Điện lực 1	5		1985		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
IX	Khu tập thể Bộ Lao động									
195	T1 - Bộ Lao động	4		1970		B			2008	
196	T2 - Bộ Lao động	5	3	1970		Chưa kiểm định			đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
197	Nhà TT Bộ Lao động thương binh XH					Chưa kiểm định			BS - nằm kẹp giữa nhà T1 BLĐ và nhà	
X	Khu tập thể ngách 12/2 Chùa Bộc									
198	G1 - TT Học viện ngân hàng	5	1	1975		Chưa kiểm định			BS - đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
199	G2 - TT Học viện ngân hàng	5	1	1975		Chưa kiểm định			BS - đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
200	G3 - TT Học viện ngân hàng	5	1	1986		Chưa kiểm định			BS - đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
201	A1 - TT Chùa Bộc (TT Thực phẩm)	5	1	1975		Chưa kiểm định			BS - đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
202	A2 - TT Chùa Bộc (TT Mỹ)	5	1	1975		Chưa kiểm định			BS - đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai	
203	TT Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn	5	1	1975		Chưa kiểm định			Bổ sung	
XI	Khu tập thể ĐH Thủy Lợi									
204	11A - TT ĐH Thủy lợi	5	4	<1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT121 VB 7261/CV-HĐKĐ
205	12A - TT ĐH Thủy lợi	5	1	<1990		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT122 VB 7261/CV-HĐKĐ
206	A1 - Viện KHTL	5	3	1987		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT123 VB 7261/CV-HĐKĐ

207	A2 - Công ty tư vấn Thủy lợi 1	5	5	1987		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT124 VB 7261/CV-HĐKĐ
208	B1 - ĐH Thủy lợi	5	4	<1982		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT125 VB 7261/CV-HĐKĐ
209	5A - TT ĐH Thủy lợi	5		1970		B			2012	
210	6A - TT ĐH Thủy lợi	3		1970		B			2012	
211	7A - TT ĐH Thủy lợi	3	2	<1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT126 VB 7261/CV-HĐKĐ
212	8A - TT ĐH Thủy lợi	3	3	<1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT127 VB 7261/CV-HĐKĐ
213	9A - TT ĐH Thủy lợi	3	3	<1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT128 VB 7261/CV-HĐKĐ
214	13 - TT ĐH Thủy lợi	2	2	1980		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT129 VB 7261/CV-HĐKĐ
215	A10 - TT ĐH Thủy lợi	3	2	1970		B	2025	Đã có TBKL	2023	TT130 VB 7261/CV-HĐKĐ
216	TT Thủy văn - 95 Chùa bực	3				Chưa kiểm định				
D	PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM									
	Khu tập thể Văn Chương									
1	A1 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
2	A2 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
3	A3 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
4	A4 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
5	A5 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
6	A6 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
7	A7 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
8	A8 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
9	A9 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
10	A10 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
11	A11 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
12	A12 - Văn Chương	2	1			Chưa kiểm định				
13	B1 - Văn Chương	3	1			Chưa kiểm định				
14	B2 - Văn Chương	4	1			Chưa kiểm định				
15	D1 Văn Chương	5	1			B	2025	Đã có TBKL		TT32 VB 7261/CV-HĐKĐ
16	E1 - Văn Chương	5	1			B	2025	Đã có TBKL		TT33 VB 7261/CV-HĐKĐ
17	H1 Văn Chương	5	1			Chưa kiểm định				
18	H2 Văn Chương	5	1			Chưa kiểm định				
	Khu tập thể 60 Thổ Quan									
19	Nhà A - 60 Thổ Quan	2	1			C	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7261/CV-HĐKĐ
20	Nhà B - 60 Thổ Quan	2	1			Chưa kiểm định				
21	Nhà C+D - 60 Thổ Quan	2	1			C	2025	Đã có TBKL		TT17 VB 7261/CV-HĐKĐ
22	A1, G5 - 60 Thổ Quan (A3-G5)	5	1			B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7261/CV-HĐKĐ
23	A2 TT Bưu Điện - 60 Thổ Quan	5	1			Chưa kiểm định				
24	A3 TT Bưu Điện	5	1			Chưa kiểm định				
	Khu tập thể 222 Lê Duẩn									
25	Nhà A3 ngõ 222 Lê Duẩn	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				

22	G1 Hào Nam	5	1	1985		C				
23	G2 Hào Nam	5	1	1985		Chưa kiểm định				
24	G3 Hào Nam	2	1	1985		Chưa kiểm định				
25	G4 Hào Nam	2	1	1982		Chưa kiểm định				
26	G5 Hào Nam	2	1	1988		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bộ Tài chính									
27	TT Bộ Tài chính A1	2	1	1980		Chưa kiểm định				
28	TT Bộ Tài chính A2					Chưa kiểm định				
29	TT Bộ Tài chính A3					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể 30B Đoàn Thị Điểm									
30	Tập thể Viện Mô luyện kim - 30B Đoàn Thị Điểm	5	3	1972		Chưa kiểm định				
31	TT Xí nghiệp thăm dò khảo sát - 30B Đoàn Thị Điểm	3	1	1972		C				
	Khu tập thể 52 Đoàn Thị Điểm (TT Viện Năng lượng)									
32	52 Đoàn Thị Điểm (B1 Cát Linh - Ngõ 27)	5	2	1985		B	2017	Đã có TBKL		TT144 PLI KH 334
33	52 Đoàn Thị Điểm (ĐN2)	5	1	1985		C	2017	Đã có TBKL		TT143 PLI KH 334
	Khu tập thể In Ngân Hàng									
34	Nhà A TT In ngân hàng - ngõ Quan Thổ 1	3	1	1980		Chưa kiểm định				
35	Nhà B TT In ngân hàng - ngõ Quan Thổ 1	2	1	1980		Chưa kiểm định				
36	Nhà C TT In ngân hàng	2	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
37	Nhà D TT In ngân hàng	2	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
38	Nhà E TT In ngân hàng - ngõ Quan Thổ 1	3	1	1980		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể UB Kế hoạch Nhà nước									
39	Nhà 71/1 ngõ Thịnh Hào 1	5	1	1980		Chưa kiểm định				
40	Nhà 71/2 ngõ Thịnh Hào 1	5	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
	Khu Tập thể Bưu điện Hoàng Cầu									
41	TT Bưu điện Hoàng Cầu- Ngách 2 ngõ 5 Láng Hạ	4	2			Chưa kiểm định				
42	TT Bưu điện Hoàng Cầu - Ngách 23 Ngõ 5 Láng Hạ	3	2			Chưa kiểm định				
43	TT Bưu điện Hoàng Cầu - Ngách 8 ngõ 5 Láng Hạ	4	4			Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Nhà máy cao su đường sắt									
44	Nhà A - TT nhà máy cao su đường sắt	2	1			Chưa kiểm định				
45	Nhà B - TT nhà máy cao su đường sắt	2	1			Chưa kiểm định				
46	Nhà C- TT nhà máy cao su đường sắt	2	1			Chưa kiểm định				
F	PHƯỜNG BA ĐÌNH									
	Khu tập thể Ban Khoa giáo Trung ương - Bộ Nội thương									
1	Tập thể Bộ Nội thương (Số 76 Nguyễn Trường Tộ)	4	1	1970- 1980	Tường gạch kết hợp BTCT	Chưa kiểm định				
2	Tập thể Ban khoa giáo Trung ương (số 66 phố Cửa Bắc)	5	1	1970- 1980	Tường gạch kết hợp BTCT	C	2015	Đã có TBKL		TT5 PLI KH 334

	Tập thể 101-103 Nguyễn Trường Tộ								
3	Nhà 101 Nguyễn Trường Tộ	5	1	1970- 1980	Tường gạch kết hợp BTCT	C	2017	Đã có TBKL	TT120 PLI KH 334
4	Nhà 103 Nguyễn Trường Tộ	5	1	1970- 1980	Tường gạch kết hợp BTCT	C	2017	Đã có TBKL	TT120 PLI KH 334
	Khu tập thể 97 Yên Ninh								
5	Nhà 97A Yên Ninh (TT Ban Kinh tế TƯ)	5	1	1970- 1980	Tường gạch kết hợp BTCT	Chưa kiểm định			
6	Nhà 97B Yên Ninh (TT Nhà in Báo Nhân dân)	2			Tường xây chịu lực	C	2016	Đã có TBKL	TT51 PLI KH 334
	Khu tập thể Ban Tổ chức Trung ương								
7	Nhà 8A ngõ 180 phố Ngọc Hà	4	1			Chưa kiểm định			
8	Nhà 8B ngõ 180 phố Ngọc Hà	4	1			Chưa kiểm định			
9	Nhà 8C ngõ 180 phố Ngọc Hà	5	1			C	2017	Đã có TBKL	TT51 PLI KH 334
	Khu tập thể Ban Tổ chức Trung ương								
10	Nhà 10B ngõ 186 phố Ngọc Hà	5	1			C	2017	Đã có TBKL	TT119 PLI KH334
11	Nhà 10C ngõ 186 phố Ngọc Hà	5	1			C	2017	Đã có TBKL	TT119 PLI KH334
G	PHƯỜNG GIẢNG VÕ								
	Khu tập thể Giảng Võ								
1	A1 Giảng Võ	4	2	1960	Tường xây chịu lực	C	2015	Đã có TBKL	TT3 PLI KH 334
2	A2 Giảng Võ	4	2	1960	Tường xây chịu lực	C	2015	Đã có TBKL	TT4 PLI KH 334
3	A3 Giảng Võ	5	2	1960	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT17 VB 6521/CV-HĐKĐ
4	A3a Giảng Võ	6	1	1965	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			
5	A3b Giảng Võ	5	1	1965	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT18 VB 6521/CV-HĐKĐ
6	A4 Giảng Võ	5	1	1965	Tường xây chịu lực	B	2008		
7	A5 Giảng Võ	5	2	1965	Tường xây chịu lực	B	2008		
8	B1 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2016	Đã có TBKL	TT50 PLI KH 334
9	B2 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL	TT115 PLI KH 334
10	B3 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008		
11	B4 Giảng Võ	4	1	1979	Tường xây chịu lực	B	2008		
12	B5 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008		
13	C4 Giảng Võ	5	3	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2012		
14	C5 Giảng Võ	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL	TT19 VB 6521/CV-HĐKĐ
15	C6 Giảng Võ	5	2	1979	Tường xây chịu lực	C	2010		
16	C8 Giảng Võ	5	3	1979	Lắp ghép tấm lớn	D	2013	-	.
17	D1 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008		
18	D3 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL	TT116 PLI KH 334
19	D4 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL	TT117 PLI KH 334
20	D5 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL	TT20 VB 6521/CV-HĐKĐ
21	D6 Giảng Võ	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2012		
22	D6b Giảng Võ	2	1	<1990	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			
	Khu tập thể Ngọc Khánh								
23	B17 Ngọc Khánh	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			

24	C1 Ngọc Khánh	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
25	C2 Ngọc Khánh	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
26	D1 Ngọc Khánh	3	1		Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT123 PLI KH 334
27	D2 Ngọc Khánh	3	1		Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT124 PLI KH 334
28	D3 Ngọc Khánh	3	2		Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT125 PLI KH 334
29	B3 Ngọc Khánh	5	2		Hỗn hợp	B	2025	Đã có TBKL		TT21 VB 6521/CV-HĐKĐ
30	57 Ngọc Khánh	5	2		Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL	TT Bộ Thủy Sản	TT22 VB 6521/CV-HĐKĐ
31	57a Ngọc Khánh	5	2		Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL	TT Bộ Thủy Sản	TT126 PLI KH 334
32	57b Ngọc Khánh	5	2		Lắp ghép tấm lớn	B	2017	Đã có TBKL	TT Bộ Thủy Sản	TT127 PLI KH 334
33	B12a Ngọc Khánh	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
34	A2 Ngọc Khánh	5	3		Hỗn hợp	C	2017	Đã có TBKL		TT130 PLI KH 334
35	A7 TT Đường sắt	5	2		Tường xây chịu lực	C	2015	Đã có TBKL		TT7 PLI KH 334
36	A Ngọc Khánh	5	2		Lắp ghép tấm lớn	D	2015	Đã có TBKL	TT Công ty xây dựng	TT8 PLI KH 334
37	B Ngọc Khánh	5	2		Lắp ghép tấm lớn	C	2015	Đã có TBKL	TT Công ty xây dựng	TT9 PLI KH 334
38	B1 Ngọc Khánh	4	1		Tường xây chịu lực	C	2015	Đã có TBKL	TT Ngọc Khánh	TT10 PLI KH 334
39	B2 Ngọc Khánh (B2.1)	5	2		Hỗn hợp	C	2015	Đã có TBKL	TT Ngọc Khánh	TT11 PLI KH 334
40	B2 Ngọc Khánh (B2.2)	3	3		Tường xây chịu lực	C	2015	Đã có TBKL	TT Ngọc Khánh	TT12 PLI KH 334
41	B3 Ngọc Khánh	5	2			Chưa kiểm định			TT Ngọc Khánh	
42	Nhà T1 – TT 59 Quân đội	5	2			Chưa kiểm định			TT 59 Quân đội	
43	Nhà T2 – TT 59 Quân đội	5	1			Chưa kiểm định			TT 59 Quân đội	
44	Nhà N TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
45	Nhà M TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
46	Nhà I TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
47	Nhà Đ TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
48	Nhà T1 TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
49	Nhà T2 TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
50	Nhà T3 TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
51	Nhà TK2 TT Đường Sắt	2			Khung ray	Chưa kiểm định			Khu tập thể Đường Sắt	
52	Nhà 4 tầng - TT Ban Tài chính quản trị TU	4				Chưa kiểm định				
53	Nhà 5 tầng - TT Ban Tài chính quản trị TU	5				Chưa kiểm định				
54	Nhà 3 tầng - TT Ban Tài chính quản trị TU	3				Chưa kiểm định				
55	Nhà 5 tầng 1- TT Ban Đối ngoại TU	5				Chưa kiểm định				
56	Nhà 5 tầng 2- TT Ban Đối ngoại TU	5				Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Thành Công									
57	A1 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT105 PLI KH 334
58	A2 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 6521/CV-HĐKĐ
59	A3 Thành Công	5	2		Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
60	A4 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT2 VB 6521/CV-HĐKĐ
61	A5 Thành Công	5	1	1980	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT3 VB 6521/CV-HĐKĐ
62	A6 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT106 PLI KH 334
63	A6a Thành Công	5	1		Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				

64	B1 Thành Công	5	3	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT4 VB 6521/CV-HĐKD
65	B2 Thành Công	5	1		Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
66	B3 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 6521/CV-HĐKD
67	B4 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 6521/CV-HĐKD
68	B5 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 6521/CV-HĐKD
69	B6 Thành Công	5	3	1979	Tường xây chịu lực	C	2017	Đã có TBKL		TT107 PLI KH 334
70	B7 Thành Công	5	2	1979	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
71	B7b Thành Công	5	2	1979	Tường xây chịu lực	C	2016	Đã có TBKL		TT43 PLI KH 334
72	B7c Thành Công	3	2	1979	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 6521/CV-HĐKD
73	B1b Thành Công	2	1	1979	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
74	C2 Thành Công	5	3	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định			BS	
75	C3 Thành Công	5	3	1982	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT108 PLI KH 334
76	C4 Thành Công	5	3	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định			BS	
77	C4b Thành Công	5	1	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định			BS	
78	C8 Thành Công	5	1	1982	Lắp ghép tấm lớn	C	2016	Đã có TBKL		TT44 PLI KH 334
79	C9 Thành Công	5	1		Lắp ghép tấm lớn	C	2016	Đã có TBKL		TT45 PLI KH 334
80	C10 Thành Công	5	1		Lắp ghép tấm lớn	C	2016	Đã có TBKL		TT46 PLI KH 334
81	D1 Thành Công	5	2	1978	Tường xây chịu lực	C	2008			
82	D2 Thành Công	5	1	1978	Tường xây chịu lực	B	2008			
83	D3 Thành Công	5	1	1978	Tường xây chịu lực	B	2008			
84	D4a Thành Công	6	1	1979	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
85	D4b Thành Công	6	1	1979	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
86	D6 Thành Công	4	1	1979	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 6521/CV-HĐKD
87	D7 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
88	D8 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
89	D9 Thành Công	5	1	1980	Tường xây chịu lực	B	2008			
90	D10 Thành Công	5	1	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2016	Đã có TBKL		TT47 PLI KH 334
91	D11 Thành Công	5	1	1979	Tường xây chịu lực	C	2008			
92	E1 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
93	E2 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
94	E3 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
95	E4 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2008			
96	E5 Thành Công	5	2	1979	Lắp ghép tấm lớn	B	2008			
97	E6 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2013			
98	E7 Thành Công	5	1	1979	Lắp ghép tấm lớn	C	2008			
99	E8 Thành Công	5	1	1979	Tường xây chịu lực	B	2008			
100	E9 Thành Công	5	4	1983	Lắp ghép tấm lớn	C	2017	Đã có TBKL		TT109 PLI KH 334
101	E10 Thành Công	5	1	1980	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 6521/CV-HĐKD
102	G1 Thành Công	5	1	1979	Tường xây chịu lực	B	2008			
103	G2 Thành Công	5	1	1979	Tường xây chịu lực	B	2008			
104	G3A Thành Công	5	2	1979	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			BS	
105	G3B Thành Công	5	2	1979	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			BS	
106	G4 Thành Công	5	3	1980	Tường xây chịu lực	C	2017	Đã có TBKL		TT110 PLI KH 334
107	G5 Thành Công	5	5	1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
108	G6a Thành Công	5	1	1980	Tường xây chịu lực	D	2015	Đã có TBKL		TT1 PLI KH 334

147	Nhà I1-I2 Tập thể Bộ Y tế- ngõ 135 Núi Trúc	5	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
148	Nhà I1-I2 Tập thể Bộ Y tế	5	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
149	Nhà I3 Tập thể Bộ Y tế	5	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể GTVT									
150	Nhà C1- ngõ 575/18 Kim Mã	4	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
151	Nhà C2- ngõ 575/18 Kim Mã	4	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
152	Nhà C3- ngõ 575/18 Kim Mã	4	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
153	Nhà C4- ngõ 575/18 Kim Mã	4	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Xi nghiệp In bản đồ- ngõ 10 Nguyễn Hồng									
152	Nhà X15A- KTT Nam Thành Công	4	2		Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 6521/CV-HDKĐ
153	Nhà X15B - KTT Nam Thành Công	2	1		Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 6521/CV-HDKĐ
H	PHƯỜNG NGỌC HÀ									
	Khu chung cư cũ Liễu Giai (Khu tập thể tại khu vực phố Vạn Phúc – Vạn Bảo – ngõ 260 phố Đội Cấn, phường Liễu Giai)									
1	Nhà A-Tập thể Trọng tài Kinh tế NN, ngõ 260 Đội Cấn	3	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
2	Nhà B-Tập thể Trọng tài Kinh tế NN, ngõ 260 Đội Cấn	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
3	Nhà C-Tập thể Trọng tài Kinh tế NN, ngõ 260 Đội Cấn	4	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
4	Tập thể 222A Ban Tài chính Quản trị TƯ - 30 Vạn Bảo	5	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
5	Tập thể 222D, Ban Tài chính quản trị TƯ - ngõ 260 Đội Cấn- Nhà D 5T	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
6	Tập thể 222D, Ban Tài chính quản trị TƯ - ngõ 260 Đội Cấn- Nhà D 3T A	3	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
7	Tập thể 222D, Ban Tài chính quản trị TƯ - ngõ 260 Đội Cấn- Nhà D 3T B	3	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
8	Tập thể 222C, Ban Tài chính quản trị TƯ	5	4		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
9	Nhà N2 tập thể Văn phòng Chính phủ	3	4		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
10	Nhà N3 tập thể Văn phòng Chính phủ	3	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
11	Nhà N4 tập thể Văn phòng Chính phủ	3	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
12	Tập thể Bộ năng lượng, số 32 Vạn Bảo - (Nhà TT K222A Đội cấn (TCT điện lực))	5	2		Khung BTCT	B	2025			
13	Tập thể Công ty XD Bảo tàng HCM, ngõ 3 Vạn Phúc	5	6		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	TT 19-23 Liễu Giai									
14	Nhà 19 Liễu Giai - TT Viện quản lý kinh tế TƯ	5	1		Tường xây chịu lực	B	2025			
15	Nhà 23 Liễu Giai - TT Ngân hàng Nhà nước	5	1		Khung BTCT	B	2025			

	TT khu C86 Kim Mã Thượng								
16	Tập thể H1 Kim Mã Thượng, ngõ 35 Kim Mã Thượng	5	2		Khung BTCT	B	2017	Đã có TBKL	TT121 PLI KH 334
17	Tập thể H2 Kim Mã Thượng, ngõ 35 Kim Mã Thượng	5	4		Khung BTCT	B	2017	Đã có TBKL	TT122 PLI KH 334
18	Khu tập thể Dự trữ Quốc gia C86, ngõ 47 Kim Mã Thượng	3	2		Tường xây chịu lực	C	2019	Đã có TBKL	TT1 PL2 KH 334
19	Tập thể Ngân hàng số 47 Kim Mã Thượng (45 Kim Mã Thượng)	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			
	Khu tập thể Thanh tra Chính phủ (ngõ 65 Vạn Bảo)								
20	Nhà A Tập thể Thanh tra Chính Phủ, ngõ 65 Vạn Bảo (Nhà A số 218 Đội Cấn)	4	2		Khung BTCT	C	2015	Đã có TBKL	TT6 PLI KH 334
21	Nhà B Tập thể Thanh tra Chính Phủ, ngõ 65 Vạn Bảo	3	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			
22	Nhà C Tập thể Thanh tra Chính Phủ, ngõ 65 Vạn Bảo	3	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			
	Khu tập thể 195 Đội Cấn								
23	B1 - Nhà tập thể 195 Đội Cấn	4	2		Tường xây chịu lực	B	2025		
24	B2 - Nhà tập thể 195 Đội Cấn	5	4		Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định			
25	B5 - Nhà tập thể 195 Đội Cấn	5	2		Khung BTCT	B	2025		
	Khu tập thể Bộ Tư lệnh Lãng -ngõ 20 Phan Kế Bính								
26	Nhà C1 khu tập thể Bộ Tư lệnh Lãng,	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định			
27	Nhà C2 khu tập thể Bộ Tư lệnh Lãng,	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định			
28	Nhà A khu tập thể Bộ Tư lệnh Lãng,	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định			
	Khu tập thể Ban vật giá CP và tập thể Bộ Tư pháp								
29	Tập thể Ban vật giá Chính phủ, số 35 Kim Mã Thượng	4	2		Khung BTCT	Chưa kiểm định			
30	Tập thể Bộ Tư pháp, ngõ 35 Kim Mã Thượng	5	3		Tường gạch kết hợp BTCT	D		-	.
I	PHƯỜNG HAI BÀ TRƯNG								
	Khu tập thể 190 Lò Đúc								
1	Nhà F1 - TT 190 Lò Đúc					B	2025	Đã có TBKL	TT1 VB 7949/CV-HĐKD
2	Nhà F2- TT 190 Lò Đúc					B	2025	Đã có TBKL	TT4 VB 7949/CV-HĐKD
3	Nhà F3- TT 190 Lò Đúc					B	2025	Đã có TBKL	TT2 VB 7949/CV-HĐKD
4	Nhà F5- TT 190 Lò Đúc					B	2025	Đã có TBKL	TT5 VB 7949/CV-HĐKD
5	Nhà H - TT 190 Lò Đúc					B	2025	Đã có TBKL	TT3 VB 7949/CV-HĐKD
	Khu tập thể Cẩm Hội								
6	Nhà A1 Cẩm Hội					B	2025	Đã có TBKL	TT7 VB 7949/CV-HĐKD
7	Nhà A2 Cẩm Hội					B	2025	Đã có TBKL	TT8 VB 7949/CV-HĐKD
	Khu tập thể Bộ Công nghiệp nhẹ								
8	Nhà A TT Bộ công nghiệp nhẹ					B	2025	Đã có TBKL	TT17 VB 7949/CV-HĐKD
9	H1 TT Bộ công nghiệp nhẹ (TT Bộ CN)					C	2016	Đã có TBKL	TT75 PLI KH 334

	Khu tập thể Dệt kim Đông Xuân								
10	H2 TT Dệt kim Đông Xuân				B	2025	Đã có TBKL		TT18 VB 7949/CV-HĐKĐ
11	H3 TT Dệt kim Đông Xuân				B	2025	Đã có TBKL		TT19 VB 7949/CV-HĐKĐ
12	Nhà A TT Dệt Kim Đông Xuân				B	2025	Đã có TBKL		TT20 VB 7949/CV-HĐKĐ
13	Nhà B TT Dệt Kim Đông Xuân				B	2025	Đã có TBKL		TT21 VB 7949/CV-HĐKĐ
14	Nhà C TT Dệt Kim Đông Xuân				B	2025	Đã có TBKL		TT22 VB 7949/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Rượu								
15	Nhà A TT Rượu				B	2025	Đã có TBKL		TT24 VB 7949/CV-HĐKĐ
16	Nhà B TT Rượu				B	2025	Đã có TBKL		TT25 VB 7949/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Bưu Điện								
17	Nhà A TT Bưu Điện				B	2025	Đã có TBKL		TT27 VB 7949/CV-HĐKĐ
18	Nhà B TT Bưu Điện				B	2025	Đã có TBKL		TT28 VB 7949/CV-HĐKĐ
19	Nhà D TT Bưu Điện				B	2025	Đã có TBKL		TT29 VB 7949/CV-HĐKĐ
20	Nhà Đ TT Bưu Điện				B	2025	Đã có TBKL		TT30 VB 7949/CV-HĐKĐ
21	Nhà E TT Bưu Điện				B	2025	Đã có TBKL		TT31 VB 7949/CV-HĐKĐ
22	Nhà K TT Bưu Điện				B	2025	Đã có TBKL		TT32 VB 7949/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Trần Hưng Đạo								
23	F1 TT Trần Hưng Đạo				B	2025	Đã có TBKL		TT35 VB 7949/CV-HĐKĐ
24	F2 TT Trần Hưng Đạo				B	2025	Đã có TBKL		TT36 VB 7949/CV-HĐKĐ
25	F3 TT Trần Hưng Đạo				B	2025	Đã có TBKL		TT37 VB 7949/CV-HĐKĐ
26	A2 TT Trần Hưng Đạo				B	2025	Đã có TBKL		TT38 VB 7949/CV-HĐKĐ
27	TT Nhà trẻ Trần Hưng Đạo				B	2025	Đã có TBKL		TT39 VB 7949/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Nguyễn Công Trứ								
28	Nhà TT H1				C	2020	Đã có TBKL		TT2 PL3 KH 334
29	Nhà TT H2				C	2021	Đã có TBKL		TT4 VB 2058/SXD-GĐXD
30	Nhà TT H3				C	2020	Đã có TBKL		TT3 PL3 KH 334
31	Nhà TT H4				C	2021	Đã có TBKL		TT5 VB 2058/SXD-GĐXD
32	Nhà TT H5				C	2020	Đã có TBKL		TT4 PL3 KH 334
33	Nhà TT D1				C	2021	Đã có TBKL		TT1 VB 2058/SXD-GĐXD
34	Nhà TT D2				C	2021	Đã có TBKL		TT2 VB 2058/SXD-GĐXD
35	Nhà TT D3				C	2021	Đã có TBKL		TT3 VB 2058/SXD-GĐXD
36	Nhà TT E				C	2020	Đã có TBKL		TT5 PL3 KH 334
37	Nhà TT C				C	2021	Đã có TBKL		TT6 VB 2058/SXD-GĐXD
38	Nhà TT B1				C	2021	Đã có TBKL		TT7 VB 2058/SXD-GĐXD
39	Nhà TT B2				C	2021	Đã có TBKL		TT8 VB 2058/SXD-GĐXD
40	Tập thể Bách Hóa				B	2025	Đã có TBKL		TT15 VB 7949/CV-HĐKĐ
41	Nhà TT A3				B	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 7949/CV-HĐKĐ
42	Nhà TT A5				B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 7949/CV-HĐKĐ
43	Nhà TT A7				B	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7949/CV-HĐKĐ
44	Nhà TT A9				B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 7949/CV-HĐKĐ
45	Nhà TT HA-HB				B	2025	Đã có TBKL	Kết quả KĐ nhà HA	TT14 VB 7949/CV-HĐKĐ
46	Nhà TT HB				Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bộ Ngoại Thương								
47	Tập thể 9A Bộ Ngoại Thương				Chưa kiểm định				
48	Tập thể 9B Bộ Ngoại Thương				Chưa kiểm định				

49	Tập thể 9C Bộ ngoại thương					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bệnh viện Hữu nghị									
50	TT Bệnh viện hữu nghị số 4 đường 158					Chưa kiểm định				
51	TT Bệnh viện hữu nghị số 6 đường 158					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bệnh viện TW quân đội 108									
52	Chung cư TT Bệnh viện TW quân đội 108 (tại địa chỉ 39 Trần Khánh Dư)					Chưa kiểm định				
53	Chung cư TT Bệnh viện TW quân đội 108 (tại địa chỉ số 1 Trần Nhân Tông)					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể 48 Nguyễn Bình Khiêm									
54	TT A1 48 Nguyễn Bình Khiêm					Chưa kiểm định				
55	TT A2 48 Nguyễn Bình Khiêm					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bộ Xây dựng									
56	TT Bộ Xây dựng (dãy 3 tầng)					Chưa kiểm định				
57	TT Bộ Xây dựng (dãy 2 tầng)					Chưa kiểm định				
J	PHƯỜNG VĨNH TUY									
	Khu tập thể Xuất nhập khẩu tổng hợp 1									
1	Nhà B4 tập thể Xuất nhập khẩu tổng hợp 1	4	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			24 Ngõ 230 Lạc Trung	
2	Nhà B5 tập thể Xuất nhập khẩu tổng hợp 1	5	1	Trước 1980	Khung BTCT	Chưa kiểm định			24 Ngõ 230 Lạc Trung	
	Khu Tập thể Biển pha sông									
3	Nhà A tập thể Biển pha sông	5	1	Trước 1980	Khung BTCT	Chưa kiểm định			ngách 15 Ngõ 230 Lạc Trung (gần UBND phường Thanh lương cũ)	
4	Nhà B tập thể Biển pha sông	5	1	Trước 1980	Khung BTCT	Chưa kiểm định			ngách 15 Ngõ 230 Lạc Trung (gần UBND P Thanh lương cũ)	
	Khu TT Máy Thăng Long									
5	Nhà A Khu TT Máy Thăng Long	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Số 1 Yên Lạc	
6	Nhà B Khu TT Máy Thăng Long	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Số 1 Yên Lạc	
7	Nhà C Khu TT Máy Thăng Long	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Số 1 Yên Lạc	
8	Nhà D Khu TT Máy Thăng Long	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Số 1 Yên Lạc	
	Khu TT Tàu biển								Ngõ 477 Kim Ngưu	
9	Nhà B Khu TT Tàu biển	2	1	1991	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
10	Nhà C Khu TT Tàu biển	2	1	1991	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
K	PHƯỜNG CẦU GIẤY									
	Khu tập thể ĐH Luật - 10 Phan Văn Trường									
1	Nhà A TT ĐH Luật - Ngõ 10 Phan Văn Trường	4		Trước 1980	Tường xây chịu lực, BT lắp ghép	Chưa kiểm định				

2	Nhà B TT ĐH Luật - Ngõ 10 Phan Văn Trường	4		Trước 1980	Tường xây chịu lực, BT lắp ghép	Chưa kiểm định				
3	Nhà C TT ĐH Luật - Ngõ 10 Phan Văn Trường	4		Trước 1980	Tường xây chịu lực, BT lắp ghép	Chưa kiểm định				
L	PHƯỜNG NGHĨA ĐỒ									
	Khu viện chung cư Tầng Thiết giáp									
1	Nhà TG1	5	1	1991		Chưa kiểm định				
2	Nhà TG2	5	1	1991		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể do Tổng Công ty ĐTPT nhà và Đô thị/BQP quản lý - 120 Hoàng Quốc Việt									
3	Nhà A1	5	1	1987		Chưa kiểm định				
4	Nhà A2	5	1	1987		Chưa kiểm định				
5	Nhà A3	5	1	1987		Chưa kiểm định				
6	Nhà A4	5	1	1987		Chưa kiểm định				
7	Nhà A5	5	1	1988		Chưa kiểm định				
8	Nhà A6	5	1	1988		Chưa kiểm định				
9	Nhà A7	5	1	1989		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT126 VB 6521/CV-HĐKĐ
10	Nhà A8	5	1	1989		Chưa kiểm định				
11	Nhà A9	5	1	1989		Chưa kiểm định				
12	Nhà A10	5	1	1989		Chưa kiểm định				
13	Nhà A11	5	1	1989		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT111 VB 6521/CV-HĐKĐ
14	Nhà A12	5	1	1989		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT112 VB 6521/CV-HĐKĐ
15	Nhà A13	5	1	1989		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT113 VB 6521/CV-HĐKĐ
16	Nhà A14	5	1	1989		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT114 VB 6521/CV-HĐKĐ
17	Nhà A15	5	1	1989		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT115 VB 6521/CV-HĐKĐ
18	Nhà A16	5	1	1995		Chưa kiểm định				
19	Nhà A17	5	1	1995		Chưa kiểm định				
20	Nhà A18	5	1	1995		Chưa kiểm định				
21	Nhà A19	5	1	1995		Chưa kiểm định				
22	Nhà A21	5	1	1990		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT116 VB 6521/CV-HĐKĐ
23	Nhà A22	5	1	1990		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT117 VB 6521/CV-HĐKĐ
24	Nhà A23	5	1	1990		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT118 VB 6521/CV-HĐKĐ
25	Nhà A24	5	1	1987		Chưa kiểm định				
26	Nhà N1	5	1	1987		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT120 VB 6521/CV-HĐKĐ
27	Nhà N2	5	1	1987		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT121 VB 6521/CV-HĐKĐ

28	Nhà N3	5	1	1987		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT122 VB 6521/CV-HĐKD
29	Nhà N4	5	1	1987		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT123VB 6521/CV-HĐKD
30	Nhà N5	5	1	1987		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT124 VB 6521/CV-HĐKD
31	Nhà N6	5	1	1988		B	2025	Đã có TBKL	Bắc Nghĩa Tân	TT125 VB 6521/CV-HĐKD
32	Nhà N7	5	1	1988		Chưa kiểm định				
33	Nhà H1	5	1	1989		Chưa kiểm định				
34	Nhà H2	5	1	1989		Chưa kiểm định				
35	Nhà H3	5	1	1989		Chưa kiểm định				
	Khu TT Học viện chính trị QG HCM									
36	Nhà C2	4	1	1960		Chưa kiểm định				
37	Nhà C4	3	1	1960		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể ĐH Sư phạm HN									
38	Nhà U1 TT Đại học Sư phạm Hà Nội	2	1	Trước 1980		Chưa kiểm định				
39	Nhà U2 TT Đại học Sư phạm Hà Nội	2	1	Trước 1980		Chưa kiểm định				
40	Nhà U3 TT Đại học Sư phạm Hà Nội	2	1	Trước 1980		Chưa kiểm định				
41	Nhà U4 TT Đại học Sư phạm Hà Nội	2	1	Trước 1980		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Nghĩa Tân									
42	Nhà B1 TT HV CTQG HCM	2	1	1957		Chưa kiểm định				
43	Nhà B2 TT HV CTQG HCM	2	1	1957		Chưa kiểm định				
44	Nhà B3TT HV CTQG HCM	2	1	1957		Chưa kiểm định				
45	Nhà B5 TT HV CTQG HCM	2	1	1957		Chưa kiểm định				
46	Nhà B6TT HV CTQG HCM	3	1	1957		Chưa kiểm định				
47	Nhà B7TT HV CTQG HCM	2	1	1957		Chưa kiểm định				
48	Nhà K1 TT HV CTQG HCM	5	1	1960		Chưa kiểm định				
49	Nhà A8	5	4	1981		Chưa kiểm định				
50	Nhà A9	5	4	1981		Chưa kiểm định				
51	Nhà A10	5	4	1981		Chưa kiểm định				
52	Nhà A11	5	4	1981		Chưa kiểm định				
53	Nhà A12	5	4	1984		Chưa kiểm định				
54	Nhà A14	5	3	1984		Chưa kiểm định				
55	Nhà A15	5	5	1984		Chưa kiểm định				
56	Nhà A16	5	2	1984		Chưa kiểm định				
57	Nhà A23	5	2	1984		Chưa kiểm định				
58	Nhà A25	5	8	1984		Chưa kiểm định				
59	Nhà B1	5	5	1985		Chưa kiểm định				
60	Nhà B2	5	5	1984		Chưa kiểm định				
61	Nhà B3	5	2	1984		Chưa kiểm định				
62	Nhà B4	5	3	1984		Chưa kiểm định				
63	Nhà B5	5	2	1984		Chưa kiểm định				
64	Nhà B6	5	2	1984		Chưa kiểm định				
65	Nhà B7	5	2	1984		Chưa kiểm định				
66	Nhà B8	5	2	1981		Chưa kiểm định				
67	Nhà B9	3		1984		Chưa kiểm định				

68	Nhà B10	3	1	1984		Chưa kiểm định				
69	Nhà B11	5	4	1990		Chưa kiểm định				
70	Nhà B12	5	2	1984		Chưa kiểm định				
71	Nhà C1	5	4	1984		Chưa kiểm định				
72	Nhà C2	5	3	1984		Chưa kiểm định				
73	Nhà C3	5	3	1984		Chưa kiểm định				
74	Nhà C4	5	2	1984		Chưa kiểm định				
75	Nhà C5	5	8	1984		Chưa kiểm định				
76	Nhà C6	5	2	1984		Chưa kiểm định				
77	Nhà C7	5	3	1986		Chưa kiểm định				
78	Nhà C8	5	3	1986		Chưa kiểm định				
79	Nhà C9	5	3	1986		Chưa kiểm định				
80	Nhà C10	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
81	Nhà K2					Chưa kiểm định				
82	Nhà K3					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể DF (Dịch Vọng cũ)									
83	Nhà D1 Khu TT DF	2	1	1989		Chưa kiểm định				
84	Nhà D2 Khu TT DF	5	2	1989		Chưa kiểm định				
85	Nhà D3 Khu TT DF	5	2	1989		Chưa kiểm định				
86	Nhà D4 Khu TT DF	5	2	1989		Chưa kiểm định				
87	Nhà D5 Khu TT DF	5	2	1989		Chưa kiểm định				
88	Nhà D6 Khu TT DF	5	2	1989		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Quân đội Nghĩa Đô									
89	Nhà A9 Khu TTQĐ Nghĩa Đô	4	1	1989		C	2021	Đã có TBKL		TT27 VB 2058/SXD-GĐXD
90	Nhà A10 Khu TTQĐ Nghĩa Đô	4	1	1964		C	2021	Đã có TBKL		TT28 VB 2058/SXD-GĐXD
91	Nhà A11 Khu TTQĐ Nghĩa Đô	4	1	1964		C	2021	Đã có TBKL		TT29 VB 2058/SXD-GĐXD
92	Nhà A12 Khu TTQĐ Nghĩa Đô	4	1	1964		C	2021	Đã có TBKL		TT30 VB 2058/SXD-GĐXD
	Khu tập thể A-B Nghĩa đô									
93	Nhà A					Chưa kiểm định				
94	Nhà B					Chưa kiểm định				
	Khu chung cư Nhà máy tin tiền QG									
95	Nhà A1- TT Nhà máy in tiền QG	5	1	1992		B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 7304/CV-HĐKD
96	Nhà A2- TT Nhà máy in tiền QG	5	1	1992		B	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 7304/CV-HĐKD
97	Nhà B1- TT Nhà máy in tiền QG	5	1	1992		B	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 7304/CV-HĐKD
98	Nhà B2- TT Nhà máy in tiền QG	5	1	1992		B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 7304/CV-HĐKD
99	Nhà C - TT Nhà máy in tiền QG	2	1	1992		Chưa kiểm định				
M	PHƯỜNG THANH XUÂN									
	Khu tập thể Thanh Xuân Bắc									
1	A1 Thanh Xuân Bắc(TT BCA)	5	3	1980	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT28 PLI KH 334
2	Nhà A6 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1980	Lắp ghép tấm lớn	B	2020	Đã có TBKL		TT12 PL3 KH 334
3	Nhà A11 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	7	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2020	Đã có TBKL		TT13 PL3 KH 334

4	Nhà A12 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2020	Đã có TBKL		TT14 PL3 KH 334
5	Nhà B1 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	7	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2020	Đã có TBKL		TT15 PL3 KH 334
6	A3 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	5	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2021	Đã có TBKL		TT13 VB 2058/SXD-GDXD
7	A8b Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	2	1991	Lắp ghép tấm lớn	C	2021	Đã có TBKL		TT14 VB 2058/SXD-GDXD
8	A9 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	3	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2021	Đã có TBKL		TT15 VB 2058/SXD-GDXD
9	A10 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	1	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2021	Đã có TBKL		TT16 VB 2058/SXD-GDXD
10	A13 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1980	Lắp ghép tấm lớn	C	2021	Đã có TBKL		TT17 VB 2058/SXD-GDXD
11	B2 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	1	1980	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT67 VB 6521/CV-HDKĐ
12	B3 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	5	1980	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT68 VB 6521/CV-HDKĐ
13	B4 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	5	1980	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT69 VB 6521/CV-HDKĐ
14	B5 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	1	1978	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT70 VB 6521/CV-HDKĐ
15	B6 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	5	1978	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT71 VB 6521/CV-HDKĐ
16	B8 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	5	1978	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT72 VB 6521/CV-HDKĐ
17	B11 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1978	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT73 VB 6521/CV-HDKĐ
18	B13 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	5	1978	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT74 VB 6521/CV-HDKĐ
19	C2 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1982	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT75 VB 6521/CV-HDKĐ
20	C3 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	7	1982	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT76 VB 6521/CV-HDKĐ
21	C4 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1982	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT77 VB 6521/CV-HDKĐ
22	C5 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1982	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT78 VB 6521/CV-HDKĐ
23	C16 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	7	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT79 VB 6521/CV-HDKĐ
24	C17 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	1	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT80 VB 6521/CV-HDKĐ
25	D1 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1990	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT81 VB 6521/CV-HDKĐ
26	E1 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT82 VB 6521/CV-HDKĐ
27	E2 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT83 VB 6521/CV-HDKĐ
28	E4 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	7	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT84 VB 6521/CV-HDKĐ
29	E6 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT85 VB 6521/CV-HDKĐ
30	E7 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT86 VB 6521/CV-HDKĐ
31	E8 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	7	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT87 VB 6521/CV-HDKĐ
32	E9 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	3	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT88 VB 6521/CV-HDKĐ
33	E11 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT89 VB 6521/CV-HDKĐ
34	I1 Khu TT Thanh Xuân Bắc	5	4	1988	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL		TT90 VB 6521/CV-HDKĐ
35	I10 Khu TT Thanh Xuân Bắc	3	1	1988	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT91 VB 6521/CV-HDKĐ
36	D2 khu TT Thanh Xuân Bắc	5	2	1990	Lắp ghép tấm lớn	B	2024	Đã có TBKL		TT36 TB 662/TB-HDKĐ
37	D3 khu TT Thanh Xuân Bắc	5	3	1990	Lắp ghép tấm lớn	B	2024	Đã có TBKL		TT37 TB 662/TB-HDKĐ
38	E5 khu TT Thanh Xuân Bắc	5	3	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2024	Đã có TBKL		TT38 TB 662/TB-HDKĐ
39	E12 khu TT Thanh Xuân Bắc	5	2	1987	Lắp ghép tấm lớn	B	2024	Đã có TBKL		TT34 TB 662/TB-HDKĐ
40	Nhà A2	5	4	1980	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
41	Nhà A4	5	2	1980	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
42	Nhà A5	5	2	1980	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
43	Nhà B7	5	3	1978	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
44	Nhà B9	5	2	1978	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				

45	Nhà E3	5	4	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
46	Nhà E13	5	1	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
47	Nhà I5	2	2	1988	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
48	Nhà B10	5	1	1978	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
49	Nhà B12	5	1	1978	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
50	Nhà C1	5	2	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
51	Nhà C9	5	1	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
52	Nhà C10	5	1	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
53	Nhà C11	5	1	1982	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
54	Nhà C13	5	1	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
55	Nhà C14	5	1	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
56	Nhà C15	5	2	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
57	Nhà C18	5	2	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
58	Nhà C19	5	2	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
59	Nhà C20	5	1	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
60	Nhà C21	5	2	1987	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Xà phòng (có 02 nhà thuộc phường Khương Đình)									
61	Tập thể Công ty Xà phòng Hà Nội (C1 Khu TT Xà Phòng)	5	1	1959	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT92 VB 6521/CV-HĐKĐ
62	F5 Khu TT Xà Phòng	4	2			C	2015	Đã có TBKL		TT32 PL1 KH 334
-	Khu tập thể Thuốc lá Thăng Long (có 05 nhà thuộc phường Khương Đình)									
63	F6 TT Thuốc lá Thăng Long	4	2	1970	Nhà xây gạch. Sân, hành lang các tầng và mái lắp panen. Sân khu WC là BTCT đổ tại chỗ	C	2016	Đã có TBKL		TT92 PL1 KH 334
	Khu tập thể Nhân Chính									
64	NC2 Ban Cơ yếu Chính phủ Khu TT Nhân Chính	6	2	1992	Lắp ghép tấm lớn	B	2025	Đã có TBKL	Dân tự cải tạo thành nhà 6 tầng	TT110 VB 6521/CV-HĐKĐ
65	NC1 Ban cơ yếu Chính Phủ - Khu TT Nhân Chính		1	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Một phần là nhà 3, một phần đã cải tạo nâng tầng	TT65 VB 7303/CV-HĐKĐ
66	NC3 Ban cơ yếu Chính Phủ - Khu TT Nhân Chính	5	2	1993	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT66 VB 7303/CV-HĐKĐ
67	TX 92A Ban cơ yếu Chính Phủ - Khu TT Nhân Chính	5	2	1992	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT67 VB 7303/CV-HĐKĐ
68	C2 Ban cơ yếu Chính Phủ - Khu TT Nhân Chính	4	1	1987	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Các hộ dân tự cải tạo thành 4 tầng	TT68 VB 7303/CV-HĐKĐ
69	C1 KX Ban cơ yếu Chính Phủ - Khu TT Nhân Chính	4	1	1987	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Các hộ dân tự cải tạo thành 4 tầng	TT69 VB 7303/CV-HĐKĐ

70	TX 92b Ban cơ yếu Chính phủ - Khu TT Nhân Chính	5	1	1992	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT70 VB 7303/CV-HĐKĐ
71	NC6 Ban cơ yếu Chính Phủ - Khu TT Nhân Chính		1	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	Một phần là nhà 3 tầng, một phần đã cải tạo nâng tầng	TT71 VB 7303/CV-HĐKĐ
72	Nhà tập thể CT - Số 41 Ngụy Như Kom tum	2	1	1995	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bộ Công an									
73	Nhà A1 TT Bộ Công an	5	3	Trước 1980	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
74	Nhà A2 TT Bộ Công an	5	3	Trước 1981	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
75	Nhà A3 TT Bộ Công an	5	3	Trước 1982	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
76	Nhà A4 TT Bộ Công an	5	3	Trước 1983	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bóng đèn phích nước Rạng Đông									
77	Nhà G2 TT bóng đèn phích nước Rạng Đông	3	2	1985	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
78	F4 Thanh Xuân Trung (TT Bóng đèn phích nước Rạng Đông)	4	2	1985	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT29 PL1 KH 334
79	Nhà 5 tầng TT bóng đèn phích nước Rạng Đông	5	2	1985	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Ban Cơ yếu Chính phủ									
80	Nhà tập thể Ban cơ yếu chính phủ N4C	3	1	1989	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
81	Nhà tập thể Ban cơ yếu chính phủ N5C	3	1	1989	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Xi nghiệp Xây lắp H24 - Ngõ 68 Quan Nhân									
82	A1 XNXL H24	3	1			C	2016	Đã có TBKL		TT94 PL1 KH 334
83	A2 XNXL H24	3	1			B	2025			
84	A3 XNXL H24	3	1			B	2025			
85	A4 XNXL H24	3	1			B	2025			
86	A5 XNXL H24	5	1			B	2025			
87	B1 XNXL H24	3	1			B	2025			
88	B2 XNXL H24	3	1			B	2025			
89	B3 XNXL H24	2	1			B	2025			
90	B4 XNXL H24	4	1			B	2025			
N	PHƯỜNG THANH LIỆT									
	Khu tập thể Thanh Xuân Bắc (các nhà còn lại trên địa bàn phường Thanh Xuân)									
1	Nhà H4	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
2	Nhà G9	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
3	Nhà A2	3			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
4	Nhà H1	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
	Khu Tập thể Công ty Tư vấn XD Điện 1									
5	Nhà B1, Tập thể Công ty Tư vấn XD Điện 1	4				B	2021	Đã có TBKL		TT23 VB 2058/SXD-GĐXD

6	Nhà B7, Tập thể Công ty Tư vấn XD Điện 1					B	2024	Đã có TBKL		TT47 TB 662/TB-HĐKĐ
	Khu Tập thể Công ty Xây lắp Điện 1									
7	Nhà A - 4 tầng, Tập thể Công ty Xây lắp Điện 1	4				Chưa kiểm định				
8	Nhà B - 3 tầng, Tập thể Công ty Xây lắp Điện 1	3				Chưa kiểm định				
	Khu TT Thanh Xuân Nam									
9	G4 - CSSV - Khu TT Thanh Xuân Nam	5	1			B	2024	Đã có TBKL		TT33 TB 662/TB-HĐKĐ
10	G5 - TLTL khu TT Thanh Xuân Nam	5	2			B	2025	Đã có TBKL		TT97 VB 6521/CV-HĐKĐ
11	G6 khu TT Thanh Xuân Nam	5	2			B	2025	Đã có TBKL		TT98 VB 6521/CV-HĐKĐ
12	G7 TT Đài THVN khu TT Thanh Xuân Nam	5	1			B	2025	Đã có TBKL		TT99 VB 6521/CV-HĐKĐ
13	Nhà H3 khu TT Thanh Xuân Nam	5	2			B	2025	Đã có TBKL		TT100 VB 6521/CV-HĐKĐ
14	1/2 H8 Lắp máy điện I khu TT T Xuân Nam	5	2			B	2025	Đã có TBKL		TT101 VB 6521/CV-HĐKĐ
15	Nhà H14 - Bộ Công An khu TT T Xuân Nam	3	2			B	2019	Đã có TBKL		TT18 PL2 KH 334
16	Nhà A2 - TT ô tô Hòa Bình - Khu TT T Xuân Nam	3	2			B	2012			
17	H9 Công ty xây dựng số 1 Khu TT Thanh Xuân Nam	5	4			B	2025	Đã có TBKL		TT102 VB 6521/CV-HĐKĐ
O	PHƯỜNG KHUÔNG ĐÌNH									
-	Khu tập thể Xà phòng									
1	F1 TT Xà phòng	3	2	1959	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT30 PLI KH 334
2	F2 TT Xà phòng	3	2	1959	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT31 PLI KH 334
	Khu tập thể Cao su sao vàng									
3	F4 TT Cao su Sao vàng	3	3	1959	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT33 PLI KH 334
4	F11 TT Cao su Sao vàng	4	3	1978	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT34 PLI KH 334
5	F14 - Tập thể Cao su sao vàng	5	2	1985	Tường chịu lực	B	2008			
6	F3 - Tập thể cao su sao vàng	3	2	1959	Tường chịu lực	C	2012			
	Khu tập thể Thuộc lá Thăng Long									
7	Nhà D TT Thuộc lá T.Long	4	3	1970	Nhà xây gác Panel	C	2015	Đã có TBKL		TT36 PLI KH 334
8	Nhà A TT Thuộc lá T.Long	3	2	1970	Nhà xây trần Panel	C	2015	Đã có TBKL		TT37 PLI KH 334
9	Nhà C TT Thuộc lá T.Long	3	2	1970	Nhà xây gác Panel	C	2015	Đã có TBKL		TT38 PLI KH 334
10	E TT Thuộc lá Thăng Long	5	1	1970	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT93 VB 6521/CV-HĐKĐ
11	B - Tập thể Thuộc lá thăng long	4	2	1970	Nhà xây trần Panel	B	2012			
	Khu tập thể Cơ khí HN									
12	A3 TT Cơ khí HN	3	2	1958	Nhà xây gạch	C	2015	Đã có TBKL		TT35 PLI KH 334
13	B3 TT Cơ khí HN	3	2	1958	Nhà xây đồ trần	B	2025	Đã có TBKL		TT95 VB 6521/CV-HĐKĐ
14	A5 Khu TT Cơ khí Hà Nội	5	2	1979	Nhà lắp ghép	B	2025	Đã có TBKL		TT96 VB 6521/CV-HĐKĐ
15	A4 - Tập thể Cơ khí Hà Nội	4	2	1979	Tường chịu lực	B	2012			
16	B4 - Tập thể Cơ khí Hà Nội	4	2	1987	Nhà xây lắp ghép	B	2012			
17	E3 - Tập thể Cơ khí Hà Nội	3	2	1958	Nhà xây lắp ghép	B	2012			

	Khu tập thể Kim Giang								
18	A1 Khu TT Kim Giang	4	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT103 VB 6521/CV-HĐKD
19	A12 Khu TT Kim Giang	5	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT104 VB 6521/CV-HĐKD
20	A13 Khu TT Kim Giang	5	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT105 VB 6521/CV-HĐKD
21	H1 Khu TT Kim Giang	5	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT106 VB 6521/CV-HĐKD
22	H2 Khu TT Kim Giang	5	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT107 VB 6521/CV-HĐKD
23	H3 Khu TT Kim Giang	5	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT108 VB 6521/CV-HĐKD
24	B23 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT2 VB 7303/CV-HĐKD
25	C16 a,b,c,d Khu TT Kim Giang	2	4	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT3 VB 7303/CV-HĐKD
26	C17 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT4 VB 7303/CV-HĐKD
27	C19 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT5 VB 7303/CV-HĐKD
28	C24 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT6 VB 7303/CV-HĐKD
29	E4+E5 Khu TT Kim Giang	2	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT7 VB 7303/CV-HĐKD
30	E6 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT8 VB 7303/CV-HĐKD
31	E7 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT9 VB 7303/CV-HĐKD
32	A4 Khu TT Kim Giang	2	3	Trước 1985	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL	TT10 VB 7303/CV-HĐKD
33	A5 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT11 VB 7303/CV-HĐKD
34	A7 Khu TT Kim Giang	2	3	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT12 VB 7303/CV-HĐKD
35	A8 Khu TT Kim Giang	2	3	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT13 VB 7303/CV-HĐKD
36	A9 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT14 VB 7303/CV-HĐKD
37	A15 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT15 VB 7303/CV-HĐKD
38	B4 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT16 VB 7303/CV-HĐKD
39	B14 Khu TT Kim Giang	2	2	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT17 VB 7303/CV-HĐKD
40	C4 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT18 VB 7303/CV-HĐKD
41	C29a Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT19 VB 7303/CV-HĐKD
42	D1 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL	TT20 VB 7303/CV-HĐKD
43	D2 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT21 VB 7303/CV-HĐKD
44	D3 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT22 VB 7303/CV-HĐKD
45	D4 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL	TT23 VB 7303/CV-HĐKD
46	D5 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT24 VB 7303/CV-HĐKD
47	D6 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT25 VB 7303/CV-HĐKD
48	D7 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT26 VB 7303/CV-HĐKD
49	D8a Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT27 VB 7303/CV-HĐKD
50	D8b Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT28 VB 7303/CV-HĐKD
51	E2 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT29 VB 7303/CV-HĐKD
52	A3 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT30 VB 7303/CV-HĐKD
53	E3 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT31 VB 7303/CV-HĐKD
54	C20 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT32 VB 7303/CV-HĐKD
55	B5 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL	TT33 VB 7303/CV-HĐKD
56	C22 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL	TT34 VB 7303/CV-HĐKD
57	C23 Khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL	TT35 VB 7303/CV-HĐKD

58	C5 khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1990	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
59	C12b khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1990	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
60	C30a khu TT Kim Giang	2	1	Trước 1990	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
61	Nhà A2	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
62	Nhà B22	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
63	Nhà C8	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
64	Nhà C10	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
65	Nhà C11	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
66	Nhà C12	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
67	Nhà C26	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
68	Nhà C27	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
69	Nhà C28	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
70	Nhà C29B	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
71	Nhà D9	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
72	Nhà D10	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Khương Trung									
73	B9 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT41 VB 7303/CV-HĐKD
74	A1 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT42 VB 7303/CV-HĐKD
75	A2 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL		TT43 VB 7303/CV-HĐKD
76	A3 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT44 VB 7303/CV-HĐKD
77	A4 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL		TT45 VB 7303/CV-HĐKD
78	A5 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL		TT46 VB 7303/CV-HĐKD
79	A6 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT47 VB 7303/CV-HĐKD
80	A8 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT48 VB 7303/CV-HĐKD
81	A9 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT49 VB 7303/CV-HĐKD
82	A10 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL		TT50 VB 7303/CV-HĐKD
83	A11 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT51 VB 7303/CV-HĐKD
84	A12 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT52 VB 7303/CV-HĐKD
85	A13 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT53 VB 7303/CV-HĐKD
86	A14 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT54 VB 7303/CV-HĐKD
87	B5 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT55 VB 7303/CV-HĐKD
88	B7 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT56 VB 7303/CV-HĐKD
89	B8 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT57 VB 7303/CV-HĐKD
90	B10 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT58 VB 7303/CV-HĐKD
91	A7 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT59 VB 7303/CV-HĐKD
92	B2 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT60 VB 7303/CV-HĐKD
93	B3 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT61 VB 7303/CV-HĐKD
94	B4 khu TT Khương Trung	2	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT62 VB 7303/CV-HĐKD
95	B6 khu TT Khương Trung	2	1		Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT63 VB 7303/CV-HĐKD
96	B11 khu TT Khương Trung	2	1		Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT64 VB 7303/CV-HĐKD
97	Khu tập thể may X40	2	1	1986	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	P PHƯỜNG HOÀNG LIỆT									
	Khu tập thể Biển thể									
1	Khu A - TT biển thể	3	1	1990		Chưa kiểm định				
2	Khu B - TT biển thể	3	1	1994		Chưa kiểm định				

3	Khu C1 - TT biển thể	2	1	1980		Chưa kiểm định				
4	Khu C2 - TT biển thể	3	1	1994		Chưa kiểm định				
Q	PHƯỜNG HOÀNG MAI									
	Khu tập thể Tân Mai									
1	A1					Chưa kiểm định				
2	A2					Chưa kiểm định				
3	A3					Chưa kiểm định				
4	A5					Chưa kiểm định				
5	A6					Chưa kiểm định				
6	A8					Chưa kiểm định				
7	B6 Tân Mai	3	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
8	C1 Tân Mai	3	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
9	C2 Tân Mai	3	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
10	C3 Tân Mai	3	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
11	C27 Tân Mai	3	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
12	C28 Tân Mai	3	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
13	A15 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
14	A16 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
15	B2 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
16	B3 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
17	B4 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
18	B9 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
19	B9a Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
20	B9b Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
21	B10 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
22	B11 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
23	B12 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
24	B12b Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
25	B14 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
26	B15 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
27	B16 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
28	B17 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
29	B18 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
30	B19 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
31	C5 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
32	C6 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
33	C7 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
34	C8 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
35	C9 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
36	C10 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
37	C11 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
38	C12 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
39	C13 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
40	C14 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
41	C15 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				

42	C16 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
43	C17 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
44	C18 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
45	C19 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
46	C20 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
47	C21 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
48	C22b Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
49	C23 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
50	P3 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
51	P4 Tân Mai	2	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
52	P5 Tân Mai	2	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
53	P6 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
54	P8 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
55	P10 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
56	P13 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
57	P14 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
58	P16 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
59	P17 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
60	P19 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
61	P22 Tân Mai	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
62	Q3 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
63	Q4 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
64	Q7 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
65	Q8 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
66	Q9 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
67	Q14 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
68	Q16 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
69	Q17 Tân Mai	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
70	C29 Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
71	B1 Tân Mai	4				Chưa kiểm định				
72	B4b Tân Mai	3				Chưa kiểm định				
73	P1 Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
74	P2 Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
75	P11 Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
76	P15 Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
77	D1C Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
78	Q15 Tân Mai	2				Chưa kiểm định				
79	C4 Tân Mai	2	4	2016		C	2016	Đã có TBKL		TT86 PLI KH334
80	C26 Tân Mai	3	1	2016		C	2016	Đã có TBKL		TT87 PLI KH334
81	B7 Tân Mai	3	2	2016		C	2016	Đã có TBKL		TT88 PLI KH334
82	B8 Tân Mai	3	2	2016		C	2016	Đã có TBKL		TT89 PLI KH334
83	A7 Tân Mai					Chưa kiểm định			Bổ sung	
R	PHƯỜNG VINH HƯNG									
	Khu tập thể Quân đội 108 - Ngách 34/153 Vĩnh Tuy									
1	Dãy C TT Quân Đội 108	2	1			Chưa kiểm định				

2	Dãy D TT Quân Đội 108	2	1			Chưa kiểm định				
3	Dãy E TT Quân Đội 108	2	1			Chưa kiểm định				
4	Dãy G TT Quân Đội 108	2	1			Chưa kiểm định				
5	Dãy H TT Quân Đội 108	2	1			Chưa kiểm định				
S	Phường Long Biên									
	Khu tập thể Thạch Bàn									
1	B1	3		1974		C	2025	Đã có TBKL		TT31 VB 7302/CV-HĐKĐ
2	B2	3		1974		C	2025	Đã có TBKL		TT32 VB 7302/CV-HĐKĐ
3	B3	3		1970		C	2025	Đã có TBKL		TT33 VB 7302/CV-HĐKĐ
4	B4	3		1970		C	2025	Đã có TBKL		TT34 VB 7302/CV-HĐKĐ
5	B6	6		1994		Chưa kiểm định				
T	PHƯỜNG BỒ ĐỀ									
	Khu tập thể CTy Bưu điện HN-162 Nguyễn Văn Cừ									
1	Tập thể công ty Bưu điện Hà Nội 162 Nguyễn Văn Cừ Nhà A	5		1989		Chưa kiểm định				
2	Tập thể công ty Bưu điện Hà Nội 162 Nguyễn Văn Cừ Nhà B1	5		1989		B	2025	Đã có TBKL		TT27 VB 7302/CV-HĐKĐ
3	Tập thể công ty Bưu điện Hà Nội 162 Nguyễn Văn Cừ Nhà B2	5		1989		B	2025	Đã có TBKL		TT28 VB 7302/CV-HĐKĐ
4	Tập thể công ty Bưu điện Hà Nội 162 Nguyễn Văn Cừ Nhà C	5		1989		B	2025	Đã có TBKL		TT29 VB 7302/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Hàng Không									
5	Khu tập thể Hàng Không (04 nhà)					Chưa kiểm định				
6	Khu tập thể Hàng Không (04 nhà)					Chưa kiểm định				
7	Khu tập thể Hàng Không (04 nhà)					Chưa kiểm định				
8	Khu tập thể Hàng Không (04 nhà)					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể 133+135 Nguyễn Văn Cừ									
9	Nhà Số 2 ngõ 133 NVC (TT xe đạp, xe máy)	4				Chưa kiểm định				
10	Nhà Số 1 ngõ 135 NVC (TT hóa chất)	5				B	2024	Đã có TBKL		TT17 TB 662/TB-HĐKĐ
11	Nhà Số 3 ngõ 135 NVC (TT nông sản)	5				C	2024	Đã có TBKL		TT18 TB 662/TB-HĐKĐ
	Khu tập thể Cụm TT 558 NVC									
12	Tập thể quân đội C1+ C2+C3	3				C	2024	Đã có TBKL		TT21 TB 662/TB-HĐKĐ
13	Tập thể quân đội C4	5				Chưa kiểm định				
14	Khu tập thể viện Mỏ	3				Chưa kiểm định				
15	Tập thể công ty xuất nhập khẩu máy và phụ tùng	3				Chưa kiểm định				
	Khu tập thể xe lửa Gia Lâm									
16	TT xe lửa Gia Lâm - khu tập thể 401					C	2024	Đã có TBKL		TT20 TB 662/TB-HĐKĐ
17	TT xe lửa Gia Lâm - khu tập thể 443	3				C	2024	Đã có TBKL		TT19 TB 662/TB-HĐKĐ
U	Phường Việt Hưng									
	Khu tập thể Thượng Thanh									
1	Khu tập thể Thượng Thanh A1	2		1970		Chưa kiểm định				
2	Khu tập thể Thượng Thanh A2	2		1970		B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 7302/CV-HĐKĐ
3	Khu tập thể Thượng Thanh A3	2		1970		B	2025	Đã có TBKL		TT2 VB 7302/CV-HĐKĐ

4	Khu tập thể Thượng Thanh A4	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT3 VB 7302/CV-HĐKD
5	Khu tập thể Thượng Thanh A5	2		1970	Chưa kiểm định				
6	Khu tập thể Thượng Thanh A6	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT4 VB 7302/CV-HĐKD
7	Khu tập thể Thượng Thanh A7	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 7302/CV-HĐKD
8	Khu tập thể Thượng Thanh A8	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 7302/CV-HĐKD
9	Khu tập thể Thượng Thanh A9	1		1970	Chưa kiểm định				
10	Khu tập thể Thượng Thanh A10	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 7302/CV-HĐKD
11	Khu tập thể Thượng Thanh A11	2		1970	C	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 7302/CV-HĐKD
12	Khu tập thể Thượng Thanh A12	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 7302/CV-HĐKD
13	Khu tập thể Thượng Thanh B2	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 7302/CV-HĐKD
14	Khu tập thể Thượng Thanh B3	2		1970	Chưa kiểm định				
15	Khu tập thể Thượng Thanh B4	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 7302/CV-HĐKD
16	Khu tập thể Thượng Thanh B6	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7302/CV-HĐKD
17	Khu tập thể Thượng Thanh B7	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 7302/CV-HĐKD
18	Khu tập thể Thượng Thanh B5	2		1970	Chưa kiểm định				
19	Khu tập thể Thượng Thanh B11	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT14 VB 7302/CV-HĐKD
20	Khu tập thể Thượng Thanh B12	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT15 VB 7302/CV-HĐKD
21	Khu tập thể Thượng Thanh C2	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7302/CV-HĐKD
22	Khu tập thể Thượng Thanh C3	1		1970	Chưa kiểm định				
23	Khu tập thể Thượng Thanh C4	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT17 VB 7302/CV-HĐKD
24	Khu tập thể Thượng Thanh C6	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT18 VB 7302/CV-HĐKD
25	Khu tập thể Thượng Thanh C7	2		1970	Chưa kiểm định				
26	Khu tập thể Thượng Thanh C8	2		1970	Chưa kiểm định				
27	Khu tập thể Thượng Thanh C9	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT19 VB 7302/CV-HĐKD
28	Khu tập thể Thượng Thanh C10	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT20 VB 7302/CV-HĐKD
29	Khu tập thể Thượng Thanh C11	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT21 VB 7302/CV-HĐKD
30	Khu tập thể Thượng Thanh C12	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT22 VB 7302/CV-HĐKD
31	Khu tập thể Thượng Thanh C13	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT23 VB 7302/CV-HĐKD
32	Khu tập thể Thượng Thanh C14	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT24 VB 7302/CV-HĐKD
33	Khu tập thể Thượng Thanh C15	2		1970	B	2025	Đã có TBKL		TT25 VB 7302/CV-HĐKD
34	Khu tập thể Thượng Thanh C16				B	2025	Đã có TBKL		TT26 VB 7302/CV-HĐKD
	Khu tập thể Xây dựng 310								
35	Tập thể xây dựng 310 tổ 30 B1	3		1986	Chưa kiểm định				
36	Tập thể xây dựng 310 tổ 30 B2	3		1986	Chưa kiểm định				
37	Tập thể xây dựng 310 tổ 30 B3	3		1986	Chưa kiểm định				
38	Tập thể xây dựng 310 tổ 30 B4	3		1986	Chưa kiểm định				
39	Tập thể xây dựng 310 tổ 30 B5	3		1986	Chưa kiểm định				
V	Phường Phúc Lợi								
	Khu tập thể Sài Đồng A								
1	Khu Tập thể Sài Đồng A1	2		1959	Chưa kiểm định				
2	Khu Tập thể Sài Đồng A2	2		1959	Chưa kiểm định				
3	Khu Tập thể Sài Đồng A3	2		1959	Chưa kiểm định				
4	Khu Tập thể Sài Đồng A7	2		1959	B	2024	Đã có TBKL		TT1 TB 662/TB-HĐKD
5	Khu Tập thể Sài Đồng A8	2		1959	B	2024	Đã có TBKL		TT2 TB 662/TB-HĐKD
6	Khu Tập thể Sài Đồng A9	2		1959	B	2024	Đã có TBKL		TT3 TB 662/TB-HĐKD

7	Khu Tập thể Sài Đồng A10	2		1959		Chưa kiểm định				
8	Khu Tập thể Sài Đồng A11	2		1959		Chưa kiểm định				
9	Khu Tập thể Sài Đồng A12	2		1959		B	2024	Đã có TBKL		TT4 TB 662/TB-HĐKD
10	Khu Tập thể Sài Đồng A13	2		1959		B	2024	Đã có TBKL		TT5 TB 662/TB-HĐKD
11	Khu Tập thể Sài Đồng A14	2		1959		B	2024	Đã có TBKL		TT6 TB 662/TB-HĐKD
	Khu tập thể Sài Đồng B, C									
12	Khu Tập thể Sài Đồng B1	2		1960		Chưa kiểm định				
13	Khu Tập thể Sài Đồng B2	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT7 TB 662/TB-HĐKD
14	Khu Tập thể Sài Đồng B3	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT8 TB 662/TB-HĐKD
15	Khu Tập thể Sài Đồng B4	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT9 TB 662/TB-HĐKD
16	Khu Tập thể Sài Đồng B5	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT10 TB 662/TB-HĐKD
17	Khu Tập thể Sài Đồng B6	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT11 TB 662/TB-HĐKD
18	Khu Tập thể Sài Đồng B7	2		1960		Chưa kiểm định				
19	Khu Tập thể Sài Đồng C2	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT12 TB 662/TB-HĐKD
20	Khu Tập thể Sài Đồng C3	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT13 TB 662/TB-HĐKD
21	Khu Tập thể Sài Đồng C4	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT14 TB 662/TB-HĐKD
22	Khu Tập thể Sài Đồng C6	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT15 TB 662/TB-HĐKD
23	Khu Tập thể Sài Đồng C7	2		1960		B	2024	Đã có TBKL		TT16 TB 662/TB-HĐKD
24	Khu Tập thể Sài Đồng C8	2		1960		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể May 10									
25	Tập thể may 10 A1	3		1960		C	2020	Đã có TBKL		TT16 PL3 KH334
26	Tập thể may 10 A2	3		1960		C	2020	Đã có TBKL		TT17 PL3 KH334
27	Tập thể may 10 A3	3		1960		C	2020	Đã có TBKL		TT18 PL3 KH334
28	Tập thể may 10 A10	2		1960		Chưa kiểm định				
29	Tập thể may 10 A11	2		1960		Chưa kiểm định				
30	Tập thể may 10 A12	2		1960		Chưa kiểm định				
31	Tập thể may 10 A13	2		1960		Chưa kiểm định				
32	Tập thể may 10 B1	3		1960		C	2020	Đã có TBKL		TT19 PL3 KH334
33	Tập thể may 10 B2	3		1960		B	2025	Đã có TBKL		TT30 VB 7302/CV-HĐKD
W	PHƯỜNG ĐỒNG NGẠC									
	Khu tập thể CTCP Xây dựng số 2									
1	Nhà N1 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7304/CV-HĐKD
2	Nhà N2 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 7304/CV-HĐKD
3	Nhà N3 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT14 VB 7304/CV-HĐKD
4	Nhà N4 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT15 VB 7304/CV-HĐKD
5	Nhà N5 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7304/CV-HĐKD
6	Nhà N6 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 7304/CV-HĐKD

7	Nhà N7 - TT Công ty cổ phần xây dựng số 2	2	1	1989	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT2 VB 7304/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Công ty Bê tông xây dựng									
8	Nhà A1-TT Công ty Bê tông xây dựng	3	1	1961	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	Chưa kiểm định				
9	Nhà A2-TT Công ty Bê tông xây dựng	3	1	1962	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	Chưa kiểm định				
10	Nhà A3-TT Công ty Bê tông xây dựng	3	1	1988	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	Chưa kiểm định				
11	Nhà E-TT Công ty Bê tông xây dựng	2	1	1984	Trương xây chịu lực kết hợp khung BTCT	Chưa kiểm định				
12	TT Công ty Cầu 7 Thăng Long (Nhà A + NHÀ B)	2	1	1972	Khung bê tông cốt thép lắp ghép	B	2025	Đã có TBKL		TT17 VB 7304/CV-HĐKĐ
13	TT Công ty cơ giới và xây dựng Thăng Long (Dãy 1 + Dãy 2)	2	1	1975	Khung bê tông cốt thép lắp ghép	B	2025	Đã có TBKL		TT17 VB 7304/CV-HĐKĐ
X	XÃ VINH THANH									
	Khu tập thể Công ty xây dựng số 6 Thăng Long									
1	Nhà A2, TT công ty xây dựng số 6 Thăng Long					B	2025	Đã có TBKL		TT23 VB 7262/CV-HĐKĐ
2	Nhà A3, TT cộng ty xây dựng số 6 Thăng Long					B	2025	Đã có TBKL		TT24 VB 7262/CV-HĐKĐ
3	Nhà A4, TT công ty xây dựng số 6 Thăng Long					B	2025	Đã có TBKL		TT25 VB 7262/CV-HĐKĐ
4	Nhà A5, TT công ty xây dựng số 6 Thăng Long					B	2025	Đã có TBKL		TT26 VB 7262/CV-HĐKĐ
5	Nhà A7, TT công ty xây dựng số 6 Thăng Long					B	2025	Đã có TBKL		TT27 VB 7262/CV-HĐKĐ
6	Nhà A1, Khu tập thể Công ty xây dựng số 6 Thăng Long	2				Chưa kiểm định				
7	Nhà A6, Khu tập thể Công ty xây dựng số 6 Thăng Long	2				Chưa kiểm định				
8	Nhà A8, Khu tập thể Công ty xây dựng số 6 Thăng Long	2				Chưa kiểm định				
9	Nhà A9, Khu tập thể Công ty xây dựng số 6 Thăng Long	2				Chưa kiểm định				
10	Nhà A10, Khu tập thể Công ty xây dựng số 6 Thăng Long	2				Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Cầu 11, Hải Bối									
11	Nhà ray số 01, Khu tập thể cầu 11, Hải Bối	2				Chưa kiểm định				
12	Nhà ray số 02, Khu tập thể cầu 11, Hải Bối	2				Chưa kiểm định				
13	Nhà ray số 03 (cuba), Khu tập thể cầu 11, Hải Bối	2				Chưa kiểm định				
14	Khu tập thể bệnh viện Nam Thăng Long, Hải Bối	2				Chưa kiểm định				

	Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long								
15	Nhà B1, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
16	Nhà B2, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
17	Nhà B3, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
18	Nhà B10, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	3				Chưa kiểm định			
19	Nhà B11, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
20	Nhà B12, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
21	Nhà B14, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
22	Nhà B18, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
23	Nhà B21, Khu tập thể Cơ khí 4 và xây dựng Thăng Long	2				Chưa kiểm định			
	Khu tập thể Đường sắt Hà Thái								
24	Nhà số 01, Khu tập thể đường Sắt Hà Thái	2				Chưa kiểm định			
25	Nhà số 02, Khu tập thể đường Sắt Hà Thái	2				Chưa kiểm định			
Y	XÃ THANH TRÌ								
	Khu tập thể Z179								
1	Nhà 05 tầng thuộc khu tập thể Z179	5	1	trước 1990	nhà khung BTTC	Chưa kiểm định			
2	Nhà 05 tầng thuộc khu tập thể Z179	5	1	trước 1990	nhà khung BTTC	Chưa kiểm định			
3	Nhà 05 tầng thuộc khu tập thể Z179	5	1	trước 1990	nhà khung BTTC	Chưa kiểm định			
4	Nhà 03 tầng thuộc khu tập thể Z179	3	1	trước 1990	nhà khung BTTC	Chưa kiểm định			
Z	XÃ PHÚC THỊNH								
	Khu tập thể Phúc Thịnh								
1	Nhà A1, TT Phúc Thịnh	2	1			B	2025	Đã có TBKL	TT28 VB 7262/CV-HĐKĐ
2	Nhà A2, TT Phúc Thịnh	2	1			B	2025	Đã có TBKL	TT29 VB 7262/CV-HĐKĐ
3	Nhà A3, TT Phúc Thịnh	2	1			C	2025	Đã có TBKL	TT30 VB 7262/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Nguyên Khê								
4	Nhà A1 TT Nguyên Khê	5	1			C	2015	Đã có TBKL	TT39 PLI KH334
5	Nhà A2 TT Nguyên Khê	5	1			C	2015	Đã có TBKL	TT40 PLI KH334
6	Nhà A3 TT Nguyên Khê	5	1			C	2015	Đã có TBKL	TT41 PLI KH334
7	Nhà A4 TT Nguyên Khê	5	1			C	2015	Đã có TBKL	TT42 PLI KH334
8	Nhà A5 TT Nguyên Khê	5	1			Chưa kiểm định			
	Khu tập thể thiết bị điện								
9	Nhà số 01 TT Thiết bị điện	3	1			Chưa kiểm định			
10	Nhà số 02 TT Thiết bị điện	5	2			Chưa kiểm định			
	Khu tập thể chế tạo điện Việt Nam - Hungari								

11	Nhà số 1	2	2			Chưa kiểm định			bs	
12	Nhà số 2	2	2			Chưa kiểm định			bs	
A1	PHƯỜNG HÀ ĐÔNG									
	Khu tập thể Công ty Thiết Bị Địa chỉ: Đường An Hòa, Mộ Lao, phường Hà Đông									
1	Khu nhà ở Thiết Bị 1 - Tổ dân phố 1 (Dãy A)	2	1	1979		Chưa kiểm định				
2	Khu nhà ở Thiết Bị 2 - Tổ dân phố 1 (Dãy B)	2	1	1979		Chưa kiểm định				
3	Khu nhà ở Thiết Bị 3 - Tổ dân phố 1 (Dãy C)	2	1	1979		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể K5 (03 nhà) Địa chỉ: Đường Ao Sen, Mộ Lao, phường Hà Đông									
4	Khu nhà ở K5-1 - Tổ dân phố số 3	5	1	1981		C	2019	Đã có TBKL		TT20 PL2 KH334
5	Khu nhà ở K5-2 - Tổ dân phố số 3	5	1	1981		C	2019	Đã có TBKL		TT21 PL2 KH334
6	Khu nhà ở K5-3 - Tổ dân phố số 3	5	1	1981		C	2019	Đã có TBKL		TT22 PL2 KH334
	Khu tập thể Văn phòng Bộ Xây dựng Địa chỉ: Đường Ao Sen, Mộ Lao, phường Hà Đông									
7	Khu nhà ở Nova 1 - Văn phòng Bộ Xây	2	1	1975		Chưa kiểm định				
8	Khu nhà ở Nova 2 - Văn phòng Bộ Xây	2	1	1975		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Dệt - Địa chỉ: Đường Ao Sen, Mộ Lao, phường Hà Đông									
9	Khu Tập thể Dệt Dãy C - Tổ dân phố 4	2	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT53 TB 662/TB-HĐKD
10	Khu Tập thể Dệt Dãy D - Tổ dân phố 4	2	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT53 TB 662/TB-HĐKD
11	Khu Tập thể Dệt Dãy Đ - Tổ dân phố 4	3	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT53 TB 662/TB-HĐKD
12	Khu Tập thể Dệt Dãy I - Tổ dân phố 4	3	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT53 TB 662/TB-HĐKD
13	Khu Tập thể Dệt Dãy H - Tổ dân phố 4	3	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT53 TB 662/TB-HĐKD
	Khu tập thể Học viện Quân Y - Địa chỉ: TDP8, Phúc La, phường Hà Đông									
14	Khu 4 dãy nhà 3 tầng, tổ dân phố 8 (Nhà 24)	3	1	1960		Chưa kiểm định				
15	Khu 4 dãy nhà 3 tầng, tổ dân phố 8 (Nhà 25A)	3	1	1960		C	2019	Đã có TBKL		TT23 PL2 KH334
16	Khu 4 dãy nhà 3 tầng, tổ dân phố 8 (Nhà 35A)	3	1	1960		C	2019	Đã có TBKL		TT24 PL2 KH334
17	Khu 4 dãy nhà 3 tầng, tổ dân phố 8 (Nhà 35B)	3	1	1960		C	2019	Đã có TBKL		TT25 PL2 KH334
	Khu tập thể 5 tầng - Địa chỉ: Đường Ngô Thi Nhậm, TDP7, Quang Trung, phường Hà Đông									
18	Khu tập thể 5 tầng A1	5	1	1993		C	2019	Đã có TBKL		TT19 PL2 KH334
19	Khu tập thể 5 tầng A2	5	1	1993		C	2019	Đã có TBKL		TT19 PL2 KH334

	Khu tập thể liên hợp thực phẩm - Địa chỉ: Ngõ 5 đường Quang Trung, TDP8, Quang Trung, phường Hà Đông									
20	Khu tập thể liên hợp thực phẩm A	2	1	1974		C	2024	Đã có TBKL		TT45 TB 662/TB-HĐKĐ
21	Khu tập thể liên hợp thực phẩm B	2	1	1974		C	2024	Đã có TBKL		TT45 TB 662/TB-HĐKĐ
	Khu tập thể Công ty cổ phần Len Hà Đông - Địa chỉ: TDP8, Vạn Phúc, phường Hà Đông									
22	Khu tập thể 3 tầng	3	1	1982		C	2019	Đã có TBKL		TT26 PL2 KH334
23	Khu tập thể 4 tầng	4	1	1982		C	2019	Đã có TBKL		TT27 PL2 KH334
	Khu tập thể Học viện An ninh - Địa chỉ: Ngõ 74 phố Đại An, Văn Quán, phường Hà Đông									
24	Nhà 5G, Tập thể học viện An ninh ĐN 1	5	1	1980		C	2019	Đã có TBKL		TT29 PL2 KH334
25	Nhà 5G, Tập thể học viện An ninh ĐN 2	5	1	1980		C	2019	Đã có TBKL		TT29 PL2 KH334
26	Nhà 5G, Tập thể học viện An ninh ĐN 3	5	1	1980		B	2019	Đã có TBKL		TT29 PL2 KH334
	Khu tập thể Máy kéo NN - Địa chỉ: Ngõ Gia Khâm+Trương Công Định, Yên Kiêu, phường Hà Đông									
27	Chung cư A1 khu máy kéo NN	4	1	1977		B	2024	Đã có TBKL		TT40 TB 662/TB-HĐKĐ
28	Chung cư A2 khu máy kéo NN	2	1	1979		B	2024	Đã có TBKL		TT41 TB 662/TB-HĐKĐ
29	Chung cư A3 khu máy kéo NN	2	1	1985		B	2024	Đã có TBKL		TT42 TB 662/TB-HĐKĐ
30	Chung cư A4 khu máy kéo NN	2	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT43 TB 662/TB-HĐKĐ
31	Chung cư B1 khu máy kéo NN	4	1	1990		B	2024	Đã có TBKL		TT44 TB 662/TB-HĐKĐ
	Khu tập thể 3 tầng Đường Lê Hồng Phong							Đã có KL thuộc diện phá dỡ		
32	Khu tập thể 3 tầng (Dãy A)	3	1	1970		C	2019	Đã có TBKL		TT28 PL2 KH334
33	Khu tập thể 3 tầng (Dãy B)	3	1	1970		C	2019	Đã có TBKL		TT28 PL2 KH334
34	Khu tập thể 3 tầng (Dãy C)	3	1	1970		C	2019	Đã có TBKL		TT28 PL2 KH334
35	Khu tập thể 3 tầng (Dãy D)	3	1			B	2024	Đã có TBKL		TT39 TB 662/TB-HĐKĐ
B1	PHƯỜNG BẠCH MAI									
	Khu tập thể Bách Khoa									
1	Nhà K1 Bách Khoa					C	2017	Đã có TBKL		TT168 PL1 KH334
2	Nhà K2 Bách Khoa					B	2017	Đã có TBKL		TT169 PL1 KH334
3	Nhà K3 Bách Khoa					B	2017	Đã có TBKL		TT170 PL1 KH334
4	Nhà K4 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
5	Nhà K5 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
6	Nhà K6 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
7	Nhà K7 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
8	Nhà K8 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
9	Nhà K9 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
10	Nhà K10a Bách Khoa					C	2017	Đã có TBKL		TT171 PL1 KH334
11	Nhà K10b Bách Khoa					C	2017	Đã có TBKL		TT171 PL1 KH334
12	Nhà K11a Bách Khoa					Chưa kiểm định				
13	Nhà K11b Bách Khoa					Chưa kiểm định				

14	Nhà K12 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
15	Nhà K14 Bách Khoa					C	2017	Đã có TBKL		TT172 PLI KH334
16	Nhà K16 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
17	Nhà K17 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
18	Nhà K18 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
19	Nhà E1 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
20	Nhà E2 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
21	Nhà A1 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
22	Nhà E3 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
23	Nhà E4 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
24	Nhà E5 Bách Khoa					B	2016	Đã có TBKL		TT78 PLI KH334
25	Nhà E6 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
26	Nhà E7 Bách Khoa					B	2016	Đã có TBKL		TT79 PLI KH334
27	Nhà Z7 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
28	Nhà Z8 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
29	Nhà Z9 Bách Khoa					Chưa kiểm định				
30	Nhà Z10 Bách Khoa					B	2017	Đã có TBKL		TT173 PLI KH334
	Khu tập thể Thông tấn xã Việt Nam									
31	C1 TT TTXVN					Chưa kiểm định				
32	Nhà ĐN 1,2 TT TTXVN					Chưa kiểm định				
33	Nhà ĐN 3 TT TTXVN					Chưa kiểm định				
34	Nhà ĐN 4 TT TTXVN					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Mai Hương									
35	M1 TT Mai Hương					Chưa kiểm định				
36	M2					Chưa kiểm định				
37	M3					Chưa kiểm định				
38	M4					Chưa kiểm định				
39	M5					Chưa kiểm định				
40	M6					Chưa kiểm định				
41	M7					Chưa kiểm định				
42	M8					Chưa kiểm định				
43	M9					Chưa kiểm định				
44	M10					Chưa kiểm định				
45	M11					Chưa kiểm định				
46	M12					Chưa kiểm định				
47	M14					Chưa kiểm định				
48	M15					Chưa kiểm định				
49	M16					Chưa kiểm định				
50	M17 số 50 BND					Chưa kiểm định				
51	M18					Chưa kiểm định				
52	M21					Chưa kiểm định				
53	M22					Chưa kiểm định				
54	M23					Chưa kiểm định				
55	M24					Chưa kiểm định				
56	M25					Chưa kiểm định				

57	M21					Chưa kiểm định				
58	M22					Chưa kiểm định				
59	M23					Chưa kiểm định				
60	M24					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Đài Tiếng nói Việt Nam									
61	Nhà A1 TT Đài tiếng nói Việt Nam - 128 Đại La					C	2016	Đã có TBKL		TT81 PLI KH 334
62	Nhà A2 TT Đài tiếng nói Việt Nam- 128 Đại La					C	2016	Đã có TBKL		TT82 PLI KH 334
63	Nhà A3 TT Đài tiếng nói Việt Nam- 128 Đại La					C	2016	Đã có TBKL		TT83 PLI KH 334
64	Nhà A4 TT Đài tiếng nói Việt Nam- 128 Đại La					C	2016	Đã có TBKL		TT84 PLI KH 334
65	Nhà A5 TT Đài tiếng nói Việt Nam- 128 Đại La					C	2016	Đã có TBKL		TT85 PLI KH 334
66	Nhà E1					B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 7947/CV-HĐKĐ
67	Nhà E2					B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 7947/CV-HĐKĐ
68	Nhà E3					B	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 7947/CV-HĐKĐ
69	Nhà E4					B	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 7947/CV-HĐKĐ
70	Nhà A9					B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 7947/CV-HĐKĐ
71	Nhà A10					C	2017	Đã có TBKL		TT176 PLI KH 334
	Khu tập thể Trường ĐHKQTĐ									
72	Nhà D1 TT Trường ĐHKQTĐ					C	2017	Đã có TBKL		TT177 PLI KH 334
73	Nhà Y9 TT Trường ĐHKQTĐ					C	2017	Đã có TBKL		TT178 PLI KH 334
74	Nhà 8 TT Trường ĐHKQTĐ					C	2019	Đã có TBKL		TT13 PL2 KH 334
75	Nhà A12 TT Trường ĐHKQTĐ					B	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 7947/CV-HĐKĐ
76	Nhà A13 TT Trường ĐHKQTĐ					B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 7947/CV-HĐKĐ
77	Nhà A14 TT Trường ĐHKQTĐ					B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 7947/CV-HĐKĐ
78	Nhà A15 TT Trường ĐHKQTĐ					B	2025	Đã có TBKL		TT14 VB 7947/CV-HĐKĐ
79	Nhà H50					B	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7947/CV-HĐKĐ
80	Nhà tập thể D5					B	2025	Đã có TBKL		TT40 VB 7949/CV-HĐKĐ
81	Nhà tập thể D6					B	2025	Đã có TBKL		TT41 VB 7949/CV-HĐKĐ
82	Nhà tập thể 125B					B	2025	Đã có TBKL		TT42 VB 7949/CV-HĐKĐ
83	Nhà tập thể 125A					B	2025	Đã có TBKL		TT43 VB 7949/CV-HĐKĐ
84	Nhà tập thể 125C					B	2025	Đã có TBKL		TT44 VB 7949/CV-HĐKĐ
85	Nhà tập thể 125D					C	2017	Đã có TBKL		TT174 PLI KH 334
86	Nhà tập thể 125E					C	2017	Đã có TBKL		TT175 PLI KH 334
87	Nhà tập thể 125Đ					B	2025	Đã có TBKL		TT45 VB 7949/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể CTCP TM xây dựng xi măng									
88	Nhà 39 ngõ 187 Hồng Mai (Tập thể CTCPTM xây dựng xi măng)					Chưa kiểm định				
89	Nhà 41 ngõ 187 Hồng Mai (Tập thể CTCPTM xây dựng xi măng)					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bộ Lâm Nghiệp									
90	Nhà B1, Tập thể Bộ Lâm Nghiệp					Chưa kiểm định				

91	Nhà B2, Tập thể Bộ Lâm Nghiệp					Chưa kiểm định				
92	Nhà B3, Tập thể Bộ Lâm Nghiệp					Chưa kiểm định				
93	Nhà B4, Tập thể Bộ Lâm Nghiệp					Chưa kiểm định				
94	Nhà B5, Tập thể Bộ Lâm Nghiệp					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bưu Điện - ngõ 164 phố Hồng Mai									
95	Nhà 42A ngõ 164 phố Hồng Mai (B15A TT Bưu điện)					Chưa kiểm định				
96	Nhà 42B ngõ 164 phố Hồng Mai (B15B TT Bưu điện)					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể ngõ 158 phố Hồng Mai									
97	Nhà B16 ngõ 158 phố Hồng Mai					Chưa kiểm định				
98	Nhà B17 ngõ 158 phố Hồng Mai					Chưa kiểm định				
99	Nhà B18 ngõ 158 phố Hồng Mai					Chưa kiểm định				
100	Nhà B19 ngõ 158 phố Hồng Mai					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Điện than - 129 Thanh Nhân									
101	Nhà B – 129 Thanh Nhân (Tập thể điện than)					Chưa kiểm định				
102	Nhà C – 129 Thanh Nhân (Tập thể điện than)					Chưa kiểm định				
103	Nhà A – 129 Thanh Nhân (Tập thể điện than)					Chưa kiểm định				
	Khu Tập thể Quỳnh Mai									
104	A1					C	2017	Đã có TBKL		TT159 PLI KH 334
105	A2					C	2017	Đã có TBKL		TT160 PLI KH 334
106	A3					C	2017	Đã có TBKL		TT161 PLI KH 334
107	A4					C	2017	Đã có TBKL		TT162 PLI KH 334
108	A5					C	2017	Đã có TBKL		TT163 PLI KH 334
109	A6					C	2017	Đã có TBKL		TT164 PLI KH 334
110	A10					B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 7449/CV-HĐKĐ
111	C1					B	2017	Đã có TBKL		TT165 PLI KH 334
112	C2					C	2020	Đã có TBKL		TT6 PL3 KH 334
113	C3					C	2020	Đã có TBKL		TT7 PL3 KH 334
114	C4					B	2020	Đã có TBKL		TT8 PL3 KH 334
115	C5					C				
116	C6a					C	2020	Đã có TBKL		TT9 PL3 KH 334
117	C6b					C	2020	Đã có TBKL		TT10 PL3 KH 334
118	C7a					C	2021	Đã có TBKL		TT9 VB 2058/SXD-GĐXD
119	C7b					B	2020	Đã có TBKL		TT11 PL3 KH 334
120	C8					B	2021	Đã có TBKL		TT10 VB 2058/SXD-GĐXD
121	C8b					B	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 7449/CV-HĐKĐ
122	C9					B	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 7449/CV-HĐKĐ
123	C10					B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 7449/CV-HĐKĐ

124	C11					B	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 7449/CV-HĐKĐ
125	D1					B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 7449/CV-HĐKĐ
126	D2					B	2025	Đã có TBKL		TT2 VB 7449/CV-HĐKĐ
127	D3					B	2025	Đã có TBKL		TT3 VB 7449/CV-HĐKĐ
128	D4					B	2025	Đã có TBKL		TT4 VB 7449/CV-HĐKĐ
129	D5					B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 7449/CV-HĐKĐ
130	D6					B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 7449/CV-HĐKĐ
131	D7					B	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7449/CV-HĐKĐ
132	D8					B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 7449/CV-HĐKĐ
133	D9					B	2025	Đã có TBKL		TT14 VB 7449/CV-HĐKĐ
134	D10					B	2025	Đã có TBKL		TT15 VB 7449/CV-HĐKĐ
135	D11					B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7449/CV-HĐKĐ
136	D12					C	2025	Đã có TBKL		TT17 VB 7449/CV-HĐKĐ
137	D14A					C	2017	Đã có TBKL		TT167 PLI KH 334
138	D14B					B	2025	Đã có TBKL		TT18 VB 7449/CV-HĐKĐ
139	D15					B	2025	Đã có TBKL		TT19 VB 7449/CV-HĐKĐ
140	E1					B	2025	Đã có TBKL		TT20 VB 7449/CV-HĐKĐ
141	E2					B	2025	Đã có TBKL		TT20 VB 7449/CV-HĐKĐ
142	E3					B	2025	Đã có TBKL		TT22 VB 7449/CV-HĐKĐ
143	E4					B	2025	Đã có TBKL		TT23 VB 7449/CV-HĐKĐ
144	E5					C	2017	Đã có TBKL		TT166 PLI KH 334
145	E6					C				
146	E7					C				
147	E8					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể A7-A9 Bùi Ngọc Dương									
148	TT A7					Chưa kiểm định				
149	TT A9					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Trại Găng									
150	A2 Trại Găng					Chưa kiểm định				
151	TT B3 Trại Găng					Chưa kiểm định				
152	TT B6 Trại Găng					Chưa kiểm định				
153	TT B7 Trại Găng					Chưa kiểm định				
154	TT B10 Trại Găng					Chưa kiểm định				
155	TT B11 Trại Găng					Chưa kiểm định				
156	TT A5 trại Găng					Chưa kiểm định				
157	TT B1 Trại Găng					C	2016	Đã có TBKL		TT76 PLI KH 334
158	TT B2 Trại Găng					Chưa kiểm định				
159	TT B2b Trại Găng					Chưa kiểm định				
160	90 A3b					Chưa kiểm định				
161	TT B9					Chưa kiểm định				
	Khu tập thể 84-96 Võ Thị Sáu									
162	TT Ngân Hàng					Chưa kiểm định				
163	TT 5C					Chưa kiểm định				
164	TT 7C1B					Chưa kiểm định				
165	TT 94 C1					Chưa kiểm định				

166	Nhà C2				Chưa kiểm định				
167	nhà C4				Chưa kiểm định				
168	Nhà C5				Chưa kiểm định				
169	Nhà A				Chưa kiểm định				
170	Nhà B				Chưa kiểm định				
171	Nhà C				C	2016	Đã có TBKL		TT77 PLI KH 334
172	TT A18				Chưa kiểm định				
C1	PHƯỜNG TƯƠNG MAI								
	Khu tập thể 242 A,B								
1	Nhà tập thể 242A				C	2020	Đã có TBKL		TT1 PL3 KH 334
2	Nhà tập thể 242B				C	2016	Đã có TBKL		TT80 PLI KH 334
	Khu tập thể Tương Mai cũ								
3	K1	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
4	K4	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
5	K5	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
6	K7	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
7	K8	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
8	K10	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
9	K11	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
10	K15A	2		Tường xây chịu lực	B	2024			
11	K15	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
12	K16	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
13	K20	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
14	K23	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
15	K28	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
16	Q2B	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
17	Q5B	2		Tường xây chịu lực	B	2024			
18	Q5C	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
19	Q14	2	1	Tường xây chịu lực	B	2024			
20	Q2	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
21	Q5	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
22	Q6	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
23	Q10	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
24	Q11	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
25	Q12	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
26	Q13	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
27	Q16	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
28	Q18	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
29	Q20	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
30	Q21	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
31	Q23	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
32	Q24	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
33	Q25	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
34	Q26	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
35	Q27	2		Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				

36	Q28	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
37	Q29	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
38	Q31	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
39	Q32	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
40	Q33	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
41	Q34	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
42	Q36	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
43	Q38	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
44	Q39	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
45	Tập thể K17	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
46	Tập thể K18	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
47	Tập thể K19	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
48	Tập thể K21	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
49	Tập thể K22	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
50	Tập thể K24	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
51	Tập thể K25	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
52	Tập thể K26	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
53	Tập thể K27	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
54	Q15	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
55	Q19	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
56	Q22	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
57	Q30	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
58	Q35	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
59	Q37	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
60	Q40	2	3		Tường xây chịu lực	B	2024			
61	Q41	2	3		Tường xây chịu lực	C	2024			
62	P1B	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
63	P1	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
64	P2	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
65	P2B	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
66	P3	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
67	P6	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
68	P14	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
69	P15	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
70	P17	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
71	P21	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
72	P23	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
73	P25	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
74	P27	2	3		Tường xây chịu lực	C	2024			
75	P4	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
76	P5	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
77	P7	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
78	P8	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
79	P9	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
80	P10	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				

81	P11	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
82	P12	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
83	P13	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
84	P16	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
85	P18	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
86	P19	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
87	P20	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
88	P22	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
89	P26	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
90	K29	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
91	B	2			Nhà lắp ghép	Chưa kiểm định				
92	M1	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
93	M6B	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
94	M8B	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
95	M11	2	1		Tường xây chịu lực	C	2024			
96	M15A	2	1		Tường xây chịu lực	C	2024			
Khu tập thể X Trương Định										
97	X1 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
98	X2 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
99	X3 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
	Khu tập thể Trương Định								Đã Đánh giá HT, Đang thực hiện thủ tục kết luận Khu thuộc diện phá dỡ	
100	H1 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
101	H2 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	C	2025			
102	H3 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
103	H4 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
104	H5 TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	C	2025			
105	Nhà A TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
106	Nhà B TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2025			
107	Nhà C TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
108	Nhà D TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
109	Nhà E TT Trương Định	2	1		Tường xây chịu lực	B	2024			
Khu tập thể Mai Động										
110	C27	2	2			C	2023			
111	C28	2	2			B	2023			
112	C31	2	3			B	2023			
113	C29A TT Mai Động	2	2			C	2023			
114	C29B TT Mai Động	2	2			B	2023			
115	C20 TT Mai Động	2	3			C	2023			
116	C21 TT Mai Động	2	3			C	2023			
117	C2C	2	2			C	2023			
118	C5 TT Mai Động	2	3			C	2023			
119	C7 TT Mai Động	2	2			B	2023			
120	C10 TT Mai Động	2	2			B	2023			

121	C12 TT Mai Động	2	3			C	2023			
122	C13 TT Mai Động	2	2			C	2023			
123	C33 TT Mai Động	2	2			C	2023			
124	C34 TT Mai Động	2	3			C	2023			
125	A2 TT Mai Động	2	3			C	2023			
126	A3 TT Mai Động	2	4 căn hộ			B	2023			
127	A4 TT Mai Động	2	3			C	2023			
128	A5 TT Mai Động	2	3			B	2023			
129	A6 TT Mai Động	2	3			B	2023			
130	A7 TT Mai Động	2	3			C	2023			
131	A8 TT Mai Động	2	3			C	2023			
132	A9 TT Mai Động	2	3			B	2023			
133	A10 TT Mai Động	2	1			B	2023			
134	A11 TT Mai Động	2	2			B	2023			
135	A17 TT Mai Động	2	3			C	2023			
136	B1A	2	2			C	2023			
137	B3 TT Mai Động	2	3			C	2023			
138	B4 TT Mai Động	2	3			B	2023			
139	B5 TT Mai Động	2	3			C	2023			
140	B6 TT Mai Động	2	3			B	2023			
141	B7 TT Mai Động	2	3			B	2023			
142	B10 TT Mai Động	3	1			B	2023			
143	B15 TT Mai Động	2	1			C	2023			
144	B16 TT Mai Động	2	1			B	2023			
145	B17B TT Mai Động	2	1			B	2023			
146	B18 TT Mai Động	2				B	2023			
	Khu tập thể Công ty Sảnh sứ Thủy Tinh									
147	C8B - Cty Sảnh Sứ Thủy Tinh	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
148	C6 - Cty Sảnh Sứ Thủy Tinh	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
149	B17A - Cơ khí Quang Trung	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Bộ Nội thương									
150	C22B - Bộ Nội thương	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
151	C22A - Bộ Nội thương	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
	Khu Tập thể nhà ô tô									
152	Tập thể khu nhà A1 – ô tô 3-2	2+6			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
153	Tập thể khu nhà A2 – ô tô 3-2	2+6			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
	Khu TT Bánh kẹo Hải Hà - 27-29 Giáp Bát									
154	Tập thể khu A	4			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
155	Tập thể khu B	4			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
D1	PHƯỜNG PHÚ DIỄN									
	Khu Tập thể T262 phường Phú Diễn									
1	Nhà A01	2		1960	Tường xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 7304/CV-HĐKD

1	Nhà A - Tập thể Bao bì xuất khẩu Phú Thương	2				B	2024	Đã có TBKL		TT22 TB 662/TB-HĐKĐ
2	Nhà B - Tập thể Bao bì xuất khẩu Phú Thương	5				B	2021	Đã có TBKL		TT12 VB 2058/SXD-GĐXD
G1	PHƯỜNG HỒNG HÀ									
	Khu tập thể Ngân Hàng Trung ương									
1	Nhà 4B (NH TƯ) - Số 92 Vọng Hà	2	2	1970		B	2025	Đã có TBKL		TT01-1 VB 6653/CV-HĐKĐ
2	Nhà 6A (NH TƯ) - Số 94 Vọng Hà					B	2025	Đã có TBKL		TT01-2 VB 6653/CV-HĐKĐ
3	Nhà 8A (NH TƯ) - Số 715 Hồng Hà	6	1	1990		B	2025	Đã có TBKL		TT01-3 VB 6653/CV-HĐKĐ
4	Nhà 8B (NH TƯ) - Số 713 Hồng Hà	4	1	1990		B	2025	Đã có TBKL		TT01-4 VB 6653/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể Bộ GTVT									
5	Nhà 2 (Bộ GTVT) - Số 2 Vọng Hà	4	2	1990		B	2025	Đã có TBKL		TT02-1 VB 6653/CV-HĐKĐ
6	Nhà 4 (Bộ GTVT) - Số 4 Vọng Hà	5	2	Đầu những năm 1990		B	2025	Đã có TBKL		TT02-2 VB 6653/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể 99 Vọng Hà									
7	Nhà 9A - Ngõ 99 Vọng Hà	5	2	Đầu những năm 1990		B	2025	Đã có TBKL		TT03-1 VB 6653/CV-HĐKĐ
8	Nhà 9B - Ngõ 99 Vọng Hà	2	3	1988		B	2025	Đã có TBKL		TT03-1 VB 6653/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể 43 Vọng Hà									
9	Nhà A10 - Số 43 Vọng Hà	3	1	Cuối những năm 90		B	2025	Đã có TBKL		TT04-1 VB 6653/CV-HĐKĐ
10	Nhà A11 - Số 43 Vọng Hà	2	2	1987		B	2025	Đã có TBKL		TT04-2 VB 6653/CV-HĐKĐ
11	Nhà A12 - Số 43 Vọng Hà	5	2	1990		B	2025	Đã có TBKL		TT04-3 VB 6653/CV-HĐKĐ
12	Nhà A13 - Số 43 Vọng Hà	4	2	1988		B	2025	Đã có TBKL		TT04-4 VB 6653/CV-HĐKĐ
	Khu tập thể 97 Vọng Hà (số cũ 7AB)									
13	A97 - (Tên cũ : 7AB) - Ngõ 97 Vọng Hà	5	3	1989		C	2017	Đã có TBKL		TT142 PLI KH334
14	B97 - (Tên cũ : 7AB) - Ngõ 97 Vọng Hà	5	2			B	2017	Đã có TBKL		TT142 PLI KH334
	Khu tập thể Hồ Việt Xô									
15	D1 Hồ Việt Xô	3	1			Chưa kiểm định				
16	D2 Hồ Việt Xô	5	2			Chưa kiểm định				
17	E1 Hồ Việt Xô	3	1			Chưa kiểm định				
18	E2 Hồ Việt Xô			1997		Chưa kiểm định				
	Khu tập thể BTL Biên Phòng									
19	N11 TT BTL Biên Phòng			1997		Chưa kiểm định				
20	N12 TT BTL Biên Phòng			1997		Chưa kiểm định				
21	N13 TT BTL Biên Phòng			1997		Chưa kiểm định				
22	N14 TT BTL Biên Phòng			1990		Chưa kiểm định				
23	N15TT BTL Biên Phòng			1990		Chưa kiểm định				

24	N16 TT BTL Biên Phòng			1990		Chưa kiểm định				
H1	XÃ THỦ LÂM									
	Khu TT Kính Nỗ, xã Uy Nỗ									
1	Nhà A1 TT Kính Nỗ	4	2			C	2016	Đã có TBKL		TT100 PLI KH334
2	Nhà A3 TT Kính Nỗ	2	1			C	2024	Đã có TBKL		TT25 TB 662/TB-HĐKĐ
3	Nhà A4 TT Kính Nỗ	2	1			C	2024	Đã có TBKL		TT26 TB 662/TB-HĐKĐ
4	Nhà A6 TT Kính Nỗ	2	1			B	2024	Đã có TBKL		TT27 TB 662/TB-HĐKĐ
5	Nhà A8 TT Kính Nỗ	2	1			B	2024	Đã có TBKL		TT28 TB 662/TB-HĐKĐ
6	Nhà A9 TT Kính Nỗ	2	1			B	2024	Đã có TBKL		TT29 TB 662/TB-HĐKĐ
	Khu TT Xuân Nộn, xã Xuân Nộn									
7	Nhà A1 TT Xuân Nộn	5	2			B	2024	Đã có TBKL		TT23 TB 662/TB-HĐKĐ
8	Nhà A2 TT Xuân Nộn	5	2			B	2024	Đã có TBKL		TT24 TB 662/TB-HĐKĐ
9	Nhà A3 TT Xuân Nộn	5	2			B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 7262/CV-HĐKĐ
	Khu TT Lương Quy									
10	Nhà A1 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 7262/CV-HĐKĐ
11	Nhà A2 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 7262/CV-HĐKĐ
12	Nhà A3 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 7262/CV-HĐKĐ
13	Nhà A4 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 7262/CV-HĐKĐ
14	Nhà A5 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 7262/CV-HĐKĐ
15	Nhà A7 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7262/CV-HĐKĐ
16	Nhà A8 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 7262/CV-HĐKĐ
17	Nhà B1 TT Lương Quy	2	2			C	2024	Đã có TBKL		TT30 TB 662/TB-HĐKĐ
18	Nhà B2 TT Lương Quy	2	2			C	2024	Đã có TBKL		TT31 TB 662/TB-HĐKĐ
19	Nhà B3 TT Lương Quy	2	2			C	2024	Đã có TBKL		TT32 TB 662/TB-HĐKĐ
20	Nhà B4 TT Lương Quy	2	2			Chưa kiểm định			Xã đề xuất Không kiểm định do không còn hiện trạng	
21	Nhà B5 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT22 VB 7262/CV-HĐKĐ
22	Nhà B6 TT Lương Quy	2	2			Chưa kiểm định			Xã đề xuất Không kiểm định do không còn hiện trạng	
23	Nhà B7 TT Lương Quy	2	2			Chưa kiểm định				
24	Nhà C1 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT14 VB 7262/CV-HĐKĐ
25	Nhà C2 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT15 VB 7262/CV-HĐKĐ
26	Nhà C3 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7262/CV-HĐKĐ
27	Nhà C4 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT17 VB 7262/CV-HĐKĐ
28	Nhà C5 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT18 VB 7262/CV-HĐKĐ
29	Nhà C6 TT Lương Quy	2	2			C	2025	Đã có TBKL		TT19 VB 7262/CV-HĐKĐ
30	Nhà C7 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT20 VB 7262/CV-HĐKĐ
31	Nhà C8 TT Lương Quy	2	2			B	2025	Đã có TBKL		TT21 VB 7262/CV-HĐKĐ
32	Nhà A6 TT Lương Quy	2	2			Chưa kiểm định				
K1	XÃ ĐỒNG ANH									
	Khu tập thể cơ khí và xây dựng Mai Lâm									
1	Nhà A1	2		Trước năm 1997	Tường gạch chịu lực, trần BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 7262/CV-HĐKĐ

2	Nhà A2	2		Trước năm 1997	Tường gạch chịu lực, trần BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT2 VB 7262/CV-HĐKD
3	Nhà A3	2		Trước năm 1997	Tường gạch chịu lực, trần BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT3 VB 7262/CV-HĐKD
4	Nhà A4	2		Trước năm 1997	Tường gạch chịu lực, trần BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT4 VB 7262/CV-HĐKD
5	Nhà A5	2		Trước năm 1997	Tường gạch chịu lực, trần BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 7262/CV-HĐKD
	Nhà tập thể Xưởng phim trường quay Cổ Loa									
6	Nhà B1	4		Trước năm 1980	Tường xây chịu lực + Pannel	Chưa kiểm định				
7	Nhà B2	4		Trước năm 1980	Tường xây chịu lực + Pannel	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Công ty Cơ khí Đông Anh									
8	Nhà D1	4	2	1960	Tường xây chịu lực + Pannel	C	2016	Đã có TBKL		TT 101 PLI KH334
9	Nhà D2	4	2	1960	Tường xây chịu lực + Pannel	C	2016	Đã có TBKL		TT 102 PLI KH334
	Khu tập thể Tầm lợp Đông Anh									
10	Nhà D1	5		1978	Tường xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2016	Đã có TBKL		TT 103 PLI KH334
11	Nhà D2	5		1978	Tường xây chịu lực kết hợp khung BTCT	B	2016	Đã có TBKL		TT 104 PLI KH334
L1	XÃ ĐẠI THANH									
	Khu tập thể Phân lân Văn Điển									
									Chưa bàn giao cho địa phương quản lý. Các hộ dân đã cải tạo, thay đổi kết cấu	
1	Dãy Nhà 1	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
2	Dãy Nhà 2	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
3	Dãy Nhà 3	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
4	Dãy Nhà 4	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể pin Văn Điển									
									Chưa bàn giao cho địa phương quản lý	
5	Dãy nhà 1	5		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
6	Dãy nhà 2	5		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				

7	Dãy nhà 3	3		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
	Khu tập thể Yên Ngưu								Chưa bàn giao cho địa phương quản lý. Các hộ dân đã cải tạo, thay đổi kết cấu	
8	Dãy 1	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
9	Dãy 2	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
10	Dãy 3	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
11	Dãy 4	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
12	Dãy 5	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
13	Dãy 6	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
14	Dãy 7	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
15	Dãy 8	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
16	Dãy 9	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
17	Dãy 10	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
18	Dãy 11	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				
19	Dãy 12	2		Trước năm 1994	BTCT lắp ghép	Chưa kiểm định				

II. DANH MỤC CÁC NHÀ CHUNG CƯ ĐỘC LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

TT	Tên Chung cư	Số tầng	Số đơn	Năm xây	Loại nhà	Kết quả kiểm	Năm	Đã có/chưa	Ghi chú	VB KLKB
A1	PHƯỜNG LÁNG									
1	Tập thể A4 Đại học Luật - Đường Nguyễn Hồng + ngõ 26-28 Nguyễn Hồng	5	3	1988	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
2	Tập thể TCty TNMT – 51 Huỳnh Thúc Kháng	5		1990		D		Đã có TBKL		.
3	Tập thể Bộ Giáo dục & Đào tạo - Ngõ 766 đường Láng	3	2	1990		Chưa kiểm định			2/3 DT nằm trong chi giới Vành đai 2. Đang triển khai kiểm định	

4	Tập thể Cty Giồng cây trồng HN - ngách 1160/9 đường Láng, ngõ chùa nền, đường Láng	2	3	Trước 1994	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
5	Tập thể Đo đạc bản đồ - ngõ 106 Chùa Láng	3	1	Trước 1994	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
6	Tập thể Tổng cục Thống kê 54 A Nguyễn Chí Thanh	5				Chưa kiểm định			Phạm vi bảo vệ công trình đường sắt (vùng hạn chế XD) tuyến ĐSĐT số 5 Văn Cao-Hòa Lạc.	
7	Tập thể Địa chất - 1150/76 đường Láng	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
8	TT Thủy sản - 80 Láng Hạ	5	2		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
9	TT Dầu khí - 59 Huỳnh Thúc Kháng	5		1990		Chưa kiểm định			Đã thành dự án - đề xuất đưa ra khỏi danh sách phụ lục 1b	
10	Nhà NT - Ban cơ yếu Chính phủ - 25 Vũ Ngọc Phan	5	3	1990	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL	(Ngõ Láng Trung - gần ban Cơ yếu)	TT118 VB 7261/CV-HĐKD
11	TT Viện Công nghệ - 23 Vũ Ngọc Phan	5	2	1985	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT101 VB 7261/CV-HĐKD
12	538 đường Láng	6	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
13	76 Nguyễn Chí Thanh (Tái định cư)	6	3	1989	Khung BTCT	Chưa kiểm định			Phạm vi bảo vệ công trình đường sắt (vùng hạn chế XD) tuyến ĐSĐT số 5 Văn Cao-Hòa Lạc.	
14	TT Cty đo đạc, địa hình số 5,7,9 Trúc Khê	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
15	Tập thể 55 Huỳnh Thúc Kháng	6	2	2	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
16	74 Nguyễn Chí Thanh	5	1	1		Chưa kiểm định			Đang triển khai thực hiện	
A2	PHƯỜNG VĂN MIẾU - QUỐC TỬ GIÁM									
1	AB - 40 Linh Quang	5	1			Chưa kiểm định				
2	CD - 40 Linh Quang	5	1			Chưa kiểm định				
3	TT 47 ngõ Thanh Miên	2	1			Chưa kiểm định				
4	TT 144 Nguyễn Khuyến	2	1			Chưa kiểm định				
5	TT 20D Trần Quý Cáp	2	1			Chưa kiểm định				
6	461 TT Đường sắt 88/4 Trần Quý Cáp	5	1			Chưa kiểm định				
7	Nhà H TT 14 Nguyễn Khuyến	2	1			Chưa kiểm định				
8	Nhà C TT 14 Nguyễn Khuyến	2	1			Chưa kiểm định				
9	B6 TT 14 Nguyễn Khuyến	6	1			Chưa kiểm định				
10	TT 16B Ngõ Tắt Tổ	3-6	1			Chưa kiểm định				
11	Ngõ 191 phố Chợ Khâm Thiên	2	1			Chưa kiểm định				
12	Nhà B - ngõ Chiến Thắng	2	1			Chưa kiểm định				
13	Nhà C - ngõ Chiến Thắng	2	1			Chưa kiểm định				
14	Nhà D - ngõ Chiến Thắng	2	1			Chưa kiểm định				
15	A5 Trần Quý Cáp	2	1			Chưa kiểm định				

16	A6 Trần Quý Cáp	2	1			Chưa kiểm định				
17	A9 Trần Quý Cáp (ngách 88/33)	2	1			Chưa kiểm định				
18	Nhà A1 Nhà dầu	2	1			Chưa kiểm định				
19	Nhà A2 Nhà dầu	2	1			Chưa kiểm định				
20	Nhà 3 tầng khung ray	3	1			Chưa kiểm định				
21	Nhà 2D - Khâm Thiên	5	1			Chưa kiểm định				
22	C4 - TT Đường sắt nhà dầu	5	1			Chưa kiểm định				
23	TT Điện cơ - nhà 12/56/211 Tôn Đức Thắng	4	1			Chưa kiểm định				
24	TT Bộ Công an - 128A Văn Hương	5	1			B	2016	Đã có TBKL		TT53 PLI KH334
25	TT Bộ Công an - 68A Văn Hương	5	1			Chưa kiểm định				
26	TT Dược - 15/35 Văn Hương	2	1			Chưa kiểm định				
27	TT Cao su - 12 Văn Hương	4	1			Chưa kiểm định				
28	TT 107 Tôn Đức Thắng	2	1			Chưa kiểm định				
29	TT 109 Tôn Đức Thắng	2	1			Chưa kiểm định				
30	TT Cao su ngách 35 ngõ Văn Hương	3			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
31	B2 TT Dược Phẩm ngõ Văn Hương	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
32	TT Điện Cơ ngõ 221 Tôn Đức Thắng	4			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
33	TT Bộ Thương Mại – Ngách 105 ngõ 88 Trần Quý Cáp	5			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
34	TT 4 Yên Thế	5	2			C	2017	Đã có TBKL		TT133 PLI KH334
35	Khu đơn Quân khu Thủ đô (nhà công vụ)	5		Tường xây chịu lực	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
36	TT Bộ nội vụ	3		1985		Chưa kiểm định				
37	Nhà Tập thể Bộ Công an tổ 22B phường Phương Liên	2		1980		Chưa kiểm định				
38	Tập thể Bộ Công an ngõ 191 ngõ Chợ Khâm Thiên	2		Tường xây chịu lực	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
A3	PHƯỜNG KIM LIÊN									
1	TT Sở Giáo dục Hà Nội ngách 46/1 Phạm Ngọc Thạch	5	2	1985		Chưa kiểm định	đã ký HĐ 2025 - đợt 3 chờ triển khai			
2	Nhà H1	5		<1994		Chưa kiểm định				
3	Nhà A6 Bộ Quốc phòng (ngõ 189 phố Khương Thượng)					Chưa kiểm định				
A4	PHƯỜNG Ô CHỢ DỪA									
1	Tập thể xây lắp điện 1	3	1	1980		Chưa kiểm định				
2	Tập thể số 4 Hàng Cháo	3	1	1970		Chưa kiểm định				
3	Tập thể Dược phẩm - 41B ngõ Quan Thổ 1	4	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
4	TT Thương binh X81 - ngõ Quan Thổ 1	5	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
5	TT Bộ Tài chính - ngõ 162C Tôn Đức Thắng	2	1	1976		Chưa kiểm định				
6	Nhà 16 ngách 75 ngõ Thịnh Hào 1	5	1			Chưa kiểm định				

7	TT Mô hóa chất - 77 ngõ Thịnh Hào 1	5	1	1980		Chưa kiểm định				
8	TT Du lịch - ngõ 162A Tôn Đức Thắng	5	1	1980		Chưa kiểm định				
9	Nhà NXB BGD ngõ Thịnh Hào 1	2	1			Chưa kiểm định				
10	TT 2 tầng ngõ 162A Tôn Đức Thắng	2	1			Chưa kiểm định				
11	TT Điện cơ - gác 9/162A Tôn Đức Thắng	2	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
12	Khu tập thể 32 Đặng Trần Côn	2	2		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
13	Khu D25 Láng Hạ TT Công ty xây dựng số 1	3	1			B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 6521/CV-HĐKĐ
14	TT Nhạc viện HN	6	1			Chưa kiểm định				
15	Khu tập thể 8 Đặng Trần Côn	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
A5	PHƯỜNG ĐÔNG ĐA									
1	Tập thể Quân đội - ngõ 105 Láng Hạ	5				Chưa kiểm định				
2	Tập thể Tổng cục thống kê - 111 phố Láng Hạ (21 Láng Hạ)	5				B	2025	Đã có TBKL		TT117 VB 7261/CV-HĐKĐ
3	Tập thể 95 Láng Hạ	5	2			Chưa kiểm định				
4	Tập thể F2 - phố Thái Hà	4	1			Chưa kiểm định				
5	Tập thể F4	4	1			Chưa kiểm định			Ngõ 171 Thái Hà	
6	Tập thể L6, L7	5	2			Chưa kiểm định			Ngõ Thái Hà	
7	Tập thể L3	4	4			B	2025	Đã có TBKL	200A,B Thái Thịnh	TT99 VB 7261/CV-HĐKĐ
8	Tập thể L5	2				Chưa kiểm định			198 Thái Thịnh, tiếp giáp ngõ Thái Hà, trước là tập thể Bộ Ngoại Giao, nay cơ bản đã hoàn cải thành nhà ở riêng lẻ	
9	Tập thể I17 Thành Công II	5	3			B	2025	Đã có TBKL	Phố Yên Lãng	TT98 VB 7261/CV-HĐKĐ
10	Tập thể I15 Thành Công II	4	1			B	2025	Đã có TBKL	Góc 161 Thái Hà và Yên Lãng	TT120 VB 7261/CV-HĐKĐ
11	I11 Thành Công, 163 Thái Hà	4	2		Tường chịu lực	Chưa kiểm định			163 Thái Hà	
12	Chung cư 232 Nguyễn Lương Bằng	5				Đã KD, đang chờ kết quả				
13	Khu tập thể xi măng	3	1			Chưa kiểm định				
14	TT Bộ Nội thương, 154 Yên Lãng	5	1			B	2016	Đã có TBKL	154 Yên Lãng	TT65 PLI KH334
15	Tập thể Lâm sản	5				C	2016	Đã có TBKL	Số 7 Phố Trung Liệt	TT59 PLI KH334
16	Tập thể Lâm sản, ngõ Xã Đàn 2 - Số 39 Ngõ Xã Đàn 2	2	1			Chưa kiểm định				
17	Tập thể H94 - Ngõ 98 Thái Hà	4	2			Chưa kiểm định				
18	Tập thể phụ tùng oto	3	4			Chưa kiểm định			Tập thể 6A-6B, Công ty XNK máy và phụ tùng số 6 phố Trung Liệt	
19	Tập thể Viện Năng lượng nguyên tử Ao Phe - 63 phố Nguyễn Lương Bằng	3	2			B	2025	Đã có TBKL		TT29 VB 7261/CV-HĐKĐ
20	B1 Dầu Khí - 133 Thái Thịnh	5	2			B	2025	Đã có TBKL		TT108 VB 7261/CV-HĐKĐ

1	Nhà tập thể 22 Liễu Giai	3	2		Tường xây chịu lực, khu thang bộ kết cấu khung BTCT	C	2025			
2	Tập thể Công ty XD Bảo tàng HCM, 67 Vạn Bảo	5	1		BTCT	Chưa kiểm định				
3	Tập thể Ban Tôn giáo Chính phủ, số 36 Phan Kế Bính	4	2		Tường xây chịu lực	B	2025			
4	Tập thể Bộ Tư pháp, số 66 Kim Mã Thượng	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
5	Tập thể Ban dân vận Trung ương, số 56 Phan Kế Bính	3	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
6	Tập thể Ban dân vận Trung ương, ngõ 41 Linh Lang	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
7	Tập thể NXB sự thật, số 10 Kim Mã Thượng	5	4		Lắp ghép tấm lớn	B	2021	Đã có TBKL		TT26 VB 2058/SXD-GĐXD
8	Tập thể cảnh vệ, số 55/38 Hoàng Hoa Thám	5	1		Khung BTCT	Chưa kiểm định				
9	Tập thể Ban Nội chính TƯ - ngõ 47 Linh Lang	3	1		Tường xây chịu lực	B	2021	Đã có TBKL		TT24 VB 2058/SXD-GĐXD
A8	PHƯỜNG PHƯƠNG LIỆT									
1	D(194) TT Đài TTVN - TT P. Phương Liệt	5	4	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT36 VB 7303/CV-HĐKĐ
2	P4b - TT Ngân hàng - TT P. Phương Liệt	6	1	1989	Khung BTCT	C	2025	Đã có TBKL		TT37 VB 7303/CV-HĐKĐ
3	TT Vật tư kỹ thuật xi măng - TT P. Phương Liệt	5	2	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT38 VB 7303/CV-HĐKĐ
4	C2b TT lắp máy 10 - TT. P. Phương Liệt	6	2	1989	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT39 VB 7303/CV-HĐKĐ
5	TT Cát đá sỏi - TT P. Phương Liệt (1)	5	2	1988	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT40 VB 7303/CV-HĐKĐ
6	Tập thể Cơ khí luyện kim (Nhà 30A-TT tổng liên đoàn lao động)	5	2	1988	Hỗn hợp	C	2012			
7	Nhà P1a	5	1	1988	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
8	Nhà P2a	5	2	1988	Lắp ghép tấm lớn	Chưa kiểm định				
9	TT Cát đá sỏi - TT P. Phương Liệt (2)	4	2	1988	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
10	Tập thể ngõ 156 Phương Liệt - Công ty Điện máy	2	1	1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
11	Tập thể gác 1/44 Phan Đình Giót - Cục Dự trữ	2	1	1992	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
12	TT 113 Trường Chinh - TT P. Phương Liệt	2	1	1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
13	TT ngõ 103 Trường Chinh	2	1	1970	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
14	Tập thể Kiến trúc Đường sắt - số 1 Định Công	2	1	1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Đã có DA, đang thi công XD	
A9	PHƯỜNG THANH XUÂN									
1	Nhà tập thể Z130	3	1	1985	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
2	F8 TT dụng cụ cắt gọt và đo lường cơ khí	5	3	1960	Tường xây chịu lực	B	2025	Đã có TBKL		TT94 VB 6521/CV-HĐKĐ
3	Nhà 4T khu TT thiết bị điện ảnh	4	2	1960	Khung BTCT	B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 7303/CV-HĐKĐ
4	Tập thể Báo chí tuyên truyền	3				Chưa kiểm định				

5	Nhà D Trung Hòa - ngõ 52 Quan Nhân	5	1			B	2025			
6	Nhà tập thể Z1 - ngõ 24 Quan Nhân	2	1			Chưa kiểm định				
7	C5 - Đại học tổng hợp khu TT Thanh Xuân Bắc	5	2	1979	Khung BTCT	B	2024	Đã có TBKL		TT35 TB 662/TB-HĐKĐ
8	Nhà G1 (Tập thể cảnh sát nhân dân)	5	2	1988	Khung BTCT	B	2012			
A10	PHƯỜNG PHƯƠNG LIỆT									
1	Tập thể 116	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
2	Tập thể Viện địa chất khoáng sản					B	2024	Đã có TBKL		TT48 TB 662/TB-HĐKĐ
3	Nhà A5 - Tập thể Khảo sát thiết kế Điện 1	5				B	2021	Đã có TBKL		TT22 VB 2058/SXD-GĐXD
4	Tập thể Báo chí tuyên truyền					Chưa kiểm định				
A11	PHƯỜNG KHƯƠNG ĐÌNH									
1	138 Hạ Đình (TT X40)	3	1	1985	Nhà xây gạch.	C	2016	Đã có TBKL		TT93 PLI KH334
A12	PHƯỜNG BỒ ĐỀ									
1	Tập thể vật tư dệt ngõ 162 NVC	3		1990		Chưa kiểm định				
2	Khu tập thể ngân hàng công thương 164 Nguyễn Văn Cừ	5		1995		Chưa kiểm định				
3	Khu tập thể cầu Chương Dương	3		1988		Chưa kiểm định				
4	Khu tập thể Công trường 8	2		1991		Chưa kiểm định				
5	Khu tập thể Cục đường thủy nội địa 158 Nguyễn Văn Cừ	3		1994		Chưa kiểm định				
6	Khu tập thể Cầu 5	2		1983		Chưa kiểm định				
7	Tập thể ngân hàng 54 Nguyễn Văn Cừ	5		1992		Chưa kiểm định				
8	Nhà 5 tầng	5		1993		Chưa kiểm định				
9	Khu tập thể Cục đường thủy nội địa 158 Nguyễn Văn Cừ	3			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
10	TT công ty cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước Gia Lâm-285 Nguyễn Văn Cừ	3			Tường xây chịu lực	C	2019	Đã có TBKL		TT16 PL2 KH334
11	TT Sân bay Gia Lâm- Ngõ 99 Nguyễn Sơn	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
12	Khu tập thể nhà máy Z133	4				C	2019	Đã có TBKL		TT17 PL2 KH334
13	TT công ty cơ khí xây dựng và lắp máy điện nước Gia Lâm	3		1957		C				
14	Khu tập thể nhà máy Z133					C				
15	Nhà A2 TT Xe lửa Gia Lâm	4		1989		B				
16	Nhà A3 TT Xe lửa Gia Lâm	4		1991		C				
A13	PHƯỜNG ĐÔNG NGẠC									
1	Khu tập thể đường Sắt Hà Thái	2		1972		Chưa kiểm định				
2	TT Công ty cầu 11 Thăng Long (Nhà 41A)	2		1972		Chưa kiểm định				
3	Tập thể bệnh viện Nam Thăng Long	2		Trước 1993		Chưa kiểm định				
4	Tập thể Cầu 9 Thăng Long	2		Trước 1993		Chưa kiểm định				
5	TT Công ty xây dựng số 04 Thăng Long	2		Trước 1993		Chưa kiểm định				
6	TT Công ty Thăng Long (Nhà N3)	3				Chưa kiểm định				
A14	PHƯỜNG ĐẠI MỒ									
1	Nhà A1 - Liên đoàn lao động	5	2	1997	Tường xây chịu lực, sàn panel	Chưa kiểm định			Đã được phê duyệt NVKD (10/12/2025)	

2	Nhà A2 - Liên đoàn lao động	5	3	1995	Khung BTCT	Chưa kiểm định			Đã được phê duyệt NVKD (10/12/2025)	
3	Nhà A4 -Viện Sốt rét	2	1	1960	Tường xây chịu lực, sàn panel	Chưa kiểm định			Đã được phê duyệt NVKD (10/12/2025)	
4	Nhà B - Địa chất công trình	2	2	1970	Tường xây chịu lực, sàn panel	Chưa kiểm định			Đã được phê duyệt NVKD (10/12/2025)	
5	Nhà C - Đại học Kiến trúc	5	2	1986 và 1994	Tường xây chịu lực, sàn panel	Chưa kiểm định			Đã được phê duyệt NVKD (10/12/2025)	
6	Khu tập thể Công ty xây dựng công trình giao thông 873	5	2	1988	Tường xây chịu lực, sàn panel	Chưa kiểm định			Bổ sung mới (Hiện do Công ty quản lý)	
7	Khu tập thể Công ty cơ khí sửa chữa	2	1	1970	Tường xây chịu lực, sàn panel	Chưa kiểm định			Bổ sung mới (Công ty quản lý giờ đã giải thể)	
A15	PHƯỜNG HÀ ĐÔNG									
1	Khu nhà ở của Viện thiết kế chế tạo máy nông nghiệp - Tổ dân phố 1-Mộ Lao	2	1	1975		C	2016	Đã có TBKL		TT99 PLI KH334
2	CC3T- Khu tập thể bộ đội biên phòng (Văn Quán)	3	1	1987		Chưa kiểm định				
3	Nhà A8, tập thể Thiết bị thủy lợi-Văn Quán	2	1			B	2024	Đã có TBKL		TT51 TB 662/TB-HĐKD
4	Khu B, Tập thể đại học Kiến Trúc (ĐN1)- Văn Quán	2	1	1985		B	2024	Đã có TBKL		TT50 TB 662/TB-HĐKD
5	Khu B, Tập thể đại học Kiến Trúc (ĐN2)- Văn Quán	2	1	1985		Chưa kiểm định				
6	Nhà G, Tập thể cao đẳng Xây dựng - Văn Quán	3	1	1974		C	2021	Đã có TBKL		TT21 VB 2058/SXD-GĐXD
7	Khu B, Tập thể Đài phát tin - Văn Quán	3	1	1986		B	2024	Đã có TBKL		TT49 TB 662/TB-HĐKD
8	Khu nhà ở Bưu chính viễn thông (chung cư C2) - Tổ dân phố 5-Mộ Lao	5	1	1995		Chưa kiểm định				
9	Khu nhà ở Xưởng Mộc Khu Nam - Tổ dân phố 11-Mộ Lao	2	1	1970		B	2024	Đã có TBKL		TT52 TB 662/TB-HĐKD
10	Khu tập thể Trung đại tu ô tô (Dây A+Dây D)-TDP14-Quang Trung	2	2	1970		B	2024	Đã có TBKL		TT46 TB 662/TB-HĐKD
A16	PHƯỜNG CỬA NAM									
1	28 Hai Bà Trưng	4	3	Trước 1954		B	2024			
2	2B Nguyễn Khắc Cần	6	1	khoảng 1985		B	2024			
3	7 Nguyễn Khắc Cần	6		Trước 1975		B	2024			
4	36 Hai Bà Trưng	4	2	Trước 1975		B	2024			
5	27A Trần Hưng Đạo	5+6		1960		B	2024			
6	33 Phạm Ngũ Lão	5		1970		B	2024	Đã có TBKL		TT17 VB 6653/CV-HĐKD
7	2F Quang Trung	2		Trước 1954		B	2024			
8	40 Lý Thường Kiệt	5		Trước 1954		Chưa kiểm định				
9	59-63 Tràng Thi	5				B	2024			
10	67 Tràng Thi	3				B	2024			

11	6 Lê Thánh Tông	5				B	2024			
12	24 Trần Hưng Đạo	3+6				B	2024			
13	23 Trần Hưng Đạo	2+3				Chưa kiểm định				
14	23 Lê Thánh Tông	5				B				
15	15C Trần Khánh Dư	5				C	2025	Đã có TBKL	Đã có kết luận thuộc diện phá dỡ	TT18 VB 6653/CV-HĐKD VB 11349/SXD-GĐCL 28/8/2026
16	31 Trương Hán Siêu	6				B	2024			
17	48 Liên Trì	4				B	2024			
18	23 Bà Triệu	5				B	2024			
19	61 Hàm Long	2+3				B	2024			
20	3B Đặng Thái Thân	5				B	2024			
21	13 Nguyễn Khắc Cần	5				B	2024			
22	27 Lê Thánh Tông	7				B	2024			
23	33 Trần Hưng Đạo	5				B	2024			
24	20 Lê Thánh Tông	5				B	2024			
25	3 Vọng Đức	3+5				B	2024			
26	5 Vọng Đức	5				B	2024			
27	2 Vọng Đức	5				B	2024			
28	4 Vọng Đức	5				B	2024			
29	21 Hàng Bài	3				B	2024			
30	42C Trần Hưng Đạo	3				B	2024			
31	30 Trần Quốc Toàn	4				B	2024			
32	23 Hàng Bài	1+2+3				B	2024			
33	31 Hàng Bài	5				B	2024			
34	94 Bà Triệu	6				B	2024			
35	2 Ngô Văn Sở	4+5				B	2024			
36	92 Hai Bà Trưng	3				B	2024			
37	91 Lý Thường Kiệt	4				B	2024			
38	5 Quang Trung	2				B	2025	Đã có TBKL		TT13 VB 6653/CV-HĐKD
39	121 Lê Duẩn (112 Trần Hưng Đạo)	3				C	2015	Đã có TBKL		TT13 PLI KH334
40	39 Lý Thường Kiệt	2+3				C	2017	Đã có TBKL		TT134 PLI KH334
41	11 Vọng Đức	6				C	2017	Đã có TBKL		TT135 PLI KH334
42	A1 Trần Quốc Toàn	5				C	2017	Đã có TBKL		TT 136 PLI KH334
43	A2 Trần Quốc Toàn	5				C	2017	Đã có TBKL		TT137 PLI KH334
44	36B Trần Hưng Đạo	5				B	2017	Đã có TBKL		TT138 PLI KH334
45	16 Trần Hưng Đạo	4				C	2017	Đã có TBKL		TT139 PLI KH334
46	9 Trần Hưng Đạo	4+6				C	2017	Đã có TBKL		TT140 PLI KH334
47	5 Tràng Thi	4				Chưa kiểm định				
48	30 Hàn Thuyên	4				B	2025			
49	Khu tập thể Đại học Y Hà Nội	3				B	2025			
50	Khu tập thể Đại học Y Hà Nội	3				B	2025			
51	Khu tập thể Đại học Y Hà Nội	3				B	2025			
A17	PHƯỜNG HOÀN KIẾM									
1	20 Hàng Vôi	6		1985		B				
2	32 Hàng Vôi	3		1990		B				

3	42 Hàng Vôi	5		1990		B				
4	2 Tông Dân	5		1982		B				
5	6 Tông Dân	5		1984		B				
6	23 Hàng Tre - 162 Trần Quang Khải	5		1983		C	2025	Đã có TBKL	Đã có kết luận thuộc diện phá dỡ	TT16 VB 6653/CV-HĐKĐ VB 9493/SXD-GĐCL 25/7/2025
7	36 Nguyễn Hữu Huân	3		Trước 1954		B				
8	8 Lý Đạo Thành	3	2	1985		B				
9	1C Tông Dân	3		1989		B				
10	8 Ngô Quyền	2+5		1974		B				
11	2B - 2C Lê Phụng Hiểu	2 + 5	1	Trước 1975		B				
12	23 A-B Tông Dân	6	2	Trước 1975		B				
13	1 Lê Phụng Hiểu	6	4	Trước 1975		B				
14	111 Phú Doãn	3		Trước 1954		B				
15	5+7 Phú Doãn	2		Trước 1954		C				
16	121 Phú Doãn	3		Trước 1954		B				
17	6 Lê Thái Tô	3		Trước 1954		B				
18	15 Cao Thắng	3+5	3	1990		B				
19	4B Lý Nam Đế	5	1	1980		B				
20	12B Lý Nam Đế	5	1	1980		B				
21	16A Lý Nam Đế	2	1	1980		B				
22	21 Lý Nam Đế	4	1	1980		B				
23	37 Lý Nam Đế	2	1	1980		B				
24	32 Lý Nam Đế	5	3	1985		B				
25	11 B Tông Dân	5		Trước 1975		B				
26	15 Ngõ Đào Duy Từ (26 Lương Ngọc Quyền)	5		Trước 1992		B	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 6653/CV-HĐKĐ
27	9 Hàng Lược	5	1	1980		B	2025	Đã có TBKL		TT11 VB 6653/CV-HĐKĐ
28	167 Phùng Hưng	4		1991		B	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 6653/CV-HĐKĐ
29	18 Hàng Chiếu	3				B				
30	33 Nguyễn Hữu Huân	4				B				
31	12-14 Hàng Hành	5				B				
32	93 Hàng Bông	3		Trước 1954		B				
33	C1 Tôn Thất Thiệp	5	1	Trước 1980	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
34	C3 Tôn Thất Thiệp	5	1	Trước 1980	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
A18	PHƯỜNG VĨNH TUY									
1	Nhà tập thể viện 108	5	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
2	Nhà tập thể viện Hữu nghị - Việt Xô	5	1	Trước 1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
3	Tập thể Lương thực	5;2	2	Trước 1980	Khung BTCT; tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
4	TT Văn hóa thông tin	2;3	2	1970		Chưa kiểm định				
5	TT Rau Quả	2	2	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				

6	TT Đường Thủy	2	2	1985	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
7	TT Hải Châu	4	2	1988	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
8	TT Xây lắp ghép vật tư	2	1	1970	Lắp ghép tấm nhỏ	Chưa kiểm định				
9	A 11 TT Viện kiểm sát	3	1	1989	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
10	TT Cảng	2	1	1989	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
11	TT Bộ Nội Thương	2	1	1963	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
12	Dây B1 TT Thiết kế Điện	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
13	Dây B2	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
14	Dây B5 TT kho vận	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
15	Dây B6 TT	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
16	Dây B7 TT	2	1	1987	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
17	Dây B10 TT lương thực	2	1	1988	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
18	Dây B12 TT lương thực	2	1	1989	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
19	Nhà tập thể Vật tư ngành may	2	2	1986	Tường xây chịu lực	C	2025	Đã có TBKL		TT12 VB 7947/CV-HĐKD
A19	PHƯỜNG HỒNG HÀ									
1	957 Hồng Hà, phường Hồng Hà, Hà Nội	5	2	1990		B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 6653/CV-HĐKD
2	Nhà 5 - Số 85 Vọng Hà, phường Hồng Hà	3	2	2000		B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 6653/CV-HĐKD
3	Nhà 3A, B - Số 69 Vọng Hà, phường Hồng Hà	6	2	1994		B	2025	Đã có TBKL		TT7 VB 6653/CV-HĐKD
4	Số 101 Vọng Hà, phường Hồng Hà, Hà Nội	6	2	1994		B	2025	Đã có TBKL		TT8 VB 6653/CV-HĐKD
5	Số 881 Hồng Hà, phường Hồng Hà, Hà Nội	5	2	2000		B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 6653/CV-HĐKD
6	Số 03 Phúc Tân, phường Hồng Hà, Hà Nội	2	1	1982		B	2025	Đã có TBKL		TT14 VB 6653/CV-HĐKD
7	Số 191 Phúc Tân, phường Hồng Hà, Hà Nội	2	1	1982		B	2025	Đã có TBKL		TT15 VB 6653/CV-HĐKD
8	Nhà 12 - Số 717 Hồng Hà, phường Hồng Hà, Hà Nội	5	3			B	2017	Đã có TBKL		TT142 PLI KH334
9	Tập thể khách sạn Thăng Lợi					Chưa kiểm định				
10	Tập thể đá hoa An Dương					Chưa kiểm định				
11	Tập thể Du lịch					Chưa kiểm định				
12	Tập thể Viện 108	2		<1994		C		Đã có TBKL	Phường Thanh Lương, quận HBT trước sắp xếp (UBND phường Hồng Hà BC: một phần các hộ dân đã cải tạo thành nhà riêng)	TT3 VB 7947/CV-HĐKD
A20	PHƯỜNG TƯỜNG MAI									
1	Nhà I Thanh Mai	5				Chưa kiểm định				
2	Nhà K Thanh Mai - ngõ 319 đường Tam Trinh					B	2023			
3	Nhà E Thanh Mai	5	3			B	2016	Đã có TBKL	BS	TT90 PLI KH334
4	Nhà A tập thể 124 Minh Khai					B	2021	Đã có TBKL		TT11 VB 2058/SXD-GĐXD

5	Nhà Nhật 2 tầng	2				B	2025	Đã có TBKL		TT47 VB 7949/CV-HĐKĐ
6	Nhà tập thể 3 tầng May Thăng Long 250 Minh Khai	3				B	2025	Đã có TBKL		TT1 VB 7947/CV-HĐKĐ
7	Nhà TT Bộ Nội Vụ - Ngõ 256 phố Minh Khai					B	2025	Đã có TBKL		TT51 VB 7949/CV-HĐKĐ
8	Nhà TT Đài tiếng nói Việt Nam - Ngõ 308 Minh Khai					B	2025	Đã có TBKL		TT52 VB 7949/CV-HĐKĐ
9	Tập thể Cơ khí xây dựng số 4					Chưa kiểm định			BS	
10	Nhà 395C TT Bộ Giao thông vận tải	5	3			B	2025	Đã có TBKL	BS	TT109 VB 6521/CV-HĐKĐ
11	Tập thể Viện Dệt - 773/16 Giải Phóng	3	1	1992		Chưa kiểm định			Bổ sung	
12	TT Hoa quả ngõ 422 Trương Định	3				Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
13	TT Cơ khí Quang Trung - ngõ 128 đường Giáp Bát	2			Khung BTCT	Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
14	TT Du lịch - 809 Giải Phóng	6			Khung BTCT	Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
15	TT Cơ khí 3/2 - Ngõ 773 Giải Phóng					Chưa kiểm định			Bổ sung	
16	TT Thương Bình - 391 Giải Phóng					Chưa kiểm định			Bổ sung	
17	TT Dược liệu TW1	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
18	TT Công Tráng - 627 Giải Phóng	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
19	TT Công ty 208 - Ngách 76 ngõ Giáp Bát	5				Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
20	TT Bánh kẹo Hải Hà - Tân Mai	4			Khung BTCT	Chưa kiểm định			Lấy Hoàng Mai sang	
21	TT Quang Trung - 805 Giải Phóng	5				Chưa kiểm định			Bổ sung	
A21	XÃ XUÂN MAI									
1	Nhà NP4 thuộc Công ty CP xây dựng Xuân Mai	4		trước 1994	Tường gạch kết hợp BTCT	Chưa kiểm định				
A22	PHƯỜNG HOÀNG MAI									
1	TT Công ty vật tư thứ liệu HN (nay là công ty kinh doanh thép và vật tư HN)	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
2	TT 3C – Ngõ 815 Giải Phóng	5			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
3	TT ngân hàng	2			Khung BTCT	Chưa kiểm định				
4	TT CK 120	3				Chưa kiểm định				
5	TT Ngoại thương	2				Chưa kiểm định				
6	C2 TT Giáp Bát - 815 đường Giải Phóng	5	3			B	2016	Đã có TBKL		TT91 PLI KH334
A23	PHƯỜNG YÊN HÒA									
1	Nhà tập thể Công ty cổ phần tư vấn thiết kế cầu đường	3	1	1992		Chưa kiểm định				
2	Nhà tập thể Lữ đoàn 205	2	1	1993		Chưa kiểm định				
3	Nhà NôVa 02 tầng KTT Trường Cao đẳng	2	1	1993		Chưa kiểm định				
4	Nhà D Tập thể T36 - Bộ Công an, Ngõ 173 phố Trung Kính	3	1	1992		Chưa kiểm định				
A24	PHƯỜNG TỬ LIÊM									
1	Nhà K40 Cầu Diễn	5	1			Chưa kiểm định				
2	Nhà A1 Cầu Diễn	5	1			C	2016	Đã có TBKL		TT96 PLI KH334
3	Nhà A2 Cầu Diễn	5	1			C	2016	Đã có TBKL		TT97 PLI KH334
4	Nhà E4-TT Đại học Thương mại	3	1	trước năm 19	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Bs	

5	Nhà E1-TT Đại học Thương mại	2	1	trước năm 19	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			Bs	
A25	PHƯỜNG HAI BÀ TRUNG									
1	Tập thể Kim Khí Thăng Long					C	2025	Đã có TBKL		TT4 VB 7947/CV-HĐKD
2	Tập thể 139 Lò Đúc (tầng 3)					B	2025	Đã có TBKL		TT9 VB 7949/CV-HĐKD
3	Tập thể 76 Thọ Lão					B	2025	Đã có TBKL		TT6 VB 7949/CV-HĐKD
4	Tập thể được phẩm TW2					C	2019	Đã có TBKL		TT15 PL2 KH334
5	TT Bộ Nông Nghiệp (Nhà A)					B	2025	Đã có TBKL		TT16 VB 7949/CV-HĐKD
6	TT Xăng dầu					B	2025	Đã có TBKL		TT23 VB 7949/CV-HĐKD
7	Nhà C TT Viện thiết kế					B	2025	Đã có TBKL		TT26 VB 7949/CV-HĐKD
8	TT Bộ y tế					B	2025	Đã có TBKL		TT33 VB 7949/CV-HĐKD
9	TT Vệ sinh Dịch Tễ					B	2025	Đã có TBKL		TT34 VB 7949/CV-HĐKD
10	Tập thể Cty Lương thực miền Bắc					Chưa kiểm định				
11	Tập thể số 10 Đoàn Trần Nghiệp					Chưa kiểm định				
12	Tập thể 16 Nguyễn Công Trứ					Chưa kiểm định				
13	Tập thể 48A Tầng Bạt Hồ					Chưa kiểm định				
14	Tập thể 31 Thi Sách					Chưa kiểm định				
15	Tập thể 18C Phạm Đình Hồ					Chưa kiểm định				
16	Tập thể 27 ngõ Trần Xuân Soạn					Chưa kiểm định				
17	Tập thể đoàn cải lương (Nhà hát tuổi trẻ)					Chưa kiểm định				
18	Tập thể 33 Nguyễn Bình Khiêm					C	2017	Đã có TBKL		TT158 PL1 KH334
A26	PHƯỜNG GIẢNG VÕ									
1	Tập thể NXB Văn hóa dân tộc- ngõ 84 Ngọc Khánh	5	1	1971 -1980		Chưa kiểm định				
2	Tập thể Hội Mỹ thuật Việt Nam- Phố Thành Công	5	1	1971 -1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
3	TT Bộ văn hóa TT (ngõ Núi Trúc)	5	1	1971 -1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
4	Tập thể Bưu điện VT40- Ngõ 84 Ngọc Khánh	5	1	1971 -1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
5	Tập thể Công an Vũ trang - 56 Đào Tấn	5	1	1971 -1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
6	TT Ngoại giao đoàn - 122 Linh Lang	5	1	1971 -1980	Tường xây chịu lực	B	2021	Đã có TBKL		TT25 VB 2058/SXD-GĐXD
7	Tập thể Bộ tư lệnh thông tin- ngõ 84 Ngọc Khánh	5	1	1971 -1980	Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
8	Nhà T – Trạm 10 TT Bệnh viện Đường sắt- ngách 575/27 Kim Mã	2	1		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
9	V2 Ngọc Khánh	3	2		Tường xây chịu lực	C	2017	Đã có TBKL		TT128 PL1 KH334
10	V3 Ngọc Khánh	5	3		Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
11	V4a Ngọc Khánh	5	2		Tường xây chịu lực	C	2017	Đã có TBKL		TT129 PL1 KH334
12	Nhà M1 Láng Trung	5	1		Tường xây chịu lực	Đang thực hiện				
A27	PHƯỜNG NGHĨA ĐỒ									
1	Nhà A1 TT bệnh viện E	3	1	1959		C	2021	Đã có TBKL		TT31 VB 2058/SXD-GĐXD
2	Nhà K2 TT bệnh viện E	5	2	1959		C	2021			
3	Nhà K1 TT Viện Khoa học công nghệ xây dựng	4	2	1975		Chưa kiểm định				
4	Tập thể Viện năng lượng	2	1	1991		Chưa kiểm định				

5	Nhà V, H+K khu TT Viện KHTN và CNQG	2	1	1991		Chưa kiểm định				
6	Nhà E6 khu TT Tổng cục tiêu chuẩn đo lường	3	1	1964		Chưa kiểm định				
7	TT Phát tín - Ngõ 1 phố Quan Hoa	4	1	1976		Chưa kiểm định				
8	Nhà nhân dân	3	1	1969		Chưa kiểm định				
9	TT Viện Kiểm Sát Ngách 68/39 đường Cầu Giấy	2	1			Chưa kiểm định				
10	TT Liên đoàn địa chất INTERGEO	4	2	1989-1991		Chưa kiểm định				
11	TT Thông tin Liên lạc	2	1	1987		Chưa kiểm định				
12	TT Đại học Mỏ địa chất (khu C) Nhà A, Nhà B	5	2	1986		B	2025	Đã có TBKL		TT3, 4 VB 7304/CV-HĐKĐ
13	TT Công ty cổ phần xây dựng số 2 Thăng Long	5	2	1989-1990	Khung BTCT	Chưa kiểm định				
14	TT Ngân hàng đầu tư và phát triển Thăng Long	5	1	1990		B	2025	Đã có TBKL		TT5 VB 7304/CV-HĐKĐ
15	TT Công ty tư vấn và XD công trình thủy I	5	2	1990 (Nhà A)+1996 (Nhà B)		Chưa kiểm định				
16	TT Xí nghiệp đường sắt Hà Thái	5	2	1990		Chưa kiểm định				
A28	PHƯỜNG HOÀNG LIỆT									
1	Tập thể Thủy lợi - nước ngầm	5	1	1989		Chưa kiểm định				
2	Tập thể xây lắp Lâm nghiệp	3	1	1988		Chưa kiểm định				
3	Tập thể cơ khí lâm nghiệp	4	1	1989		Chưa kiểm định				
4	Tập thể Đại tu 1 - CMC	3	1	1960		Chưa kiểm định				
A29	PHƯỜNG VINH HUNG									
1	TT Xí nghiệp Cơ khí Giao thông II					Chưa kiểm định				
2	TT Lực lượng PCCC					Chưa kiểm định				
3	TT Văn phòng bộ công an PCCC					Chưa kiểm định				
4	TT Khảo Sát Đường Bộ					Chưa kiểm định				
5	TT Viện Xi Măng					Chưa kiểm định				
6	TT Đài Truyền Hình VN					Chưa kiểm định				
A30	PHƯỜNG YÊN SỞ									
1	Tập thể 810	2	1	Trước 1992		Chưa kiểm định				
2	Tập thể khu Đông Công ty thiết bị vật tư nông sản	2	1	Trước 1994		Chưa kiểm định				
A31	PHƯỜNG BẠCH MAI									
1	TT A8 Thi công cơ giới					Chưa kiểm định				
2	Nhà tập thể 3 tầng					B	2025	Đã có TBKL		TT46 VB 7949/CV-HĐKĐ
3	Nhà tập thể bộ lao động thương binh xã hội ngõ Hòa Bình 4					B	2025	Đã có TBKL		TT48 VB 7949/CV-HĐKĐ
4	Nhà TT 189 Bộ xây dựng					B	2025	Đã có TBKL		TT49 VB 7949/CV-HĐKĐ
5	Nhà TT Bộ Nội Thương					B	2025	Đã có TBKL		TT50 VB 7949/CV-HĐKĐ
6	Nhà 170 phố Hồng Mai (Tập thể Công ty xây dựng công nghiệp)					Chưa kiểm định				

7	Nhà 43A ngách 107/45 phố Hồng Mai (Tập thể Công An Hà Nội)					Chưa kiểm định				
8	TT Animex					Chưa kiểm định				
9	TT Thanh niên xung kích					Chưa kiểm định				
10	TT Bộ Thương Mại					Chưa kiểm định				
11	Tập thể dệt Kim	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
12	Nhà tập thể - 166 Đê Tô Hoàng					Chưa kiểm định				
13	Tập thể nhà hát cải lương - ngõ 162 Hồng Mai					Chưa kiểm định				
14	nhà 94A2B					Chưa kiểm định				
15	TT A1					Chưa kiểm định				
16	TT A3					Chưa kiểm định				
17	TT A6 Trại Găng					Chưa kiểm định				
A32	XÃ ĐẠI THANH									
1	Tập thể 19/3 Công ty Formach	5	1	Trước năm 1994	Tường gạch, sàn BTCT	Chưa kiểm định				
A33	PHƯỜNG XUÂN PHƯƠNG									
1	Khu tập thể cơ khí Đại Mỗ			1973		C	2016	Đã có TBKL		TT98 PLI KH334
A34	XÃ GIA LÂM									
1	Khu tập thể A2, tổ dân phố Nông Lâm	3				Chưa kiểm định				
2	Khu tập thể A3, tổ dân phố Nông Lâm	3				C	2019	Đã có TBKL		TT30 PL2 KH334
3	Khu tập thể 16 hộ, dãy 1, tổ dân phố Thành Trung	2				Chưa kiểm định				
4	Khu tập thể 16 hộ, dãy 2, tổ dân phố Thành Trung	2				Chưa kiểm định				
5	Khu tập thể 16 hộ, dãy 3, tổ dân phố Thành Trung	2				Chưa kiểm định				
6	Tập thể Xi nghiệp Thảm Len	2				Chưa kiểm định				
A35	PHƯỜNG TÂY HỒ									
1	225 Thụy Khuê					nhà nguy hiểm có nguy cơ sập đổ, đã phá dỡ				ĐA vốn NS, đã xây xong phần thô, chờ bố trí vốn để hoàn thiện.
2	Tập thể Bộ Nông nghiệp P16A Thụy Khuê	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định				
A36	XÃ NGỌC HỒI									
1	Nhà 03 tầng thuộc khu tập thể COMA7					Chưa kiểm định				
A37	PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN									
1	Chung cư Viện Hoá	5			Tường xây chịu lực kết hợp khung BTCT	C	2025	Đã có TBKL		TT10 VB 7304/CV-HĐKD
A38	XÃ PHỦ ĐÔNG									
1	Tập thể vật tư mô địa chất	2	2			Chưa kiểm định				
2	Khu tập thể Hải Quan	2	1	1987		Chưa kiểm định				
3	Tập thể Bru Điện	2	2	1979		Chưa kiểm định				
A39	XÃ THỦ LÂM									
1	Nhà A1, TT Z153	3	2			C	2019	Đã có TBKL		TT31 PL2 KH334

2	Nhà D1 TT Cơ khí Cỗ Loa	2	2			Chưa kiểm định				
A40	XÃ THANH TRÌ									
1	Nhà tập thể C5/Bộ tổng tham mưu	5	1			C	2019	Đã có TBKL		TT32 PL2 KH334
2	Nhà tập thể nhà máy in BTTM xã Ngũ Hiệp	3	1			C	2019	Đã có TBKL		TT33 PL2 KH334
A41	PHƯỜNG CẦU GIẤY									
1	Nhà B2 TT ĐHSPHN, Số 2 ngõ 199 Trần Quốc Hoàn	4		Trước 1980	Tường xây gạch chịu lực, BT lắp ghép	B	2025			
2	Nhà B3 TT ĐHSPHN, Số 4 ngõ 199 Trần Quốc Hoàn	4		Trước 1980	Tường xây gạch chịu lực, BT lắp ghép	B	2025			
3	Nhà A7 TT ĐHSPHN, Ngách 199/5 Trần Quốc Hoàn	4		Trước 1980	Tường xây gạch chịu lực, BT lắp ghép	B	2025			

III. DANH MỤC KHU TẬP THỂ ĐANG TIẾP TỤC RÀ SOÁT

TT	Tên Chung cư	Số tầng	Số đơn nguyên	Năm xây dựng	Loại nhà	Kết quả kiểm định	Năm Kđ	Đã/chưa có TBKL	Ghi chú	
1	Tòa 5 tầng	5			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
2	Tập thể D2	3			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
3	Tập thể F13,14	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
4	Tập thể F9	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
5	Tập thể F8	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
6	Tập thể A6, A1, A8, A5	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	Phường Đống Đa có KTT Tổng cục đo đạc ngõ 105 Láng Hạ gồm các nhà: A1, A2, A5, A6
7	Tập thể I4	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	

8	Tập thể I5	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
9	Tập thể I8	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
10	Tập thể I11, I12	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	Phường Đồng Đa có I11 Thành Công
11	Tập thể I16	2			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
12	Tập thể C5	3			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
13	Tập thể M1, M2	5			Tường xây chịu lực	Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	
14	Nhà M15B					Chưa kiểm định			Có tại QĐ2619 thuộc phường Tương Mai cũ. UBND các phường đang tiếp tục rà soát	
15	Tập thể Tổng cục địa chính	3				Chưa kiểm định			UBND các phường đang tiếp tục rà soát, xác định	